

LATER

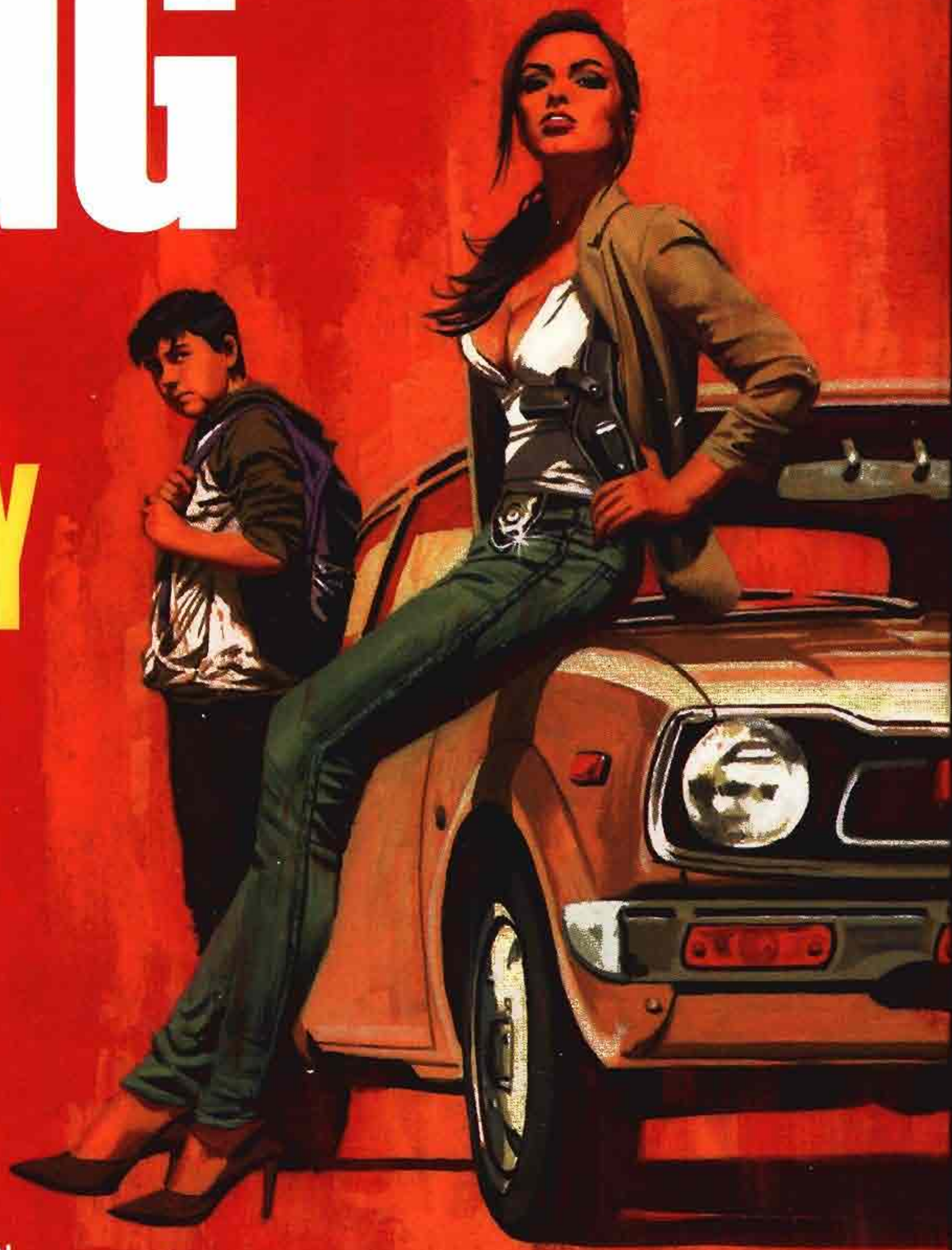
Tác giả
của hơn 50
tiểu thuyết
bán chạy nhất
toàn cầu

STEPHEN KING

1980 Novel dịch
Hạnh Dung

SAU NÀY

#1
BESTSELLING
AUTHOR



1980
NOVEL®
© 1980 THE DOUBLEDAY COMPANY



NHÀ XUẤT BẢN
THANH NIÊN



STEPHEN KING, sau khi sở hữu hơn 50 tác phẩm no.1 và bán ra hơn 350 triệu bản in trên toàn thế giới, vẫn chưa dừng lại.

Với **Sau này**, "vị vua của truyện kinh dị" tiếp tục bổ sung một tác phẩm nữa vào bộ sưu tập các bestseller nức tiếng của mình. Những bí ẩn liên tiếp được sinh ra, những câu chuyện kinh hoàng chưa bao giờ kết thúc, và hãy dám đối diện với cái giá phải trả, nếu các người kiên quyết muốn biết sự thật.

LATER
SAU NÀY



LATER

Copyright © 2021 by Stephen King

All rights reserved.

Published by agreement with the The Lotts Agency, Ltd.

SAU NÀY

Bản quyền tiếng Việt © 2021,

Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông 1980 Books.

❄ Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông 1980 Books.

❄ Mọi ấn phẩm của 1980 Books đều được in trên chất liệu giấy cao cấp và an toàn.



Liên hệ về các vấn đề chung và bản dịch, bản thảo: rights@1980books.com
Liên hệ dịch vụ tư vấn và đại diện giao dịch bản quyền: rights@1980books.com
Liên hệ về phát hành, kinh doanh: 1980books@gmail.com

Dành cho Chris Lotts

“Số lượng ‘ngày mai’ cũng chỉ có hạn thôi.”

- Michael Landon -

Ngôi nhà của Marsden hiện ra trong tầm mắt. Nó giống như một biệt thự Hollywood Hills mà bạn vẫn thấy trong phim: to lớn và đua ra trước. Mặt đối diện với chúng tôi toàn là kính.

“Ngôi nhà được xây từ heroin.” Liz ác nghiệt nói.

Còn một khúc quanh nữa là chúng tôi đến khoảng sân lát gạch trước ngôi nhà. Liz lái xe tới, và tôi nhìn thấy một người đàn ông ở phía trước nhà để xe rộng rãi - nơi để những chiếc xe sang trọng của Marsden. Tôi định mở miệng nói, đó chắc là Teddy, người gác cổng, nhưng rồi tôi thấy mồm gã ta đã biến mất.

Với cái lỗ màu đỏ ở nơi đáng ra phải là mồm kia, hản gã ta không chết một cách tự nhiên.

Như tôi đã nói, đây là một câu chuyện kinh dị...

Tôi không muốn bắt đầu bằng một câu xin lỗi - có lẽ còn có hẳn nguyên tắc về việc này, kiểu như không bao giờ kết thúc một câu bằng giới từ vậy - nhưng sau khi đọc lại ba mươi trang mà mình đã viết được, tôi cảm thấy mình phải xin lỗi. Có một từ mà tôi cứ dùng mãi. Tôi học được rất nhiều từ có bốn chữ cái từ mẹ và tôi đã sử dụng chúng từ khi còn nhỏ (bạn sẽ nhận ra), nhưng từ này thì có năm chữ cái. Từ đó là *later* - *sau này*; như trong "về sau này", "sau này tôi biết được" hay "phải đến sau này tôi mới nhận ra". Tôi biết mình bị lặp từ, nhưng chẳng còn cách nào khác, vì câu chuyện bắt đầu từ khi tôi vẫn tin vào ông già Noel và cô tiên răng (dù rằng hồi sáu tuổi tôi đã nghi ngờ). Bây giờ tôi đã hai mươi hai, có nghĩa là sau này rồi, phải không nào? Tôi nghĩ khi mình bốn mươi mấy tuổi - luôn cho rằng bản thân sẽ sống được tới tận lúc đó - tôi sẽ nhìn lại những gì tôi tưởng

là mình đã thấu hiểu ở tuổi hai mươi hai, và nhận ra thật sự còn có rất nhiều điều mình chẳng hiểu gì. Luôn có sau này, giờ thì tôi biết vậy. Ít nhất là cho đến khi chúng ta chết. Vậy nên tôi đoán mọi thứ đều diễn ra *trước thời điểm đó*.

Tên tôi là Jamie Conklin, và ngày xưa ngày xưa tôi từng vẽ một chú gà tây dịp lễ Tạ ơn, một bức tranh tuyệt cú mèo. Sau này - cũng không quá lâu sau này - tôi nhận thấy bức tranh đó giống cái thứ đi ra từ đít con mèo hơn. Đôi khi thực tế rất tởm.

Tôi nghĩ đây là một câu chuyện kinh dị. Đọc thử xem.

1

Tôi đang trên đường từ trường về nhà, đi cùng mẹ. Mẹ cầm tay tôi. Ở tay còn lại, tôi nắm chặt bức tranh gà tây, tôi vẽ nó khi học lớp một, một tuần trước lễ Tạ ơn. Tôi tự hào đến độ xoắn xuýt hết cả. Này nhé, những gì bạn cần làm là đặt bàn tay lên một miếng bìa màu và lấy bút sáp viền quanh các ngón tay. Thế là xong cái đuôi và cái thân. Khi đến cái đầu, tự do sáng tạo.

Tôi cho mẹ xem tranh và mẹ ừ ừ ừ, được được được, đẹp quá đi, nhưng tôi không nghĩ mẹ thực sự nhìn nó. Có lẽ mẹ đang nghĩ tới một cuốn sách mà mẹ muốn bán. “Tổng tiến hàng hóa”, mẹ bảo thế. À, mẹ là người đại diện tác giả. Đây từng

là công việc của anh trai mẹ, bác Harry của tôi, nhưng mẹ đã tiếp quản công việc từ một năm trước khi tôi kể chuyện này cho bạn. Đây là một câu chuyện dài và khá là chán ngán.

Tôi bảo, “Con dùng màu xanh rừng vì đó là màu con thích. Mẹ biết mà, nhỉ?” Chúng tôi khi ấy đã sắp về đến nhà của mình. Nó chỉ cách trường tôi ba block¹.

Mẹ ừ ừ ừ. Rồi mẹ nói, “Khi ta về đến nhà, con chơi hoặc là xem *Barney* và *Xe buýt phép thuật*² nhé nhóc, mẹ còn phải gọi nghìn tỉ cuộc điện thoại.”

Thế là tôi vâng vâng vâng, vậy là tôi nhận được một cái chọc và một nụ cười nhe răng. Tôi rất khoái khi có thể khiến mẹ cười, vì ngay cả khi mới sáu tuổi, tôi đã biết mẹ có một thái độ rất nghiêm trọng với thế giới này. Về sau, tôi nhận ra mình chính là một trong những nguyên do. Mẹ nghĩ mẹ đang nuôi dạy một đứa trẻ điên khùng. Cái ngày

¹ Block là từ dùng để chỉ các khoảnh đất riêng biệt tại một khu dân cư. Mỗi block được bao quanh bởi bốn con phố. Block cũng được dùng để chỉ chiều dài một cạnh của khoảnh đất, nhưng con số cụ thể là bao nhiêu thì tùy thuộc vào từng khu vực.

² Nguyên văn: *Barney and The Magic Schoolbus*. Barney là một nhân vật trong *Barney & Friends* - một chương trình truyền hình dành cho trẻ em. *The Magic Schoolbus* là tên của một loạt phim hoạt hình.

mà tôi đang kể lại cho bạn đây là cái ngày mẹ chắc chắn rằng, tôi rút cuộc cũng không bị điên. Điều này phần nào đó giống như trút được gánh nặng, hoặc không.

“Không kể chuyện này cho ai đâu đấy”, mẹ bảo tôi vào cuối ngày hôm đó. “Ngoại trừ mẹ. Và có lẽ kể cả mẹ cũng không, nhóc ạ. Ok?”

Tôi bảo, được ạ. Khi bạn còn bé và mẹ nói chuyện với bạn, bạn cứ đồng ý với mọi thứ thôi. Trừ khi mẹ nói đi ngủ đi, tất nhiên. Hoặc là ăn cho hết súp lơ đi.

Chúng tôi về đến tòa nhà của mình và thang máy vẫn bị hỏng. Bạn có thể nói mọi thứ hẳn sẽ khác đi nếu cái thang vẫn hoạt động bình thường, nhưng tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ rằng, mấy kẻ nói cuộc đời này luôn xoay quanh những lựa chọn mà chúng ta đưa ra và những con đường ta quyết định dẫn bước, đều là một phùng tầm xàm bá láp. Bởi vì nhé, dù có là đi thang bộ hay thang máy, chúng tôi vẫn sẽ đi ra ở tầng ba. Khi ngón tay số mệnh chỉ vào bạn, thì mọi con đường đều dẫn tới một địa điểm thôi, tôi nghĩ thế đấy. Có lẽ tôi sẽ thay đổi quan điểm này khi lớn hơn, nhưng tôi không thật sự nghĩ điều đó sẽ xảy ra.

“Tiên sư cái thang máy”, mẹ nói. Rồi, “Nhóc, coi như không nghe thấy gì nhé.”

“Nghe cái gì cơ ạ?”, tôi đáp, thế là lại nhận về một nụ cười nhe răng. Điều nhe răng cuối cùng của mẹ vào chiều hôm đó, tôi có thể kể cho bạn biết vậy. Tôi hỏi mẹ có muốn để tôi cầm túi cho mẹ không. Như mọi khi, trong túi lại có một tập bản thảo, một tập dày vào ngày hôm ấy, có vẻ là khoảng năm trăm trang (mẹ luôn ngồi trên ghế dài đọc bản thảo trong khi chờ tôi ra khỏi trường, nếu như trời đẹp). Mẹ nói, “Đáng yêu đấy, nhưng mẹ luôn dặn con thế nào nhỉ?”

“Trong cuộc đời, con phải tự gánh vác vấn đề của mình”, tôi đáp.

“Chuẩn không cần chỉnh.”

“Đó là của Regis Thomas ạ?”, tôi hỏi.

“Đúng vậy. Regis già tốt tính, người giúp chúng ta trả tiền thuê nhà.”

“Có phải viết về Roanoke không mẹ?”

“Con còn phải hỏi à, Jamie?” Câu này làm tôi cười khẩy. Mọi thứ mà Regis già tốt tính viết đều là về Roanoke. Đó là cái gánh mà ông ấy phải vác trong cuộc đời này.

Chúng tôi leo cầu thang lên tầng ba, nơi có hai căn hộ nữa cùng với căn của chúng tôi ở cuối hành lang. Căn hộ của chúng tôi là đẹp nhất. Ông bà Burkett đang đứng trước căn 3A, và tôi lập tức biết có điều gì đó không ổn, bởi ông Burkett đang hút thuốc - một việc tôi chưa từng thấy bao giờ và cũng là một việc bị cấm ở tòa nhà này. Mắt ông đỏ ngầu và mái tóc xám của ông lia chia dựng đứng. Tôi luôn gọi ông là ông Burkett, nhưng ông thực ra là giáo sư Burkett, dạy một thứ gì đó có vẻ hại não ở Đại học New York. Văn học Anh và châu Âu, sau này tôi đã phát hiện ra. Bà Burkett mặc váy ngủ và đi chân trần. Cái váy ngủ khá mỏng. Tôi có thể nhìn thấy gần hết hàng họ của bà qua lớp váy.

Mẹ tôi lên tiếng, "Marty, có chuyện gì vậy?"

Trước khi ông ấy có thể đáp lại gì đó, tôi đã cho ông xem gà tây của tôi. Vì trông ông buồn ghê và tôi muốn ông vui lên, nhưng cũng vì tôi quá là tự hào về bức tranh đi. "Nhìn này, ông Burkett! Cháu vẽ con gà tây! Bà Burkett ơi, nhìn tranh của cháu này!" Tôi giơ bức tranh lên trước mặt mình cho bà ấy xem, vì tôi không muốn bà nghĩ tôi đang nhìn ngó hàng họ của bà.

Ông Burkett không để ý gì hết. Tôi nghĩ ông thậm chí không nghe thấy tôi. “Tia, kinh khủng lắm. Mona chết lúc sáng nay.”

Mẹ tôi đánh rơi cái túi đựng bản thảo xuống chân và đưa tay lên bịt miệng. “Ôi không! Nói với tôi đây không phải sự thật đi!”

Ông Burkett bắt đầu khóc. “Bà ấy thức dậy giữa đêm và bảo là bà đi uống nước. Tôi ngủ trở lại và sáng nay, bà ấy nằm trên đi văng, kéo chăn lên tới cằm và thế là tôi nhón chân tới bếp để pha cà phê, vì tôi nghĩ hương thơm dễ chịu sẽ khiến bà th-th-th-ức... sẽ thức...”

Sau đó, ông sụp đổ. Mẹ ôm ông bằng hai tay như cái cách mẹ ôm tôi khi tôi làm mình bị đau, dù cho ông Burkett gần trăm tuổi rồi (sau này, tôi biết được là ông ấy bảy mươi tư tuổi).

Đây cũng là lúc bà Burkett nói chuyện với tôi. Khó nghe ra tiếng bà ấy, nhưng cũng không quá khó vì sự tình vẫn mới. Bà bảo, “Gà tây đâu phải màu xanh lá đâu, James.”

“Gà của cháu thì như thế đấy”, tôi nói.

Mẹ tôi vẫn đang ôm ông Burkett, kiểu đung đưa vỗ về ổng. Hai người không nghe thấy tiếng bà Burkett vì họ không thể, và họ không nghe

thấy tiếng tôi vì họ đang bận làm mấy chuyện người lớn: mẹ thì an ủi, ông Burkett thì thốn thức.

Ông Burkett nói, “Tôi gọi bác sĩ Allen và ông ấy đến rồi nói có lẽ bà ấy bị đột quỵ³.” Ít nhất thì tôi nghĩ ông ấy nói thế. Ông khóc nhiều đến độ khó mà nghe rõ được. “Ông ấy gọi cho bên tang lễ. Họ mang bà đi. Tôi không biết mình sẽ làm gì khi không có bà ấy.”

Bà Burkett bảo, “Chồng bà sẽ đốt cháy tóc mẹ cháu với điều thuốc của ông mất, nếu ông không để ý.”

Và hẳn rồi, chuyện đó đã tới. Tôi có thể nghĩ thấy mùi tóc cháy, một cái mùi ở mấy tiệm làm đẹp. Mẹ quá lịch sự để lên tiếng, nhưng mẹ cũng đã khiến ông phải buông mẹ ra, rồi mẹ rút điều thuốc khỏi tay ông, thả nó xuống sàn và giẫm lên. Tôi thấy đó là một hành động hơi bị gớm, xả rác ra nơi công cộng, nhưng tôi không nói gì hết. Tôi hiểu giờ đang là một tình cảnh đặc biệt.

Tôi cũng biết nếu mình nói thêm bất cứ câu gì với bà Burkett nữa thì cũng sẽ khiến ông ấy hết hồn. Cả mẹ cũng vậy. Ngay cả một đứa trẻ cũng hiểu được những phép tắc cơ bản nếu chú

³ Nguyên văn “she probably had a soak”, ý nói bà ấy bị đột quỵ, nhưng nhân vật nói khi đang khóc nên nghe không rõ.

ta không phải một kẻ óc bả đậu. Bạn nói làm ơn ạ, bạn nói cảm ơn ạ, bạn không vung vẩy chim nhỏ của mình ở nơi công cộng, không vừa nhai chóp chép vừa mở mồm, và bạn không nói chuyện với những người đã chết khi họ đứng bên cạnh những người đang sống vừa mới khóc thương họ. Tự biện hộ một chút, tôi chỉ muốn nói là, khi mới nhìn thấy bà, tôi không nghĩ là bà đã chết. Sau này tôi có thể phân biệt tốt hơn, nhưng khi ấy tôi vẫn còn đang học hỏi. Tôi có thể nhìn xuyên qua chiếc váy ngủ của bà, chứ không phải là nhìn xuyên qua bà. Người chết nhìn giống y như người sống, ngoại trừ việc họ sẽ luôn mặc bộ đồ vào khoảnh khắc họ qua đời.

Cùng lúc đó, ông Burkett kể lại toàn bộ câu chuyện. Ông kể với mẹ tôi là ông đã ngồi xuống sàn nhà ra sao, bên cạnh chiếc đi văng, và cầm tay vợ cho đến khi ông bác sĩ tới, và lại cầm tay bà cho đến khi người lo liệu đám ma đến nhà để đưa bà đi. Chính xác thì ông ấy nói là, “Chuyển bà đi lo hậu sự”, nhưng tôi không hiểu thế có nghĩa là gì cho đến khi mẹ giải thích lại cho tôi biết. Ban đầu tôi tưởng ông nói gì đó liên quan tới làm đẹp, có lẽ vì cái mùi bốc lên khi ông làm cháy tóc mẹ. Tiếng thút thít đã nhỏ dần, nhưng giờ lại òa lên lần nữa. “Những chiếc nhẫn của bà ấy đều biến

mất”, ông nói trong nước mắt. “Cả nhẫn cưới lẫn nhẫn đính hôn, với viên kim cương to. Tôi đã tìm ở cái bàn ngủ đầu giường bên phía bà ấy nằm, nơi mà bà vẫn dùng để cất nhẫn khi thoa cái kem xương khớp có mùi kinh khủng lên tay—”

“Mùi kinh thật”, bà Burkett thừa nhận. “Lanolin cơ bản là mùi của lũ cừu, nhưng hữu ích thực sự.”

Tôi gật đầu để thể hiện là mình hiểu, nhưng không nói gì cả.

“—và tìm ở bồn rửa mặt nữa, vì đôi khi bà ấy cũng để nhẫn ở đó... Tôi đã tìm *khắp nơi*.”

“Mấy cái nhẫn sẽ lại tự hiện ra thôi”, mẹ tôi an ủi, và giờ khi tóc mẹ đã được an toàn, mẹ lại ôm ông Burkett bằng hai tay. “Sẽ tự hiện ra ấy mà, Marty, đừng có lo.”

“Tôi nhớ bà ấy quá! Tôi đã nhớ bà ấy luôn rồi!”

Bà Burkett phẩy tay trước mặt mình. “Bà cá là sáu tuần nữa ông ấy sẽ rủ Dolores Magowan đi ăn trưa.”

Ông Burkett khóc bù lu bù loa, và mẹ tôi tiếp tục công việc an ủi, như cách mẹ vẫn làm mỗi khi tôi bị trầy đầu gối hay khi tôi cố pha trà cho mẹ mà làm đổ nước nóng vào tay. Nói cách khác, rất là ồn ào, thế nên tôi chộp lấy cơ hội nhưng vẫn giữ giọng mình thật là nhỏ.

“Nhẫn của bà ở đâu, bà Burkett? Bà có biết không?”

Họ phải nói sự thật cho tôi một khi họ đã chết. Tôi không biết điều ấy hồi sáu tuổi; tôi cứ cho rằng mọi người trưởng thành đều nói thật thôi, dù là người sống hay người chết. Dĩ nhiên hồi ấy tôi cũng tin rằng Goldilocks là một cô gái có thật. Cứ bảo tôi là đồ ngốc nếu bạn thích. Ít nhất tôi cũng không tin ba chú gấu thực sự nói chuyện⁴.

“Ngăn trên cùng của tủ để đồ”, bà nói. “Ở trong cùng, đằng sau mấy quyển album ảnh.”

“Sao lại ở đó?”, tôi hỏi, và mẹ nhìn tôi đầy nghi vấn. Trong phạm vi nhìn được của mẹ, tôi đang nói chuyện với cái lỗ vào căn hộ không một bóng người... mặc dù khi ấy mẹ cũng đã biết tôi không thực sự giống những đứa nhóc khác. Sau một chuyện xảy ra ở Công viên Trung tâm, không phải chuyện gì vui (tôi sẽ kể sau), tôi đã nghe lỏm được mẹ nói chuyện điện thoại với một người bạn là biên tập viên, và mẹ nói rằng tôi “như trên mây”⁵. Cái từ ấy khiến tôi hết hoảng, vì tôi tưởng mẹ định đổi tên tôi thành “Fay”, mà đó là tên của con gái.

⁴ *Goldilocks và ba chú gấu* (Goldilocks and the three bears) là một câu chuyện thiếu nhi.

⁵ Từ gốc tác giả dùng là “fey”, ý chỉ những người không bình thường, như thể sinh vật từ một thế giới khác.

“Bà chẳng hiểu sao nữa”, bà Burkett nói. “Lúc đó bà nghĩ mình bị đột quy. Mọi suy nghĩ của bà hẳn đã bị chìm trong máu.”

Suy nghĩ chìm trong máu. Tôi không bao giờ quên hình ảnh đó.

Mẹ hỏi ông Burkett rằng ông có muốn ghé căn hộ của chúng tôi để uống trà không (“hoặc một thứ gì đó mạnh hơn”), nhưng ông nói không, ông sẽ đi tìm mấy chiếc nhãn mắt tích của vợ mình lần nữa. Mẹ hỏi ông có muốn mẹ con tôi mang cho ông một chút đồ ăn đặt từ tiệm Trung Quốc không - đó vốn là bữa tối của hai mẹ con theo dự định của mẹ, và ông nói nếu vậy thì thật tốt, cảm ơn Tia.

Mẹ tôi đáp ừ ừ ừ cả (mẹ dùng từ này cũng nhiều như ừ ừ ừ và được được được), sau đó nói chúng tôi sẽ mang chút đồ ăn sang căn hộ của ông vào khoảng sáu giờ, trừ khi ông muốn ăn cùng hai mẹ con ở căn hộ của chúng tôi, chúng tôi rất mong ông đến. Ông từ chối, ông bảo ông muốn ăn tại nhà của ông, nhưng cũng muốn chúng tôi sang ăn cùng ông. Thực ra ông nói là “nhà của bọn tôi”, như thể bà Burkett vẫn còn sống. Nhưng bà không còn nữa, dù rằng bà đang ở đây.

“Đến lúc đó là ông tìm ra nhãn của bà ấy rồi”, mẹ nói. Mẹ cầm tay tôi. “Đi nào, Jamie. Chúng ta

sẽ gặp ông Burkett sau, còn bây giờ thì ta để ông ở một mình đã.”

Bà Burkett lên tiếng, “Gà tây không có màu xanh lá đậu, Jamie, và cái thứ ấy dù sao cũng trông không giống gà tây. Nó giống như một cục u với mấy ngón tay thò ra ấy. Cháu đúng là không phải Rembrandt⁶.”

Người chết phải nói sự thật, cũng tốt thôi nếu bạn muốn biết đáp án của một câu hỏi, nhưng tôi nói rồi đấy, sự thật có thể khá là tởm. Tôi bắt đầu cáu bà, nhưng đúng lúc đó bà lại bắt đầu khóc và tôi không thể cáu được nữa. Bà quay sang phía ông Burkett và nói, “Giờ thì ai sẽ nhắc ông đừng quên xỏ thắt lưng qua cái đĩa quần phía sau đây? Dolores Magowan hả? Tôi nên cười và hôn tên ngốc này thôi.” Bà hôn lên má ông... hoặc là hôn về phía má ông, tôi không thật sự nói rõ được. “Tôi yêu ông, Marty. Vẫn yêu.”

Ông Burkett giơ tay lên gãi nhẹ vào chỗ mà môi bà chạm vào, như thể ông bị ngứa. Tôi cho rằng đó chính là cảm giác của ông.

⁶ Rembrandt Harmenszoon van Rijn (1606-1669) thường được biết tới với tên Rembrandt, là một họa sĩ nổi tiếng người Hà Lan.

2

Vâng, tôi nhìn thấy người chết. Từ hồi biết ghi nhớ tôi đã luôn nhìn thấy người chết. Nhưng không giống như bộ phim đó của Bruce Willis⁷. Việc này có thể thú vị, đôi khi có thể đáng sợ (người đàn ông ở Công viên Trung tâm), hoặc có thể rất phiền phức, nhưng về cơ bản thì chuyện *cứ thế* xảy ra thôi. Cũng giống như việc thuận tay trái, hoặc là có thể chơi nhạc cổ điển khi bạn mới ba tuổi, hoặc là bị Alzheimer sớm, như điều đã xảy ra với bác Harry khi bác mới chỉ bốn mươi hai tuổi. Khi lên sáu, tôi thấy con số bốn mươi hai có vẻ già cả, nhưng kể cả khi ấy tôi cũng hiểu rằng, bác vẫn

⁷ Đó là phim *The Sixth Sense* (Giác quan thứ sáu) (1999), trong phim, Bruce Willis vào vai bác sĩ tâm lý Malcolm Crowe chữa bệnh cho cậu bé Cole Sear, người thấy được hồn ma.

còn quá trẻ để không biết mình là ai. Hoặ không biết những món đồ có tên là gì. Vì một vài lý do, đó luôn là thứ khiến tôi sợ nhất khi chúng tôi tới thăm bác Harry. Những suy nghĩ của bác không chìm trong máu vì mạch não bị vỡ, nhưng chúng vẫn chìm, cũng giống vậy thôi.

Mẹ và tôi đi tiếp tới căn 3C, mẹ mở cửa để chúng tôi vào nhà. Mất khá nhiều thời gian, vì có ba cái khóa. Mẹ nói đó là cái giá phải trả để được sống sang xịn. Chúng tôi có một căn hộ sáu phòng với view trông ra đại lộ. Mẹ tôi gọi nó là Cung điện Đại lộ Park. Có một người phụ nữ đến dọn nhà hai lần một tuần. Mẹ có một chiếc Range Rover ở nhà để xe Đại lộ Hai, và thỉnh thoảng chúng tôi tới chỗ ở của bác Harry, tại Speonk. Nhờ có Regis Thomas và một vài cây viết khác (nhưng chủ yếu là Regis già tốt tính), chúng tôi có thể sống đời thượng lưu. Điều đó không kéo dài mãi, thật là một tiến triển đáng buồn mà tôi sẽ sớm nói tới. Khi nhìn lại, đôi khi tôi nghĩ rằng đời mình giống một cuốn tiểu thuyết của Dickens, chỉ toàn những câu chữ thề.

Mẹ quăng ví và cái túi đựng bản thảo lên xô pha rồi ngồi xuống. Xô pha kêu lên một âm thanh như tiếng xì hơi, lúc nào cũng khiến chúng tôi

buồn cười, nhưng ngày hôm đó thì không. “Cái đệt”, mẹ nói, rồi giơ tay lên ra dấu stop. “Con—”

“Con không nghe thấy, không hề nha”, tôi nói.

“Ngoan. Mẹ cần phải đeo vòng cổ sốc điện hay cái gì đó rung lên mỗi khi mẹ chửi bậy ở gần con. Một kiểu nhắc nhở.” Mẹ trề môi dưới ra và thổi cho tóc mái bay lên. “Mẹ còn hai trăm trang viết mới nhất của Regis phải đọc—”

“Bản thảo lần này tên gì mẹ?”, tôi hỏi, biết rằng cái tí tẽ có cụm từ của *Roanoke*. Luôn luôn thế.

“*Bóng ma trinh nữ của Roanoke*⁸”, mẹ đáp. “Một tác phẩm ổn áp hơn trung bình của ông ta, có nhiều màn se... nhiều màn hôn và ôm.”

Tôi chun chun mũi.

“Xin lỗi, nhóc, nhưng các tiểu thư thích mấy màn tim đập thành thạch và mấy cặp đùi nóng bỏng.” Mẹ nhìn vào cái túi đựng bản thảo *Bóng ma trinh nữ của Roanoke*, được giữ chắc bằng sáu hay tám cái chun như thường lệ, và lúc nào cũng có một cái chun bị đứt, khiến mẹ bật ra mấy lời chửi thề kinh điển nhất của mình. Tôi hiện vẫn còn dùng nhiều câu trong số đó. “Bây giờ thì mẹ chẳng muốn làm gì ngoài uống một ly rượu. Có

⁸ Nguyên văn: *Ghost maiden of Roanoke*.

lẽ là cả chai rượu. Mona Burkett là một nỗi phiền phức vĩ đại, có lẽ ông ấy còn sống ổn hơn khi không có bà, nhưng ngay lúc này thì ông ấy rất buồn. Mẹ cầu Chúa là ổng còn họ hàng, vì mẹ không mê gì cái ý tưởng phải trở thành trưởng ban lễ tang.”

“Bà ấy cũng yêu ông ấy mà”, tôi nói.

Mẹ nhìn tôi kinh ngạc. “Ày? Con nghĩ vậy?”

“Con biết mà. Bà ấy chê gà tây của con, nhưng rồi bà khóc và hôn lên má ông.”

“Con tưởng tượng ra đấy, James”, mẹ bảo, nhưng không mấy thật tâm. Khi đó mẹ đã biết khá nhiều, tôi chắc chắn là mẹ biết, nhưng người trưởng thành gặp khó khăn với việc tin tưởng, và tôi sẽ nói cho bạn lý do. Khi họ còn bé và phát hiện ra ông già Noel không có thật, Goldilocks không phải là một cô bé thật sự tồn tại, rồi Thỏ Phục sinh chỉ là một mớ nhảm nhí - chỉ nêu tạm ba ví dụ, chứ tôi còn kể được thêm - thì trong lòng họ sinh ra phức cảm, thế là họ không còn tin vào thứ gì mà họ không thể tự mình mắt thấy tai nghe.

“Không, không phải tưởng tượng đâu. Bà ấy nói con sẽ không bao giờ trở thành Rembrandt. Đó là ai vậy?”

“Một họa sĩ”, mẹ đáp, rồi lại thôi bay tóc mái.

Tôi không biết tại sao mẹ không cắt luôn tóc đi hoặc buộc theo một kiểu khác. Mẹ có thể làm vậy, vì mẹ thực sự đẹp.

“Khi chúng ta trở lại đó ăn cơm, con liệu đừng có nói gì với ông Burkett về cái thứ mà con nghĩ là con đã thấy.”

“Không đâu ạ”, tôi nói. “Nhưng bà ấy nói đúng. Gà tây của con kinh thật.” Tôi thấy buồn vụ này lắm.

Tôi nghĩ là cảm xúc đã lộ ra, vì mẹ tôi đang rộng hai tay. “Lại đây nào, nhóc.”

Tôi bước lại và ôm mẹ.

“Gà của con rất là xinh nhé. Chú gà tây đẹp nhất mẹ từng thấy. Mẹ sẽ dán tranh lên tủ lạnh và nó sẽ ở đó mãi mãi.”

Tôi ôm chặt hết mức có thể và vùi mặt vào hõm vai mẹ để ngửi mùi nước hoa. “Con yêu mẹ, mẹ ơi.”

“Mẹ cũng yêu con, Jamie, một triệu lần yêu. Giờ thì ngồi chơi hay xem ti vi đi. Mẹ phải gọi vài cuộc trước khi đặt mấy món Trung Quốc.”

“Vâng ạ.” Tôi đi đến phòng mình, rồi dừng lại. “Bà ấy cắt hẳn ở ngăn trên cùng của tủ để đồ, đằng sau mấy cuốn album.”

Mẹ chăm chăm nhìn tôi, há cả miệng ra. “Sao bà ấy lại làm thế?”

“Con hỏi bà rồi và bà ấy bảo không biết. Bà nói là, đến lúc ấy thì các suy nghĩ của bà đã chìm trong máu.”

“Ôi Chúa tôi”, mẹ thăm thì, đặt tay lên cổ.

“Mẹ nên nghĩ ra cách để nói với ông ấy khi chúng ta ăn đồ Trung Quốc. Để ông ấy khỏi lo lắng về chuyện đó. Con có thể gọi món gà Tương Tả không ạ?”

“Được”, mẹ đáp. “Và gạo lứt, không ăn gạo trắng.”

“Được được được”, tôi nói, rồi chạy đi chơi Lego. Tôi đang lắp một con robot.

3

Căn hộ nhà Burkett nhỏ hơn căn của mẹ con tôi, nhưng rất dễ chịu. Sau bữa tối, trong khi chúng tôi ăn món bánh quy may mắn (tờ giấy của tôi ghi *Một sợi lông vũ trong tay còn tốt hơn một con chim bay trên trời, chẳng có ý nghĩa gì cả*), mẹ lên tiếng, “Marty, ông đã kiểm tra tủ đồ chưa? Để tìm nhẫn của bà ấy, ý tôi là thế?”

“Tại sao bà ấy lại để nhẫn trong tủ đồ?” Một câu hỏi cũng hợp lý.

“À thì, nếu bà ấy bị đột quy, có lẽ bà sẽ không suy nghĩ thông suốt lắm.”

Chúng tôi đang ngồi ăn ở chiếc bàn tròn nhỏ trong góc bếp. Bà Burkett ngồi trên một

chiếc ghế cao chỗ quầy bếp và gật đầu kịch liệt khi mẹ nói vậy.

“Có lẽ tôi sẽ kiểm tra xem sao”, ông Burkett nói. Giọng ông khá mơ hồ. “Bây giờ tôi quá mệt và buồn.”

“Ông đi kiểm tra cái tủ ở phòng ngủ khi sáng”, mẹ nói. “Còn tôi sẽ kiểm tra cái tủ ở gần cửa ra vào bây giờ luôn. Vươn tay vươn chân một tí sẽ có lợi cho tôi, sau khi ăn món thịt lợn xào chua ngọt.”

Bà Burkett nói, “Cô ấy tự nghĩ ra hết đấy à? Bà không nghĩ cô ấy thông minh thế.” Tiếng của bà đã bắt đầu khó nghe rồi. Sau một thời gian, tôi sẽ không thể nghe thấy bà ấy nói nữa, chỉ nhìn thấy miệng bà cử động thôi, như thể bà đứng sau một tấm cửa kính rất dày vậy. Và rất nhanh sau đó, bà ấy sẽ biến mất.

“Mẹ cháu rất thông minh”, tôi đáp.

“Ta chưa bao giờ nói là cô ấy không thông minh”, ông Burkett bảo, “nhưng nếu cô ấy có thể tìm thấy mấy cái nhẫn ở tủ để đồ chỗ cửa ra vào thì ông sẽ ăn cái mũ của mình.”

Ngay lúc đó, mẹ tôi hô lên “Bingo!”, và đi vào với những chiếc nhẫn trong lòng bàn tay giơ về phía trước. Cái nhẫn cưới trông cũng bình

thường, nhưng chiếc nhẫn đính hôn thì to như cầu mắt luôn. Một viên kim cương đích thực.

“Ôi Chúa ơi!”, ông Burkett thốt lên. “Sao mà...?”

“Tôi cầu Thánh Anthony đấy”, mẹ bảo, nhưng liếc nhanh về phía tôi, rồi mẹ nở một nụ cười. “Tony, Tony, đến đây nào! Tôi cần tìm một món đồ đi lạc!” Thế rồi ông xem, thật sự hiệu quả.”

Tôi định hỏi xem ông Burkett có muốn thêm chút muối và tiêu vào cái mũ không, nhưng thôi. Đây không phải lúc để hài hước, và bên cạnh đó, như mẹ tôi vẫn luôn nói - không ai thích một kẻ ra vẻ ta đây biết tuốt cả.

4

Đám tang diễn ra vào ba ngày sau. Đó là lần đầu tiên tôi dự một đám tang, thú vị, nhưng không phải một chuyện mà bạn có thể gọi là vui. Ít nhất thì mẹ tôi không phải đảm đương nhiệm vụ trưởng ban lễ tang. Ông Burkett có một người em gái và một người em trai lo liệu chuyện đó. Họ già rồi, nhưng không già bằng ông ấy. Ông Burkett khóc suốt buổi lễ và người em gái cứ đưa khăn Kleenex cho ông mãi. Cái túi cầm tay của bà hình như đựng đầy giấy. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu bà vẫn còn chỗ để đựng bất kỳ thứ gì khác.

Tối đó, mẹ con tôi gọi pizza từ tiệm Domino. Mẹ uống rượu và tôi thì có Kool-Aid - một phần thưởng vì đã ngoan ngoãn ở lễ tang. Khi chúng

tôi ăn tới miếng bánh cuối cùng, mẹ hỏi liệu tôi có nghĩ bà Burkett đã có mặt không.

“Vâng. Bà ấy ngồi ở chỗ bậc thang dẫn lên cái nơi mà mục sư và những bạn bè của bà nói chuyện.”

“Bực dọc kinh. Con có thể...” Mẹ cầm lên miếng bánh cuối cùng, nhìn nó, rồi đặt xuống và nhìn vào tôi. “Con có thể nhìn xuyên qua bà ấy à?”

“Ý mẹ là như mấy con ma trong phim?”

“Đúng thế. Mẹ nghĩ ý mẹ là vậy.”

“Không đâu. Bà ấy ở đó hoàn toàn, nhưng vẫn mặc váy ngủ. Con ngạc nhiên khi thấy bà ấy, vì bà đã chết ba ngày trước rồi. Họ thường không ở lại lâu đến thế.”

“Họ sẽ biến mất à?” Có vẻ như mẹ đang cố gắng tiếp nhận. Tôi có thể nhận ra mẹ không muốn nói thêm về vấn đề này, nhưng thật vui vì mẹ vẫn cố gắng. Thật nhẹ lòng.

“Vâng.”

“Bà ấy làm gì vậy, Jamie?”

“Chỉ ngồi đó thôi ạ. Bà nhìn về quan tài của mình một hay hai lần, nhưng chủ yếu chỉ nhìn ông ấy.”

“Nhìn ông Burkett. Marty.”

“Đúng thế. Bà ấy có nói gì đó, nhưng con không nghe được. Một thời gian ngắn sau khi người ta chết, giọng nói của họ nhỏ dần đi, như là vặn nhỏ tiếng nhạc trên radio của xe ô tô vậy. Sau một thời gian thì mẹ sẽ không thể nghe thấy tiếng của họ nữa.”

“Và sau đó thì họ đi mất.”

“Vâng”, tôi đáp. Có một cục gì nghẹn ở cổ họng, thế là tôi uống nốt phần Kool-Aid còn lại để nó trôi đi. “Đi mất.”

“Giúp mẹ dọn dẹp đi”, mẹ bảo. “Rồi chúng ta có thể xem một tập *Torchwood*, nếu con thích.”

“Được ạ, tuyệt!” Theo nhìn nhận của tôi thì *Torchwood* không quá tuyệt, nhưng có thể thức thêm một tiếng đồng hồ sau giờ đi ngủ thường lệ thì quá xá tuyệt.

“Được rồi. Chỉ cần con hiểu là chúng ta sẽ không biến việc này thành thông lệ. Nhưng trước hết mẹ phải nói với con một chuyện, rất nghiêm trọng đấy, nên mẹ muốn con chú ý. *Hết sức chú ý.*”

“Vâng ạ.”

Mẹ quỳ một bên đầu gối xuống, để gương mặt hai chúng tôi gần như ngang bằng nhau,

và mẹ giữ lấy hai vai tôi, nhẹ nhàng nhưng chắc chắn. “Đừng bao giờ nói với ai về việc con nhìn thấy người chết, James nhé. *Không bao giờ.*”

“Đằng nào mọi người cũng không tin con đâu. Mẹ cũng chưa từng tin.”

“Mẹ đã tin *phần nào*”, mẹ nói. “Từ cái hôm ở Công viên Trung tâm. Con còn nhớ không?” Mẹ thổi bay tóc mái. “Dĩ nhiên là con nhớ rồi. Sao mà có thể quên được?”

“Con nhớ.” Tôi chỉ ước mình không nhớ gì.

Mẹ vẫn quỳ gối, nhìn vào mắt tôi. “Chuyện là thế này. Mọi người không tin con là một chuyện tốt. Nhưng vào một ngày nào đó, sẽ có ai đó tin. Và điều ấy có thể dẫn tới những lời bàn tán không hay ho, hoặc khiến con gặp nguy hiểm thật sự.”

“Tại sao lại vậy ạ?”

“Vì người xưa vẫn bảo, kẻ nào chết rồi thì không tiết lộ gì được nữa, Jamie à. Nhưng họ *có thể* nói chuyện với con, phải không nào? Những người chết, phụ nữ và đàn ông. Con nói là họ phải trả lời câu hỏi, đưa ra câu trả lời chân thật. Cứ như thể việc chết đi là một liều natri thiopental vậy.”

Tôi không hiểu thứ ấy là gì và mẹ hẳn đã đọc được suy nghĩ trên mặt tôi, vì mẹ bảo tôi không

cần để ý tới chuyện đó, nhưng hãy nhớ những gì mà bà Burkett đã nói cho tôi khi tôi hỏi bà về mấy cái nhẫn.

“Có việc gì ạ?”, tôi hỏi. Tôi thích gần gũi với mẹ, nhưng tôi không thích mẹ nhìn tôi một cách căng thẳng như vậy.

“Những chiếc nhẫn ấy rất giá trị, đặc biệt là cái nhẫn đính hôn. Người ta chết đi cùng với những bí mật, Jamie, và luôn luôn có những người muốn biết được các bí mật đó. Mẹ không có ý dọa con, nhưng đôi khi, sợ hãi là bài học duy nhất có hiệu quả.”

Giống như người đàn ông ở Công viên Trung tâm là bài học về việc phải cẩn thận khi tham gia giao thông và phải luôn đội mũ bảo hiểm khi đạp xe, tôi nghĩ trong đầu... nhưng không nói ra.

“Con sẽ không kể lể gì”, tôi nói.

“Không bao giờ kể. Trừ khi là kể cho mẹ. Nếu con cần.”

“Vâng ạ.”

“Được rồi. Chúng ta hiểu nhau rồi đấy.”

Mẹ đứng dậy và chúng tôi đi vào phòng khách, xem ti vi. Khi tập phim kết thúc, tôi đi đánh

răng, đi tè và rửa tay. Mẹ kéo tôi vào giường, hôn tôi và nói điều mẹ vẫn luôn luôn nói: “Mơ đẹp nhé, ngủ yên nào.”

Gần như đêm nào cũng vậy, đó là lần cuối tôi nhìn thấy mẹ cho tới sáng hôm sau. Tôi sẽ nghe thấy tiếng leng keng của chiếc ly thủy tinh khi mẹ rót cho mình ly rượu vang thứ hai (hoặc thứ ba), sau đó tiếng nhạc jazz được vặn nhỏ đi hẳn khi mẹ bắt đầu đọc thêm vài trang báo. Nhưng tôi đoán các bà mẹ hẳn là có nhiều hơn người bình thường một giác quan, bởi tối đó, mẹ quay lại phòng và ngồi lên giường của tôi. Hoặc có lẽ chỉ là mẹ nghe thấy tiếng tôi khóc, dù tôi đã cố hết sức để nén âm thanh xuống. Bởi vì, như mẹ vẫn luôn luôn dặn, sẽ tốt hơn nếu góp phần tạo dựng giải pháp, thay vì góp phần gây nên vấn đề.

“Con sao thế, Jamie?”, mẹ hỏi, vuốt tóc tôi ngược ra sau. “Con đang nghĩ về lễ tang à? Hay là việc bà Burkett xuất hiện ở đó?”

“Chuyện gì sẽ xảy ra với con nếu như mẹ chết, mẹ ơi? Liệu con có phải đến sống ở cô nhi viện không?” Vì rõ như ban ngày là tôi sẽ không tới sống với bác Harry.

“Đương nhiên là không”, mẹ bảo, vẫn vuốt vuốt tóc tôi. “Đây là chuyện không cần bàn tới, Jamie nhé, vì mẹ con còn lâu mới chết. Mẹ mới ba mươi lăm tuổi, có nghĩa là còn hơn nửa đời người nữa trước mắt mẹ cơ.”

“Lỡ mẹ mắc phải cái thứ giống như bác Harry, và cũng phải vào sống ở chỗ đó với bác thì sao?” Nước mắt đang lăn dài trên mặt tôi. Được mẹ xoa trán nên tôi thấy ổn hơn, nhưng điều ấy lại khiến tôi muốn khóc nhiều hơn, chẳng hiểu vì sao nữa. “Chỗ đó có mùi kinh lắm. Có mùi như *nước tiểu!*”

“Xác suất điều ấy xảy ra nhỏ tí tí ti, nó nhỏ đến mức, nếu như con đặt viên cảnh ấy cạnh một con kiến, thì con kiến sẽ trông như Godzilla nha”, mẹ bảo. Thế là tôi cười và vui hơn. Giờ khi đã lớn, tôi biết mẹ hoặc là đã nói dối, hoặc là bị thông tin sai, nhưng cái gen khiến bác Harry mắc phải Alzheimer từ sớm lại bị chệch khỏi mẹ, tạ ơn Chúa.

“Mẹ sẽ không chết đâu, con sẽ không chết đâu, và mẹ nghĩ năng lực khác thường này của con cũng sẽ phai nhạt dần đi khi con lớn hơn. Thế nên... mọi sự ổn rồi chứ?”

“Ổn rồi ạ.”

“Không rơi nước mắt, Jamie. Chỉ cần mơ đẹp nhé, và—”

“Ngủ yên nào”, tôi kết thúc.

“Ừ ừ ừ”, mẹ hôn lên trán tôi và rời đi. Mẹ để cửa hơi mở hé, mẹ vẫn luôn làm như vậy.

Tôi không muốn kể với mẹ rằng tôi không hề khóc vì đám ma, và cũng không vì bà Burkett, bởi bà ấy không đáng sợ. Hầu hết bọn họ không đáng sợ. Nhưng người đàn ông đi xe đạp ở Công viên Trung tâm thì khiến tôi sợ muốn sồn ra quần. Ông ấy *méo mó, xẹo xẹo*.

5

Chúng tôi khi ấy đang ở đường 86, hướng tới khu Wave Hill ở Bronx. Một người bạn mẫu giáo của tôi chuẩn bị tổ chức một bữa tiệc sinh nhật rất bự ở đây. (“Đúng là chiều hư bọn trẻ”, mẹ tôi bảo thế.) Tôi để món quà sẽ tặng Lily ở trong lòng. Mẹ con tôi lái qua một khúc quanh và thấy một nhóm người đứng bên đường. Tai nạn hản chỉ vừa mới xảy ra. Một người đàn ông nằm ra đất, nửa người trên via hè lát gạch và nửa còn lại dưới lề đường, có một chiếc xe đạp bị vặn xoắn bên cạnh ông ấy. Ai đó đã phủ một chiếc áo khoác lên thân trên của người đàn ông. Ở thân dưới, ông ấy mặc quần đùi đạp xe màu đen với những sọc đỏ ở hai bên, đeo đồ bảo vệ đầu gối, còn đôi giày thể thao của ông ấy thì dính đầy máu. Máu

cũng dính trên tất và hai chân ông ấy nữa. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng còi hụ đang tiến lại gần.

Đứng cạnh ông ta vẫn chính là ông ấy, mặc chiếc quần đùi đạp xe y hệt và đeo đồ bảo vệ đầu gối tương tự. Mái tóc bạc trắng của ông dính máu. Mặt ông bị lõm vào ngay chính giữa, tôi nghĩ đó có lẽ là chỗ bị đập xuống lề đường. Mũi ông ấy trông như bị chia làm hai và miệng ông ấy cũng vậy.

Những chiếc xe ô tô dừng lại và mẹ tôi bảo, “Nhắm mắt con lại đi.” Mẹ đang nhìn người đàn ông nằm trên đất, hẳn nhiên rồi.

“Ông ấy chết rồi!” Tôi bắt đầu khóc. “Người ấy chết rồi!”

Hai mẹ con dừng xe. Chúng tôi phải làm vậy. Vì những chiếc xe khác chắn trước chúng tôi.

“Không, ông ấy không chết.” Mẹ nói. “Ông ấy đang ngủ, chỉ vậy thôi. Đó là chuyện đôi khi vẫn xảy ra khi ai đó bị va chạm mạnh. Ông ấy sẽ ổn thôi. Giò thì con nhắm mắt lại đi.”

Tôi không làm theo. Người đàn ông bầm dập kia giờ một tay lên vẫy vẫy tôi. Họ biết tôi nhìn thấy họ. Họ luôn luôn biết.

“Mặt ông ấy bị *chia làm hai!*”

Mẹ nhìn lại lần nữa cho chắc, thấy người đàn ông được che kín xuống tới tận eo, thế là mẹ bảo, “Đừng tự dọa mình, Jamie. Chỉ cần nhắm—”

“Ông ấy *kia kia!*” Tôi chi. Ngón tay tôi run lên. Mọi thứ đều run lên. “Ngay *kia*, đứng cạnh chính ông ấy!”

Dọa mẹ hoảng rồi. Tôi có thể nhận ra khi thấy miệng mẹ cứng lại. Mẹ đặt một tay lên chỗ bấm còi. Dùng tay còn lại, mẹ bấm nút hạ cửa kính và bắt đầu khua tay với mấy chiếc ô tô đang trước mình. “Đi đi!” mẹ hét lên. “*Di chuyển đi! Đừng có chằm chằm nhìn ông ấy nữa, Chúa ơi, đây có phải là phim đêch đâu!*”

Họ di chuyển, chỉ trừ chiếc xe ngay trước mẹ. Gã trong xe nghiêng người ra ngoài và lấy điện thoại ra chụp ảnh. Mẹ dẫn xe tới và đung vào tấm chắn bùn ở xe gã ta. Gã giơ ngón giữa vào mặt mẹ. Mẹ ngồi lại, ngoặt sang làn đường bên cạnh để đi lên. Tôi ước mình cũng có thể giơ ngón giữa vào mặt gã ta, nhưng tôi đang quá sợ.

Mẹ vừa kịp tránh một chiếc xe cảnh sát hướng tới theo chiều ngược lại, rồi lái xe đến đầu kia của công viên nhanh hết mức có thể. Mẹ đã gần tới nơi trong khi tôi gỡ dây an toàn ra. Mẹ hét lên bảo tôi

không được làm thế, nhưng tôi vẫn làm, hạ cửa kính bên chỗ mình, quỳ lên ghế và nghiêng người hướng ra ngoài, nôn thốc tháo xuống cạnh xe. Tôi không thể nhịn được. Khi chúng tôi tới khu phía tây của Công viên Trung tâm, mẹ tắt xe lại và lấy tay áo lau mặt tôi. Mẹ có lẽ đã mặc lại chiếc áo ấy, nhưng kể cả đó có là sự thật thì tôi cũng không nhớ nữa.

“Trời ơi, Jamie. Mặt con trắng bệch.”

“Con không chịu được”, tôi nói. “Con chưa từng thấy ai như thế. *Xương* lòi ra từ cái mũ-mũi của ông ấy —” Tôi lại tiếp tục nôn, nhưng xoay xở được để chỗ bày hầy cơ bản đều bắn xuống đường chứ không rớt xuống xe ô tô. Thật ra cũng không quá nhiều.

Mẹ xoa cổ tôi, mặc kệ người đi qua (có lẽ chính là gã đã giơ ngón giữa vào mặt hai mẹ con), khi người này bắm còi và vượt lên trước xe chúng tôi. “Con yêu, chỉ là tưởng tượng thôi. Ông ấy được che lại rồi mà.”

“Không phải cái người nằm trên đất, cái người đứng cạnh ông ấy cơ. Ông ấy *vẫy tay* với con.”

Mẹ nhìn chăm chăm tôi thật lâu, như thể mẹ định nói gì đó, nhưng rồi mẹ chỉ cài lại dây an toàn

cho tôi. “Mẹ nghĩ chúng ta không nên đến buổi tiệc nữa. Con nghĩ sao?”

“Được ạ”, tôi đáp. “Dù sao con cũng chẳng thích Lily. Bạn ấy cầu con lúc nghe cô giáo kể chuyện.”

Chúng tôi về nhà. Mẹ hỏi liệu tôi có thể uống được một tách ca cao không và tôi bảo là tôi có thể. Chúng tôi cùng nhau uống ca cao trong phòng khách. Tôi vẫn giữ món quà của Lily. Đó là một con búp bê nhỏ mặc đồ thủy thủ. Khi tôi tặng nó cho Lily vào tuần sau đó, thì thay vì cầu tôi, bạn ấy hôn tôi một cái vào miệng. Tôi bị mọi người trêu và tôi chẳng hề thấy phiền tí nào.

Trong lúc chúng tôi đang uống ca cao (có lẽ mẹ đã thêm gì đó nặng hơn vào cốc của mẹ), mẹ nói, “Hồi mang thai, mẹ đã tự hứa là sẽ không bao giờ nói dối con cái, nên con nghe nhé. Ừ, đúng vậy, người đàn ông kia có lẽ đã chết.” Mẹ dừng lại. “Không, là ông ấy *chết* rồi. Mẹ nghĩ ngay cả một chiếc mũ bảo hiểm cũng không thể cứu được ông ấy, mà mẹ cũng không nhìn thấy cái mũ nào.”

Không, ông ấy không đội mũ bảo hiểm. Bởi nếu ông ấy có đội mũ khi bị va chạm (ông ấy bị một chiếc taxi đụng phải, sau này chúng tôi đã biết), thì ông ấy đã đội nó khi đứng bên cạnh thi

thể của mình. Họ luôn luôn mặc trên người đúng những gì họ mặc khi chết.

“Nhưng con chỉ tưởng tượng ra việc nhìn thấy mặt ông ấy thôi, con yêu. Con không thể nhìn thấy được. Ai đó đã lấy áo khoác phủ lên ông ấy. Một ai đó tốt bụng.”

“Ông ấy mặc áo phong có hình hải đăng”, tôi nói. Rồi tôi nghĩ tới một điều khác. Nó chỉ khiến tình hình khá hơn một chút xíu, nhưng sau khi một chuyện như vậy xảy ra, tôi đoán bạn sẽ trân trọng mọi thứ. “Ít nhất thì ông ấy cũng khá già rồi.”

“Sao con lại nói thế?” Mẹ nhìn tôi một cách kỳ quặc. Khi nhớ lại, tôi nghĩ đó là lúc mẹ bắt đầu tin, ít nhất là tin một chút.

“Tóc ông ấy bạc trắng. Chỉ trừ phần bị dính máu thôi, vậy đó.”

Tôi lại bắt đầu khóc. Mẹ ôm tôi và đứng đưa tôi qua lại, và tôi chìm dần vào giấc ngủ khi mẹ làm thế. Để tôi nói với bạn chuyện này, không gì sánh được với việc có mẹ ở bên khi bạn nghĩ tới những chuyện kinh khủng.

Nhà chúng tôi đặt báo *Times*. Mẹ thường ngồi đọc báo ở bàn trong chiếc áo choàng tắm, trong khi hai mẹ con cùng ăn sáng, nhưng vào cái ngày sau

sự vụ người đàn ông ở Công viên Trung tâm, mẹ lại đọc một trong mấy tập bản thảo của mình. Ăn sáng xong, mẹ bảo tôi mặc quần áo vào và chúng tôi có thể đi một chuyến du thuyền Circle Line, thế thì đó hẳn phải là thứ Bảy. Tôi tính ra đó là cuối tuần đầu tiên sau vụ người đàn ông bị chết ở Công viên Trung tâm. Suy nghĩ ấy khiến mọi chuyện được tái hiện đầy chân thực.

Tôi làm theo lời mẹ, nhưng trước tiên, tôi đi vào phòng ngủ của mẹ, trong khi mẹ tắm. Tờ báo được đặt trên giường, mở ra đúng trang đưa tin về những người chết - những người đủ nổi tiếng để lên tờ *Times*. Bức ảnh chụp người đàn ông ở Công viên Trung tâm cũng ở đây. Tên ông ấy là Robert Harrison. Khi bốn tuổi, tôi đã có khả năng đọc như một học sinh cấp ba, mẹ tôi rất tự hào về chuyện đó, và chẳng có từ khó nào trong tí báo cả, tôi có thể đọc được: CEO CỦA TỔ CHỨC HẢI ĐĂNG CHẾT VÌ TAI NẠN GIAO THÔNG.

Sau chuyện ấy, tôi còn nhìn thấy một vài người chết nữa. Có câu nói rằng, đang sống nghĩa là đang chết - câu nói này chân thực hơn những gì mọi người thường nghĩ - và đôi khi tôi cũng kể chuyện này chuyện kia cho mẹ, nhưng tôi cơ bản không làm vậy, vì tôi biết việc đó khiến mẹ khó chịu. Phải

đến khi bà Burkett qua đời và mẹ tìm thấy những chiếc nhẫn của bà ấy trong tủ đồ thì chúng tôi mới thực sự trò chuyện lại về vấn đề này.

Vào tối đó, sau khi mẹ rời khỏi phòng tôi, tôi nghĩ mình sẽ không thể ngủ được, và nếu ngủ, tôi sẽ mơ về người đàn ông ở Công viên Trung tâm với gương mặt bị xé toác và xương lòi ra từ mũi, hoặc mơ thấy mẹ nằm trong quan tài, nhưng cùng lúc đó mẹ cũng ngồi trên những bậc thang dẫn lên bục đọc kinh - chỉ tôi mới có thể nhìn thấy mẹ ở nơi ấy. Nhưng trong phạm vi trí nhớ của mình, tôi không hề mơ về điều gì cả. Sáng hôm sau, tôi thức dậy sáng khoái, mẹ tôi cũng phấn chấn, và chúng tôi đùa giỡn như chúng tôi vẫn thi thoảng làm vậy, rồi mẹ dán gà tây của tôi lên tủ lạnh và hôn lên nó một tiếng thật kêu, thế là tôi cười khúc khích, mẹ dắt tôi tới trường, và cô Tate kể cho chúng tôi nghe về khủng long, và cuộc sống cứ thế tiếp diễn trong hai năm tới theo tiêu chuẩn tốt đẹp thông thường. Chuyện cứ thế, cho đến khi mọi thứ đổ sụp tan tành.

6

Khi mẹ nhận ra tình hình tệ như thế nào, tôi đã nghe thấy mẹ nói chuyện điện thoại với cô Anne Staley, một người bạn làm biên tập viên, về bác Harry. Mẹ nói, “Nào anh ấy vốn đã mềm oặt từ trước khi bị bệnh. Giờ thì tớ nhận ra rồi.”

Khi sáu tuổi, tôi chẳng hiểu gì đâu. Nhưng đến lúc đó thì tôi sắp sửa lên chín tuổi, nên tôi hiểu, ít nhất là hiểu một phần. Mẹ đang kể về đồng bóng bong mà anh trai mẹ đã rơi vào - kéo theo cả mẹ - ngay từ trước khi những triệu chứng khởi phát sớm của bệnh Alzheimer lấy đi não của bác, như một tên trộm ẩn trong màn đêm.

Tôi đồng ý với mẹ, dĩ nhiên rồi; người là mẹ của tôi mà, và hai mẹ con tôi chống lại thế giới,

biệt đội hai người. Tôi ghét bác Harry vì bác khiến chúng tôi bị mắc kẹt. Phải đến sau này, khi tôi mười hai hay thậm chí mười bốn tuổi, tôi mới nhận ra mẹ tôi cũng có một phần lỗi lầm. Mẹ đáng lẽ có thể thoát ra khi vẫn còn thời gian, có lẽ thế, nhưng mẹ lại không làm vậy. Giống như bác Harry, người đã lập nên Văn phòng Đại diện Tác giả Conklin, mẹ biết rất nhiều về sách vở nhưng không biết đủ nhiều về tiền bạc.

Mẹ thậm chí đã nhận được hai cảnh báo. Một cảnh báo đến từ bạn mẹ, Liz Dutton. Liz là một thám tử của Sở Cảnh sát New York, đồng thời là fan bự của loạt truyện Roanoke do Regis Thomas sáng tác. Mẹ gặp cô ấy ở buổi tiệc ra mắt cho một trong những cuốn sách đó, và họ liền kết thân. Hóa ra điều đó không phải việc tốt lành gì. Tôi sẽ kể kỹ hơn, nhưng bây giờ tôi chỉ muốn nói rằng, Liz đã báo với mẹ tôi một tin, ấy là Quỳ Mackenzie quá tốt đẹp để có thể là sự thực. Điều này có lẽ diễn ra vào khoảng thời gian bà Burkett qua đời, tôi không chắc, nhưng tôi biết sự việc diễn ra trước mùa thu năm 2008 - khi nền kinh tế sụp đổ. Bao gồm cả phần kinh tế của hai mẹ con tôi.

Bác Harry từng chơi quần vợt ở một câu lạc bộ cao cấp gần Cầu tàu 90, nơi cập bến của nhiều

tàu lớn. Một người bạn từng chơi bóng với bác là nhà sản xuất của Broadway, người này kể cho bác về Quỹ Mackenzie. Người bạn nói đó là tờ giấy thông hành để hái ra tiền, và bác Harry tin rằng bạn mình nghiêm túc. Sao lại không cơ chứ? Người bạn này đã tạo ra cả tỉ vở nhạc kịch được diễn ở Broadway suốt cả tỉ năm rồi, mà còn diễn khắp cả nước nữa chứ, và tiền bản quyền cứ thế mà đổ về thôi. (Tôi biết rõ tiền bản quyền là gì nha - tôi là con của một đại diện tác giả mà.)

Bác Harry tiến hành tìm hiểu, nói chuyện với một tay to làm việc ở quỹ (nhưng không phải nói chuyện với chính James Mackenzie, vì bác Harry chỉ là phần rất nhỏ của một hệ thống lớn), và nộp vào quỹ một khoản ra trò. Khoản lãi nhận được ngon nghề đến độ bác lại dồn thêm tiền vào đây. Và thêm nữa. Khi bác mắc Alzheimer - tình hình của bác tệ đi rất nhanh - mẹ tôi đứng ra lo liệu mọi khoản tiền nong, và không những mắc kẹt với Quỹ Mackenzie, chính mẹ còn gửi thêm tiền vào quỹ.

Monty Grisham, người luật sư trợ giúp mẹ về các kiểu hợp đồng hồi ấy, không những khuyên mẹ đừng gửi thêm tiền, mà còn khuyên mẹ nên rút tiền ra khi việc sinh lời đang khả quan. Đó

chính là lời cảnh báo thứ hai mẹ nhận được, xuất hiện không lâu sau khi mẹ tiếp quản văn phòng Conklin. Ông ấy cũng nói rằng, nếu tình hình quá tốt đẹp để có thể là sự thực, thì chắc hẳn đó là nhận định chính xác.

Tôi đang kể cho bạn tất cả những gì tôi phát hiện được, từng chút, từng tí - như là cuộc điện thoại mà tôi lén nghe thấy giữa mẹ và cô bạn biên tập viên. Tôi chắc là bạn hiểu, và tôi chắc là bạn cũng không cần tôi phải nói thêm Quỳ Mackenzie thực chất là một hệ thống Ponzi đồ sộ. Cách vận hành của nó là, Mackenzie và bè lũ trộm cướp vui vẻ của hắn ta tiếp nhận hàng triệu triệu đô la, chi trả những khoản lợi nhuận lớn trong khi cắt xén gần như sạch bách tiền đầu tư. Bọn chúng duy trì hệ thống bằng cách lôi kéo thêm các nhà đầu tư mới, khen ngợi từng người rằng anh ta hay cô ta là những cá nhân đặc biệt vô cùng, bởi chỉ rất ít người được chọn mới được phép tham gia quỹ. Số ít người được chọn, hóa ra, lại lên tới hàng nghìn người, từ những nhà sản xuất ở Broadway tới những góa phụ giàu có - và đã hết giàu có chỉ sau một đêm, gần như vậy.

Một âm mưu như thế cần phải dựa vào những nhà đầu tư hài lòng với khoản lãi mình

nhận được, và họ không những không rút khoản đầu tư ban đầu về, mà còn gửi thêm tiền vào nữa. Mọi sự xuôi chèo mát mái được một thời gian, nhưng khi nền kinh tế đổ sụp vào năm 2008, gần như tất cả mọi người tham gia quỹ đều muốn rút tiền về, và tiền thì đâu còn ở quỹ nữa. Mackenzie vẫn chưa sánh được với Madoff, ông hoàng của hệ thống Ponzi, nhưng hẳn ta cũng đã khá suýt soát Bern già⁹. Sau khi tiếp nhận hơn hai mươi tỉ đô la, tất cả những gì hẳn ta để lại trong các tài khoản của Mackenzie chỉ là mười lăm triệu. Hẳn ta phải ngồi tù, cũng thỏa lòng dư luận, nhưng mẹ thỉnh thoảng vẫn bảo, “Ngũ cốc thô thì không ăn được và trả thù cũng không giúp ta thanh toán hóa đơn điện nước.”

“Chúng ta ổn cả, hai mẹ con mình ổn cả”, mẹ nói với tôi như thế khi Mackenzie bắt đầu xuất hiện trên mọi kênh tin tức và cả tờ *Times*. “Đừng lo nhé, Jamie.” Nhưng quăng thâm bên dưới mắt mẹ đang nói rằng mẹ lo lắng rất nhiều, và mẹ cũng có rất nhiều lý do để lo lắng.

Tiếp theo là một chuyện mà sau này tôi mới phát hiện ra: mẹ chỉ có sẵn khoảng hai trăm nghìn

⁹ Ý chỉ Bernard Madoff, người khét tiếng với việc đứng đầu hệ thống Ponzi lớn nhất từ trước đến nay.

đô la để chi tiêu, đã bao gồm các chính sách bảo hiểm cho mẹ và tôi. Còn về khoản nợ của mẹ, bạn sẽ không muốn biết đâu. Chỉ cần nhớ rằng, căn hộ của chúng tôi ở Đại lộ Park, văn phòng công ty thì ở Đại lộ Madison, còn viện chăm sóc tiện nghi mà bác Harry đang sống (“Nếu con có thể gọi điều đó là sống”, tôi còn nghe ra được tiếng mẹ bổ sung) thì ở Pound Ridge - khu ấy đắt như cái tên của nó vậy¹⁰.

Đóng cửa văn phòng ở Madison là hành động đầu tiên của mẹ. Sau đó mẹ chuyển ra khỏi Cung điện Đại lộ Park, ít nhất là trong một khoảng thời gian. Mẹ trả trước một chút tiền thuê bằng cách tận dụng khoản bảo hiểm như tôi đã đề cập, bao gồm cả phần của người anh mẹ nữa, nhưng cũng chỉ trụ được tám hay mười tháng. Mẹ bán đi chiếc Range Rover (“Chúng ta chẳng nào cũng không thực sự cần một chiếc ô tô khi sống ở thành phố, Jamie ạ”, mẹ nói) và thanh lý một lô sách trong đợt xuất bản đầu tiên, trong đó có cuốn *Nhìn về nhà đi, thiên thần*¹¹ được chính Thomas Wolfe ký tên. Mẹ khóc và bảo, mẹ chỉ nhận về chưa nổi một nửa giá trị của cuốn sách, vì thị trường sách hiếm

¹⁰ Trong từ “Pound Ridge”, “pound” còn có nghĩa chỉ đồng bảng Anh, còn “ridge” là từ lóng chỉ vàng.

¹¹ Tên sách gốc: *Look homeward, angel*.

cũng bị kẹt dưới bồn cầu rồi, nhờ một mớ kẻ bán tháo thèm khát tiền mặt giống như mẹ. Bức tranh của Andrew Wyeth cũng phải ra đi. Mỗi ngày, mẹ đều nguyên rủa James Mackenzie vì tội ăn cắp, bòn tiền, rằng hắn ta là một kẻ chó chết, sa búi trĩ. Đôi khi mẹ cũng nguyên rủa cả bác Harry, rằng đến cuối năm nay bác sẽ sống sau một bãi rác, cho đáng đời bác. Và, để công bằng, một lúc sau mẹ chửi cả bản thân mình vì đã không nghe lời Liz và Monty.

“Mẹ thấy mình giống như con châu chấu chỉ rong chơi suốt cả mùa hè mà không chịu làm việc”, mẹ nói thế với tôi vào một đêm nọ. Đó là tháng Một hoặc tháng Hai năm 2009, tôi nghĩ thế. Khi ấy, Liz thi thoảng đến nhà chúng tôi ngủ, nhưng vào đêm đó thì không. Đây có lẽ là lần đầu tiên tôi để ý thấy những sợi tóc bạc trên mái tóc đỏ xinh đẹp của mẹ. Hoặc có lẽ tôi nhớ thế vì mẹ bắt đầu khóc và đến lượt tôi đảm nhận việc vỗ về, dù cho tôi chỉ là một đứa nhóc và không thực sự biết phải vỗ về thế nào.

Mùa hè ấy, chúng tôi rời khỏi Cung điện Đại lộ Park và chuyển tới một nơi nhỏ hơn nhiều ở Đại lộ Mười. “Không phải một đồng rác”, mẹ bảo, “Giá cũng hợp lý.” Ngoài ra: “Mẹ sẽ tiêu

tùng nếu phải chuyển ra khỏi thành phố. Như thế là vầy cò trắng rồi. Mẹ sẽ bị mất khách hàng.”

Công ty chuyển đi cùng với chúng tôi, tất nhiên rồi. Văn phòng được bố trí ở nơi mà đáng ra sẽ là phòng ngủ của tôi, tôi cho là thế, nếu mọi sự không quá ngặt nghèo, khổ sở. Phòng tôi là một cái hốc tường thụt vào kế bên căn bếp. Mùa hè thì nóng, mùa đông thì lạnh, nhưng ít ra chỗ ấy cũng thơm thơm. Tôi nghĩ nơi ấy từng là chỗ để nguyên liệu nấu nướng.

Mẹ chuyển bác Harry tới một cơ sở ở Bayonne. Kế lễ càng ít về nơi ấy càng tốt. Điều tốt đẹp duy nhất, theo tôi, là dù sao bác Harry già cả tội nghiệp cũng không biết bản thân mình đang ở đâu. Giả như bác có ở Beverly Hilton thì bác vẫn bĩnh ra quần nhiều như vậy thôi.

Tôi còn nhớ một vài chuyện khác trong những năm 2009 và 2010: mẹ tôi không đi làm tóc nữa. Mẹ không còn đi ăn trưa với bạn bè và chỉ ăn với khách hàng nếu thật sự cần (vì mẹ luôn là người phải thanh toán hóa đơn). Mẹ không mua thêm nhiều quần áo mới, và những món mẹ mua thì đều là từ các cửa hàng giảm giá. Và mẹ bắt đầu uống rượu nhiều hơn. Nhiều hơn hẳn. Có những đêm mà mẹ và cô bạn Liz của mẹ - cái cô thám tử

là fan của Regis Thomas mà tôi đã kể cho bạn ấy - sẽ cùng nhau túy lúy. Ngày hôm sau, mắt của mẹ đỏ lên và mẹ bắt đầu gắt gỏng, rồi đi loanh quanh văn phòng trong bộ đồ ngủ. Thịnh thoảng mẹ sẽ ngâm nga, “Những ngày khốn nạn lại đến nữa rồi, những khoảng trời lại u ám thê lương nữa rồi.” Trong những ngày như vậy, thật là nhẹ người khi được đến trường. Một ngôi trường *công*, dĩ nhiên rồi; những ngày học trường tư của tôi đã chấm dứt, nhờ công James Mackenzie.

Có một vài tia sáng ít ỏi trong chuỗi ngày đen tối đó. Có lẽ thị trường sách hiếm vẫn chìm trong một đống cứt, nhưng mọi người đã tìm đọc trở lại những cuốn sách phổ thông - những cuốn tiểu thuyết để chạy trốn thực tại và những cuốn sách tự lực vì, hãy đối mặt đi nào, vào những năm 2009 và 2010, rất nhiều người phải tự cứu lấy chính cái thân mình. Mẹ vẫn luôn thích đọc sách trinh thám, và mẹ vẫn phát triển ổn định dòng sách này ở Conklin từ khi tiếp quản thay bác Harry. Mẹ có mười hay mười một, mười hai tác giả viết truyện trinh thám. Họ không phải những tay viết lớn, nhưng mười lăm phần trăm tiền bản quyền từ họ cũng đủ để chúng tôi trả tiền thuê nhà và giữ cho đèn có thể bật sáng.

Ngoài ra, còn có Jane Reynolds, một thủ thư đến từ Bắc Carolina. Tiêu thuyết của cô ấy, một tác phẩm trinh thám có tên *Đỏ chết chóc*¹², được gửi đến mà không có sự bàn bạc nào trước đó, và mẹ chết mê cuốn sách. Một cuộc đấu giá được khởi xướng để xem bên nào có thể xuất bản tác phẩm. Tất cả các công ty lớn đều tham gia, và tiền bản quyền lên tới hai triệu đô la. Ba trăm nghìn đô la trong số đó thuộc về chúng tôi, thế là mẹ tôi bắt đầu cười trở lại.

“Sẽ phải khá lâu nữa chúng ta mới quay lại được Đại lộ Park”, mẹ nói. “Và còn phải chờ khá lâu mới thoát được khỏi cái hố mà bác Harry đã đào cho hai mẹ con ta, nhưng có lẽ chúng ta sẽ làm được thôi.”

“Đằng nào con cũng không thích quay lại Đại lộ Park”, tôi đáp. “Con thích ở đây.”

Mẹ cười, ôm lấy tôi nói, “Cục cưng bé nhỏ của mẹ.” Rồi mẹ để tôi ra xa một chút và nhìn ngắm tôi. “Cũng không quá bé nhỏ nữa. Con có biết mẹ đang hy vọng gì không, nhóc?”

Tôi lắc đầu.

“Rằng Jane Reynolds sẽ trở thành một cô bé ngoan ra được một cuốn sách mỗi năm. Và *Đỏ*

¹² Nguyên văn: *Dead Red*.

chết chóc sẽ được dựng thành phim. Ngay cả khi không có điều nào trong mấy hy vọng trên xảy ra, thì chúng ta vẫn có Regis Thomas già tốt tính và loạt truyện Roanoke của ông. Ông ấy là viên đá quý trên chiếc vương miện của mẹ con ta.”

Chi có điều, *Đỏ chết chóc* hóa ra là tia sáng chớp nhoáng cuối cùng trước khi một cơn bão lớn ập đến. Nó không bao giờ được dựng thành phim, và những nhà xuất bản tham gia đấu giá cho cuốn sách đã phạm sai lầm, cũng là chuyện đôi khi vẫn xảy ra. Sách ế chỏng chơ, việc này không làm tổn hại kinh tế của chúng tôi - tiền đã được trả rồi - nhưng còn những chuyện khác phát sinh và ba trăm nghìn đô la kia bốc hơi như bụi cuốn theo chiều gió.

Đầu tiên, răng khôn của mẹ giờ chùng và gây nhiễm trùng. Mẹ phải nhổ hết đi. Thật là tệ. Rồi bác Harry, bác Harry phiền phức ấy, cái người vẫn chưa tới năm mươi tuổi, bị trượt ngã ở cơ sở chăm sóc Bayonne và rạn xương sọ. Chuyện này còn tệ hơn nhiều.

Mẹ nói chuyện với người luật sư hay hỗ trợ mẹ lo liệu hợp đồng sách vở (và nhận một khoản béo bở từ văn phòng chúng tôi cho mấy giọt mồ hôi ông ta bỏ ra). Ông này giới thiệu một luật

sư khác chuyên về nợ và các sự vụ do lỗi vô ý. Luật sư đó bảo rằng trường hợp của chúng tôi khá khá quan, có lẽ đúng vậy, nhưng trước khi vụ việc có thể được đưa ra tòa thì cơ sở Bayonne đã tuyên bố phá sản. Người duy nhất nhận được tiền từ vụ này là tay luật sư chải chuốt nói dăm ba câu về tai nạn trượt ngã, kẻ đã bỏ túi gọn lòn bốn mươi nghìn đô la.

“Cái bọn lấy tiền nhờ chém gió ấy là một lũ khốn”, mẹ lên tiếng vào một đêm nợ, khi mẹ và Liz Dutton đã phê pha tới chai rượu vang thứ hai. Liz cười phá lên vì bốn mươi nghìn đô la kia đâu phải của cô ấy. Mẹ cười vì đã ngà ngà say. Tôi là người duy nhất thấy chuyện chẳng hề hài hước, vì vấn đề đâu chỉ là chi phí luật sư. Chúng tôi cũng đang bị kẹt với các kiểu hóa đơn y tế của bác Harry nữa.

Tệ nhất là, sở thuế truy lùng mẹ để giải quyết khoản thuế mà bác Harry còn nợ. Bác đã trì hoãn chỗ tiền thuế này để có thể đập nhiều tiền hơn vào Quỹ Mackenzie. Thế là chỉ còn Regis Thomas.

Viên đá quý gắn trên vương miện của mẹ con tôi.

Đọc tiếp nhé.

Đó là mùa thu năm 2009. Obama đang là tổng thống, và nền kinh tế dần dần trở nên khả quan hơn. Đối với riêng hai mẹ con tôi, chuyện không mấy khả quan. Tôi đang học lớp ba, cô Pierce gọi tôi lên bảng xử lý mấy cái phân số vì tôi giỏi dăm ba thứ đó. Ý tôi là, tôi đã bắt đầu tính toán phần trăm từ khi bảy tuổi - con của một đại diện tác giả mà, nhớ nhé. Bọn trẻ đằng sau tôi cứ đứng ngồi không yên vì giờ đang là những ngày học kẹp giữa lễ Tạ ơn và lễ Giáng sinh. Bài toán đơn giản như quét bơ mềm lên bánh mì, và tôi vừa làm xong thì thầy hiệu phó Hernandez ló đầu vào. Thầy thầm thì nói nhanh

mấy câu với cô Pierce, sau đó cô Pierce bảo tôi đi ra ngoài hành lang.

Mẹ tôi đang chờ bên ngoài, và mẹ nhọt nhọt như một ly sữa. Một ly sữa *không chất béo*. Suy nghĩ đầu tiên của tôi là bác Harry, người giờ đây phải đặt một miếng thép trong sọ để bảo vệ bộ não vô dụng của mình, đã chết. Theo một cách nghĩ góm ghê thì đây thực ra là tin tốt, bởi nếu vậy thì các khoản chi sẽ được cắt giảm. Nhưng khi tôi hỏi, mẹ bảo bác Harry - người khi đó sống ở một trung tâm chăm sóc hạng ba tại Piscataway (bác ngày càng chuyển đi xa hơn về phía tây, giống như những người tiên phong khai phá chết não khủng điên) - vẫn ổn.

Mẹ đẩy tôi di chuyển dọc theo hành lang và ra khỏi cửa, trước khi tôi hỏi thêm bất cứ điều gì. Ở chỗ lề đường màu vàng, nơi các phụ huynh vẫn thả con em mình xuống để chúng vào trường, rồi lại đến để đón bọn chúng vào buổi chiều, là một chiếc sedan hãng Ford, với đèn chớp được đặt ở chỗ tấp lô. Đứng kế bên cái xe, mặc áo parka màu xanh biển với dòng chữ Sở Cảnh sát New York trên ngực, là Liz Dutton.

Mẹ nhanh chóng kéo tôi hướng về chỗ ô tô, nhưng tôi đứng chôn chân, làm mẹ phải dừng

lại. “Chuyện gì vậy?”, tôi hỏi. “Nói cho con biết đi!” Tôi không khóc, nhưng nước mắt sắp trào ra rồi. Một loạt tin dữ đã ập tới kể từ khi chúng tôi phát hiện ra bản chất của Quỳ Mackenzie, và tôi không nghĩ mình có thể chịu đựng thêm được nữa, nhưng mọi sự vẫn không dừng lại. Regis Thomas chết rồi.

Viên ngọc quý cứ thế rơi khỏi vương miện của chúng tôi.

8

Tôi phải tạm dừng ở đây để kể cho bạn nghe về Regis Thomas. Mẹ tôi vẫn nói hầu hết các tác giả đều kỳ quái như cục phân phát sáng trong bóng tối, và ông Thomas là một ví dụ điển hình.

Loạt truyện Roanoke - ông ấy gọi nó như vậy - có tổng cộng chín cuốn vào thời điểm ông qua đời, và mỗi cuốn dày cỡ một viên gạch. "Regis già luôn giúp đỡ ta rất nhiều", mẹ một lần từng bảo thế. Khi tám tuổi, tôi rút xuống từ giá sách ở văn phòng cuốn đầu tiên, *Đầm lầy chết chóc của Roanoke*¹³, và đọc. Không có khó khăn gì. Tôi đọc chữ cũng giỏi như giải toán và nhìn thấy người

¹³ Nguyên văn: *Death swamp of Roanoke*.

chết (không phải khoe khoang, đây là sự thật). Với cả, *Đằm lầy chết chóc* cũng đâu phải kiểu sách như *Finnegan tỉnh thức*¹⁴.

Tôi không có ý nói sách chán, đừng nghĩ vậy; Regis cũng biết kể chuyện đấy. Có rất nhiều cảnh phiêu lưu, cảnh rùng rợn (đặc biệt là những gì diễn ra ở đằm lầy chết chóc), có một cuộc truy lùng kho báu bị chôn vùi, và có nhiều cảnh S-E-X cổ điển hay ho. Tôi học được thêm ý nghĩa thực sự của 69 trong cuốn sách đó, nhiều hơn mức hiểu biết thông thường của một đứa trẻ tám tuổi. Tôi cũng học được cả những thứ khác, chỉ là về sau này tôi mới có ý thức liên kết mọi điều lại với nhau. Nó liên quan tới những đêm mà cô bạn Liz của mẹ ở lại nhà chúng tôi.

Tôi tính ra, cứ sau khoảng năm chục trang là cảnh sex lại xuất hiện trong cuốn *Đằm lầy chết chóc*, tính cả một lần diễn ra trên cây, trong lúc một con cá sấu đói bụng đang bò loanh quanh bên dưới. Chúng ta đang bàn về *Năm mươi sắc thái của Roanoke*. Khi tôi mười mấy tuổi, Regis Thomas đã dạy tôi tự sướng, và nếu có ai thấy tôi tiết lộ thông tin nhiều quá mức cần thiết, thì không chịu cũng phải chịu thôi.

¹⁴ Nguyên văn: *Finnegans Wake*.

Những cuốn sách này thật sự là một loạt truyện xuyên suốt, với nội dung được tiếp diễn mãi quanh một dàn nhân vật. Họ là những người đàn ông mạnh mẽ với mái tóc nhạt màu và những đôi mắt cười, những kẻ không đáng tin với ánh mắt gian xảo, những người Ấn cao quý (ở những tập sách sau này, họ trở thành những thổ dân Mỹ cao quý), và những phụ nữ xinh đẹp tuyệt trần với bầu ngực cao và chắc nịch. Tất cả mọi người - người tốt, kẻ xấu, người ngực đẹp - lúc nào cũng hứng tình.

Trái tim của loạt truyện này, thứ khiến các độc giả tiếp tục theo dõi (ngoài các yếu tố đối đầu tay đôi, giết người và sex), là bí mật khổng lồ đã khiến mọi cư dân ở Roanoke biến mất. Đó có phải là hành động của George Threadgill, kẻ cầm đầu phe phản diện không? Những cư dân đã chết rồi sao? Liệu có thực sự tồn tại một thành phố cổ đại nằm bên dưới vùng đất Roanoke thối đẫm tri thức xa xưa? Martin Betancourt có ý gì khi ông ta nói "Thời gian là chìa khóa" trong khoảnh khắc hấp hối? Mật mã *croatoan* được khắc trên vách đá của vùng đất bị bỏ hoang rốt cuộc có ý nghĩa gì? Hàng triệu độc giả khao khát được biết lời giải đáp cho những câu hỏi này. Gửi tới những

người ở thì tương lai đang cảm thấy khó tin, tôi chỉ muốn nói với bạn rằng, hãy sẵn lòng sách của Judith Krantz hoặc Harold Robbins đi. Có hàng triệu người cũng đọc những tác phẩm của hai người họ.

Những nhân vật của Regis Thomas mang tính soi chiếu kinh điển. Hoặc có lẽ điều tôi muốn nói là, họ mang tính đáp ứng nguyện ước. Ông ấy là một người đàn ông nhéo nhỏ thó, thường xuyên chỉnh sửa bức ảnh tác giả của mình để mặt ông không quá giống cái ví da của một quý bà. Ông không tới thành phố New York vì ông không thể. Người đàn ông viết về những nam giới gan dạ tung hoành nơi đầm lầy hiểm độc, không ngừng chinh chiến và làm tình cuồng nhiệt dưới những vì sao, lại là một người độc thân mắc chứng sợ không gian công cộng và chỉ sống một mình. Ông ấy cũng bị hoang tưởng nặng (mẹ tôi nói thế) về các tác phẩm của mình. Không ai được nhìn thấy gì cho đến khi cuốn sách hoàn thành. Hai tập đầu tiên cực kỳ thành công, đứng đầu suốt mấy tháng trong danh sách các tác phẩm bán chạy nhất. Nhưng người sửa bản in cũng không được đọc trước. Thomas khẳng định rằng sách của ông phải được xuất

bản đúng như những gì ông đã viết, một chữ cũng đáng giá như vàng.

Ông ấy không phải kiểu người ra được một cuốn sách mỗi năm (cây viết như thế đã thành El Dorado của một người đại diện), nhưng ông vẫn đáng trông cậy; một cuốn sách có chữ của *Roanoke* trong tiêu đề sẽ xuất hiện sau mỗi hai hoặc ba năm. Bốn cuốn sách đầu tiên ra đời trong thời gian bác Harry còn làm việc, năm cuốn tiếp theo thì do mẹ phụ trách - trong đó có cuốn *Bóng ma trinh nữ của Roanoke*, tác phẩm mà Thomas đã thông báo sẽ là tập áp chót. Cuốn sách cuối cùng của loạt truyện, ông hứa hẹn, sẽ giải đáp mọi thắc mắc mà những độc giả trung thành của ông đã đặt ra từ hồi các nhân vật thực hiện những chuyến phiêu lưu đầu tiên tới đầm lầy chết chóc. Đó cũng sẽ là cuốn sách dài nhất, khoảng bảy trăm trang. (Điều đó cho phép nhà xuất bản tăng thêm chút giá bìa.) Và một khi *Roanoke* và mọi bí ẩn liên quan tới nó được an bài, Thomas tâm sự với mẹ tôi trong một lần mẹ đến thăm ông ở chỗ trú ẩn khép kín tại ngoại ô New York, ông sẽ bắt tay vào một loạt truyện nhiều tập xoay quanh *Mary Celeste*.

Mọi thứ nghe cũng khả quan cho đến khi ông gục xuống chết ở bàn làm việc, mới chỉ viết xong

khoảng ba mươi trang đầu tiên của kiệt tác vĩ đại. Ông đã được trả trước ba triệu đô la thơm phức, nhưng khi không có cuốn sách nào, khoản tiền đưa trước phải được hoàn lại, bao gồm cả phần chia cho hai mẹ con tôi. Khoản tiền của chúng tôi bốc hơi, không còn thuộc quyền hạn của hai mẹ con nữa. Bạn chắc đã đoán được rồi, đây chính là lúc tôi bước vào cuộc.

Ok, kể tiếp nào.

9

Lúc chúng tôi đi tới chiếc xe cảnh sát đang trong hình dáng của một chiếc ô tô bình thường (tôi biết đó là xe cảnh sát, tôi đã thấy nó nhiều lần rồi, khi xe được đỗ trước tòa nhà của chúng tôi với tấm biển CẢNH SÁT LÀM NHIỆM VỤ đặt chỗ tấp lô), Liz mở một bên áo parka ra để tôi nhìn thấy cái bao đựng súng trống rỗng cô đang đeo trên vai. Đây giống như một trò đùa giữa chúng tôi. Không có súng ống gì khi ở gần tôi, đó là nguyên tắc rất dứt khoát của mẹ. Liz luôn cho tôi nhìn cái bao đựng trống không khi cô đeo nó lên, và tôi cũng đã rất nhiều lần nhìn thấy cái bao được đặt trên bàn cà phê ở phòng khách nhà chúng tôi. Cả ở trên bàn ngủ đầu giường nữa, ở phía mà mẹ không nằm, và khi

chín tuổi, tôi đã hiểu khá rõ điều đó có nghĩa là gì. *Đầm lầy chết chóc* của Roanoke cũng có vài miêu tả nóng nóng là giữa Laura Goodhugh và Purity Betancourt - bà quả phụ của Martin Betancourt (cô này không trong sáng¹⁵ gì).

“*Cô ấy làm gì ở đây?*” Tôi hỏi mẹ khi chúng tôi đi tới chiếc xe. Liz đứng ngay đó, nên tôi cho rằng hỏi vậy là bất lịch sự, nếu không muốn nói là thô lỗ, nhưng tôi vừa bị kéo ra khỏi lớp học và trước cả khi kịp ra khỏi trường, tôi đã bị thông báo là chiếc tem phiếu giúp chúng tôi có đồ ăn đã hết hiệu lực.

“*Vào xe nào, nhà vô địch*”, Liz nói. *Cô ấy luôn gọi tôi là nhà vô địch. “Ta đang tốn thời gian đấy.”*

“*Cháu không muốn. Trưa nay bọn cháu được ăn cá tấm bột.*”

“*Không đâu*”, Liz đáp. “*Chúng ta sẽ ăn burger Whopper và khoai chiên. Cô mua.*”

“*Vào đi*”, mẹ tôi bảo. “*Làm ơn đấy, Jamie.*”

Thế là tôi ngồi vào băng ghế sau. Có vài tờ giấy gói Taco Bell trên sàn xe và một cái mùi có lẽ là của bóng ngô quay trong lò vi sóng. Còn có một mùi khác nữa, cái mùi mà tôi gắn với những

¹⁵ Từ gốc tác giả dùng là “pure”, chơi chữ với cái tên Purity của nhân vật.

chuyến thăm của hai mẹ con tới các trung tâm chăm sóc mà bác Harry từng ở, nhưng ít nhất là trên xe không có tấm lưới kim loại ngăn ghế sau với ghế trước, như tôi đã nhìn thấy trong một vài bộ phim cảnh sát mà mẹ vẫn xem (mẹ mê *Đường dây tội phạm*¹⁶).

Mẹ ngồi vào ghế trước và Liz khởi hành, dừng lại ở chỗ đèn đỏ đầu tiên để bật đèn chớp ở tấp lô. Nó kêu *blip-blip-blip*, và ngay cả khi tiếng còi hụ không vang lên, những chiếc xe khác vẫn tránh đường cho cô và chúng tôi phóng đi cực nhanh.

Mẹ tôi quay người lại, nhìn về phía tôi qua khoảng hở giữa hai chiếc ghế, với một biểu cảm khiến tôi phát sợ. Mẹ trông tuyệt vọng lắm rồi. “Liệu ông ấy có đang ở nhà không, Jamie? Mẹ dám chắc là họ đã đưa thi thể ông tới nhà xác hoặc nơi lo liệu tang lễ, nhưng liệu ông ấy có thể vẫn còn ở nhà không?”

Câu trả lời là tôi không biết, nhưng ban đầu tôi không nói điều đó ra, không nói gì cả. Tôi đang quá ngỡ ngàng. Bị tổn thương. Có lẽ là điên lên nữa, tôi không nhớ chắc được, nhưng sự ngỡ ngàng và tổn thương thì tôi nhớ rất rõ. Mẹ đã dặn tôi đừng bao giờ kể cho ai về việc nhìn thấy

¹⁶ Nguyên văn: *The Wire*.

người chết, và tôi chưa từng kể, thế mà mẹ lại đi kể. Mẹ đã nói cho Liz. Đó là lý do Liz ở đây, và sẽ sử dụng cái táp lô có thể chóp đèn của cô ta để xua hết xe cộ đi, thẳng đường cho chúng tôi tiến tới Đại lộ Sprain Brook.

Cuối cùng, tôi nói, “Cô ấy đã biết bao lâu rồi?”

Tôi thấy Liz nháy mắt với tôi qua gương chiếu hậu, kiểu nháy mắt ngầm nói *bọn này có chút bí mật nha*. Tôi không thích cái kiểu đó. Đáng ra người có bí mật ở đây là mẹ và tôi mới đúng.

Mẹ vươn ra khỏi ghế và tóm lấy cổ tay tôi.

Tay mẹ lạnh ngắt. “Đừng quan tâm chuyện ấy, Jamie, chỉ cần nói với mẹ là liệu ông ấy còn ở nhà hay không.”

“Ừ thì, con đoán vậy. Nếu đó là nơi ông chết.”

Mẹ thả tay tôi ra và bảo Liz đi nhanh hơn, nhưng Liz lắc đầu.

“Không phải ý hay đâu. Ai đó bên cảnh sát có thể tới hỏi thăm để biết ta đang gặp phải vấn đề gì. Lẽ nào em lại nói với họ rằng bọn mình cần nói chuyện với một gã đã chết, trước khi ông ta kịp bốc hơi?” Theo cái cách cô ta nói chuyện, tôi có thể nhận ra cô chẳng hề tin một lời nào trong những gì mẹ đã kể cho cô nghe, cô ta chỉ đang

chiều theo ý mẹ thôi. Cứ làm theo lời mẹ. Như vậy cũng ổn với tôi. Còn về phía mẹ, tôi cho rằng mẹ không quan tâm tới suy nghĩ của Liz, miễn là cô ta đưa chúng tôi tới Croton-on-Hudson.

“Thế thì đi nhanh hết mức em có thể vậy.”

“Rõ rồi, Tee-Tee.” Tôi chưa bao giờ thích cô ta gọi mẹ theo cách đó, vài đứa bạn trong lớp tôi sẽ hô lên cái từ này khi phải đi vệ sinh, nhưng có vẻ mẹ không bận tâm. Vào ngày hôm ấy, Liz có gọi mẹ là Bonnie Boobsalot thì mẹ cũng chẳng bận tâm. Có lẽ là còn không để vào tai nữa.

“Một vài người có thể giữ bí mật còn một vài người thì không”, tôi nói. Tôi không nhìn được. Thế nên tôi đoán là mình cũng phát điên rồi.

“Dừng lại đi”, mẹ tôi nói. “Mẹ không đủ sức lo mấy chuyện hờn dỗi của con đâu.”

“Con không dỗi”, tôi đáp trả một cách hờn dỗi.

Tôi biết là mẹ thân với Liz, nhưng đáng ra tôi và mẹ còn phải thân thiết hơn. Ít nhất mẹ cũng có thể hỏi xem tôi nghĩ thế nào, trước khi tiết lộ bí mật lớn nhất giữa chúng tôi vào một đêm nào đó mà mẹ cùng Liz nằm trên giường, sau khi leo lên cái thứ mà Regis Thomas gọi là “cầu thang ái tình say mê”.

“Mẹ hiểu là con bực, và con có thể trút giận lên mẹ sau, nhưng giờ thì mẹ cần con, nhóc ạ.”
 Đường như mẹ đã quên mất là Liz cũng đang ở đây, nhưng tôi có thể thấy đôi mắt của Liz qua kính chiếu hậu và biết rằng cô ta đang lắng nghe từng từ.

“Ok ạ.” Mẹ làm tôi hơi sợ. “Bình tĩnh đi mẹ.”

Mẹ giơ tay vuốt tóc và giật mạnh chỗ tóc mái. “Quá bất công. Mọi chuyện đã xảy ra với chúng ta... và vẫn đang tiếp tục xảy ra... là một mớ chó chết, khốn nạn!” Mẹ xoa đầu tôi. “Con không nghe thấy gì nhé.”

“Con nghe thấy rồi”, tôi đáp. Vì tôi vẫn đang điên, nhưng mẹ nói đúng mà. Còn nhớ tôi từng bảo là tôi sống trong tiểu thuyết của Dickens không, toàn chửi thề là chửi thề ấy? Bạn có biết vì sao người ta đọc những cuốn sách như thế không? Vì họ quá vui mừng khi những chuyện chó chết, khốn nạn không ập xuống đời họ.

“Mẹ đã tung hứng như làm xiếc với đủ loại hóa đơn suốt hai năm nay và chưa từng để cái nào bị rơi xuống đất. Thỉnh thoảng mẹ phải bỏ qua những thứ nhỏ nhỏ để chi trả cho những thứ to to, đôi khi lại bỏ qua những thứ to to để chi trả

một loạt những thứ nho nhỏ, nhưng đèn vẫn có thể bật sáng và chúng ta chưa bao giờ phải nhịn ăn bữa nào. Phải không?”

“Vâng vâng vâng”, tôi đáp, nghĩ rằng đáp vậy có thể khiến một nụ cười cong lên. Không hề.

“Nhưng giờ...” Mẹ lại giật mạnh tóc mái lần nữa, làm chỗ đó kết thành một cục. “Giờ thì một loạt hóa đơn đến hạn thanh toán trong cùng một lúc, với Quỹ Thuế chết tiệt dẫn đầu đoàn quân. Mẹ chìm trong một biển nợ đỏ quạch và mẹ kỳ vọng Regis sẽ cứu mẹ. Thế mà lão chó đẻ ấy lại chết! Khi mới năm mươi chín tuổi! Ai lại chết ở tuổi năm mươi chín hả, nếu như không phải là một gã phì nộn thừa ra năm chục ký lô, hoặc là bị nghiện thuốc?”

“Những người mắc ung thư chẳng?” Tôi trả lời.

Mẹ khịt mũi và lại giật chỗ tóc mái đáng thương hại.

“Bình tĩnh, Tee”, Liz nói khẽ. Cô ta áp lòng bàn tay lên cổ mẹ, nhưng tôi không nghĩ mẹ cảm nhận được.

“Cuốn sách có thể cứu chúng ta. Cuốn sách, toàn bộ cuốn sách đó, không gì cả, ngoại trừ cuốn sách.” Mẹ bật ra một tiếng cười hoang dại khiến

tôi càng thêm sợ. “Mẹ biết ông ấy mới chỉ viết xong vài chương, nhưng không ai biết điều đó cả, vì ông ấy không nói chuyện với ai ngoại trừ Harry trước khi bác ấy bị ốm, và giờ thì là với mẹ. Ông ấy không lập dàn ý hay có ghi chép gì, Jamie à, vì ông ấy nói mấy chuyện đó bó buộc quy trình sáng tạo. Và cũng vì ông ấy chẳng cần. Ông ấy luôn biết mình đang làm gì.”

Mẹ lại tóm lấy cổ tay tôi và siết chặt đến nỗi để lại những vết tím. Sau này, vào tối đó, tôi đã nhìn thấy những vết thâm ấy.

“Ông ấy có thể *vẫn* biết.”

10

Chúng tôi lái xe ngang qua tiệm Burger King ở Tarrytown và tôi nhận được một chiếc Whopper y như hứa hẹn. Và một ly sôcôla lắc nữa. Mẹ không muốn dừng lại, nhưng Liz nhất quyết ghé qua. “Cậu nhóc đang tuổi lớn, Tee ơi. Cậu chàng phải có đồ bỏ bụng ngay cả khi chị không cần ăn.”

Tôi quý cô ta ở điểm này, và cũng có vài điều khác khiến tôi quý cô, nhưng cũng có những việc mà tôi không ưa. Những việc lớn. Tôi sẽ kể sau, tôi phải kể, nhưng giờ thì chỉ cần biết rằng cảm xúc của tôi đối với Elizabeth Dutton, Tham tử Bạc Hai của Sở Cảnh sát New York, là rất phức tạp.

Cô ta nói thêm một điều nữa trước khi chúng tôi tới Croton-on-Hudson, và tôi cần phải kể lại.

Cô ta chỉ đang trò chuyện cho có thứ để nói thôi, nhưng hóa ra sau này (vâng tôi biết, lại là từ này), nó lại trở thành một chi tiết quan trọng. Liz nói Thumper cuối cùng đã giết người.

Người đàn ông tự xưng là Thumper cứ chốc chốc lại xuất hiện trên các kênh tin tức trong vòng vài năm trở lại đây, đặc biệt là trên NY1 - cái kênh hầu như tối nào mẹ cũng xem khi nấu cơm tối (và thỉnh thoảng mẹ xem trong khi chúng tôi ăn cơm, nếu ngày hôm đó có nhiều tin tức thú vị). “Triều đại khủng bố” của Thumper - cảm ơn nhé, NY1 - thực ra đã bắt đầu ngay từ trước khi tôi sinh ra, và hẳn ta kiểu như một huyền thoại vậy. Bạn biết đấy, giống như Gã Không mặt Lêu nghêu hay Sát thủ Tay móc¹⁷, chỉ khác là tên này thì có bom.

“Ai cơ?” Tôi hỏi. “Hắn ta giết ai?”

“Còn bao lâu nữa thì chúng ta đến nơi?”, mẹ cất tiếng. Mẹ chẳng hề quan tâm tới Thumper, mẹ còn phải lo chuyện khác quan trọng hơn.

“Làm chết một gã đã cố dùng một trong mấy cái bột điện thoại ít ỏi còn sót lại của Manhattan”, Liz nói, mặc kệ lời của mẹ. “Đội chuyên xử lý bom

¹⁷ Tác giả đang nhắc tới Slender Man và The Hook, những nhân vật nổi tiếng trong các câu chuyện rùng rợn.

nghĩ rằng quả bom bị kích nổ ngay vào cái giây
gã ta nhắc ống nghe lên. Hai cây thuốc nổ—”

“Chúng ta có buộc phải nói về chuyện này
không?”, mẹ hỏi. “Và tại sao cái đèn quái quỷ nào
cũng *màu đỏ* vậy?”

“Có hai cây thuốc nổ được dán bên dưới cái
gờ nhỏ mà người ta hay đặt tiền lẻ”, Liz tiếp tục,
không hề nao núng. “Thumper là một tay tháo
vát, phải thừa nhận vậy. Bọn họ định lập nên một
lực lượng đặc nhiệm nữa - sẽ là đội thứ ba kể
từ năm 1996 - và em định tham gia. Em từng là
thành viên trong đội gần đây nhất, nên cũng có
cơ hội.”

“Đèn xanh rồi”, mẹ nói. “Đi thôi.”

Liz đi chuyên.

11

Tôi vẫn đang ăn mấy miếng khoai chiên cuối cùng (đã nguội ngắt, nhưng tôi không phiền) thì chúng tôi rẽ vào một con đường cụt có tên là Đường Cobblestone. Có lẽ từng có những viên đá cuội trên con đường này, nhưng giờ nó chỉ là một con đường nhựa phẳng phiu. Ngôi nhà ở cuối đường được gọi là Cobblestone Cottage. Nó là một ngôi nhà đá cỡ lớn với những cánh cửa chớp được chạm khắc cầu kỳ và mái phủ rêu phong. Có những chiếc biển được gắn trên cột ở cổng vào - cột cũng làm từ đá xám giống như ngôi nhà vậy. Một tấm biển ghi **CẤM XÂM NHẬP, CHÚNG TÔI GIẤU XÁC MỆT RỒI**. Tấm biển còn lại có hình một con chó chăn cừu Đức, kèm theo dòng **CẢN THẬN CHÓ DỮ**.

Liz dừng lại và nhìn về mẹ tôi, nhướn mày.

“Cái xác duy nhất mà Regis từng chôn là con vẹt ông ấy nuôi, Francis”, mẹ nói. “Đặt tên theo nhà thám hiểm Francis Drake. Và ông ấy chưa từng nuôi chó.”

“Bị dị ứng”, tôi lên tiếng từ băng ghế sau.

Liz lái xe đến ngôi nhà, dừng lại, và tắt đi cái đèn chớp kêu blip blip ở tấp lô. “Cửa garage đang đóng và em không nhìn thấy cái xe nào hết. Ai sống ở đây vậy?”

“Không ai cả”, mẹ nói. “Người giúp việc tìm thấy ông ấy. Bà Quayle. Davina. Bà là người làm vườn bán thời gian, toàn bộ đội ngũ nhân viên của ông ấy đấy. Một người tử tế. Bà gọi cho chị ngay sau khi gọi xe cứu thương. Việc gọi *xe cứu thương* khiến chị thắc mắc, lẽ nào bà ấy đã chắc chắn là ông ấy chết thật rồi, và bà nói là bà chắc, bởi bà từng làm việc tại một viện dưỡng lão trước khi giúp việc cho Regis, nhưng ông ấy trước tiên vẫn phải được chuyển tới bệnh viện. Chị bảo bà hãy về nhà ngay sau khi cái xác được chuyển đi. Bà khá là hoảng. Bà hỏi về Frank Wilcox, người đó quản lý việc kinh doanh của Regis, và chị nói chị sẽ liên hệ với anh ta. Rồi chị sẽ liên lạc, nhưng

vào lần cuối chị nói chuyện với Regis, ông ấy bảo với chị là Frank với vợ đang ở Hy Lạp.”

“Cánh báo chí thì sao?” Liz hỏi. “Ông là một tác giả bán sách rất chạy mà.”

“Thánh thần ạ, chị không biết.” Mẹ diên cuồng nhìn quanh, như thể mẹ nghĩ mấy tay phóng viên đang lẩn trốn trong lùm cây bụi cỏ. “Chị không thấy ai hết.”

“Họ thậm chí có lẽ chưa biết”, Liz nói. “Nếu biết hoặc nghe ngóng được tin, trước hết họ sẽ tìm tới cảnh sát và đơn vị cấp cứu. Cái xác không còn ở đây nên hội đưa chuyện cũng không đến đây. Chúng ta vẫn còn một chút thời gian, chị bình tĩnh lại đi.”

“Thực tế vợ nọ đang đập vào mặt chị đây, chị còn một ông anh có lẽ phải sống ở viện chăm sóc thêm ba mươi năm nữa, và một thằng con có lẽ sẽ học đại học vào một ngày nào đó, thế nên đừng có mà bảo chị bình tĩnh lại. Jamie, con có nhìn thấy ông ấy không? Con biết mặt ông ấy mà, phải không? Nói với mẹ nếu con nhìn thấy ông ấy.”

“Con biết mặt ông ấy, nhưng con không nhìn thấy ông ấy”, tôi nói.

Mẹ thốt lên một tiếng rên rĩ và đập gót tay vào cục tóc mái thê thảm của mình.

Tôi tìm lấy mở cửa ô tô, và ngạc nhiên chưa, không có khóa. Tôi bảo Liz cho tôi ra ngoài và cô ta liền mở cửa. Chúng tôi đều đi ra khỏi xe.

“Gõ cửa đi”, Liz bảo. “Nếu không có ai trả lời, chúng ta sẽ đi quanh nhà và bế Jamie lên để nhóc có thể nhìn qua cửa sổ.”

Chúng tôi có thể làm vậy vì những cánh cửa chớp - được chạm khắc những chi tiết trang trí nhỏ nhỏ - đều mở toang. Mẹ tôi chạy tới chỗ cửa ra vào, và trong khoảnh khắc, để Liz ở lại một mình với tôi.

“Cháu đâu thật sự nghĩ là mình có thể nhìn thấy người chết giống như một đứa trẻ trong phim, phải không nào, nhà vô địch?”

Tôi không quan tâm cô ta có tin tôi hay không, nhưng cái thái độ trong tông giọng cô ta - rằng mọi sự là một trò hề cỡ bự - khiến tôi phát cáu. “Mẹ đã kể cho cô về chuyện mấy cái nhẫn của bà Burkett, đúng không?”

Liz nhún vai. “Đó có thể chỉ là một pha đoán mò ăn may thôi. Cháu đâu có tình cờ nhìn thấy người chết nào trên đường tới đây đâu, nhỉ?”

Tôi đáp, không nhìn thấy, nhưng cũng khó xác định được trừ khi bạn nói chuyện với họ...

hoặc họ nói chuyện với bạn. Có một lần, khi tôi và mẹ đi xe buýt, tôi đã nhìn thấy một cô gái với cổ tay bị cắt sâu tới mức cô ấy như thể đang đeo vòng tay màu đỏ, và tôi khá chắc chắn là cô ta đã chết, mặc dù cô ấy không hề méo mó, xẹp xẹp như người đàn ông ở Công viên Trung tâm. Và cũng ngày hôm đó, khi chúng tôi lái xe ra khỏi thành phố, tôi để ý thấy một phụ nữ lớn tuổi mặc áo choàng tắm màu hồng, đứng ở góc đường Đại lộ Tám. Khi ký hiệu đèn chuyển sang dòng ĐI BỘ, bà ta vẫn đứng yên đó, nhìn ngó xung quanh như một người khách du lịch. Bà có mấy cái lô cuốn ở trên tóc. Bà ta có thể đã chết, nhưng bà cũng có thể là một người sống đang đi dạo thần thờ loanh quanh, giống như điều mà mẹ kể bác Harry thỉnh thoảng vẫn làm trước khi mẹ phải đưa bác vào trung tâm chăm sóc đầu tiên. Mẹ nói với tôi rằng, khi bác Harry bắt đầu hành xử như vậy, đôi khi vẫn mặc nguyên đồ ngủ, thì mẹ cũng bỏ cuộc, không nghĩ là bác có thể cải thiện được nữa.

“Mấy người coi bói lúc nào chẳng nói đúng được gì đó”, Liz bảo. “Ngoài ra, người ta cũng hay bảo là, kể cả một cái đồng hồ chết rồi vẫn chỉ giờ đúng hai lần trong ngày.”

“Tức là cô nghĩ mẹ khủng rồi và cháu thì giúp mẹ khủng?”

Cô ấy bật cười. “Như thế gọi là *tạo điều kiện*, nhà vô địch à, và không, cô không nghĩ vậy. Điều cô nghĩ là mẹ cháu đang phiền muộn lắm và đang cố còn thờ thì còn gỡ. Cháu có hiểu thế nghĩa là gì không?”

“Hiểu ạ. Nghĩa là mẹ bị khủng.”

Liz lại lắc đầu, lần này nói rõ ràng hơn. “Mẹ cháu đang phải chịu rất nhiều áp lực. Cô rất hiểu. Nhưng bịa chuyện ra cũng không giúp được chị ấy đâu. Cô mong rằng *cháu* hiểu điều đó.”

Mẹ quay trở lại. “Không ai trả lời, và cửa thì khóa. Chị thử rồi.”

“Ok”, Liz nói. “Đi dòm qua cửa sổ thôi.”

Chúng tôi đi quanh ngôi nhà. Tôi có thể nhìn qua những cánh cửa sổ ở phòng ăn, bởi cửa sổ kéo thấp xuống tận mặt đất, nhưng tôi quá thấp để nhìn qua được những cánh cửa khác. Liz đan tay cho tôi giẫm lên, để tôi có thể nhìn vào nhà. Tôi thấy một phòng khách lớn với ti vi màn hình rộng và rất nhiều đồ nội thất sang trọng. Tôi nhìn thấy phòng ăn với một chiếc bàn rất dài, đủ chỗ cho cả đội hình chính của Mets ngồi

xuống, có lẽ còn đủ chỗ cho tay ném bóng dự bị của họ luôn. Thật là điên rồ đối với một tay ghét có người ở cùng. Tôi cũng thấy một căn phòng mà mẹ gọi là phòng khách nhỏ, và ở đằng sau kia là phòng bếp. Ông Thomas không ở trong căn phòng nào cả.

“Có thể ông ấy ở trên tầng. Mẹ chưa bao giờ lên đó, nhưng nếu ông ấy chết ở giường... hoặc ở phòng tắm... ông ấy có lẽ vẫn...”

“Em không nghĩ ông chết ở trên ngai đâu, như Elvis ấy hả, nhưng em cho rằng đó cũng là một khả năng.”

Tôi bật cười, việc gọi bồn cầu là cái ngai luôn luôn khiến tôi cười, nhưng tôi dừng lại khi nhìn thấy gương mặt mẹ. Đây là chuyện nghiêm túc, và mẹ đang dần cạn kiệt hy vọng. Có một cánh cửa dẫn vào phòng bếp và mẹ cố vịn tay nắm, nhưng nó bị khóa rồi, cũng giống như cửa chính.

Mẹ quay sang Liz. “Chắc là chúng ta có thể...”

“Đừng nghĩ về chuyện đó”, Liz nói. “Không có chuyện phá cửa xông vào đâu, Tee. Em có đủ vấn đề ở sở rồi, đấy là chưa tính đến việc đi phá hủy hệ thống an ninh tại nhà của một tác giả bán chạy mới qua đời và cố giải thích ta đang làm gì

ở đây khi mấy gã ở Brinks hoặc ADT xuất hiện. Hoặc là cảnh sát khu vực. Và nhân nhắc tới cảnh sát... ông ấy chết khi ở một mình, đúng không? Người giúp việc tìm thấy ông ấy?"

"Đúng thế, bà Quayle. Bà ấy gọi chị, chị đã kể với em—"

"Cảnh sát sẽ cần hỏi bà ta vài câu. Có lẽ đang hỏi ngay bây giờ rồi. Hoặc là bên giám định y tế. Em không biết ở quận Westchester thì người ta xử lý như thế nào."

"Vì ông ấy nổi tiếng à? Vì họ nghĩ rằng ai đó có thể đã sát hại ông ấy?"

"Vì đó là thủ tục. Và ừ, vì ông ấy nổi tiếng, em nghĩ vậy. Vấn đề là, em không muốn chúng ta còn ở đây khi mấy người ấy xuất hiện."

Hai vai mẹ chùng xuống. "Không có gì à, Jamie? Không có dấu vết gì của ông ấy?"

Tôi lắc đầu.

Mẹ thờ dài và nhìn về phía Liz. "Có lẽ chúng ta nên kiểm tra nhà để xe?"

Liz tặng mẹ một cái nhún vai tỏ ý *tùy chị hết*.

"Jamie? Con nghĩ sao?"

Tôi không thể tưởng tượng ra vì lẽ gì mà ông Thomas lại muốn loanh quanh ở nhà để xe,

nhưng tôi đoán đó cũng là chuyện khả dĩ. Có thể ông ấy đặc biệt thích một cái xe. “Con nghĩ chúng ta nên ra đó. Khi chúng ta còn ở đây.”

Chúng tôi hướng về phía gara, nhưng rồi tôi dừng lại. Có một con đường rải sỏi ở bên kia bể bơi của ông Thomas - cái bể đã cạn nước. Cây được trồng dọc theo con đường, nhưng vì đã cuối năm và lá cây gần như đã rụng hết, nên tôi có thể nhìn thấy một khối nhà nhỏ màu xanh lá cây. Tôi chỉ về hướng đó. “Kia là gì vậy?”

Mẹ đập vào trán mình một cái nữa. Tôi bỗng nhiên sợ mẹ có thể tự làm mình nổi lên một cục u não hay gì đó. “Ôi trời ạ, *La Petite Maison dans le Bois*¹⁸! Sao mẹ lại không nghĩ tới nó đầu tiên nhỉ?”

“Là gì thế ạ?” Tôi hỏi.

“Phòng làm việc của ông ấy! Nơi ông ấy viết! Nếu ông ấy vẫn ở đâu đó thì hẳn phải là ở đằng ấy! Đi thôi!”

Mẹ tóm lấy tay tôi và kéo tôi chạy tới phía nông hơn của bể bơi, nhưng khi chúng tôi chạy đến đầu con đường rải sỏi, tôi dừng chân lại. Mẹ vẫn tiếp tục xông tới, và nếu Liz không giữ lấy vai tôi, có lẽ tôi đã ngã dập mặt.

¹⁸ Tiếng Pháp, nghĩa là: ngôi nhà nhỏ trong rừng.

“Mẹ? Mẹ!”

Mẹ quay lại, mắt kiên nhẫn. Nhưng đó không phải là từ chính xác. Mẹ trông sắp sửa phát điên rồi. “Đi thôi! Mẹ vừa nói với con là nếu ông ấy vẫn ở đâu đó *chỗ này*, thì hẳn phải là ở đằng ấy!”

“Chị phải bình tĩnh đã, Tee”, Liz nói. “Chúng ta sẽ kiểm tra phòng sáng tác của ông ấy, sau đó em nghĩ mình nên đi.”

“Mẹ!”

Mẹ ngó lơ tôi. Mẹ bắt đầu khóc, điều mà cực kỳ ít khi xảy ra. Mẹ thậm chí không khóc khi biết được bên thuế đòi bao nhiêu tiền, vào ngày ấy, mẹ chỉ dấm tay xuống bàn và gọi họ là một lũ khốn hút máu, nhưng giờ thì mẹ đang khóc. “Cứ đi đi nếu em muốn, nhưng mẹ con chị sẽ ở lại đây cho tới khi Jamie chắc chắn mọi sự là vô vọng. Đây có lẽ chỉ là một cuộc dạo chơi dễ chịu đối với em, chiều theo ý một ả điên—”

“Thái quá rồi đấy!”

“—nhưng thứ đang xảy ra ở đây là *cái* đòi chị—”

“Em biết là—”

“—và cả cuộc sống của Jamie, và—”

“MẸ OI!”

Một trong những điều tệ hại nhất khi là trẻ con, có lẽ còn tệ hơn mức tệ nhất, là người lớn sẽ mặc xác bạn khi họ còn bận quay cuồng với những thứ hỗn loạn của họ. *"MẸ! LIZ! CÁI HAI NGƯỜI! DỪNG LẠI!"*

Hai người họ dừng lại. Họ nhìn tôi. Chúng tôi đứng đó, hai người phụ nữ và một cậu bé đang mặc áo hoodie của đội New York Mets, bên cạnh một cái bể bơi cạn nước, trong một ngày u ám của tháng Mười một.

Tôi chỉ về con đường sỏi hướng tới ngôi nhà nhỏ trong rừng cây - nơi ông Thomas viết những cuốn sách Roanoke.

"Ông ấy ở ngay kia", tôi nói.

12

Ông ấy tiến lại gần chúng tôi, và tôi không ngạc nhiên. Hầu hết bọn họ, không phải tất cả nhưng hầu hết, đều bị thu hút bởi những người sống trong một khoảng thời gian, giống như loài bọ bị hút về những ngọn đèn bắt côn trùng. Thật là một cách so sánh kinh khủng, nhưng tôi chỉ nghĩ được đến thế. Tôi có thể đoán ra ông ấy đã chết ngay cả khi tôi không biết về cái chết của ông, nhờ vào những gì ông đang mặc. Hôm đó trời lạnh, nhưng ông chỉ mặc một chiếc áo phông trắng trơn, quần ngắn rộng, và đi đôi sandal mà mẹ gọi là giày của Chúa. Ngoài ra, còn một thứ khác nữa, một món đồ kỳ cục: một cái đai đeo vai màu vàng gắn ruy băng xanh biển.

Liz nói với mẹ, đại loại là chẳng có ai ở đây hết và tôi chỉ giả vờ thôi, nhưng tôi không bận tâm. Tôi bỏ tay mẹ ra và đi về hướng ông Thomas. Ông ấy dừng lại.

“Xin chào, bác Thomas”, tôi nói. “Cháu là Jamie Conklin. Con trai của Tia. Cháu chưa gặp bác bao giờ.”

“Ôi trời, thôi đi nào”, Liz thốt lên từ sau lưng tôi.

“Yên lặng đi”, mẹ tôi bảo, nhưng sự nghi hoặc của Liz hẳn đã chạm tới mẹ phần nào, vì mẹ hỏi liệu tôi có chắc rằng ông Thomas đang thực sự ở đây không.

Tôi cũng mặc kệ câu hỏi này. Tôi đang thắc mắc về cái đai ông ấy đeo. Ông đã đeo nó khi chết.

“Bác đang ngồi ở bàn làm việc”, ông ấy nói. “Bác luôn đeo đai trên người khi viết. Món đồ may mắn của bác.”

“Cái ruy băng màu xanh để làm gì?”

“Là giải đánh vần cấp vùng mà bác từng thắng hồi học lớp sáu. Vượt qua bọn học sinh đến từ hai mươi trường khác. Bác thua ở cuộc thi cấp tiểu bang, nhưng bác đã nhận được cái

ruy băng xanh biển này khi chiến thắng cấp vùng. Mẹ bác làm cho bác một cái đai và đính cái ruy băng lên.”

Theo suy nghĩ của tôi, thật là kỳ quái khi ông ấy vẫn đeo thứ đó trên người, vì lớp sáu hẳn phải là một quá khứ cách đây cả nghìn tỉ năm đối với ông Thomas, nhưng ông kể ra chuyện này mà chẳng xấu hổ hay lúng túng gì hết. Một vài người chết có thể cảm nhận tình yêu thương - còn nhớ tôi đã kể với bạn về chuyện bà Burkett hôn lên má ông Burkett không? - và họ có thể cảm nhận sự ghét bỏ (một điều mà cuối cùng tôi cũng phát hiện ra), nhưng hầu hết mọi cảm xúc khác đều có vẻ biến mất khi họ qua đời. Ngay cả tình yêu cũng không còn quá mãnh liệt nữa, theo cảm nhận của tôi. Tôi không vui thú gì phải kể với bạn việc này, nhưng sự ghét bỏ thì sâu sắc và kéo dài lâu hơn. Tôi nghĩ rằng con người ta nhìn thấy ma (khác với người chết), là vì chúng vẫn chất đầy thù hận. Mọi người nghĩ ma rất đáng sợ, vì chúng đúng là đáng sợ.

Tôi quay lại với mẹ và Liz. “Mẹ, mẹ có biết rằng ông Thomas đeo một cái đai khi ông ấy viết sách không?”

Mắt mẹ mờ to. “Có nói trong bài phỏng vấn cho *Salon* hồi năm hay sáu năm trước. Ông ấy đang đeo à?”

“Vâng. Có một cái ruy băng xanh trên đai. Từ—”

“Từ cuộc thi đánh vần mà ông ấy thắng giải! Trong bài phỏng vấn, ông ấy đã cười và bảo đó là ‘sự làm màu ngốc nghếch của tôi.’”

“Có lẽ vậy”, ông Thomas nói. “Nhưng hầu hết các cây viết đều làm những chuyện màu mè và mê tín ngốc nghếch. Bọn này giống cầu thủ bóng chày ở điểm đó, Jimmy ạ. Và ai có thể tranh cãi với một người đã chín lần liên tiếp là tác giả bán chạy nhất của *New York Times* chứ?”

“Cháu là Jamie”, tôi nói.

Liz lên tiếng, “Chị đã kể cho nhà vô địch đây về bài phỏng vấn rồi, Tee ơi. Hẳn là đã kể. Không thì thằng bé tự đọc. Nó đọc giỏi điên lên được. Nó biết trước rồi, vậy thôi, và nó—”

“Yên lặng đi”, mẹ gắt. Liz giơ hai tay lên, tỏ ý đầu hàng.

Mẹ bước đến bên cạnh tôi, nhìn vào nơi mà đối với mẹ chỉ là một con đường sỏi không người. Ông Thomas đang đứng ngay trước mặt

mẹ, hai tay để trong túi quần ngố. Cái quần rộng lụng thụng, và tôi hy vọng ông ấy không chọc tay vào túi mạnh quá, vì tôi cảm thấy hình như ông không mặc quần lót.

“Nói với ông ấy điều mà mẹ đã bảo con nói đi!”

Mẹ muốn tôi nói với ông ấy rằng, ông phải giúp chúng tôi, không thì lớp băng tài chính mỏng dính mà hai mẹ con đã đi trên đó suốt hơn một năm nay sẽ vỡ ra và chúng tôi sẽ chìm xuống một đồng nợ. Còn nữa, công ty đang bắt đầu mất khách hàng, vì một số tác giả của mẹ biết rằng chúng tôi đang gặp rắc rối và có nguy cơ buộc phải đóng cửa. Lũ chuột bọ trốn chạy khỏi con tàu đắm - mẹ gọi họ như vậy, vào một đêm mà Liz không có mặt, và mẹ đã uống tới ly rượu thứ tư.

Dù sao thì tôi cũng không bận tâm tới những lời cảm ràm đó. Những người chết phải trả lời câu hỏi của bạn - ít nhất là trước khi họ tan biến - và họ phải nói thật. Thế nên tôi vào thẳng vấn đề.

“Mẹ muốn biết cuốn *Bí mật của Roanoke*¹⁹ nói về cái gì. Mẹ muốn biết toàn bộ câu chuyện. Bác có biết toàn bộ câu chuyện không ạ, bác Thomas?”

¹⁹ Nguyên văn: *The secret of Roanoke*.

“Dĩ nhiên rồi.” Ông ấy chọc tay vào túi quần sâu hơn nữa, và giờ tôi có thể nhìn thấy một đường lông nho nhỏ chạy ở giữa bụng ông, bên dưới rốn. Tôi không muốn nhìn, nhưng vẫn là nhìn thấy. “Bác luôn có đủ *mọi thứ* trước khi viết *bất cứ thứ gì*.”

“Và giữ tất cả trong đầu bác?”

“Bác phải làm thế. Không thì kẻ nào đó có thể ăn trộm mất. Tung lên mạng. Tiết lộ trước điều gây kinh ngạc.”

Nếu ông ấy còn sống, câu tuyên bố này hẳn sẽ có vẻ đầy tính hoang tưởng. Chết rồi, ông chỉ đơn giản là nêu lên một sự thật, hoặc điều mà ông tin là sự thật. Và nhé, tôi nghĩ ông ấy có lý. Mấy kẻ ôm máy tính lúc nào cũng tiết lộ thứ này thứ kia trên mạng, tất thảy mọi thứ, từ những thứ chán ồm như các bí mật chính trị, tới những điều thực sự quan trọng, như là điều gì sẽ xảy ra trong phần cuối cùng của *Giải mã kỳ án*²⁰.

Liz rời ra xa khỏi tôi và mẹ, ngồi xuống một cái ghế băng bên cạnh bể bơi, vắt chéo chân, và châm một điếu thuốc. Có vẻ cô ấy đã thả trôi cho sự điên khùng tung hoành. Với tôi thì chẳng vấn

²⁰ Nguyên văn: *Fringe*.

đề gì. Liz cũng có những mặt tốt đẹp, nhưng vào sáng hôm đó thì cô ta thật sự chỉ gây cản trở.

“Mẹ muốn bác nói cho cháu hết tất cả”, tôi bảo với ông Thomas. “Cháu sẽ kể lại cho mẹ, và mẹ sẽ viết tập truyện Roanoke cuối cùng. Mẹ sẽ nói là bác đã gửi cho mẹ gần hết cuốn sách trước khi qua đời, cùng với những ghi chép về cách kết thúc ở các chương cuối.”

Nếu còn sống, ông ấy hẳn sẽ gầm lên trước lời gợi ý là để ai đó hoàn thành cuốn sách của ông; tác phẩm là thứ quan trọng nhất đời ông và tính chiếm hữu của ông đối với nó là cực lớn. Nhưng giờ thì những gì còn lại của con người ông đang nằm trên một cái bàn của đơn vị lo liệu đám ma, ở một nơi nào đó chẳng ai biết, trên người là quần ngố khaki và cái đai vàng mà ông đã đeo khi viết vài dòng văn cuối đời. Cái phiên bản người đang nói chuyện với tôi thì không còn bo bo giữ của hay có tính chiếm hữu gì với những bí mật của bản thân nữa.

“Cô ấy có thể làm được không?” là tất cả những gì ông ấy hỏi.

Mẹ đã đảm bảo với tôi (và Liz) trên đường tới Cobblestone Cottage, là mẹ thực sự có thể làm

được. Regis Thomas kiên quyết rằng không một người biên tập nào được phép làm dơ bản dù chỉ một chữ trong những câu từ quý giá của ông, nhưng sự thật là mẹ vẫn biên tập các cuốn sách ông viết mà không nói gì với ông - ngay từ hồi bác Harry vẫn còn tỉnh trí và lo công việc. Một vài thay đổi cũng khá lớn, nhưng ông ấy chưa bao giờ biết... hoặc ít nhất là chưa bao giờ nói gì. Nếu có ai đó trên đời này có thể bắt chước văn phong của ông Thomas, thì đó chính là mẹ tôi. Nhưng văn phong không phải là vấn đề. Vấn đề là *câu chuyện*.

“Mẹ có thể”, tôi nói, bởi đáp vậy thì đơn giản hơn là thông báo cho ông ấy toàn bộ những điều trên.

“Người phụ nữ còn lại là ai?”, ông Thomas hỏi, chỉ tay về Liz.

“Đó là bạn của mẹ cháu. Tên cô ấy là Liz Dutton.” Liz nhanh chóng ngẩng đầu lên, rồi châm thêm một điếu thuốc nữa.

“Và cô ta làm tình với mẹ cháu à?”, ông Thomas hỏi.

“Khá chắc chuyện là thế, vâng.”

“Bác nghĩ vậy. Theo cái cách họ nhìn nhau.”

“Ông ấy nói gì vậy?”, mẹ lo lắng hỏi.

“Ông ấy hỏi có phải mẹ và Liz là bạn thân không”, tôi đáp. Hơi nhảm nhí, nhưng là tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra trong nhất thời. “Thế bác có kể được cho bọn này biết về *Bí mật của Roanoke* không?”, tôi hỏi ông Thomas. “Ý cháu là cả cuốn sách, chứ không chỉ phần nói về bí mật đâu.”

“Được.”

“Ông nói được”, tôi bảo mẹ, và mẹ lấy ra điện thoại di động và một cái máy ghi âm nhỏ từ túi xách của mình. Mẹ không muốn bỏ sót một từ nào cả.

“Bảo với ông ấy là nói chi tiết hết mức có thể.”

“Mẹ nói là—”

“Bác nghe thấy cô ấy rồi”, ông Thomas nói. “Bác đây chết, nhưng không điếc.” Cái quần của ông ấy tụt thấp hơn bao giờ hết.

“Tuyệt”, tôi nói. “Nghe này, có lẽ bác nên kéo quần lên, bác Thomas à, không thì bạn nhỏ bên dưới của bác sẽ bị lạnh.”

Ông ấy kéo quần lên, để nó lủng lảng ở chỗ hông xương xẩu. “Trời lạnh à? Bác không thấy

thế.” Sau đó, không hề thay đổi tông giọng: “Tia trông bắt đầu già đi rồi, Jimmy.”

Tôi không buồn nhắc ông ấy thêm lần nữa, rằng tên tôi không phải là Jimmy. Thay vì làm vậy, tôi nhìn về phía mẹ và trời ạ, mẹ trông *quá thực* già. Đã bắt đầu quá trình ấy. Từ lúc nào nhỉ?

“Đọc truyện cho hai mẹ con cháu đi”, tôi nói.
“Từ đâu.”

“Không thì từ đâu nữa?”, ông Thomas đáp.

13

Mất một tiếng rươi đồng hồ, và khi chúng tôi xong việc, tôi mệt lử và tôi đoán mẹ cũng vậy. Lúc kết thúc, ông Thomas trông vẫn y như lúc chúng tôi bắt đầu, vẫn đứng đó với cái đai vàng tội nghiệp đã trể xuống bụng mỡ và cái quần tụt. Liz đỗ xe giữa hai cái cột chỗ cổng vào, để đèn chớp kêu blip blip, đó có lẽ là một ý hay, vì tin tức về cái chết của ông Thomas bắt đầu lan đi, và mọi người dần xuất hiện để chụp ảnh Cobblestone Cottage. Cô ấy có lúc đã quay lại để hỏi xem chúng tôi phải mất bao lâu nữa, và mẹ phẩy tay xua cô ấy đi, bảo cô hãy đi kiểm tra hiện trường xung quanh hay gì đó, nhưng nhìn chung thì Liz vẫn ở lại chỗ chúng tôi.

Việc vừa mệt vừa căng thẳng, vì tương lai của chúng tôi phụ thuộc vào cuốn sách của ông Thomas. Thật bất công với tôi khi phải gồng gánh trách nhiệm này, khi mới chín tuổi, nhưng chẳng còn lựa chọn nào khác. Tôi phải lặp lại cho mẹ mọi điều ông Thomas nói - hoặc đúng hơn là cho cái máy ghi âm của mẹ - và ông Thomas thì có rất nhiều thứ để nói. Khi ông ấy bảo tôi rằng ông có thể giữ mọi thứ trong đầu, ông không hề khoác lác. Và mẹ cứ liên tục đặt câu hỏi, chủ yếu để làm rõ hơn. Ông Thomas không có vẻ bận tâm (thực ra là chẳng hề quan tâm gì), nhưng cái cách mẹ làm lễ mễ mọi sự bắt đầu khiến tôi cáu. Hơn nữa, miệng tôi khô khùng khiếp. Khi Liz đưa cho tôi cốc Coca còn thừa của cô từ chỗ Burger King, tôi nuốt xuống vài ngụm sót lại và ôm cô một cái.

“Cảm ơn cô”, tôi nói, trả lại cái cốc giấy.
“Cháu cần uống nước.”

“Không có gì hết.” Liz trông không còn vẻ chán nản nữa. Giờ cô ấy có vẻ trầm ngâm. Cô không thể nhìn thấy ông Thomas, và tôi không nghĩ cô ấy hoàn toàn tin ông ấy đang ở đây, nhưng cô ấy biết điều gì đó đang diễn ra, vì cô đang nghe thấy một thằng bé chín tuổi tuôn ra một cốt truyện phức tạp, với sự xuất hiện của cả chục

nhân vật quan trọng và hơn hai chục nhân vật ít quan trọng hơn. Ồ, và có cả một cuộc mây mưa tay ba giữa George Threadgill, Purity Betancourt và Laura Goodhugh - cô này cuối cùng dính bầu. Laura khổ sở lúc nào cũng là kẻ xui xẻo.

Khi phần tổng kết của ông Thomas gần hết, bí mật khổng lồ cũng được tiết lộ, cực kỳ xuất sắc. Tôi sẽ không kể cho bạn biết đâu. Hãy đọc truyện và tự tìm hiểu đi. Đây là nếu như bạn vẫn chưa đọc.

“Bây giờ bác sẽ cho cháu biết câu cuối cùng”, ông Thomas nói. Ông trông vẫn tươi tắn nguyên vẹn... mặc dù “tươi tắn” có lẽ không phải là từ chính xác để nói về một người chết. Thực chất là giọng nói của ông bắt đầu nhỏ đi. Chỉ một chút. “Bởi vì bác luôn viết câu đó trước tiên. Là ánh sáng soi đường để bác chèo thuyền hướng tới.”

“Sắp tới là câu kết”, tôi bảo mẹ.

“Tạ ơn ngài”, mẹ nói.

Ông Thomas giơ một ngón tay lên, như một diễn viên thời xưa chuẩn bị phát biểu một bài diễn văn hoành tráng. “Vào ngày hôm đó, mặt trời đỏ bao phủ khu định cư bị bỏ hoang, và cái từ được khắc từng khiến bao thế hệ chao đảo, đang

phát sáng như thể được tô màu: CROATOAN.’ Bào cô ấy viết *croatoan* dưới dạng chữ in hoa nhé, Jimmy.”

Tôi bảo lại với mẹ, sau đó tôi hỏi ông Thomas xem chúng tôi đã xong việc chưa. Đúng lúc ông ấy nói việc đã xong rồi, tôi nghe thấy tiếng còi hụ đánh gọn ở trước nhà.

“Chúa ơi”, Liz nói, nhưng không hoảng loạn; mà giống như cô ấy đang chờ chuyện này xảy ra. “Đến rồi đây.”

Cô kẹp huy hiệu của mình ở thắt lưng và kéo khóa chiếc parka xuống để mọi người có thể nhìn rõ. Sau đó, cô ấy đi ra phía trước nhà và quay trở về với hai cảnh sát. Họ cũng mặc parka, trên áo có chữ Cảnh sát Quận Westchester.

“Chim té, cớm kia”, ông Thomas lên tiếng, tôi không hiểu câu nói ấy. Sau này, khi tôi hỏi mẹ, mẹ bảo tôi đó là một từ lóng được dùng từ những năm 1950²¹.

“Đây là chị Conklin”, Liz nói. “Chị ấy là bạn tôi và là người đại diện của ông Thomas. Chị ấy nhờ tôi đưa chị đến đây, vì chị sợ rằng kẻ nào đó có thể thừa cơ mà trộm mất mấy món đồ lưu niệm.”

²¹ Câu gốc mà Thomas nói là “Cheese it, the cops”, dùng để chỉ tình huống khẩn cấp, thúc giục mọi người mau chạy đi.

“Hoặc là các tập bản thảo”, mẹ tôi bổ sung. Cái máy ghi âm đã an toàn trong túi mẹ và chiếc điện thoại thì đã ở túi sau của quần bò. “Đích xác là một bản thảo, tập sách cuối cùng trong loạt tiểu thuyết mà ông Thomas đang viết dở.”

Liz thấy cho mẹ một cái nhìn ý nói đủ rồi, nhưng mẹ tôi vẫn tiếp tục.

“Ông ấy vừa viết xong, và hàng triệu người sẽ muốn đọc. Tôi cảm thấy nhiệm vụ của tôi là phải đảm bảo rằng họ có cơ hội đó.”

Mấy tay cảnh sát không có vẻ quan tâm, họ ở đây để kiểm tra căn phòng mà ông Thomas đã ở khi qua đời. Cũng như để chắc chắn những người có mặt ở hiện trường sở hữu lý do chính đáng để xuất hiện ở đây.

“Tôi tin là ông ấy chết ở phòng làm việc”, mẹ tôi nói, chỉ về *La Petite Maison*.

“Ừm”, một viên cảnh sát lên tiếng. “Chúng tôi đã được nghe điều này. Chúng tôi sẽ kiểm tra chỗ ấy.” Ông này phải cúi xuống, chống hai tay lên đầu gối để chạm mắt với tôi; hồi đó tôi khá là tôm tép. “Con trai, tên cháu là gì?”

“James Conklin.” Tôi nhìn ông Thomas một cái chằm chọc. “*Jamie* ạ. Đây là mẹ cháu.” Tôi cầm tay mẹ.

“Hôm nay trốn học đi chơi hả, Jamie?”

Trước khi tôi có thể trả lời, mẹ đã chen ngang, rất mượt. “Tôi thường đón cháu nó khi thằng bé tan học, nhưng hôm nay tôi sợ mình không về kịp, nên chúng tôi ghé ngang trường để đón cháu. Đúng không nào, Liz?”

“Chính xác”, Liz nói. “Các sĩ quan, chúng tôi chưa kiểm tra phòng làm việc, nên tôi không thể nói với các anh là nó có bị khóa hay không.”

“Người giúp việc để cửa mở với cái xác bên trong”, viên cảnh sát nói chuyện với tôi lên tiếng. “Nhưng bà ấy đã đưa tôi chìa khóa và chúng tôi sẽ khóa cửa lại sau khi kiểm tra nhanh quanh phòng.”

“Cháu có thể nói với họ là chẳng có âm mưu nào cả”, ông Thomas nói. “Bác đây lên cơn đau tim. Đau như quỷ ám.”

Tôi còn lâu mới nói. Tôi chỉ mới chín tuổi, nhưng tuổi nhỏ không đồng nghĩa với óc quả nhỏ.

“Có cả chìa khóa mở cổng không?” Liz hỏi. Cô ấy giờ đang hết sức chuyên nghiệp. “Vi khi chúng tôi tới thì cửa mở.”

“Có, và bọn này sẽ khóa lại khi rời đi”, viên cảnh sát thứ hai đáp. “Cô xử lý tốt đấy, thám tử, đỗ xe ở cổng.”

Liz dang tay ra, như thể nói đó chỉ là việc bình thường thôi. “Nếu các anh xong việc rồi thì chúng tôi sẽ không làm vương chân nữa.”

Sĩ quan nói chuyện với tôi lên tiếng, “Chúng tôi cần biết bản thảo quý giá kia trông như thế nào, để đảm bảo rằng nó an toàn.”

Đây là một pha bóng mà mẹ tôi có thể đỡ được. “Ông ấy vừa gửi bản gốc cho tôi vào tuần trước. Qua một cái USB. Tôi không nghĩ còn bản lưu nào đâu. Ông ấy khá là sợ bóng sợ gió.”

“Đúng thế”, ông Thomas thừa nhận. Cái quần của ông lại tụt.

“Mừng là các chị ở đây để trông chừng”, sĩ quan thứ hai bảo. Ông ta và người còn lại bắt tay mẹ và Liz, và cả tôi nữa. Sau đó họ đi theo con đường rải sỏi để tới căn nhà nhỏ màu xanh lá, nơi mà ông Thomas đã chết. Về sau, tôi phát hiện ra rất nhiều nhà văn đã chết trên bàn làm việc của họ. Hẳn là dấu hiệu làm việc điển hình của người nhóm máu A.

“Đi nào, nhà vô địch”, Liz nói. Cô ấy thử nắm tay tôi, nhưng tôi không cho.

“Đến đứng bên bể bơi trong một phút đi”, tôi bảo. “Cả hai người ạ.”

“Vì sao?”, mẹ hỏi.

Tôi nhìn mẹ tôi theo cái cách mà tôi nghĩ là mình chưa bao giờ nhìn - như thể mẹ quá xá ngốc. Và ngay lúc đó, tôi nghĩ mẹ *thực sự* ngốc. Cả hai người họ. Đây là chưa kể tới chuyện thô lỗ đến phát cáu.

“Vì mẹ đã có thứ mẹ muốn và con cần nói cảm ơn.”

“Ôi trời ơi”, mẹ nói, và lại đập vào lòng mày. “Mẹ đang nghĩ gì không biết? Cảm ơn, Regis. Rất nhiều.”

Mẹ đang nói cảm ơn với một bồn hoa, thế nên tôi cầm lấy cánh tay mẹ và quay mẹ sang một bên. “Ông ấy ở đây mẹ này.”

Mẹ nói cảm ơn một lần nữa, nhưng ông Thomas không phản hồi. Ông không có vẻ quan tâm. Rồi mẹ đi tới chỗ Liz đang đứng, bên cạnh cái bể trồng không, cô đang chăm một điều thuốc khác.

Tôi không thực sự cần nói cảm ơn, tới lúc ấy, tôi đã biết những người chết chẳng để ý có gì tới những thứ như thế, nhưng mà tôi vẫn cảm ơn. Chỉ là phép lịch sự thôi, và bên cạnh đó, tôi còn muốn một thứ khác.

“Bạn của mẹ cháu”, tôi nói. “Liz ấy?”

Ông Thomas không nói gì, nhưng ông nhìn về phía cô ta.

“Về cơ bản, cô ta vẫn nghĩ là cháu bịa ra chuyện nhìn thấy bác. Ý cháu là, cô ấy biết có gì đó kỳ cục đã diễn ra, vì không đũa nhóc nào có thể bịa được cả một câu chuyện - nhân đây, cháu khoái những chuyện đã xảy ra với George Threadgill—”

“Cảm ơn cháu. Đáng cho hẳn ta lắm.”

“Nhưng cô ấy sẽ tự lý giải chuyện theo cách của cô và đến cuối cùng, cô sẽ lại nghĩ theo ý muốn của mình.”

“Cô ta sẽ tìm cách hợp lý hóa.”

“Bác có thể nói vậy.”

“Đúng thế đấy.”

“Vậy thì, có cách nào để bác cho cô ta biết là bác ở đây không ạ?” Tôi đang nghĩ tới việc ông Burkett đã gãi lên má khi bà vợ hôn ông ấy.

“Bác không biết. Jimmy, cháu có biết gì về những chuyện sẽ xảy ra với bác tiếp theo không?”

“Cháu xin lỗi, bác Thomas. Cháu không rõ.”

“Bác nghĩ là mình phải tự tìm hiểu rồi.”

Ông đi về phía bể bơi, nơi ông sẽ không bao giờ bơi nữa. Ai đó có thể sẽ làm đầy bể khi những ngày ấm áp quay lại, nhưng đến lúc đó thì ông đã biến mất lâu rồi. Mẹ và Liz đang nói chuyện khe khẽ và cùng hút chung điếu thuốc của Liz. Một trong những điểm tôi không thích ở Liz là cô ta khiến mẹ tôi hút thuốc trở lại. Chỉ một chút thôi, và chỉ với cô ấy, nhưng kể cả thế.

Ông Thomas đứng trước Liz, hít vào một hơi sâu, rồi thở ra. Liz không có tóc mái để bị thổi bay, cô buộc chặt tóc ra sau đầu thành đuôi ngựa, nhưng cô vẫn nheo mắt lại theo cái cách mà ta vẫn làm khi bị một cơn gió thổi vào mặt, và cô giật lùi lại. Cô ấy suýt nữa đã ngã xuống bể bơi, tôi nghĩ thế, nếu mẹ không giữ cô lại.

Tôi bảo, “Cô có cảm nhận thấy không?” Câu hỏi ngu ngốc, đương nhiên là có rồi. “Ông Thomas đấy.”

Và người ấy giờ đang bước ra xa khỏi chúng tôi, trở lại nơi ông làm việc.

“Cảm ơn lần nữa, bác Thomas!”, tôi gọi. Ông ấy không quay lại, nhưng giơ một tay lên với tôi trước khi dứt trở lại túi quần. Tôi có thể nhìn thấy rõ cái khe mỏng của ông (đó là cách dùng từ của

mẹ khi nhìn thấy một gã mặc quần bò trẻ), và nếu bạn thấy tôi nói nhiều quá rồi thì, biết sao giờ. Chúng tôi đã bắt ông ấy kể lại - trong một giờ đồng hồ! - tất cả những gì mà ông phải tốn hàng tháng trời mới nghĩ ra được. Ông ấy không thể từ chối, và điều đó có lẽ cho ông cái quyền chìa mông về phía chúng tôi.

Dĩ nhiên, tôi là người duy nhất có thể nhìn.

14

Đã đến lúc nói về Liz Dutton, nên bạn hãy để ý nhé. Hãy để mắt tới *cô ta*.

Cô ta cao khoảng một mét bảy, cỡ mẹ tôi, tóc đen dài ngang vai (nếu cổ không buộc lại thành một túm đuôi ngựa theo quy chuẩn của cảnh sát), và cô ta sở hữu thứ mà vài đứa con trai học lớp bốn với tôi sẽ gọi là - nếu như bọn nó thực sự hiểu mình đang nói cái gì - một “thân hình xì khói lửa”. Cô cười đẹp và có một đôi mắt xám cơ bản là ấm áp. Trừ khi cô nổi điên lên, vậy đó. Khi cô nổi điên, đôi mắt xám ấy có thể hóa lạnh ngắt như một ngày đổ tuyết tháng Mười một.

Tôi quý cô vì cô có những lúc tốt bụng, như khi hòng tôi khô khốc và cô đưa tôi phần Coca

còn thừa từ tiệm Burger King, mà không cần tôi phải hỏi xin (mẹ tôi thì chỉ tập trung vào việc thu thập kỹ càng mọi thông tin từ cuốn sách cuối cùng chưa được viết của ông Thomas). Ngoài ra, thi thoảng cô sẽ cho tôi một chiếc ô tô Matchbox để bổ sung vào bộ sưu tập, và có những lúc cô sẽ ngồi xuống sàn nhà để chơi cùng tôi. Đôi khi cô ôm tôi một cái và xoa đầu tôi. Đôi khi cô cù lét cho tới khi tôi phải hét lên bảo cô dừng lại hoặc không thì tôi sẽ tè ra quần...

Tôi *không* thích cô vì có những lúc, đặc biệt là sau khi chúng tôi tới Cobblestone Cottage, tôi ngẩng đầu nhìn lên và phát hiện ra cô đang quan sát tôi như thể soi một con bọ qua kính hiển vi. Chẳng có tí ấm áp nào trong đôi mắt xám của cô khi ấy. Hoặc là cô nhận xét rằng phòng tôi bừa bộn quá, mà nói cho công bằng thì đúng là nó thường xuyên ở trong trạng thái ấy, dù cho mẹ tôi chẳng có vẻ bận tâm. “Cô nhìn mà nhức cả mắt”, Liz sẽ phán thế, hoặc là, “Cháu định sống kiểu này cả đời hả, Jamie?” Cô cũng nghĩ là tôi đã quá lớn để phải bật đèn ngủ, nhưng rồi mẹ tôi quyết kết thúc cuộc nói chuyện đó, chỉ bằng cách nói: “Để thằng bé yên, Liz. Sẽ đến lúc nó không cần đèn nữa.”

Vấn đề lớn nhất là gì? Cô ta cướp đi cực nhiều sự quan tâm và yêu thương từ mẹ - những điều mà tôi từng được nhận. Rất lâu về sau này, khi tôi đọc vài lý thuyết của Freud trong một tiết học tâm lý ở năm hai đại học, tôi nhận ra rằng hồi còn nhỏ, tôi mắc chứng bám mẹ kinh điển nên đã coi Liz là một đối thủ.

Ờ, vậy đấy.

Dĩ nhiên là tôi ghen tị, có nguyên do chính đáng cả thôi. Tôi không có bố, thậm chí không biết người đó là gã trời đánh nào vì mẹ không hề kể gì cả. Về sau tôi phát hiện ra mẹ có lý do để *không kể*, nhưng trước đây, tất cả những gì tôi biết chỉ là “Hai mẹ con mình chống lại thế giới, Jamie”, cho tới khi Liz xuất hiện. Và nhớ điều này nhé, tôi cũng đâu được mẹ dành toàn tâm toàn ý *trước khi* Liz đến, vì mẹ còn quá bận bịu với việc giải cứu công ty sau khi mẹ và bác Harry bị James Mackenzie chơi một võ (tôi không ưa nổi sự thật là hấn và tôi trùng tên). Mẹ luôn cố dò vàng trong một đồng bùn, nuôi hy vọng gặp được một Jane Reynolds nào đó khác.

Tôi cũng phải nói rằng, sự yêu quý và ghét bỏ gần như cân bằng nhau trong cái ngày chúng tôi tới Cobblestone Cottage, với sự yêu quý nhỉnh

hơn một chút, vì ít nhất bốn lý do: xe hơi và xe tải của Matchbox không có đũa được đâu, ngồi kẹp giữa bọn họ trên xô pha rồi xem *Vụ nổ lớn*²² rất là vui và dễ chịu, tôi muốn quý mển người mà mẹ tôi quý mển, Liz khiến mẹ vui vẻ. Sau này (lại cái từ này), mọi sự không vui như thế nữa.

Giáng sinh năm ấy đúng là tuyệt đỉnh. Tôi nhận được những món quà xuất sắc từ cả hai người, và chúng tôi có một bữa trưa sớm sủa tại Chinese Tuxedo trước khi Liz phải đi làm. Bởi vì, cổ nói là, "Tội ác không nghỉ lễ." Vậy nên mẹ và tôi đi tới nơi ở cũ ở Đại lộ Park.

Mẹ vẫn giữ liên lạc với ông Burkett sau khi chúng tôi chuyển nhà, và thỉnh thoảng ba chúng tôi lại gặp nhau. "Vì ông ấy cô đơn", mẹ bảo. "Nhưng còn vì gì nữa nhỉ, Jamie?"

"Vì chúng ta quý ông nữa", tôi nói, đó là sự thực.

Chúng tôi ăn bữa tối Giáng sinh ở căn hộ của ông (món sandwich gà tây kèm sốt nam việt quất của tiệm Zabar's), vì con gái ông sống ở bờ Tây và không thể tới được. Sau này tôi biết thêm nhiều điều về chuyện đó.

Và vâng, vì chúng tôi quý ông.

²² Nguyên văn: *The Big bang theory*.

Như tôi đã kể với bạn, ông Burkett thật ra là *giáo sư* Burkett, và giờ là giáo sư danh dự, theo tôi hiểu là bởi ông đã nghỉ hưu nhưng vẫn có thể tới Đại học New York và thỉnh thoảng lên lớp cho cái lớp siêu thông minh, giảng về văn học Anh và văn học châu Âu.

Dù sao đi nữa, ngay cả khi không có cao lương mỹ vị và món rau chỉ đơn giản là cà rốt, đó vẫn là một bữa ăn gọn gàng ngon miệng, và lúc sau còn có những món quà nữa. Tôi tặng ông Burkett một quả cầu tuyết để ông bổ sung vào bộ sưu tập. Sau này tôi phát hiện ra đó là bộ sưu tập của vợ ông, nhưng ông vẫn trầm trồ với món quà, cảm ơn tôi và đặt nó lên bệ lò sưởi cùng với những quả cầu khác. Mẹ tặng ông một cuốn sách dày có tên là *Tuyển tập Sherlock Holmes với chú giải mới*²³, vì vào hồi mà ông chưa nghỉ hưu, ông có dạy một môn gọi là Trinh thám và gothic trong chuyên ngành văn học Anh.

Ông Burkett tặng mẹ một cái dây chuyền có chỗ lỏng ảnh, ông bảo nó từng là của vợ ông ấy. Mẹ từ chối và nói ông nên giữ cái dây lại cho con gái. Ông Burkett nói cô Siobhan kia đã nhận hết những món trang sức quý giá của Mona rồi, và

²³ Nguyên văn: *The new annotated Sherlock Holmes*.

bên cạnh đó, “Kẻ nào lơ là thì quay vào ô mất lượt thôi.” Theo tôi đoán, điều này có nghĩa là nếu con gái của ông (theo âm thanh nghe được, tôi nghĩ tên cô ta là *Shivonn*) không bỏ công đi tới bờ Đông, thì cô ấy cũng hết phần. Tôi khá là đồng ý với ông, vì ai mà biết được cô ta còn có thể ăn Giáng sinh với bố mình thêm bao lần nữa chứ? Ông già hơn cả Chúa rồi. Hơn nữa, tôi dễ yếu lòng trước các ông bố, vì bản thân tôi không có bố. Tôi biết, người ta hay bảo mày đâu thể nhưng nhớ thứ mà mày chưa bao giờ có, cũng đúng thật, nhưng tôi hiểu rõ là mình vẫn mong nhớ gì đó.

Món quà mà tôi được nhận từ ông Burkett cũng là một cuốn sách. *Hai mươi truyện cổ tích không lược bỏ*²⁴.

“Cháu có hiểu *không lược bỏ* nghĩa là gì không, Jamie?” Một ngày làm giáo sư, cả đời làm giáo sư, thực vậy.

Tôi lắc đầu.

“Cháu nghĩ là thế nào? Ông nghiêng về phía trước, để hai bàn tay to lớn xương xẩu kẹp giữa cặp đùi gầy nhom, miệng nở nụ cười. “Cháu có thể đoán dựa trên tên sách không?”

²⁴ Nguyên văn: *Twenty unexpurgated fairy tales*.

“Là không bị kiểm duyệt? Kiểu như sách hạn chế độ tuổi?”

“Chuẩn không cần chỉnh”, ông nói. “Giỏi lắm.”

“Tôi mong là không có quá nhiều cảnh sex trong sách”, mẹ nói. “Kỹ năng đọc của thằng bé ngang học sinh cấp ba, nhưng nó mới chỉ chín tuổi.”

“Không có sex, chỉ là mấy cảnh bạo lực hay ho kiểu xưa”, ông Burkett đáp (tôi chưa từng gọi ông là *giáo sư* vào những ngày ấy, vì nghe cứ màu mè sao ấy). “Ví dụ nhé, trong câu chuyện nguyên gốc về Lộ Lem, cháu sẽ thấy trong sách, mấy người chị kế quý quyết—”

Mẹ quay sang tôi và ra vẻ thì thầm, “Sắp tiết lộ nội dung truyện.”

Ông Burkett không vì thế mà chùn bước. Ông đang hoàn toàn tiến vào trạng thái giảng bài. Tôi cũng không phiền, thú vị mà.

“Trong bản gốc, mấy người chị kế gian ác cắt bớt ngón chân mình để cố gắng đi cho vừa chiếc giày thủy tinh.”

“Eo oii!”, tôi thốt lên theo cái lối *kinh quá vậy, kể cháu nghe tiếp đi*.

“Và chiếc giày thủy tinh thực ra đâu có làm từ thủy tinh đâu, Jamie. Hình như có sai sót về dịch thuật và nhầm lẫn này đã được Walt Disney

biến thành một tình tiết bất hủ, cái máy đồng hóa truyện cổ tích đó. Chiếc giày thực ra được làm từ lông sóc.”

“Chà”, tôi cảm thán. Không thú vị bằng việc mấy bà chị kể cắt ngón chân, nhưng tôi muốn ông ấy cứ tiếp tục.

“Trong truyện gốc về Hoàng tử Ếch, công chúa không có hôn con ếch. Thay vào đó, cô ta—”

“Không cần kể nữa”, mẹ nói. “Cứ để thằng bé đọc truyện và tự tìm hiểu.”

“Như thế luôn là tốt nhất”, ông Burkett đồng ý. “Và có lẽ chúng ta sẽ cùng bàn luận, Jamie.”

Ý ông là ông sẽ bàn luận về các câu chuyện còn cháu thì lắng nghe, tôi nghĩ, nhưng thế cũng được thôi.

“Chúng ta uống sôcôla nóng nhé?”, mẹ hỏi. “Cũng của tiệm Zabar’s và đây là chỗ pha ngon nhất. Tôi có thể hâm nóng trong nháy mắt.”

“Xông tới đi, Macduff”, ông Burkett đáp. “Và kẻ nào thốt lên ‘Dừng lại đi, đủ rồi’ trước sẽ bị nguyên rủa.”²⁵ Như vậy có nghĩa ông đồng ý với

²⁵ Toàn bộ câu này trích từ vở kịch *Macbeth* của William Shakespeare, là câu nói cuối đời của Macbeth khi đối đầu với Macduff. Cách nói “xông tới đi, Macduff” (nguyên văn: “lay on, Macduff”) cũng được sử dụng trong đời sống thường ngày, với ý nói hãy làm đi, hãy cố gắng hết sức.

lời của mẹ, và chúng tôi uống sôcôla nóng kèm kem đánh bông.

Trong ký ức của tôi, đó là Giáng sinh tuyệt nhất hồi còn nhỏ, từ những chiếc bánh kẹo trang trí hình ông già Noel mà Liz làm vào ban sáng, tới cốc sôcôla nóng ở căn hộ của ông Burkett, ngay trên hành lang chung cư mà hai mẹ con tôi từng sống. Đêm giao thừa cũng vui, dù rằng tôi ngủ thiếp đi trên đi văng, nằm giữa mẹ và Liz, trước khi quả cầu ánh sáng rơi xuống. Mọi thứ đều vui vẻ. Nhưng vào năm 2010, các cuộc cãi vã bắt đầu nổ ra.

Trước đây, giữa Liz và mẹ tôi cũng có những thứ mà mẹ gọi là “các cuộc thảo luận sôi nổi”, chủ yếu là về sách vở. Họ thích nhiều nhà văn giống nhau (họ kết thân nhờ Regis Thomas, nhớ chứ) và cùng có chung nhiều bộ phim yêu thích, nhưng Liz nghĩ mẹ tôi quá tập trung vào các yếu tố như doanh số, khoản tiền cọc trước và các số liệu quá khứ của tác giả - thay vì bản thân câu chuyện. Cô ấy thực ra còn cười vào một vài tác phẩm mà khách hàng của mẹ viết, cô gọi chúng là những thứ “chưa tới tầm văn học”. Với chuyện đó, mẹ tôi phản ứng rằng chính những cây viết chưa tới tầm văn học này đã giúp mẹ trả tiền thuê nhà và

đảm bảo đèn đóm vẫn có thể bật sáng. Đây là chưa kể tới việc trả phí cho trung tâm chăm sóc, cái nơi mà bác Harry đang tự ướp mình trong nước tiểu của bác ấy.

Rồi những cuộc tranh luận dần dịch chuyển khỏi đề tài sách ảnh phim truyện nhìn chung là êm đềm, và trở nên gay gắt hơn. Một số lần là về chính trị. Liz thích một ông nghị nọ, John Boehner. Mẹ tôi gọi ông ta là John Boner. Vài đứa bạn tôi gọi trạng thái “boner” là cứng. Có lẽ ý mẹ ở đây là ông ta chuyên làm trò ngốc nghếch²⁶, nhưng tôi không nghĩ vậy đâu. Mẹ nghĩ Nancy Pelosi (một chính khách khác, có lẽ bạn biết tên vì bà ta vẫn còn tại chức) là một người phụ nữ dũng cảm, dám làm việc “ở một câu lạc bộ dành cho nam giới”. Liz thì nghĩ bà ta là mẫu người ngớ ngẩn chuyên ủng hộ chủ nghĩa tự do.

Màn tranh cãi lớn nhất giữa hai người họ về chính trị là khi Liz nói cô ấy không thật lòng tin Obama sinh ra ở Mỹ. Mẹ gọi cô là đồ ngu phân biệt chủng tộc. Hai người họ đang ở trong phòng ngủ, đóng cửa - đây là nơi mà hầu hết các cuộc

²⁶ Nguyên văn: “pull a boner”, nghĩa là làm những việc ngu ngốc, sai lầm. Nhưng cách nói này đang ít được dùng vì hiện nay, khi nói tới “boner”, mọi người sẽ lập tức hiểu sang hình ảnh dương vật cương cứng.

cãi vĩa xảy ra - nhưng họ đều cao giọng và tôi có thể nghe rõ từng từ dù ngồi ở phòng khách. Ít phút sau, Liz rời đi, đóng sầm cửa lúc ra khỏi nhà và không quay lại suốt gần một tuần sau đó. Khi cô ấy trở lại, hai người họ làm lành. Trong phòng ngủ. Đóng cửa. Tôi cũng nghe thấy, vì màn làm lành khá là ồn ào. Rên rĩ, cười và lò xo giường cọt két.

Họ còn tranh luận về những mưu lược chính trị nữa, và đây là chuyện xảy ra ít năm trước khi phong trào Người Da đen Đáng được sống²⁷ diễn ra. Đây là một đề tài đầy động chạm với Liz, như bạn có thể đoán được. Mẹ chế giễu thái độ mà mẹ gọi là “ngghi ngờ dựa trên màu da”²⁸, và Liz thì nói ta chỉ có thể lập hồ sơ nghi phạm nếu các đặc điểm được thể hiện rõ ràng. (Khi đó tôi không hiểu, giờ cũng chưa hiểu.) Mẹ nói nếu người da đen và người da trắng bị phạt khi mắc cùng một tội, thì người da đen sẽ phải nhận án phạt nặng nề nhất, trong khi thỉnh thoảng dân da trắng còn chẳng phải bóc lịch tới một ngày.

²⁷ Nguyên văn: Black Lives Matter, một phong trào hoạt động quốc tế, bắt nguồn từ cộng đồng người Mỹ gốc Phi, chiến dịch chống lại bạo lực và phân biệt chủng tộc có hệ thống đối với người da đen.

²⁸ Nguyên văn: racial profiling.

Liz phản bác bằng cách nói, “Chị cứ chỉ cho em Đại lộ Martin Luther King ở một thành phố bất kỳ đi, và em sẽ cho chị thấy khu dân cư nào có tỉ lệ phạm tội cao.”

Các cuộc cãi vã ngày càng nổ ra sát nhau hơn, và ngay cả ở độ tuổi còn non nớt, tôi đã biết một lý do lớn dẫn tới chuyện ấy - họ uống nhiều quá. Các bữa sáng nóng hổi, điều mà mẹ tôi từng chuẩn bị hai hoặc thậm chí là ba lần một tuần, đã ít xuất hiện hơn nhiều. Tôi rời khỏi phòng mình vào buổi sáng và họ vẫn ngồi kia, mặc những chiếc áo choàng tắm giống nhau, gù lưng ôm tách cà phê, mặt nhợt nhạt và mắt đỏ ngầu. Sẽ có ba, đôi khi bốn, chai rượu đã cạn trong thùng rác, kèm theo mấy mẫu thuốc lá trong chai.

Mẹ tôi sẽ bảo, “Tự lấy nước quả và ngũ cốc đi Jamie, còn mẹ sẽ thay đồ.” Và Liz sẽ bảo tôi đừng có ồn ào vì aspirin vẫn chưa phát huy công hiệu, đầu cô đang nứt ra, và cô sẽ phải đi điếm danh hoặc phải tới hiện trường giám sát hoặc làm một công việc nào đó khác. Dù sao thì cũng không liên quan tới lực lượng đặc nhiệm của Thumper, cô không phải thành viên đội này.

Tôi uống nước quả và ăn ngũ cốc, yên lặng như một con chuột, trong những buổi sáng như

vậy. Khi mẹ đã thay đồ và sẵn sàng dắt tôi tới trường (tặng lò bình luận của Liz, rằng tôi giờ đã đủ lớn để tự đi học), thì mẹ cũng dần tỉnh táo lại.

Tất cả những chuyện này là điều bình thường đối với tôi. Tôi không nghĩ thế giới được định hình rõ ràng hơn trước khi bạn đủ mười lăm hay mười sáu tuổi. Trước mốc đó, bạn chỉ đơn giản là tiếp nhận mọi thứ mình được cho và cứ thế mà sống. Cảnh tượng hai người phụ nữ vẫn còn hơi men, gặp người ngồi ôm cốc cà phê chỉ đơn giản là cách tôi bắt đầu một vài buổi sáng - và cuối cùng thì rất nhiều buổi sáng đều diễn ra trong khung cảnh như vậy. Tôi thậm chí không để ý thấy mùi rượu đã ngấm dần vào mọi thứ. Một phần nào đó trong tôi hẳn đã để ý, bởi nhiều năm sau này, khi tôi lên đại học, khi đưa bạn sống cùng làm đổ một chai Zinfandel ra phòng khách trong căn hộ nhỏ của chúng tôi, mọi thứ liền quay trở lại và tôi như bị táng vào mặt. Mái tóc rối tung của Liz. Đôi mắt trống rỗng của mẹ. Việc tôi học được cách đóng lại cái tủ bếp cất ngũ cốc sao cho *thật chậm* và *thật êm*.

Tôi bảo với bạn cùng phòng là tôi sẽ xuống cửa hàng 7-Eleven để mua một bao thuốc (vâng, cuối cùng thì tôi lại học theo cái thói xấu đó),

nhưng thực chất là tôi chỉ muốn tránh xa cái mùi kia. Nếu chọn giữa việc nhìn thấy người chết - à, tôi vẫn nhìn thấy họ - và nhớ lại những ký ức sống dậy cùng mùi rượu bị đổ ra phòng, thì tôi sẽ chọn những người chết.

Luôn chọn thế, dù hôm nay có là ngày nào trong cả cái tuần chết tiệt.

15

Mẹ tôi bỏ ra bốn tháng để viết *Bí mật của Roanoke*, luôn để chiếc máy ghi âm đáng tin cậy bên cạnh mình. Một lần, tôi hỏi mẹ việc viết cuốn sách của ông Thomas có giống vẽ một bức tranh không. Mẹ suy nghĩ và bảo việc này giống trò tô màu theo số cho trước hơn, khi bạn chỉ cần làm theo các hướng dẫn và cuối cùng ra được một thành phẩm “đủ để đóng khung”.

Mẹ thuê một trợ lý để mình có thể dành gần như toàn bộ thời gian cho việc viết lách. Vào một lần đưa tôi tới trường - đó là thời điểm duy nhất mẹ có chút không khí trong lành vào giai đoạn mùa đông 2009 vắt sang 2010, mẹ bảo với tôi là mẹ không có tiền thuê trợ lý, nhưng cũng không

thế không thuê được. Barbara Means vừa mới tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Anh ở Vassar, sẵn lòng đảm đương những nhiệm vụ vất vả ở văn phòng với mức lương bèo bọt để tích lũy kinh nghiệm, và chị ta thực ra khá giỏi nên giúp ích rất nhiều. Tôi thích đôi mắt xanh lục to tròn của chị, chúng rất đẹp.

Mẹ viết, mẹ viết lại, mẹ gằn như chỉ đọc các tập truyện Roanoke trong những tháng đó, muốn đắm mình vào văn phong của Regis Thomas. Mẹ lắng nghe giọng nói của tôi. Mẹ tua ngược lại và tua tiến tới. Mẹ dần dần tô kín bức tranh. Một đêm nọ, khi hai người đã uống kha khá rượu ở chai thứ hai, tôi nghe thấy mẹ bảo Liz rằng, nếu mẹ phải viết thêm một câu nữa chứa mấy cụm từ kiểu như “bộ ngực căng tròn săn chắc với đôi núm vú hồng hào”, thì mẹ sẽ phát điên mất. Mẹ cũng phải xử lý các cuộc gọi công việc - một cuộc từ mục Page Six của tờ *New York Post* - về tình hình tập truyện cuối cùng của Thomas, vì một đồng tin đồn đang bay lá tả tứ tung. (Tất thảy những điều này trở lại đây sống động trong tâm trí tôi, khi Sue Grafton qua đời mà không viết kịp cuốn sách cuối cùng của bà, trong loạt truyện

trình thám được đặt tiêu đề theo bảng chữ cái.)
Mẹ nói là mẹ ghét bọn nói dối.

“À, nhưng mà chị thì nói dối rất giỏi”, tôi nhớ Liz đã nói thế, vậy là cô ta nhận về một ánh nhìn lạnh lẽo từ mẹ - thứ xuất hiện ngày càng nhiều hơn trong năm cuối cùng hai người họ còn giữ quan hệ.

Mẹ cũng nói dối biên tập viên của Regis, nói với cô ta là Regis đã hướng dẫn mẹ không lâu trước khi ông qua đời, rằng bản thảo *Bí mật* phải được giữ kín, không cho bất cứ ai biết (dĩ nhiên là trừ mẹ ra) cho tới năm 2010, “để tích lũy sự quan tâm của độc giả”. Liz nhận xét bản thảo hơi bị non tay, nhưng mẹ lại bảo nó sẽ thành công. “Đằng nào thì Fiona cũng chẳng bao giờ biên tập”, mẹ nói. Mẹ đang nhắc tới Fiona Yarbrough, biên tập viên của Doubleday, bên xuất bản cho ông Thomas. “Công việc duy nhất của cô ta là viết cho Regis một bức thư sau khi cô ta nhận được một bản thảo mới, để nói với ông rằng lần này ông lại thể hiện tốt hơn chính mình trước kia.”

Khi cuốn sách rốt cuộc cũng được gửi đi, mẹ dành ra một tuần để sẵn sàng cấm cửa với mọi người (tôi cũng không ngoại lệ). Mẹ chờ Fiona gọi tới và nói, *Regis đâu có viết cuốn sách này, đọc*

chẳng giống ông ta chút nào, tôi nghĩ cô mới là người viết, *Tia ạ*. Nhưng cuối cùng thì mọi sự cũng ổn. Fiona không hề đoán ra hoặc là cô ta cũng chẳng bận tâm. Chắc chắn là những người phê bình cũng chẳng thể đoán được gì khi cuốn sách được nhanh chóng đưa vào quy trình xuất bản và ra mắt vào mùa thu năm 2010.

Tờ *Publishers Weekly*: “Thomas để dành điều tuyệt nhất cho khoảnh khắc cuối cùng!”

Kirkus Reviews: “Fan của những cuốn sách đã sử dụng yếu tố lãng mạn nóng bỏng sẽ một lần nữa được sung sướng thỏa thuê.”

Dwight Garner, nhận xét trong tờ *New York Times*: “Thứ văn chương uế oải lê bước không mùi không vị này đích thực là của Thomas. Nó gần như tương đương đồng thức ăn trong một bữa buffet tại một nhà hàng đáng ngờ nơi lễ đường.”

Mẹ chẳng bận tâm tới mấy lời bình luận, mẹ bận nghĩ về khoản tiền được trả trước khổng lồ và phần tiền bản quyền từ những tập truyện Roanoke trước đây. Mẹ cầu nhà kịch liệt về chuyện chỉ nhận được mười lăm phần trăm trong khi phải viết cả tác phẩm, nhưng mẹ trả thù một cách nhẹ nhàng khi thu hết khoản này cho bản thân mình, “Vì chị xứng đáng”, mẹ nói.

“Em không chắc nha”, Liz bảo. “Nghĩ thử xem, Tee, chị thực ra chỉ là thư ký thôi. Có lẽ chị nên dành khoản tiền ấy cho Jamie.”

Liz lại nhận được một cái nhìn lạnh lẽo khác từ mẹ, nhưng tôi nghĩ Liz có lý của cô. Thực tình là khi bạn *thực sự* soi xét, kể cả tôi cũng chỉ là thư ký thôi. Đó vẫn là cuốn sách của ông Thomas, dù là ông có chết hay không.

16

Gìo hãy nghĩ tới chuyện này: Tôi ít nhất cũng đã kể cho bạn vài lý do vì sao tôi quý Liz, và có lẽ vẫn còn vài nguyên nhân nữa. Tôi đã kể cho bạn mọi lý do vì sao tôi *không* thích Liz, và hẳn cũng còn vài nguyên nhân khác tôi chưa kể. Điều mà tôi chưa từng nghĩ tới cho tới mãi về sau này (ừ, lại là từ đó), là có thể cô ta không thích *tôi*. Vì sao tôi lại phải nghĩ thế cơ chứ? Tôi đã quen được yêu thương, đến mức gần như nhón vớ điều đó. Tôi được mẹ yêu và các giáo viên cũng mến tôi, nhất là cô Wilcox, cô giáo dạy tôi hồi lớp ba, cô đã ôm tôi và nói sẽ nhớ tôi khi hết năm học. Hai người bạn thân Frankie Ryder và Scott Abramowitz cũng quý tôi nữa (mặc dù, dĩ nhiên, chúng tôi chẳng hề nói

ra miệng hay thậm chí là nghĩ tới chuyện ấy). Và đừng quên Lily Rhinehart, người đã hôn lên miệng tôi một cái thật kêu. Bạn ấy còn tặng tôi một tấm thiệp Hallmark trước khi tôi chuyển trường. Bên ngoài tấm thiệp là một chú chó con buồn rầu và bên trong thiệp là dòng chữ *TỚ SẼ NHỚ CẬU VÀO MỖI NGÀY CẬU Ở XA TỚ*. Bạn ấy ký tên vào thiệp, vẽ một trái tim nhỏ trên chữ *i*. Kèm theo những dấu x và o nữa.

Liz ít nhất cũng *từng quý* tôi, ít nhất là trong một khoảng thời gian, tôi chắc chắn như vậy. Nhưng điều ấy bắt đầu thay đổi sau vụ Cobblestone Cottage. Đó là khi cô ta bắt đầu coi tôi như một kẻ kỳ dị. Tôi nghĩ - không, tôi *biết* - đó là khi Liz bắt đầu sợ tôi, và thật khó để yêu quý điều mà bạn sợ hãi. Có lẽ là không thể.

Mặc dù cô ta nghĩ chín tuổi là đã đủ lớn rồi, và tôi có thể tự đi từ nhà đến trường, Liz thỉnh thoảng vẫn đến đón tôi thay cho mẹ, nếu như Liz đang trong khoảng thời gian mà cô gọi là “ca làm việc quay vòng”, bắt đầu lúc bốn giờ sáng và kết thúc vào giữa trưa. Đây là ca làm việc mà các thám tử muốn né xa, nhưng Liz lại phải nhận ca này khá thường xuyên. Đó lại là một điều khác mà khi ấy tôi chưa từng thắc mắc, nhưng sau này

(từ này lại xuất hiện rồi, ừ ừ ừ, vâng vâng vâng), tôi nhận ra là mấy người cấp trên cũng chẳng quý mến cô ta lắm. Hoặc là không tin tưởng. Điều ấy chẳng liên quan gì tới mối quan hệ giữa cô ta và mẹ tôi. Khi nhắc tới sex, Sở Cảnh sát New York cũng chỉ tiến vào thế kỷ 21 một cách chậm chạp. Vấn đề cũng không nằm ở việc rượu chè, vì cô ta đâu phải viên cảnh sát duy nhất mê say sưa. Nhưng một số người từng làm việc với cô ta bắt đầu nghi ngờ rằng Liz là một tay cóm bản. Và - tiết lộ trước nội dung đây! - họ đã đúng.

17

Tôi cần phải kể cho bạn hai lần mà Liz đón tôi sau giờ học. Trong cả hai lần, cô ta đều lái xe tới - không phải chiếc xe mà chúng tôi dùng để đi đến Cobblestone Cottage, mà là xe cá nhân của cô ta. Lần đầu là vào năm 2011, khi cô vẫn cặp với mẹ. Lần hai là vào năm 2013, khoảng một năm sau khi họ chia tay. Tôi sẽ kể về vụ đó, nhưng giờ thì xử lý chuyện này đã.

Ngày hôm đó, tháng Ba, tôi rời khỏi trường với chiếc ba lô lủng lảng một bên vai (giống cách mà những cậu bé lớp sáu ngẫu ngẫu vẫn làm), và Liz đã chờ tôi ở lề đường, trong chiếc Honda Civic. Cô đậu xe ở phần đường có sơn vàng, theo lẽ thường thì chỗ đó là dành cho những người tàn tật, nhưng cô đã có một tấm biển nhỏ để chữ

CẢNH SÁT LÀM NHIỆM VỤ rồi... Bạn có thể nói rằng, dù cho tôi mới chỉ là một đứa trẻ mười một tuổi, thì chi tiết này cũng phải giúp tôi ngộ ra một phần nào đó về nhân cách của cô ta.

Tôi vào xe, cố không chun mũi trước cái mùi khói thuốc lá đã ám lâu ngày, mà ngay cả món đồ làm thơm không khí có hình cây thông đang treo ở kính chiếu hậu kia cũng không thể giấu đi nổi. Lúc ấy, nhờ vào *Bí mật của Roanoke*, chúng tôi đã có được căn hộ của riêng mình và không cần phải sống ở văn phòng công ty nữa, thế nên tôi nghĩ mình sẽ được chở về nhà, nhưng thay vì thế, Liz lái xe về hướng trung tâm thành phố.

“Chúng ta đang đi đâu thế?”, tôi hỏi.

“Đạo chơi một chút, nhà vô địch ạ”, cô ta đáp.
“Cháu cứ chờ xem.”

Đây là chuyến dạo chơi tới nghĩa trang Woodlawn ở Bronx, nơi yên nghỉ cuối cùng của Duke Ellington, Herman Melville và Bartholomew “Bat” Masterson, cùng với những người khác. Tôi biết họ vì đã tiến hành tra cứu, và sau này tôi có viết một báo cáo về Woodlawn để nộp cho trường. Liz tiến vào từ Đại lộ Webster và sau đó cứ di chuyển chậm chạp trên những con đường trong nghĩa trang. Thú vị, nhưng việc này cũng khá đáng sợ.

“Cháu có biết có bao nhiêu người được chôn ở đây không?”, cô ta hỏi, và khi tôi lắc đầu thì cô tiếp tục: “Ba trăm nghìn. Ít hơn số dân ở Tampa, nhưng không ít hơn nhiều. Cô đã đọc trên Wikipedia.”

“Tại sao chúng ta lại ở đây? Cũng thú vị ạ, nhưng cháu còn bài tập phải làm.” Tôi không nói dối nhưng bài tập thực ra chỉ cần làm cỡ nửa tiếng đồng hồ là xong. Hôm đó là một ngày nắng rực rỡ và cô ta trông cũng bình thường - chỉ là Liz, bạn của mẹ thôi mà - nhưng kể cả vậy, đây là một chuyến dạo chơi hơi bị kinh dị.

Cô ta hoàn toàn tảng lờ chi tiết bài tập. “Mọi người cứ được chôn ở đây suốt. Nhìn sang bên trái của cháu đi.” Cô ta chỉ tay và giảm tốc độ từ khoảng bốn chục cây số trên giờ xuống mức chỉ đủ để di chuyển. Ở nơi cô chỉ tới, người ta đang đứng quanh một cỗ quan tài đặt bên một cái huyệt mở. Một ai đó kiểu như mục sư đứng ở đầu cái huyệt, tay đang mở một cuốn sách. Tôi biết ông ta không phải là giáo sĩ Do Thái, vì ông không đội cái mũ đặc trưng.

Liz dừng xe. Không ai dự tang lễ để ý. Họ đang chìm đắm trong bất kể thứ gì mà mục sư đang nói.

“Cháu nhìn thấy người chết”, cô nói. “Cô công nhận. Khó mà không công nhận, sau những gì xảy ra ở nhà Thomas. Cháu có nhìn thấy ai ở đây không?”

“Không ạ”, tôi đáp, bồn chồn hơn bao giờ hết. Không phải vì Liz, mà vì tôi vừa nhận được thông tin rằng bao quanh chúng tôi hiện có ba trăm nghìn thi thể. Ngay cả khi tôi biết người chết sẽ ra đi chỉ sau vài ngày - cùng lắm là một tuần, thì tôi vẫn nghĩ tới cảnh nhìn thấy họ đứng bên mộ của mình, hoặc là đứng ngay trên mộ. Rồi có lẽ họ sẽ đổ dồn về chúng tôi, như một cảnh phim zombie gớm ghiếc.

“Cháu có chắc không?”

Tôi nhìn về phía đám tang (hoặc những người làm lễ bên mộ phần, hoặc tùy cách gọi của bạn). Mục sư hẳn đã bắt đầu cầu nguyện, vì tất cả những người đưa tang đang cúi đầu. Tất cả họ, trừ một người. Ông ta chỉ đứng đó và nhìn lên bầu trời một cách hờ hững.

“Cái người mặc com lê xanh biển đó”, cuối cùng tôi cũng lên tiếng. “Cái người không đeo cà vạt. Ông ta có lẽ đã chết, nhưng cháu không chắc được. Nếu không có vấn đề sai trái gì xảy ra khi

họ chết, khi không có gì *lòi ra ngoài*, thì họ trông gần như y hệt những người khác.”

“Cô không nhìn thấy người đàn ông nào không đeo cà vạt”, Liz nói.

“Ồ, vậy được rồi, ông ta đã chết.”

“Họ có luôn tới lễ tang của mình không?”, Liz hỏi.

“Làm sao cháu biết được? Đây là lần đầu cháu tới nghĩa trang, Liz. Cháu đã nhìn thấy bà Burkett ở đám tang của bà ấy, nhưng cháu không biết ở nghĩa trang thì sao, vì mẹ và cháu không tham gia tới tận lúc đó. Hai mẹ con cháu đã về nhà.”

“Nhưng cháu nhìn thấy ông ta.” Cô ta chăm chăm nhìn về đám người đưa ma như thể mất hồn. “Cháu có thể đi tới chỗ kia và nói chuyện với ông ấy, theo cái cách cháu đã nói chuyện với Regis Thomas vào ngày hôm đó.”

“Cháu không đi tới chỗ kia đâu!” Tôi không muốn kể là mình đã la lên oai oái, nhưng cũng gần như vậy đấy. “Trước mặt tất thảy bạn bè của ông ta sao? Trước mặt vợ và con cái ông ấy? Cô không thể ép cháu làm vậy!”

“Xuôi đi nào, nhà vô địch”, cô ta nói, xoa đầu tôi. “Cô chỉ đang cố sắp xếp lại vấn đề. Làm sao

mà ông ta tới đây được, cháu nghĩ xem? Vì hẳn là ông ta không gọi Uber rồi.”

“Cháu không biết. Cháu muốn về nhà.”

“Sắp rồi”, Liz đáp, và chúng tôi tiếp tục đi chậm chậm trong nghĩa trang, đi qua những ngôi mộ cỡ đại và khoảng một tỉ bia mộ thông thường. Trong quá trình đó, chúng tôi đi ngang qua ba lễ tang khác, hai đám quy mô nhỏ như lễ tang đầu tiên, khi ngôi sao của buổi trình diễn cũng tham gia mà không bị nhìn thấy, và một đám hoành tráng, với khoảng hai trăm người tập trung ở sườn đồi và người chủ trì (có đội mũ của giáo sĩ, cộng thêm một cái khăn trông ngẫu phết) thì sử dụng micro. Lần nào Liz cũng hỏi liệu tôi có nhìn thấy cái người qua đời không, và lần nào tôi cũng bảo với cô là tôi hết sức mù mờ.

“Cháu chắc sẽ không nói cho cô dù có nhìn thấy”, cô ta nói. “Cô biết là cháu đang cúi xuống.”

“Cháu không có cúi xuống.”

“Có đấy, và nếu cháu kể với Tee là cô đưa cháu tới đây, chắc bọn này sẽ cãi nhau. Cô không nghĩ là cháu sẽ bảo mẹ rằng chúng ta đi ăn kem, cháu có thể bảo thế không?”

Lúc đấy chúng tôi đã sắp quay trở lại Đại lộ Webster và tôi dần thấy khá hơn. Tự nhủ rằng Liz

tò mò cũng phải thôi, ai mà chẳng tò mò. “Có thể là được, nếu cô thực sự mua cho cháu một cây kem.”

“Đút lót! Đó là tội Hạng B đấy!” Cô ta bật cười, xoa đầu tôi một cái, và chúng tôi cơ bản là vui vẻ trở lại.

Chúng tôi rời khỏi nghĩa trang và tôi nhìn thấy một phụ nữ trẻ mặc váy đen đang ngồi trên băng ghế dài, chờ xe buýt. Một cô bé mặc váy trắng và đi đôi giày đen bóng đứng cạnh người phụ nữ. Cô bé này có mái tóc vàng hoe, đôi má hồng hào và một cái lỗ ở họng. Tôi vẫy tay với cô bé. Liz không thấy tôi làm vậy, cô ta đang đợi xe đi vãn để có thể rẽ. Tôi không kể với cô ta về điều mình nhìn thấy. Tối hôm đó, Liz rời đi sau bữa tối, để đi làm hoặc để trở về nhà của cô, và tôi suýt nữa đã kể chuyện cho mẹ. Cuối cùng thì tôi không kể. Cuối cùng, tôi giữ lại hình ảnh cô bé tóc vàng cho riêng mình. Sau này, tôi nghĩ rằng cái lỗ ở cổ họng xuất hiện là vì cô bé bị hóc thức ăn và người ta phải cắt họng ra để cô bé có thể thở, nhưng đã quá muộn. Cô bé đứng cạnh mẹ của mình và người mẹ không biết gì. Nhưng tôi thì biết. Khi tôi vẫy tay với cô bé, cô ấy đã vẫy lại.

18

Khi chúng tôi đang ăn kem ở Lickety Split (Liz đã gọi cho mẹ tôi để báo với mẹ là chúng tôi đi đâu, làm gì), Liz cất tiếng: “Hẳn là cháu thấy khác thường lắm, về điều mà mình có thể làm. Thật kỳ dị. Chuyện ấy không khiến cháu sợ sao?”

Tôi định hỏi ngược lại cô, rằng liệu cô có sợ không khi nhìn lên trời vào buổi đêm, thấy những ngôi sao và biết rằng mọi sự cứ tiếp diễn như thế mãi mãi, nhưng rồi tôi chẳng buồn nói. Tôi chỉ đáp, không ạ. Bạn dần quen với những chuyện to tát. Bạn coi đó là lẽ đương nhiên. Bạn có thể cố không rơi vào trạng thái ấy, nhưng bạn vẫn sẽ như vậy. Có quá nhiều điều kỳ lạ, chỉ vậy thôi. Ở khắp mọi nơi.

19

Tôi sẽ sớm kể cho bạn biết về một dịp nữa mà Liz đón tôi sau giờ học, nhưng trước tiên, tôi phải kể về cái ngày mà họ chia tay. Đó là một buổi sáng đáng sợ, tin tôi đi.

Hôm ấy, tôi thức dậy trước cả khi đồng hồ báo thức kêu vang, vì mẹ đang quát tháo ầm nhà. Trước kia tôi từng nghe thấy mẹ nổi điên, nhưng chưa bao giờ điên *tới mức ấy*.

“Em mang thứ kia vào căn hộ? Nơi mà chị sống với *con trai?*”

Liz đáp lại gì đó, nhưng giọng cô ta chỉ to hơn tiếng lầm bầm một chút xíu và tôi không nghe nổi.

“Em có nghĩ chuyện ấy ảnh hưởng tới chị không?” Mẹ hét lên. “Trong mấy cái phim cảnh

sát, đó là thứ mà họ sẽ bảo là *một lượng nghiêm trọng!* Chị có thể phải ngồi tù vì tội tòng phạm!”

“Đừng có thái quá thế”, Liz nói. Đã lớn tiếng hơn. “Không bao giờ có chuyện—”

“*Vấn đề không phải vậy!*” Mẹ hét. “Nó ở đây! Nó vẫn đang ở đây! Trên cái mặt bàn của nợ bên cạnh cái bát đường của nợ! Em mang ma túy vào nhà của chị! *Một lượng nghiêm trọng!*”

“Chị có thể ngừng nói vậy được không? Đây đâu phải một tập phim *Luật pháp và trật tự*²⁹.” Giờ thì Liz cũng đã cao giọng. Nổi điên. Tôi đang đứng, một tai ép vào cánh cửa phòng ngủ, đi chân trần và mặc đồ ngủ,, tim bắt đầu đập thành thịch. Đây không phải một cuộc thảo luận, thậm chí không phải một màn tranh cãi. Đây là cái gì đó lớn hơn thế. Tệ hơn thế. “Nếu như chị không mò vào túi của em—”

“Lục soát đồ của em, đó là điều em nghĩ hả? Chị đang cố *làm ơn* cho em! Chị định mang cái áo khoác đồng phục của em tới tiệm giặt ủi, cùng với cái chân váy lông cừu của chị. Nó đã ở đó bao lâu rồi?”

“Mới thôi. Gã chủ của nó đang không ở thành phố. Hắn sẽ quay lại vào ngày m—”

²⁹ Nguyên văn: *Law and order*.

“Bao lâu rồi?”

Một lần nữa, câu trả lời của Liz quá nhỏ để tôi có thể nghe được.

“Thế tại sao lại mang nó tới đây? Chị không hiểu. Tại sao không cất nó ở cái két đựng súng chỗ em ở?”

“Em không...” Cô ta dừng lại.

“Không gì?”

“Không thực sự có một cái két đựng súng. Và tòa nhà chỗ em vừa xảy ra vài vụ đột nhập. Vói lại, em sẽ ở đây mà. Chúng ta định ở với nhau cả tuần. Em nghĩ như vậy sẽ giúp em đỡ phải di chuyển.”

“Giúp em đỡ phải di chuyển?”

Liz không phản hồi với câu này.

“Không có két đựng súng ở căn hộ của em. Em còn nói dối chị bao nhiêu chuyện nữa?” Giọng mẹ không còn có vẻ điên tiết. Ít nhất là không phải ngay lúc ấy. Mẹ nghe như bị tổn thương. Như thể mẹ muốn khóc. Tôi muốn bước ra ngoài và bảo Liz để mẹ một mình, ngay cả khi mẹ là người gây sự vì đã tìm ra cái thứ ấy - bất kể nó là gì - với một lượng nghiêm trọng. Nhưng mà tôi vẫn chỉ đứng đó, lắng nghe. Và run rẩy nữa.

Liz lại lăm bằm thêm gì đó.

“Đây có phải là lý do em gặp rắc rối ở sở không? Có phải em cũng sử dụng và... chị không biết, *vận chuyển* đồ? *Phân phối* đồ?”

“Em không dùng và em không phân phối!”

“Được rồi, em chuyển nó cho người khác.” Mẹ lại cao giọng. “Đối với chị thì nghe giống như phân phối.” Sau đó, mẹ quay trở lại chi tiết khiến mẹ thật sự rối lên. Ờ, không phải thứ duy nhất, nhưng mà là thứ khiến mẹ nhức đầu nhất. “Em mang đồ vào *căn hộ* của chị. Nơi *con trai* chị sống. Em khóa súng trong xe của em, chị luôn luôn tin thế, nhưng giờ thì chị tìm thấy *hơn chín trăm gram cocaine* trong túi áo khoác của em.” Mẹ thực ra còn bật cười, nhưng không phải theo kiểu người ta cười khi có chuyện vui. “Túi áo *cảnh sát* của em!”

“Đâu phải chín trăm gram đâu.” Nghe có vẻ hờn dỗi.

“Chị đây đã lớn lên bằng việc cân thịt ở chợ của bố”, mẹ bảo. “Chị biết thế nào là chín trăm gram khi cầm lượng đó trong tay.”

“Em sẽ đưa nó ra khỏi đây”, Liz nói. “Ngay bây giờ.”

“Làm thế đi, Liz. Ngay lập tức. Và em có thể quay lại thu dọn đồ của em. Hẹn trước. Khi có chị ở đây còn Jamie thì không. Nếu không, đừng bao giờ quay lại.”

“Chị không thực sự có ý đó đâu”, Liz nói, nhưng dù chỉ nghe qua cửa, tôi cũng có thể nhận ra cô ta không hề tin vào chính những lời mình đang nói.

“Chị hoàn toàn có ý như vậy đấy. Chị sẽ ban phước cho em và không báo lại những gì chị đã tìm thấy cho tay đội trưởng giám sát em, nhưng nếu như em còn một lần nữa thò cái mặt tới đây - ngoại trừ một lần duy nhất em tới để thu dọn rác của mình - thì chị sẽ báo cảnh sát. Chị đảm bảo đấy.”

“Chị đang ném em ra khỏi đây đấy à? Thật sự?”

“Thật. Cầm lấy ma túy của mình mà cút đi.”

Liz bắt đầu khóc. Thật khủng khiếp. Rồi sau khi cô ta đi mất, mẹ bắt đầu khóc và điều này còn tệ hơn nữa. Tôi đi ra, bước vào bếp và ôm mẹ.

“Con đã nghe được bao nhiêu rồi?”, mẹ hỏi, và trước khi tôi có thể đáp, mẹ tự trả lời: “Tất cả, mẹ đoán thế. Mẹ sẽ không nói dối con, Jamie. Hay tô vẽ cho nhẹ chuyện. Cô ta giữ ma túy, rất

nhiều ma túy, và mẹ không bao giờ muốn con nói ra lời nào về chuyện đó, được không?”

“Đó thật sự là cocain ạ?” Tôi cũng đã khóc nãy giờ, nhưng không nhận ra điều ấy cho tới khi nghe thấy giọng mình khàn đặc.

“Đúng thế. Và vì con đã biết quá nhiều, mẹ cũng nên nói luôn với con là mẹ từng thử dùng nó hồi đại học, chỉ vài lần thôi. Mẹ nếm thử cái thứ mà mẹ tìm được trong túi, và lưỡi mẹ tê luôn. Đích xác là cocain.”

“Nhưng nó không ở đây nữa rồi. Cô ấy mang đi rồi.”

Các bà mẹ biết trẻ con sợ cái gì, nếu như họ là những bà mẹ tốt. Một người khó tính có thể nói đây là một tuyên bố lãng mạn hóa, nhưng tôi nghĩ đó chỉ thuần túy là sự thật. “Cô ta mang đi rồi và chúng ta ổn rồi. Thật mệt mỏi khi bắt đầu ngày mới kiểu này, nhưng xong xuôi rồi. Chúng ta chấm dứt chuyện ở đây và sống tiếp thôi.”

“Vâng ạ, nhưng... Liz không còn là bạn của mẹ nữa ạ?”

Mẹ dùng một cái khăn lau đĩa để chùi mặt. “Mẹ nghĩ cô ấy không còn là bạn mẹ cũng khá lâu rồi. Chỉ là mẹ không biết. Giờ thì chuẩn bị để đi học thôi.”

Tối hôm ấy, khi làm bài tập, tôi nghe thấy những tiếng ùng-ục-ùng-ục phát ra từ phòng bếp và ngửi thấy mùi rượu. Mùi rượu nồng hơn hẳn bình thường, thậm chí hơn cả những đêm mà mẹ và Liz nốc rất nhiều. Tôi ra khỏi phòng mình để xem mẹ có làm đổ rượu không (dù không có tiếng thủy tinh vỡ), và thấy mẹ đang đứng bên bồn rửa, một tay cầm chai rượu vang đỏ còn tay còn lại cầm một chai rượu vang trắng. Mẹ đang đổ hết xuống chỗ thoát nước.

“Tại sao mẹ lại bỏ rượu đi? Bị hỏng rồi à?”

“Mẹ nghĩ là bị hỏng từ tám tháng trước rồi. Đã đến lúc ngừng lại.” Mẹ bảo.

Về sau, tôi biết được rằng mẹ đã tới AA³⁰ trong một khoảng thời gian sau khi chia tay Liz, rồi quyết định là mẹ không cần phải đến đó. (“Mấy lão già té đái và cứ rên rĩ về cốc rượu mấy lão từng nốc từ ba chục năm trước”, mẹ nói vậy.) Tôi nghĩ mẹ không bỏ rượu hoàn toàn, vì có một hay hai lần tôi nghĩ mình đã ngửi thấy mùi rượu trong hơi thở của mẹ, vào lúc mẹ hôn tôi ngủ ngon. Có lẽ là rượu từ một bữa tối với khách

³⁰ Chi tổ chức Alcoholics Anonymous (Những người Nghiện rượu Ẩn danh), chuyên hỗ trợ những người nghiện rượu có thể giữ tinh tảo và ngừng uống rượu vô độ.

hàng. Nếu mẹ cất một chai trong căn hộ thì tôi cũng chưa từng biết mẹ giấu nó ở đâu (tôi thực ra cũng chẳng tìm kiếm kỹ càng lắm). Nhưng có một việc tôi biết rõ, đó là trong những năm sau đó, tôi không hề thấy mẹ say xỉn và cũng không bao giờ thấy mẹ mê man trong trạng thái chưa tỉnh hẳn rượu. Với tôi, vậy là ổn rồi.

20

Sau chuyện ấy, tôi không thấy mặt Liz Dutton một thời gian dài, trong một năm hoặc có lẽ là lâu hơn một chút. Ban đầu tôi nhớ cô ta, nhưng nỗi nhớ không kéo dài lâu. Khi thấy bồi hồi, tôi chỉ cần tự nhắc mình là cô ta đã làm mẹ tôi phát rồ, kinh khủng khiếp. Tôi cứ chờ đến ngày mẹ có một người bạn khác ngủ lại nhà, nhưng chuyện ấy không xảy ra. Kiểu như mãi mãi không xảy ra. Có một lần tôi lên tiếng hỏi mẹ, và mẹ bảo, “Một lần bị bỏng, sợ lửa cả đời. Mẹ con ta vẫn ổn, đó mới là điều quan trọng.”

Và chúng tôi thật sự ổn. Nhờ có Regis Thomas - hai mươi bảy tuần đứng trong danh sách tác phẩm bán chạy nhất của *New York Times* - và một vài khách hàng mới (Barbara Means đã kiếm về

một người trong số đó, chị ấy giờ đã là nhân viên toàn thời gian và có tên trên cửa vào năm 2017), văn phòng đã quay trở lại trạng thái vững vàng. Bác Harry đã trở về trung tâm chăm sóc ở Bayonne (vẫn cơ sở ấy, nhưng đội ngũ quản lý mới), cũng không phải quá tuyệt nhưng tốt hơn so với trước đó. Mẹ không còn gắt gỏng vào buổi sáng và đã mua thêm vài bộ quần áo mới. “Phải thế thôi”, có một lần trong năm ấy, mẹ tâm sự với tôi. “Mẹ đã sụt gần bảy cân sau khi bớt rượu chè.”

Khi đó tôi đã học cấp hai, điều này có một vài khía cạnh dở hơi, và một vài khía cạnh khác thì tốt đẹp. Có một điểm cộng lớn: vào những ngày học trống tiết cuối, những học sinh tham gia thi đấu thể thao có thể tới phòng gym, phòng vẽ, phòng nhạc hoặc là đi về nhà. Tôi chỉ là cầu thủ dự bị của đội bóng rổ, và mùa thi đấu cũng qua rồi, nhưng tôi vẫn được coi là thành phần được ưu tiên. Trong một vài ngày, tôi tới ngó nghiêng phòng vẽ, vì có một cô nàng quyến rũ tên Marie O'Malley thi thoảng đến đây. Nếu cô ấy không tới vẽ bức tranh màu nước của mình, tôi sẽ chỉ về nhà thôi. Đi bộ nếu trời đẹp (đi một mình, mà thực ra không cần phải nói thêm điều này nhỉ), và đi xe buýt nếu thời tiết xấu.

Vào cái ngày mà Liz Dutton quay trở lại đời tôi, tôi thậm chí chẳng bận tâm tới chuyện đi tìm Marie, vì tôi đã nhận được Xbox mới nhân dịp sinh nhật và muốn về nhà luyện game. Tôi đã đi bộ được một quãng, trên vai đeo ba lô (không còn đeo lưng lẳng một bên vai nữa, lớp sáu là quá khứ xa xưa rồi), thì cô ta lên tiếng gọi tôi.

“Này, nhà vô địch, dạo này sao rồi, nhóc con?”

Cô ta đang đứng dựa vào cái xe cá nhân của mình, vắt chéo chân, mặc quần bò và một chiếc áo khoét cổ sâu. Cô khoác blazer bên ngoài thay vì parka, nhưng vẫn có dòng chữ Sở Cảnh sát New York trên ngực áo, và cô vẫn mở một bên áo ra theo cái kiểu cô từng làm, để cho tôi thấy cái bao đựng súng đeo vai. Nhưng lần này, cái bao không còn rỗng.

“Chào Liz”, tôi lầm bầm. Tôi nhìn xuống giày của mình và rẽ phải.

“Khoan đã, cô cần nói chuyện với cháu.”

Tôi dừng lại, nhưng tôi không quay về phía cô ta. Như thể cô ta là Medusa và chỉ cần nhìn một cái là cái đầu rắn của cô sẽ làm tôi hóa đá. “Cháu không nghĩ mình nên làm vậy. Mẹ sẽ cáu lên.”

“Chị ấy không cần phải biết. Quay lại đi, Jamie. Làm ơn. Chỉ nhìn thấy lưng cháu khiến cô chết mất.”

Giọng nói như thể cô ta rất buồn, và điều đó cũng làm tôi thấy buồn. Tôi quay lại. Cô đã khép chiếc áo blazer, nhưng tôi vẫn có thể thấy chỗ khâu súng gồ lên.

“Cô muốn cháu đi với cô một chuyến.”

“Không phải là ý hay đâu”, tôi nói. Tôi nhớ tới một cô gái có tên Ramona Sheinberg. Cô này học cùng vài lớp với tôi hồi đầu năm học, nhưng rồi cô ấy bốc hơi và bạn tôi Scott Abramowitz kể lại rằng, bố của Ramona đã bắt cô ấy đi sau một vụ kiện về quyền giám hộ, và đưa cô đến một nơi nào đó không có luật dẫn độ. Scott bảo, cậu ta hy vọng nơi ấy ít ra cũng có mấy hàng cây cọ.

“Cô cần năng lực của cháu, nhà vô địch”, cô ta nói. “Cô thật sự cần.”

Tôi không trả lời, nhưng cô ta hẳn đã thấy tôi xao động, vì cô cười với tôi một cái. Đó là một nụ cười dễ chịu làm đôi mắt xám của cô ta sáng lên. Ngày hôm ấy, đôi mắt đó không hề lạnh lẽo như đồ tuyết. “Có lẽ cũng không ích gì, nhưng cô muốn thử. Cô muốn *cháu* thử.”

“Thử cái gì cơ?”

Cô ta không trả lời, không phải lúc ấy, cô ta chỉ đưa một bàn tay về phía tôi. “Cô đã giúp mẹ cháu khi Regis Thomas chết. Tại sao giờ cháu lại không giúp cô?”

Về lý mà nói, tôi mới là người giúp mẹ vào cái ngày hôm đó, Liz chỉ lái xe một quãng ngắn đưa hai mẹ con tới Đại lộ Sprain Brook, nhưng cô ta đã dừng lại để mua cho tôi một chiếc Whopper trong khi mẹ chỉ muốn đi thẳng một lèo. Và cô ta còn cho tôi phần Coca còn thừa nữa, khi tôi khát khô họng sau khi nói quá nhiều. Thế nên tôi bước vào ô tô. Tôi thấy không ổn, nhưng tôi vẫn làm vậy. Người lớn có quyền năng, đặc biệt là khi họ van nài, và Liz đang làm đúng như vậy.

Tôi hỏi Liz chúng tôi sẽ đi đâu, và cô ta bảo đầu tiên là tới Công viên Trung tâm. Có thể là vài nơi nữa sau đó. Tôi nói, nếu tôi không có mặt ở nhà trước năm giờ, mẹ sẽ lo lắng. Liz bảo tôi rằng cô ta sẽ cố đưa tôi về trước lúc ấy, nhưng đây là một việc rất quan trọng.

Đây là lúc cô ta kể cho tôi biết sự tình.

21

Gã đàn ông tự xưng là Thumper đã đặt quả bom đầu tiên ở Eastport, một thị trấn tại Long Island, không cách quá xa Speonk - chỗ từng là nơi nhốt bác Harry (chỉ đùa thôi nhé). Đó là năm 1996. Thumper chuẩn bị một cây thuốc nổ kẹp với bộ hẹn giờ, đặt nó trong một cái thùng rác bên ngoài dãy nhà vệ sinh của siêu thị King Kullen. Bộ hẹn giờ chỉ là một cái đồng hồ báo thức rẻ tiền, nhưng nó vẫn hoạt động hiệu quả. Quả bom nổ lúc chín giờ tối, đúng lúc siêu thị đóng cửa. Ba người bị thương, đều là các nhân viên của cửa hàng. Hai người chỉ bị vết thương ngoài da, nhưng người thứ ba thì đi ra khỏi buồng vệ sinh nam ngay khi bom nổ. Anh ta mất một mắt và toàn bộ cẳng tay phải. Hai ngày

sau, một tờ giấy được gửi tới Sở Cảnh sát Quận Suffolk. Nó được gõ ra bằng máy IBM Selectric. Dòng chữ trên giấy là, *Bạn màý thấy tác phẩm của tao thế nào? Sẽ còn nhiều nữa!* THUMPER.

Thumper cho nổ mười chín quả bom trước khi hắn ta thực sự làm chết người. "*Mười chín!*" Liz thốt lên. "*Và như thế hắn ta chẳng thèm cố gắng vậy. Hắn đặt bom rải khắp năm khu dân cư, một vài chỗ ở New Jersey - thành phố Jersey và Fort Lee. Tất cả đều dùng thuốc nổ, loại sản xuất ở Canada.*"

Nhiều người đã bị thương. Khi con số người bị thương lên tới gần năm mươi, hắn ta cuối cùng cũng giết chết người đàn ông vô ý nhắc ống nghe trong bộ điện thoại công cộng ở Đại lộ Lexington. Sau mỗi lần bom nổ, lại có một tờ giấy được gửi tới sở cảnh sát ở khu vực diễn ra sự vụ, và lúc nào dòng chữ trên giấy cũng giống nhau: *Bạn màý thấy tác phẩm của tao thế nào? Sẽ còn nhiều nữa!* THUMPER.

Trước vụ Richard Scalise (đây là tên của người đàn ông ở bộ điện thoại), sẽ mất một khoảng thời gian khá dài trước khi vụ nổ mới xảy ra. Hai vụ nổ bom gần nhất cách nhau sáu tuần. Thời gian im ắng dài nhất lên tới gần một năm.

Nhưng sau vụ Scalise, Thumper đã tăng tốc. Các quả bom có quy mô lớn hơn và bộ hẹn giờ trở nên phức tạp hơn. Mười chín vụ nổ tính từ năm 1996 tới năm 2009 - hai mươi vụ, tính cả quả bom ở bất điện thoại. Giữa năm 2010 và cái ngày Liz xuất hiện trở lại đời tôi vào năm 2013, hắn ta đã đặt thêm mười quả bom nữa, làm bị thương hai mươi người và giết chết ba người. Đến lúc này, Thumper không chỉ còn là một huyền thoại đô thị, hay một nhân vật quen mặt trên kênh NY1; hắn đã khét tiếng cả nước.

Hắn ta rất giỏi né camera an ninh, và ở nơi nào mà hắn không giấu mình được, mọi người sẽ chỉ nhìn thấy một gã đàn ông mặc áo khoác dài, đeo kính râm và đội mũ lưỡi trai Yankees kéo sụp xuống đầu. Hắn ta cũng giấu tóc khá kỹ. Có vài sợi tóc trắng ở hai bên mai và chỗ đằng sau mũ lưỡi trai, nhưng đó có thể là tóc giả. Trong vòng mười bảy năm thuộc “triều đại khủng bố” của hắn ta, ba lực lượng đặc nhiệm khác nhau đã được thiết lập để lùng bắt hắn. Lực lượng đầu tiên giải tán khi “triều đại” của hắn yên ắng suốt một thời gian dài, và cảnh sát cho rằng hắn ta đã chấm dứt rồi. Lực lượng thứ hai giải tán sau một xáo trộn lớn ở sở cảnh sát. Lực lượng thứ ba được

lập vào năm 2011, khi người ta thấy rõ Thumper đang hoạt động quá xông xáo. Liz không kể cho tôi nghe toàn bộ những thứ này trong lúc chúng tôi tới Công viên Trung tâm; sau này tôi tự tìm hiểu được, cũng như cách tôi đã khám phá ra nhiều chuyện khác.

Cuối cùng thì, hai ngày trước, cảnh sát cũng tóm được mấu chốt cho vụ án mà họ vẫn đang cố gắng phá giải. Con trai của Sam³¹ bị bắt vì một cái vé phạt lỗi đỗ xe. Ted Bundy³² bị bắt vì hắn ta quên không bật đèn pha. Thumper - tên thật là Kenneth Alan Therriault - thì bị tóm vì người quản lý tòa nhà gặp phải một tai nạn nhỏ trong ngày thu gom rác thải. Ông ta đang chuyển một cái xe đẩy hàng dọc theo lối đi, trên xe là mấy cái thùng rác, tới điểm thu gom gần đó. Ông ta vấp vào một cái ổ gà và một cái thùng rác bị đổ ra. Khi ông này dọn dẹp lại chỗ bừa bộn, ông nhìn thấy một mớ dây và một mẩu giấy màu vàng có

³¹ Nguyên văn: Son of Sam. Đây là biệt danh của David Richard Berkowitz - kẻ giết người hàng loạt người Mỹ, hắn đã nhận tội với tám vụ tấn công xả súng ở thành phố New York trong mùa hè năm 1976.

³² Theodore Robert Bundy là một kẻ giết người hàng loạt khét tiếng người Mỹ, bị coi như “quỷ dữ”, hắn đã bắt cóc, hãm hiếp và sát hại nhiều phụ nữ cũng như trẻ em gái trong giai đoạn những năm 1970.

in chữ CANACO. Ông sẽ không gọi cảnh sát nếu chuyện chỉ như thế, nhưng còn vấn đề khác. Một trong mấy sợi dây được gắn với ngòi nổ hiệu Dyno Nobel.

Chúng tôi tới Công viên Trung tâm và đỗ ô tô bên cạnh một loạt chiếc xe cảnh sát (một điều nữa mà sau này tôi biết được, là Công viên Trung tâm có một nhóm cảnh sát phụ trách riêng, là khu vực 22). Liz đặt tấm biển cảnh sát nho nhỏ của mình lên táp lô và chúng tôi đi bộ trên Phố 86 một chút, trước khi rẽ vào một con đường dẫn tới đài tưởng niệm Alexander Hamilton. Chi tiết này thì không phải do tôi khám phá ra sau này, tôi chỉ đọc luôn cái biển tên thôi. Hay là người ta dùng từ bảng tên nhỉ. Sao cũng được.

“Người quản lý đã chụp ảnh mớ dây, mẫu giấy và ngòi nổ bằng điện thoại của mình, nhưng phải tới hôm sau thì lực lượng đặc nhiệm mới nhận được ảnh.”

“Hôm qua”, tôi bảo.

“Đúng thế. Ngay khi nhìn thấy nó, bọn cô biết là đã tóm được gã rồi.”

“Hắn vậy, nhờ có ngòi nổ.”

“Ừ, nhưng không chỉ thế. Nhớ mẫu giấy không? Canaco là một công ty Canada chuyên

sản xuất thuốc nổ. Bọn cô có danh sách liệt kê cư dân của tòa nhà, và đã loại trừ được gần hết bọn họ mà không phải làm gì ở hiện trường, vì bọn cô biết mình đang cần để mắt tới một người đàn ông, có lẽ là độc thân, và có thể là dân da trắng. Chỉ có sáu cư dân đáp ứng tất cả các tiêu chí này, và chỉ có một người từng làm việc ở Canada.”

“Google bọn họ, phải không ạ?”, tôi dần có hứng thú.

“Cháu nói đúng rồi đấy. Bên cạnh những điều khác, bọn cô phát hiện ra Kenneth Therriault có hai quốc tịch, Mỹ và Canada. Hẳn ta đã làm đủ nghề liên quan tới xây dựng ở vùng tuyết trắng phương bắc kia, cộng thêm việc khai thác ở mấy chỗ có đá phiến dầu nữa. Kê này là Thumper, hẳn là phải như vậy.”

Tôi chỉ liếc nhanh Alexander Hamilton, đủ để đọc tấm biển tên và để ý tới cái quần đẹp mã của ông. Liz cầm tay tôi, dẫn tôi tới con đường phía bên kia bức tượng. Chính xác là kéo tôi đi.

“Bọn cô xông vào với một đội đặc nhiệm phản ứng nhanh, nhưng cái ổ của hắn trống trơn. Ừm, không thật sự *trống trơn*, mọi đồ đạc của hắn ta vẫn ở đây, nhưng hắn thì không. Không may

là tay quản lý tòa nhà không giữ kín được khám phá to bự của mình, dù cho đã được dặn là nhớ giữ mồm giữ miệng. Ông ta đã bép xép với vài cư dân và tin tức bị lan ra. Một trong những thứ bọn cô tìm thấy trong căn hộ là cái máy IBM Selectric.”

“Đó là một cái máy đánh chữ ạ?”

Cô gật đầu. “Mấy em bé đó có những bộ phận đánh chữ khác nhau để tạo ra phong chữ khác nhau. Bộ phận trong chiếc máy này trùng khớp với phong chữ trên những tờ giấy của Thumper.”

Trước khi chúng tôi đi tới con đường và chỗ đặt cái ghế băng đã không còn ở đây, tôi cần kể cho bạn vài điều khác mà về sau tôi khám phá ra. Liz đã nói thật về việc cuối cùng Therriault cũng lòi đuôi, nhưng cô ta cứ lặp đi lặp lại cái cụm *bọn cô*. *Bọn cô* thế này *bọn cô* thế nọ, nhưng Liz không phải là một thành viên của lực lượng đặc nhiệm xử lý vụ Thumper. Cô ta *từng là* một thành viên trong lực lượng thứ hai, cái nhóm mà đã giải tán trong một đợt xáo trộn ở sở cảnh sát, khi tất cả mọi người quá bận rộn và tán loạn như gà bị chặt đầu. Đến năm 2013, tất cả những gì Liz Dutton còn lại ở Sở Cảnh sát New York chỉ là một chỗ để chân nhỏ xíu, và chỉ thế thôi, vì công đoàn cảnh sát là một tổ chức rất mạnh. Về cơ bản, cô ta đã

chẳng còn chỗ ở đây nữa. Bộ phận Nội vụ đang lượn vòng như những con ó ngấm nghĩa lũ thú vật vừa vong mạng trên đường phố. Vào cái ngày mà cô ta tới đón tôi, cô không hề thuộc một lực lượng dành toàn tâm sức truy bắt một kẻ đánh bom hàng loạt. Cô ta cần một phép màu, và tôi có vẻ là phép màu đó.

Liz tiếp tục: “Đến hôm nay, mọi cảnh sát khu vực đã nắm được tên và ngoại hình của Kenneth Therriault. Mọi con đường đi ra khỏi thành phố đều bị giám sát, bằng cả con người lẫn camera - và cô tin chắc là cháu đã biết rồi, có rất nhiều camera. Tóm lấy gã này, dù là bắn chết hay bắt sống, đã trở thành ưu tiên số một của bọn cô, vì bọn cô sợ rằng hắn hạ quyết tâm sẽ giải nghệ một cách hoành tráng. Có thể là cho nổ một quả bom ở trước tòa nhà Saks trên Đại lộ Năm, hoặc nổ bên trong Nhà ga Trung tâm. Ôi, tha cho bọn này đi.”

Cô dừng lại và chỉ về một vị trí bên cạnh con đường. Tôi để ý thấy cô bị dập xuống, như thể đã có rất nhiều người từng đứng ở đó.

“Hắn ta đi vào công viên, ngồi xuống một băng ghế dài, và tự làm nổ óc mình bằng một khẩu Ruger tự động, dùng đạn 45.”

Tôi kinh hoàng nhìn về phía cô ta chỉ.

“Cái ghế băng đã được đưa tới Phòng Pháp y của Sở Cảnh sát New York tại Jamaica, nhưng đây là chỗ mà hắn ta đã hành sự. Vậy câu hỏi lớn đây. Cháu có nhìn thấy hắn ta không? Hắn có ở đây không?”

Tôi nhìn quanh. Tôi không hề biết Kenneth Alan Therriault trông như thế nào, nhưng nếu hắn ta đã tự làm nổ tung não mình, tôi không nghĩ mình lại không nhận ra. Tôi nhìn thấy vài đứa nhóc chơi ném đĩa cho chó cưng đuổi theo (con chó đã được thả dây, một việc bị cấm ở Công viên Trung tâm), tôi nhìn thấy hai người phụ nữ chạy bộ, vài người trượt ván, và vài người đàn ông lớn tuổi đang đọc báo ở phía xa kia, nhưng tôi không nhìn thấy gã đàn ông nào có một cái lỗ trên đầu, và tôi nói lại điều đó với Liz.

“Đệt mợ”, Liz buột mồm. “Được rồi, không sao. Chúng ta còn hai cơ hội nữa, ít nhất là cô nghĩ vậy. Nghề của hắn là làm nhân viên dọn dẹp ở Bệnh viện Thành phố của Thiên thần, tại Phố 70 - khá là sa sút so với cái thời hắn còn trong ngành xây dựng, nhưng hắn ta cũng bảy mấy tuổi rồi - và tòa chung cư hắn sống thì ở Queens. Cháu nghĩ thế nào, nhà vô địch?”

“Cháu nghĩ là cháu muốn về nhà. Hẳn ta có thể ở bất cứ đâu.”

“Thật sao? Không phải cháu bảo là họ sẽ loanh quanh ở những nơi mà họ thường dành nhiều thời gian khi còn sống sao? Trước khi mà họ, cô không biết nữa, biến mất mãi mãi?”

Tôi không thể nhớ nổi mình có từng nói vậy với cô ta hay chưa, nhưng đó đúng là sự thực. Dẫu vậy, tôi ngày càng thấy mình giống Ramona Sheinberg. Bị bắt cóc, nói theo một cách khác là thế. “Sao phải bận tâm chứ? Hẳn ta chết rồi mà, phải không? Vụ án kết thúc.”

“Chưa hẳn đâu.” Cô ta gập người xuống để nhìn vào mắt tôi. Cô không phải gập người quá nhiều vào năm 2013, vì tôi đã cao lên. Còn lâu mới chạm tới mốc hơn một mét tám như thằng tôi hiện nay, nhưng cũng đã cao hơn cỡ chục centimet. “Có một tờ giấy được cài trên áo sơ mi của hẳn. Trên đó ghi, *Còn một quả nữa, và là một quả cỡ đại đấy. Chết mẹ bọn mày đi, hẹn gặp ở địa ngục.* Tờ giấy ký tên THUMPER.”

Ờ thì, thông tin ấy đại khái đã khiến mọi sự biến chuyển.

22

Trước tiên chúng tôi tới Thành phố của Thiên thần, vì nơi ấy gần hơn. Không có gã nào thủng một lỗ trên đầu đứng ngay ngoài cửa cả, chỉ có vài người đang hút thuốc, thế nên chúng tôi vào trong, qua lối vào ở phòng cấp cứu. Rất nhiều người đang ngồi ở đây, và có một người nọ đang rỏ máu từ đầu. Theo tôi, vết thương ấy giống một vết rạch hơn là lỗ thủng do đạn, và ông ta trẻ hơn so với những gì Liz nói về tuổi của Kenneth Therriault, nhưng tôi vẫn hỏi Liz cô có nhìn thấy ông ta không, để chắc chắn. Cô ta bảo là có thấy.

Chúng tôi đi tới bàn trực, Liz chìa ra huy hiệu và nói mình là một thám tử của Sở Cảnh sát New York. Cô hỏi liệu có căn phòng nào để nhân

viên bệnh viện cất đồ và thay quần áo khi tới ca làm không. Người phụ nữ ở bàn trực nói có một phòng như vậy, nhưng những cảnh sát khác đã tới và dọn dẹp tủ đồ của Therriault rồi. Liz hỏi họ còn ở đó không và người phụ nữ bảo không, những người cuối cùng đã rời đi cách đây được vài tiếng.

“Dù sao thì tôi cũng muốn nhìn qua một cái”, Liz nói. “Cho tôi biết làm thế nào để tới đó.”

Người phụ nữ bảo chúng tôi đi thang máy xuống tầng B và rẽ phải. Sau đó, cô ấy mỉm cười với tôi, “Hôm nay cháu giúp mẹ đi điều tra à, chàng trai nhỏ?”

Tôi định nói, À, cô không phải mẹ cháu, nhưng cháu nghĩ là cháu đang giúp cô vì cô mong rằng nếu ông Therriault vẫn đang ở đâu đây, cháu có thể nhìn thấy ông ta. Dĩ nhiên là không nói thể được, vậy nên tôi thẹn người ra.

Liz thì không. Cô ta giải thích rằng y tá trường sợ tôi bị mono³³, nên cô tiện thể đưa tôi tới kiểm tra và ghé qua nơi làm việc của Therriault luôn. Một mũi tên trúng hai đích.

³³ Tên đầy đủ là bệnh mononucleosis, hay bệnh tăng bạch cầu đơn nhân nhiễm khuẩn.

“Có lẽ sẽ tốt hơn nếu khám bác sĩ riêng”, người phụ nữ trực bàn nói. “Hôm nay nơi này như cái nhà thương điên. Cô sẽ phải đợi hàng tiếng đồng hồ.”

“Thế chắc là tốt nhất”, Liz đồng ý. Tôi thấy cô ta nói chuyện thật tự nhiên, quả là một kẻ nói dối trơn tru. Tôi không thể quyết định được rằng điều ấy khiến tôi phát gớm hay làm tôi nể phục. Tôi nghĩ là mỗi thứ một tí.

Người phụ nữ ngồi ở bàn nghiêng người về phía trước. Tôi ngẩn người trước cái cách mà bộ ngực đồ sộ của cô ta đẩy hết giấy tờ về phía trước. Cảnh này khiến tôi nghĩ tới con tàu phá băng mà mình từng nhìn thấy trong một bộ phim. Cô ta hạ thấp giọng. “Tất cả mọi người đều sốc, để tôi kể cho cô hay. Ken là nhân viên dọn dẹp lớn tuổi nhất, và là người tử tế nhất. Chăm chỉ và luôn sẵn lòng chiều ý mọi người. Nếu có ai đó nhờ ông ta làm gì đó, ông lúc nào cũng vui vẻ đáp ứng. Kèm theo một nụ cười. Ai mà tưởng được là chúng tôi lại đang làm việc với một *kẻ sát nhân!* Cô có biết việc đó đã chúng tỏ điều gì không?”

Liz lắc đầu, rõ ràng là đã mất kiên nhẫn và chỉ muốn rời đi.

“Rằng chúng ta chẳng bao giờ biết được gì”, người phụ nữ nói. Cô ta phát ngôn như thể đang truyền đạt một chân lý vĩ đại. “Ta chẳng bao giờ biết được!”

“Hắn ta giỏi che giấu, được rồi”, Liz nói, và tôi nghĩ, *cùng một giuộc thì hẳn hiểu nhau.*

Vào trong thang máy, tôi hỏi, “Nếu cô thuộc lực lượng đặc nhiệm, tại sao cô lại không đi cùng lực lượng đặc nhiệm?”

“Đừng có ngốc, nhà vô địch ạ. Lẽ nào cô lại đưa *cháu* tham gia đội đặc nhiệm? Phải bịa ra một câu chuyện về cháu ở cái bàn trực kia là đủ mệt rồi.” Thang máy dừng lại. “Nếu có ai đó hỏi gì cháu, hãy nhớ vì sao cháu lại ở đây.”

“Mắc mono.”

“Chuẩn.”

Nhưng chẳng ai hỏi han gì. Căn phòng của nhân viên trống vắng. Chẳng ngang cửa là một dải băng màu vàng, với dòng chữ KHÔNG ĐƯỢC VÀO, CẢNH SÁT ĐANG ĐIỀU TRA. Liz và tôi chui qua bên dưới dải băng, cô ta cầm tay tôi. Có những chiếc ghế dài, vài chiếc ghế đơn, và khoảng hơn hai chục khoang tủ để đồ. Còn có một cái tủ lạnh, một lò vi sóng, và một cái

máy nướng bánh mì. Có một hộp Pop Tarts đã mở bên cạnh cái máy nướng bánh, và khi ấy tôi nghĩ mình sẽ không phiền nếu nhón một chiếc Pop Tarts. Nhưng không có Kenneth Therriault nào cả.

Tên người được dán trên tủ đồ bằng băng dính Dymo. Liz mở ngăn tủ của Therriault ra, cô dùng một cái khăn tay vì bột lấy dấu vân tay vẫn còn sót lại. Cô chậm rãi mở tủ, như thể cô nghĩ hắn ta đang núp bên trong đó, như ông kẹ trốn trong tủ đồ của một đứa nhóc. Therriault cũng khá giống một ông kẹ, nhưng hắn ta không có ở trong tủ. Tủ rỗng không. Những viên cảnh sát đã lấy hết đồ đi.

Liz lại chửi một tiếng đệt. Tôi nhìn vào điện thoại để xem giờ. Ba giờ hai mươi phút.

“Biết mà, tao biết mà”, cô ta nói. Vai cô chùng xuống, và dù tôi ghét cái cách cô ta tóm tôi lên xe và kéo tôi đi khắp nơi, tôi không thể không tội nghiệp cho cô ta. Tôi nhớ rằng, ông Thomas từng nhận xét mẹ tôi trông già hơn, và giờ thì tôi nghĩ người bạn cũ của mẹ cũng đã già đi. Gầy hơn. Và tôi phải thừa nhận là tôi khá ngưỡng mộ cô, vì cô đang cố làm theo lẽ phải và cứu sống mọi người. Cô ta giống như anh hùng trong một bộ phim,

con sói đơn độc cố gắng tự xử lý vấn đề. Có lẽ cô ta thật sự quan tâm tới những người vô tội đã bị thương tổn trong vụ đánh bom gần đây nhất của Thumper. Có lẽ là thế. Nhưng tôi biết là cô cũng rất lo lắng cho công việc của mình. Tôi không muốn nghĩ đó là mối lo chính của cô, nhưng với sự kiện xảy ra sau này - tôi sẽ kể lại - thì tôi buộc phải nghĩ đó mới là sự thật.

“Được rồi, cố thêm một lần nữa. Và đừng có nhìn vào cái điện thoại ngu ngốc của cháu nữa, nhà vô địch. Cô biết bây giờ là mấy giờ, và dù cháu có gặp phải phiền phức to cỡ nào nếu cô không đưa được cháu về nhà trước mẹ, thì rắc rối cô gặp phải còn to hơn.”

“Dù sao thì, có lẽ mẹ sẽ cùng Barbara ra ngoài đi uống trước khi về nhà. Barbara giờ đã làm việc cho công ty.” Tôi không biết chính xác vì sao mình lại nói thế. Vì tôi cũng muốn cứu mạng người vô tội, tôi cho là vậy, dù chuyện ấy khá là không thực tế với tôi, do tôi không nghĩ chúng tôi có thể tìm ra Kenneth Therriault. Tôi nghĩ lý do là vì Liz trông tệ hại quá. Đã bị đồn tới đường cùng.

“Được rồi, ta gặp may”, Liz nói. “Tất cả những gì cô cháu ta cần làm là thử nốt một lần nữa.”

23

Tòa nhà Frederick Arms cao mười hai hoặc mười bốn tầng, gạch xám, có chấn song bên ngoài cửa sổ ở những căn hộ nằm tại tầng một và tầng hai. Đối với một đứa trẻ lớn lên ở Cung điện Đại lộ Park, nơi này giống nhà giam trong phim *Nhà tù Shawshank*³⁴ hơn là một tòa nhà chung cư. Và Liz lập tức biết rằng chúng tôi sẽ không bao giờ bước vào trong tòa nhà, chứ đừng nói đến chuyện đi vào căn hộ của Kenneth Therriault. Nơi này đã đầy rẫy cảnh sát. Đám người hóng hớt đang đứng giữa đường, tiến sát hàng rào chắn của cảnh sát hết mức có thể, chụp ảnh lia lịa. Những chiếc xe của đài truyền hình đỗ ở cả hai bên của tòa nhà, ăng ten dựng

³⁴ Nguyên văn: *Shawshank redemption*.

lên và mấy đường dây cáp thì giăng ra khắp lối. Thậm chí có cả một chiếc trục thẳng của Channel 4 đang lượn lò trên đầu mọi người.

“Nhìn kìa”, tôi nói. “Stacy-Anne Conway! Cô ấy làm việc ở NY1!”

“Thử hỏi xem cô đây có vẻ gì là quan tâm không”, Liz bảo.

Tôi không hỏi.

May là chúng tôi không phải chạm trán phóng viên nào ở Công viên Trung tâm hay Thành phố của Thiên thần, và tôi nhận ra lý do duy nhất khiến điều đó không xảy ra là vì họ đã ở đây hết rồi. Tôi nhìn Liz và thấy một giọt nước mắt lăn xuống một bên má cô ta. “Chắc là chúng ta có thể tới đám ma của hắn”, tôi nói. “Có thể hắn sẽ ở đó.”

“Chắc hắn sẽ bị thiêu. Kín đáo, bằng ngân sách của thành phố. Không có người thân. Hắn sống lâu hơn tất cả bọn họ rồi. Cô sẽ đưa cháu về, nhà vô địch ạ. Xin lỗi vì kéo cháu đi khắp nơi.”

“Không sao ạ”, tôi nói, vỗ lên tay cô. Tôi biết mẹ sẽ không thích tôi làm vậy, nhưng mẹ không có ở đây.

Liz quay đầu xe và hướng trở lại cầu Queensboro. Khi đi khỏi Frederick Arms được một block, tôi

liếc nhìn sang cửa hàng tạp hóa nhỏ ở phía đường bên mình, rồi thốt lên, “Chúa ơi. Hẳn ta đây rồi.”

Cô ta mở to mắt nhìn tôi. “Cháu chắc không? Cháu có *chắc* không, Jamie?”

Tôi đổ người về phía trước và mửa vào khoảng trống giữa hai chiếc giày thể thao của mình. Đó là toàn bộ câu trả lời cô ta cần.

24

Tôi thật tình khó đánh giá xem hắn trông có đáng sợ như người đàn ông ở Công viên Trung tâm không, vụ ấy xảy ra lâu quá rồi. Hắn ta thậm chí trông còn kinh khủng hơn. Một khi bạn đã nhìn thấy điều gì có thể xảy đến với cơ thể con người sau một sự kiện kinh hoàng - tai nạn, tự sát, bị giết hại - việc so sánh chẳng còn quan trọng nữa. Kenneth Therriault, hay Thumper, trông rất gớm, được chưa? Rất rất gớm ghiếc.

Có những băng ghế dài ở cả hai bên cửa của cửa hàng tạp hóa, để mọi người có thể ngồi nhâm nhi món đồ ăn vặt mà họ mới mua, tôi đoán vậy. Therriault đang ngồi ở một băng ghế, đặt tay lên đùi, mặc quần khaki. Người ta cứ đi ngang qua

hắn, hướng đến nơi mà họ cần đến. Một cậu bé da đen kẹp ván trượt ở nách bước vào cửa hàng. Một người phụ nữ đi ra với chiếc cốc giấy đựng cà phê còn bốc khói. Chẳng ai trong số họ liếc tới cái ghế băng mà Therriault đang ngồi.

Hắn ta hẳn phải thuận tay phải, vì phần bên phải đầu của hắn trông không quá kinh khủng. Có một lỗ thủng ở thái dương, có lẽ là to cỡ đồng mười xu, hoặc nhỏ hơn một chút, và viền quanh chỗ đó là vết bầm hoặc thuốc súng. Chắc là thuốc súng. Tôi ngờ rằng cơ thể hắn chẳng có đủ thời gian tụ máu để một vết bầm được sinh ra.

Thương tổn thực sự nằm ở phần bên trái, nơi viên đạn thoát ra. Cái lỗ bên này to gần bằng một cái đĩa ăn món tráng miệng, và lia chìa quanh nó là những đầu xương nhọn bất thường. Da thịt trên đầu hắn sưng to, như bị nhiễm trùng cực nặng. Mắt trái của hắn bị giật sang một bên và phồng ra khỏi hốc mắt. Điều kinh khiếp nhất là có những thứ màu xám đang nhỏ xuống má hắn. Đó chính là óc.

“Đừng dừng lại”, tôi nói. “Cứ đi tiếp.” Mùi nôn mửa nồng nặc xông lên mũi và vị nôn mửa thì còn đầy trong miệng, nhóp nhóp. “Làm ơn đấy, Liz, cháu không chịu được.”

Nhưng thay vì dừng lại, cô ta hướng vào lề đường, ngay phía trước một cột nước cứu hỏa ở gần cuối block. “Cháu phải làm việc này. Cô phải làm việc này. Xin lỗi, nhà vô địch, nhưng chúng ta phải biết được thông tin. Giờ thì bình tĩnh lại để mọi người không nhìn chằm chằm chúng ta và nghĩ rằng cô đang bắt nạt cháu.”

Nhưng cô đang làm thế mà, tôi nghĩ. Và cô sẽ không dừng lại chừng nào chưa có được thứ mình muốn.

Cái vị lan trong miệng tôi đến từ món mì ravioli mà tôi đã ăn ở căng tin trường. Ngay khi nhận ra điều đó, tôi liền mở cửa, nghiêng người ra ngoài và nôn thêm. Cũng giống cái ngày mà tôi thấy người đàn ông ở Công viên Trung tâm, khi tôi không thể tới dự bữa tiệc sinh nhật của Lily ở khu Wave Hill long lanh sang xịn mịn. Tôi chẳng ham hố gì cái sự *déjà vu* này.

“Nhà vô địch? Nhà vô địch!”

Tôi quay về phía cô ta và cô đưa ra tờ giấy Kleenex (cứ chỉ cho tôi một phụ nữ không có Kleenex trong túi xách thử xem, chẳng có ai như vậy cả). “Chùi miệng cháu đi rồi ra khỏi xe. Cố gắng tỏ ra bình thường. Làm cho xong chuyện này nào.”

Tôi có thể nhận ra sự nghiêm túc của cô ta - chúng tôi sẽ không rời đi chừng nào cô chưa đạt

được điều mình muốn. *Mạnh mẽ lên, tôi nghĩ. Mà làm được mà. Mà phải làm, vì mạng người đang bị đe dọa.*

Tôi chúi miệng và ra khỏi xe. Liz đặt tấm biển nhỏ lên táp lô - phiên bản cảnh sát của Thẻ Ra tù Miễn phí³⁵ - và bước tới chỗ tôi đang đứng trên vỉa hè, chăm chăm nhìn về một tiệm giặt là công cộng, nơi có một người phụ nữ đang gập quần áo. Cảnh ấy chẳng mấy thú vị, nhưng ít nhất là nó giúp tôi không phải nhìn gã đàn ông nát bét nửa bên đầu. Chỉ là được lúc nào hay lúc nấy thôi. Rồi tôi cũng sẽ sớm phải nhìn. Điều tệ hại hơn là - Chúa ơi - tôi sẽ phải nói chuyện với hắn ta. Nếu như hắn ta còn *có thể* nói.

Tôi giơ một tay ra, chẳng suy nghĩ gì. Mười ba tuổi hắn đã là quá lớn để phải cầm tay một phụ nữ mà những người qua đường sẽ đoán là mẹ tôi (đấy là nếu như họ rảnh tới độ để ý tới bọn này), nhưng khi cô ta đón lấy tay tôi, tôi đã rất mừng. Mừng phát khùng lên.

Chúng tôi đi trở lại cửa hàng. Tôi ước gì mình được đi vài dặm, nhưng quãng đường chỉ là nửa block thôi.

³⁵ Tên một loại thẻ trong trò cờ ti phú.

“Chính xác thì hẳn ta ở đâu?”, cô ta hỏi, giữ giọng thật thấp.

Tôi mạo hiểm nhìn một cái để đảm bảo là hẳn ta vẫn chưa di chuyển. Vẫn chưa, hẳn vẫn ngồi trên băng ghế, và giờ thì tôi có thể nhìn thẳng vào cái lỗ toang hoác từng cất chứa các suy nghĩ. Tại hẳn ta vẫn còn đây, nhưng nó bị gập lại và tôi lại nhớ về món đồ chơi Potato Head mà tôi từng sở hữu hồi bốn hay năm tuổi. Bụng tôi lại quặn lên.

“Tập trung lại nào, nhà vô địch.”

“Đừng có gọi cháu như thế nữa”, tôi rất cuộc cũng nói được. “Cháu ghét lắm.”

“Đã lưu ý. Ông ta đâu rồi?”

“Ngồi trên băng ghế.”

“Cái ghế ở phía bên này cửa, hay là—”

“Phía bên này, đúng rồi.”

Tôi lại nhìn ông ta, giờ thì bọn tôi đến gần rồi nên tôi không thể không nhìn, và tôi đã trông thấy một thứ hay ho. Có một người đàn ông đi ra khỏi cửa hàng, kẹp báo ở nách và cầm bánh mì xúc xích ở một tay. Bánh mì được để trong túi bạc - thứ được cho là sẽ giữ bánh được nóng (cứ tin việc này đi và bạn sẽ tin luôn là Mặt trăng được

làm từ phô mai xanh). Ông này ngồi xuống cái ghế băng còn lại, kéo bánh mì ra khỏi túi. Nhưng rồi ông ta dừng lại, nhìn vào tôi và Liz, hoặc là nhìn về cái ghế bên kia, sau đó đứng dậy, rời đi để ăn chiếc bánh của mình ở nơi khác. Ông ta không nhìn thấy Therriault, hẳn ông ta sẽ tháo chạy nếu nhìn thấy, kèm theo đó là gào thét rầm trời nữa - nhưng tôi nghĩ ông ta đã *cảm nhận* được hẳn. Không, tôi không chỉ nghĩ, tôi biết chắc thế. Tôi ước gì mình để ý kỹ hơn, nhưng tôi đang buồn bực, và tôi tin chắc là bạn hiểu vì sao. Nếu không hiểu, bạn là đồ ngốc.

Therriault quay đầu sang bên. Thật nhẹ cả người, vì hành động đó khiến vết thương toang hoác kinh hoàng khuất đi gần hết. Nhưng cũng chẳng nhẹ người được, vì nửa bên mặt của hắn ta bình thường, còn nửa bên mặt còn lại thì méo xẹo chẳng còn hình thù gì, giống như gã Hai Mặt trong truyện tranh *Người Dơi* ấy. Kinh khủng nhất là, giờ thì hắn ta nhìn về phía tôi.

Tôi nhìn thấy người chết và người chết biết tôi có thể nhìn thấy họ. Mọi sự luôn luôn diễn ra như vậy.

"Hỏi hắn ta quả bom ở đâu", Liz nói. Cô ta đang dùng khước miệng để nói chuyện, như một điệp viên trong phim.

Trên vỉa hè chúng tôi đang đứng, một phụ nữ tiến tới, cô ta đang địu một em bé trước bụng. Cô này liếc nhìn tôi ngò vức, có lẽ vì tôi trông buồn cười, hoặc cũng có thể vì người tôi bốc ra mùi nôn. Chắc là cả hai. Tôi đã không thèm quan tâm nữa. Tất cả những gì tôi muốn là làm cái việc mà Liz Dutton đã đưa tôi đến đây để làm, sau đó biến con mẹ nó khỏi đây. Tôi chờ cho tới khi người phụ nữ cùng đưa bé đi vào bên trong cửa hàng.

“Quả bom ở đâu, ông Therriault? Quả bom cuối cùng?”

Ban đầu, hẳn ta không trả lời và tôi nghĩ được rồi, óc hẳn ta bị thổi tung mà, hẳn ta ở đây nhưng hẳn ta không thể nói gì được, hết chuyện. Rồi hẳn ta cất tiếng. Từ phát ra không thật sự khớp với khẩu hình và tôi nhận thấy hẳn đang nói chuyện từ một nơi nào đó khác. Như thể có một độ trễ thời gian khi tiếng nói truyền tới từ địa ngục. Suy nghĩ ấy khiến tôi kinh hồn bạt vía. Nếu như tôi biết đó là khi một thứ kinh khủng tìm đến hẳn ta, rồi chiếm lấy hẳn ta, có lẽ tình hình còn tệ hơn nữa. Nhưng tôi có *thực sự* biết không? Biết chắc chắn ấy? Không chắc, nhưng tôi gần như đã biết được.

“Tao không muốn nói cho mày.”

Phản ứng ấy khiến tôi ò ra, cảm lạnh. Tôi chưa từng phải nhận câu trả lời nào như thế từ một người chết. Quả thật là kinh nghiệm của tôi cũng chỉ hạn chế, nhưng cho tới thời điểm ấy, tôi có thể khẳng định rằng người chết luôn phải nói cho bạn biết sự thật.

“Hắn ta bảo sao?” Liz hỏi. Vẫn đang nói chuyện bằng khước miệng.

Tôi mặc kệ cô ta và nói chuyện lại với Therriault. Vì không có ai xung quanh, tôi nói to hơn, phát âm từng từ một theo cái cách bạn nói chuyện với một người điếc hoặc một người chỉ biết bập bẹ tiếng Anh. “Quả... bom... cuối... cùng... ở... đâu?”

Tôi cũng cần nói rằng những người chết không cảm nhận được cái đau, rằng họ đã vượt trên nó, và Therriault rõ ràng không hề phải khổ chịu đựng thương tổn kinh khiếp trên đầu do hắn tự gây ra, nhưng giờ thì nửa bên mặt méo mó của hắn vặn xoắn lại, như thể tôi đang thiêu hắn hoặc là đâm vào bụng hắn, chứ không chỉ là đặt cho hắn một câu hỏi.

“Không muốn nói cho mày!”

“Hắn ta—”, Liz lại bắt đầu, nhưng khi ấy người phụ nữ địu đứa bé con đã quay trở ra. Cô

ta cầm một tờ vé số. Đứa bé trong địu cầm một thanh Kit-Kat và nó quẹt sôcôla lên khắp mặt. Sau đó, nó nhìn về phía Therriault đang ngồi và bắt đầu khóc. Bà mẹ hẳn nghĩ rằng con mình vừa nhìn về tôi, vì cô ta lại liếc tôi cái nữa, lần này là một cái nhìn *siêu cấp* ngờ vực, rồi nhanh chóng rời đi.

“Nhà vô địch... ý cô là Jamie...”

“Im đi”, tôi nói. Sau đấy, vì mẹ tôi hẳn sẽ ghét tôi mất nếu tôi nói chuyện với người lớn cái kiểu này, tôi bổ sung, “Làm ơn ạ.”

Tôi quay lại nhìn Therriault. Sự nhả nhó đầu đón khiến gương mặt bị hủy hoại của hắn trông kinh hoàng hơn bao giờ hết, và đột nhiên, tôi quyết định là tôi không thềm quan tâm nữa. Số người bị hắn ta làm tổn thương đủ nhiều để lấp đầy một dãy phòng bệnh viện, hắn ta đã lấy đi những mạng người, và nếu như tờ giấy mà hắn cài lên áo sơ mi của mình không nói suông, thì hắn đã chết khi cố giết nhiều người hơn nữa. Tôi quyết định là tôi *rất mong* hắn ta đang phải đau đón vật vã.

“Nó... ở... đâu... hả... thằng... khốn?”

Hắn đan chặt hai tay vào nhau, gập người lại như thể bị chuột rút, kêu rên khốn khổ. Rồi hắn

ta bỏ cuộc. “King Kullen. Siêu thị King Kullen ở Eastport.”

“Tại sao?”

“Có vẻ hợp lẽ khi kết thúc ở nơi tao đã bắt đầu”, hắn nói, và dùng ngón tay vẽ vào thình không một vòng tròn. “Hoàn thành vòng tròn.”

“Không, tại sao lại làm thế? Tại sao lại đặt tất cả những quả bom ấy?”

Hắn cười, và nó như thể làm nửa bên mặt sưng phồng của hắn xẹp lép xuống? Tôi vẫn hay nhớ lại hình ảnh ấy, và tôi sẽ không bao giờ coi như mình chưa từng nhìn thấy được nữa.

“Bởi vì”, hắn nói.

“Bởi vì gì?”

“Bởi vì tao thích thế”, hắn bảo.

25

Khi tôi bảo lại cho Liz tất cả những gì mà Therriault đã nói, cô ta rất phấn khích, chỉ vậy thôi. Tôi có thể hiểu được, cô ta đâu phải nhìn vào một gã đàn ông đã gần như bị thối tung nửa bên đầu. Cô nói với tôi là cô phải đi vào cửa hàng và mua vài thứ.

“Và bỏ lại cháu ở đây với gã ta à?”

“Không đâu, đi dọc trở lại phố đi. Chờ ở bên xe ấy. Cô sẽ chỉ đi một phút thôi.”

Therriault đang ngồi đó, nhìn tôi bằng một con mắt vẫn còn khá khá bình thường và một con mắt đã bị giật bay ra. Tôi có thể cảm nhận được cái nhìn chòng chọc của hắn. Nó khiến tôi nhớ tới cái lần tôi tham gia trại hè và bị dính bọ chét,

thế là tôi phải gọi đầu bằng cái đầu gọi có mùi đặc biệt kinh, phải gọi khoảng năm lần thì mới rũ sạch bọ.

Dầu gội đầu sẽ không rửa trôi được cái cảm giác mà Therriault gây ra cho tôi, chỉ có tránh xa khỏi hắn ta mới ổn được, thế nên tôi làm theo lời Liz. Tôi đi bộ tới tiệm giặt là và nhìn vào người phụ nữ vẫn đang gập quần áo. Cô ấy nhìn tôi và vẫy tay. Điều này làm tôi nhớ đến cô bé có cái lỗ ở cổ họng, và cái cách cô bé ấy từng vẫy tay với tôi, thế là trong một khoảnh khắc hoảng loạn, tôi đã nghĩ người phụ nữ ở tiệm giặt là cũng đã chết rồi. Chỉ là, một người chết sẽ không gập quần áo, họ chỉ đứng loang quanh thôi. Hoặc là ngồi loang quanh, như Therriault vậy. Thế nên tôi vẫy tay lại với cô ấy. Tôi thậm chí cố nở một nụ cười.

Rồi tôi quay trở lại cửa hàng tạp hóa. Tôi tự nhủ là tôi muốn kiểm tra xem Liz đã đi ra chưa, nhưng đó không phải lý do. Tôi kiểm tra xem Therriault còn nhìn về tôi nữa không. Hắn vẫn. Hắn giơ một tay ra, lòng bàn tay ngửa lên, ba ngón gập vào trong, một ngón chỉ ra ngoài. Hắn cong cái ngón ấy lên, một lần, rồi hai lần. Rất chậm rãi. *Lại đây nào, thằng nhóc.*

Tôi bước lại, chân tôi dường như đang tự động di chuyển. Tôi không muốn thế, nhưng không thể ngăn mình lại.

“Cô ta không quan tâm tới mày”, Kenneth Therriault nói. “Không hề. Không *một tí* nào. Cô ta đang lợi dụng mày thôi, nhóc.”

“Con mẹ ông, bọn này đang cố cứu người.” Không có ai đi ngang qua cả, nhưng ngay cả khi có ai đi ngang qua, anh ta hoặc cô ta có lẽ cũng không nghe thấy tôi. Hấn đã cướp đi giọng nói của tôi và những gì còn lại chỉ là mấy tiếng thì thầm.

“Thứ cô ả đang cứu là công việc của ả.”

“Ông thì biết cái gì, ông chỉ là một thằng điên làm bậy.” Vẫn chỉ thì thầm, và tôi nghĩ mình đã sắp sồn ra quần.

Hấn ta không nói gì, chỉ cười nhảu nhở. Đó là câu trả lời của hắn. Liz đi ra. Cô ta cầm theo một cái túi nylon rẻ tiền mà nhân viên cửa hàng thời ấy sẽ đưa cho bạn. Cô nhìn về cái ghế băng, gã đàn ông nát đầu mà cô ta không thể nhìn thấy đang ngồi đó, rồi cô nhìn tôi. “Cháu đang làm gì ở đây thế, nhà v... Jamie? Cô đã bảo cháu đi về ô tô rồi mà.” Và trước khi tôi kịp trả lời, thì rất nhanh chóng và dữ dội, cô đã lên tiếng dò hỏi,

như thể tôi là kẻ phạm tội đang ngồi trong phòng thẩm vấn của một bộ phim cảnh sát: “Hắn ta có nói thêm gì với cháu không?”

Nói rằng cô chỉ bận tâm tới chuyện cứu lấy công việc của mình, tôi định nói thế. Nhưng có lẽ là cháu cũng tự biết rồi.

“Không”, tôi nói. “Cháu muốn về nhà, Liz.”

“Chúng ta sẽ về nhà. Ngay khi cô làm xong một việc này nữa. Hai việc, thực ra là thế. Cô cũng phải dọn đi chỗ bừa bộn mà cháu vừa gây ra trong xe.” Cô quàng một tay lên vai tôi (như cách hành xử của một bà mẹ tử tế) và cùng tôi bước qua cửa hiệu giặt là. Tôi đáng ra đã vẫy tay với người phụ nữ gấp quần áo một lần nữa, nhưng cô ta đang quay lưng lại rồi.

“Cô có chuẩn bị một thứ này. Cô không thực sự nghĩ là mình lại có cơ hội dùng nó, nhưng nhờ có cháu...”

Khi chúng tôi đã tới cạnh cái xe ô tô, cô ta lấy ra một chiếc điện thoại gấp từ trong cái túi của cửa hàng tạp hóa. Nó vẫn đang ở trong cái vỏ nhựa, chưa bóc. Tôi dựa vào cửa sổ của một tiệm sửa giày và nhìn cô ta loay hoay với cái máy, cho tới khi cô ta khiến nó hoạt động được. Giờ đã là

bốn rưỡi. Nếu mẹ đi uống với Barbara, chúng tôi vẫn có thể trở về trước khi mẹ về nhà... nhưng liệu tôi có thể giữ kín về chuyến phiêu lưu chiều nay không? Tôi không biết, và ngay lúc đó thì điều ấy có vẻ không quá quan trọng. Tôi ước Liz có thể lái xe đi, chỉ một chút thôi, tôi nghĩ cô có thể chịu đựng mùi bãi nôn một lát, sau những gì tôi đã làm cho cô, nhưng cô đang quá bồn chồn. Ngoài ra, vẫn còn quả bom để phải lo lắng. Tôi nghĩ về mọi bộ phim mình từng xem, với cảnh chiếc đồng hồ dần đếm ngược về 0 và người anh hùng phân vân không biết phải cắt sợi dây đỏ hay sợi dây xanh.

Giờ thì cô gọi điện.

“Colton à? Ủ, là... thôi im lặng đi, hãy chỉ nghe thôi. Đã đến lúc làm việc của anh rồi. Anh nợ tôi một ơn huệ, một ơn huệ lớn, và đây là việc đó đây. Tôi sẽ nói cho anh chính xác những điều cần nói. Ghi âm lại đi, sau đó... *im đi, tôi đã nói rồi mà!*”

Giọng cô ta nghe tàn ác tới nỗi tôi phải bước lùi lại. Tôi chưa từng nghe thấy Liz dùng cái giọng ấy, và nhận ra rằng đây là lần đầu mình nhìn thấy cô ta, trong một cuộc đời khác của cô. Cuộc đời cảnh sát mà cô phải đương đầu với những kẻ xấu xa hèn hạ.

“Ghi âm lại, viết ra, rồi gọi lại cho tôi. Làm luôn đi.” Cô ta chò đợi. Tôi liếc nhìn lại cửa hiệu. Cả hai chiếc ghế băng đã không còn người. Điều đó đáng ra phải khiến tôi nhẹ người, nhưng vì lẽ nào đó tôi lại không thấy nhẹ người.

“Sẵn sàng chưa? Được rồi.” Liz nhắm mắt lại, đóng lại mọi thứ khác và chỉ tập trung vào những điều cô ta muốn nói. Cô nói chậm và thận trọng. “‘Nếu Ken Therriault thật sự là Thumper...’ tôi sẽ nhảy vào ở đây và nói tôi muốn ghi âm lại. Anh chờ cho tới khi tôi bảo ‘Nói đi, bắt đầu lại.’ Hiểu chưa?” Cô ta lắng nghe cho tới khi Colton - bất kể anh ta là ai - nói rằng anh ta đã hiểu. “Anh nói, ‘Nếu Ken Therriault thật sự là Thumper, hẳn ta vẫn luôn nói về việc sẽ kết thúc ở nơi hẳn đã bắt đầu. Tôi gọi cho cô vì chúng ta đã nói chuyện với nhau hồi năm 2008. Tôi vẫn giữ danh thiếp của cô.’ Anh hiểu chưa?” Lại một khoảng lặng. Liz gật đầu. “Được rồi. Tôi sẽ hỏi anh là ai, và anh dập máy. Làm luôn đi, thời gian gấp rút. Làm hỏng chuyện và tôi sẽ xử lý anh tới bến. Anh biết là tôi có thể làm gì đấy.”

Cô ta ngất máy. Đi qua đi lại trên vỉa hè. Tôi lén nhìn lần nữa về chỗ hai băng ghế. Không có gì. Có lẽ là Therriault - những gì còn lại của

hắn - đã trở về nhà để ngắm nghía khung cảnh ở Frederick Arms thân thuộc.

Nhịp trống dạo đầu bài hát "Rumor has it" vang lên từ túi áo blazer của Liz. Cô ta rút ra chiếc điện thoại thật sự của mình và nói chào. Cô lắng nghe, rồi nói, "Chờ đã. Tôi muốn ghi âm lại." Cô làm vậy, bảo, "Nói đi, bắt đầu lại."

Sau khi kịch bản được hoàn thành, cô ta kết thúc cuộc gọi và cắt cái điện thoại đi. "Không chặt chẽ được như mong muốn", cô ta nói. "Nhưng liệu họ có quan tâm không?"

"Có lẽ là không, một khi họ đã tìm thấy quả bom", tôi bảo. Liz hơi giật người lên, và tôi nhận ra cô ta đang tự nói chuyện với bản thân. Giờ thì sau khi tôi đã làm xong thứ mà cô ta muốn, tôi chỉ là rác thôi.

Cô ta có một cuộn giấy vệ sinh và một cái chai xịt thơm trong túi xách. Cô dọn dẹp bãi nôn của tôi, ném ngay xuống rãnh đường (tội xả rác bừa bãi bị phạt một trăm đô, sau này tôi biết thế), rồi xịt quanh xe bằng một thứ gì đó có mùi kiểu hoa cỏ.

"Vào đi", cô bảo tôi.

Nãy giờ tôi quay người đi để không phải nhìn vào những gì còn lại sau món ravioli trưa nay của mình, nhưng khi quay lại để bước vào xe, tôi đã nhìn thấy Kenneth Therriault đứng bên cạnh thân xe. Đủ gần để vươn ra và chạm vào tôi, và vẫn cười nhe nhớn. Tôi đáng ra đã hét lên, nhưng khi nhìn thấy hắn, tôi còn đang hô hấp dở và lồng ngực tôi dường như không thể phồng ra để hít thêm một hơi nữa. Cứ như thế mọi cơ trên người tôi đã chìm vào giấc ngủ.

“Tao sẽ còn gặp lại mày”, Therriault nói. Nụ cười nhe nhớn của hắn ngoác rộng ra và tôi có thể nhìn thấy một cục máu kẹp giữa răng và má của hắn. “*Nhà vô địch.*”

26

Chúng tôi chỉ lái đi được ba block thì cô ta lại dừng xe. Cô lấy điện thoại ra (cái máy thật, không phải cái để ẩn danh), nhìn sang phía tôi và thấy tôi đang run rẩy. Khi ấy đáng ra tôi nên được ôm một cái, nhưng tất cả những gì tôi nhận được chỉ là một cái vỗ lên vai, chắc là để thể hiện sự đồng cảm. “Phản ứng bị trẽ, nhóc à. Đây hiểu mà. Rồi cũng qua thôi.”

Rồi cô ta gọi một cuộc điện thoại, tự xưng là thám tử Dutton, và đề nghị được nối máy với Gordon Bishop. Hẳn rằng ai đó đã nói với cô rằng ông ta đang dở việc, vì Liz đã nói, “Tôi không bận tâm dù cho ông ta có đang trên Sao Hỏa, nối máy cho tôi. Đây là Ưu tiên Số Một.”

Cô ta chờ, nhịp nhịp những ngón tay của bàn tay rảnh rỗi lên vô lăng. Rồi cô thẳng người lên. "Là Dutton đây, Gordo... không, tôi biết là mình không có quyền, nhưng ông phải nghe chuyện này. Tôi vừa nhận được một thông tin về Therriault, từ một người tôi từng thẩm vấn khi tôi *từng* phụ trách... không, tôi không biết đó là ai. Ông phải kiểm tra King Kullen ở Eastport... nơi hắn ta đã bắt đầu, đúng thế. Cũng khá hợp lý khi ông ngẫm thử." Lắng nghe. Rồi: "Ông đùa đấy à? Khi ấy chúng ta thẩm vấn bao nhiêu người cơ chứ? Một trăm người? Hay hai trăm người? Nghe này, tôi sẽ bật cho ông nghe lời nhắn. Tôi đã ghi âm lại, nếu như điện thoại của tôi vẫn hoạt động tốt."

Cô biết là nó hoạt động tốt, cô đã kiểm tra trong chuyến đi ngắn kéo dài ba block của chúng tôi. Cô bật lời nhắn cho ông ta và sau khi xong xuôi, cô nói, "Gordon? Ông có... khi gió." Cuộc gọi kết thúc. "Ông ta đập máy." Liz nở một nụ cười dữ tợn với tôi. "Ông ta ghét cô lắm, nhưng ông ta sẽ kiểm tra. Ông ta biết vấn đề sẽ đổ lên đầu mình nếu không hành động."

Thám tử Bishop đúng là đã kiểm tra, vì khi ấy, họ đã có thời gian để bắt đầu đào sâu vào

quá khứ của Kenneth Therriault, và họ phát hiện ra một điều giá trị nhờ vào “đầu mối ẩn danh” của Liz. Cách rất lâu trước khi hắn ta làm việc trong ngành xây dựng cũng như nhận công việc dọn dẹp tại Thành phố Thiên thần ở tuổi về hưu, Therriault đã lớn lên ở thị trấn Westport, và, như ai cũng đoán được, nó ở ngay bên cạnh Eastport. Vào năm cuối cấp ba, hắn ta làm việc ở King Kullen, nhận nhiệm vụ cho hàng của khách vào túi ở quầy thanh toán, cũng như lo chất đồ lên các kệ hàng. Ở đây, hắn bị bắt vì tội trộm đồ. Vào lần đầu làm việc đó, Therriault đã bị cảnh cáo. Vào lần thứ hai, hắn bị đuổi việc. Nhưng có vẻ là, trộm cắp là một tật xấu khó bỏ. Sau đó, hắn ta chuyển sang chơi với thuốc nổ và ngòi nổ. Một lượng lớn cả hai thứ đó, sau này, đã được tìm thấy ở tù để đồ tại Queens. Tất cả đều là đồ cũ, tất cả đều từ Canada. Tôi đoán vào thời ấy, công tác kiểm tra đồ đạc ở biên giới không được kỹ càng gì cho cam.

“Bây giờ chúng ta về nhà được chưa?”, tôi hỏi Liz. “Làm ơn ạ?”

“Được rồi. Cháu có kể với mẹ chuyện này không?”

“Cháu không biết nữa.”

Cô ta cười. “Câu hỏi tu từ thôi. Dĩ nhiên cháu sẽ kể. Và thế cũng được, cô không ngại gì hết. Cháu có biết vì sao không?”

“Vì sẽ chẳng ai tin chuyện này.”

Cô vỗ nhẹ vào tay tôi. “Đúng rồi, nhà vô địch. Hole in one³⁶.”

³⁶ Thuật ngữ trong golf: Chỉ một trường hợp hiếm thấy, xảy ra khi bóng được đánh đi từ điểm phát bóng và tiến thẳng vào lỗ, không có cú đánh nào khác chen giữa. Đây cũng là một cách nói để thể hiện sự hoàn hảo, xuất sắc.

27

Liz thả tôi xuống góc phố và phóng xe rời đi. Tôi đi bộ về tòa nhà của mình. Cuối cùng thì mẹ tôi và Barbara không đi uống, Barb bị cảm lạnh và nói chị ấy sẽ về nhà ngay sau khi tan làm. Mẹ đang đứng ở cầu thang, cầm điện thoại trong tay.

Mẹ phi nhanh xuống mấy bậc thang liền khi nhìn thấy tôi, kéo tôi vào một cái ôm hoảng hốt đến độ ép tôi không thở nổi. "Con vừa ở chỗ quái quỷ nào vậy, James?" Mẹ chỉ gọi tôi như thế khi mẹ cực kỳ cực kỳ cáu, chắc bạn cũng đã đoán được. "Sao con lại vô tâm như thế được? Mẹ đã gọi cho *tất cả mọi người*, mẹ bắt đầu nghĩ là con bị bắt cóc, mẹ thậm chí nghĩ tới việc gọi cho..."

Mẹ ngừng cái ôm lại và giữ tôi cách mẹ một cánh tay. Tôi có thể thấy mẹ đã khóc và lại chuẩn bị khóc nữa và điều đó khiến tôi thấy tệ ghê gớm, ngay cả khi tôi chẳng có lỗi gì cả. Tôi nghĩ, chỉ có mẹ của bạn mới có thể khiến bạn cảm thấy bản thân mình tệ hại hơn cả một đồng phân khổng lồ.

“Có phải là Liz không?” Và không cần phải đợi tôi trả lời, mẹ tiếp tục: “Chính thế rồi.” Sau đó, bằng giọng trầm và chết chóc: “*Con khôn đấy.*”

“Con phải đi với cô ấy, mẹ ơi”, tôi nói. “Con thật sự phải đi.”

Rồi cả tôi cũng bắt đầu khóc.

28

Chúng tôi đi lên tầng. Mẹ pha cà phê và cho tôi một cốc. Cốc đầu tiên của tôi, và từ đó trở đi tôi nghiện luôn món này. Tôi kể cho mẹ gần như tất cả mọi chuyện. Liz đã chờ bên ngoài trường như thế nào. Cô ta cho tôi biết mạng người đang phụ thuộc vào việc tìm ra quả bom cuối cùng của Thumper ra sao. Về việc chúng tôi đã tới bệnh viện, rồi tòa nhà nơi Therriault ở. Tôi thậm chí kể cho mẹ cả việc Therriault trông kinh khủng thế nào, với nửa cái đầu của hấn bị thổi tung không còn ra hình thù gì. Điều tôi không kể, đó là chuyện tôi đã quay người lại và thấy hấn đứng ở ngay chiếc xe của Liz, đủ gần để tóm lấy tay tôi... nếu như người chết *có thể* tóm lấy tay - đây là một việc tôi không

bao giờ muốn tìm hiểu, dù là theo cách nào. Và tôi cũng không kể cho mẹ biết hẳn ta đã nói gì, nhưng tối ấy, khi tôi leo lên giường, âm thanh vọng mãi trong đầu tôi như thể một cái chuông hồng: “*Tao sẽ còn gặp lại mày... Nhà vô địch.*”

Mẹ cứ liên tục nói *được rồi* và *mẹ hiểu*, và trông hết sức buồn bã. Nhưng mẹ phải biết điều gì đang diễn ra ở Long Island, tôi cũng thế. Mẹ bật ti vi lên và chúng tôi ngồi trên đi văng để xem. Lewis Dodley của kênh NY1 đang dẫn tin tức trên phố, cảnh sát đã dựng rào chắn đường. “Cảnh sát có vẻ rất nghiêm túc xem xét thông tin mà họ đã nhận được”, ông ta nói. “Theo một nguồn tin tại Sở Cảnh sát Quận Suffolk—”

Tôi nhớ lại những chiếc trực thăng đưa tin đã lượn lờ trên tòa Frederick Arms, và nhận ra hẳn đã có đủ thời gian để máy bay tới Long Island, thế nên tôi cầm lên chiếc điều khiển ti vi từ trong lòng mẹ và chuyển sang Channel 4. Ở đây, rõ ràng rồi, là cảnh siêu thị King Kullen nhìn từ trên xuống. Khu đỗ ô tô dày đặc xe cảnh sát. Đỗ bên cửa chính là một chiếc xe van lớn thuộc phụ trách của đội xử lý bom. Tôi thấy hai viên cảnh sát đội mũ bảo hiểm đi vào trong, cùng với hai con chó đeo dây. Máy bay quá cao để nhìn được xem

những cảnh sát thuộc đội xử lý bom có mặc áo chống đạn và áo chống mảnh văng cùng với mũ bảo hiểm hay không, nhưng tôi tin chắc là họ có mặc. Tuy nhiên, mấy con chó thì không. Nếu quả bom của Thumper phát nổ trong khi bọn họ vẫn ở bên trong, những con chó sẽ tan thành xác pháo.

Phóng viên bên trong trực thăng lên tiếng, "Chúng tôi đã được thông báo rằng, mọi khách hàng và nhân viên siêu thị đã được sơ tán an toàn. Dù cho đây có khả năng chỉ là một báo động giả, đã có rất nhiều vụ nổ xảy ra trong triều đại khủng bố của Thumper—" (Đúng, anh ta thực sự nói như vậy)"—nghiêm túc kiểm tra những thông tin liên quan luôn luôn là phương án khôn ngoan nhất. Hiện giờ, tất cả những gì chúng ta biết là nơi đây chính là địa điểm xảy ra vụ nổ bom đầu tiên của Thumper, và vẫn chưa có quả bom nào được tìm thấy. Hãy quay trở lại với trường quay."

Cảnh dựng phía sau người dẫn chương trình là một bức hình của Therriault, có lẽ lấy từ thẻ làm việc của hắn ở Thành phố của Thiên thần, vì trông hắn đã khá già. Hắn không phải siêu sao điện ảnh, nhưng hắn trông khá khảm hơn nhiều so với khi ngồi trên cái ghế băng kia. Đầu mỗi do Liz dựng lên có thể sẽ không được xử lý nghiêm

túc đến vậy, nếu như nó không khiến một thám tử lớn tuổi khác ở sở nhớ lại một sự vụ hồi ông ta còn nhỏ, vụ việc về George Metesky, kẻ được giới báo chí gọi là Kẻ đánh bom Diên đại. Metesky đã đặt ba mươi ba quả bom ống trong triều đại khủng bố của mình, từ năm 1940 tới năm 1956. Động cơ của Metesky cũng đến từ sự căm ghét, và trong trường hợp cụ thể của hắn, là nỗi căm hận với công ty Consolidated Edison.

Người phụ trách tra cứu nào đó ở đơn vị đưa tin cũng đã nhanh chóng tìm ra mối liên hệ, thế là gương mặt của Metesky hiện lên trên cảnh dựng, ở đằng sau người dẫn bản tin, nhưng mẹ không để ý tới gã đàn ông lớn tuổi... người mà theo tôi nghĩ, trông giống Therriault trong bộ đồng phục nhân viên dọn dẹp đến kỳ dị. Mẹ cầm điện thoại của mình lên, sau đó khẽ càu nhàu bước vào phòng ngủ, tìm cuốn danh bạ của mẹ. Có lẽ mẹ đã xóa mất số điện thoại của Liz sau khi họ cãi nhau về *một lượng nghiêm trọng*.

Một đoạn quảng cáo về loại thuốc gì đó được phát, thế nên tôi rón rén tiến tới cửa phòng ngủ của mẹ để nghe ngóng. Nếu chờ đợi thì tôi sẽ không thể nghe thấy gì cả, vì cuộc gọi không kéo dài. "Là Tia đây, Liz. Nghe chị nói và đừng nói

một từ nào cả. Chị sẽ giữ kín chuyện này, vì sao thì hẳn em đã rõ rồi. Nhưng nếu em còn tới làm phiền con trai chị một lần nữa, nếu thằng bé thậm chí chỉ *nhìn thấy* em thôi, thì chị sẽ đốt cái mạng em tan vào đất. Em biết là chị có thể làm như vậy. Tất cả những gì còn thiếu chỉ là một giọt nước nữa thôi. *Tránh xa Jamie ra.*”

Tôi lẩn nhanh về đi vắng và giả vờ đắm chìm vào đoạn quảng cáo tiếp theo. Hóa ra điều này vô dụng như lấy vải thưa che mắt thánh.

“Con nghe thấy rồi à?”

Mắt mẹ đang bốc hỏa, ý bảo tôi đừng có mà nói dối. Tôi gật đầu.

“Tốt lắm. Nếu con còn thấy cô ta nữa, nhớ chạy trốn chết. Về nhà. Và báo lại cho mẹ. Con hiểu chưa?”

Tôi gật đầu cái nữa.

“Ok, được được được. Mẹ gọi đồ ăn về đây. Con muốn ăn pizza hay đồ Trung Quốc?”

29

Cảnh sát đã tìm thấy và tháo ngòi quả bom cuối cùng của Thumper vào tối thứ Tư đó, lúc khoảng tám giờ. Mẹ và tôi đang xem *Kẻ tình nghi*³⁷ trên ti vi thì tin tức đặc biệt chen ngang. Bọn chó nghiệp vụ đã dò ngửi rất nhiều nơi mà vẫn chưa thấy gì, và những người phụ trách ở đội xử lý bom đang định đưa bọn nó ra ngoài thì một con chó bông sủa lên cảnh báo, ở lối đi dọc theo dãy kệ trung bày đồ gia dụng. Họ đã đi qua đây nhiều lần và không nơi nào trên kệ hàng có thể giấu một quả bom, nhưng một viên cảnh sát lại tình cờ nhìn lên trên và thấy một tấm ốp trần bị lệch một chút so với bình thường. Đó chính là nơi giấu bom, ở cái khoảng giữa trần nhà

³⁷ Nguyên văn: *Person of interest*.

và mái nhà. Bom được buộc vào dầm nhà bằng một sợi dây màu cam co giãn, giống kiểu dây mà dân nhảy bungee sử dụng.

Therriault thật tình đã chơi tắt tay với quả bom này - mười sáu thanh thuốc nổ và mười hai ngòi nổ. Hắn đã nâng cấp hơn nhiều so với hồi dùng đồng hồ báo thức. Quả bom được gắn với bộ đếm giờ kỹ thuật số, rất giống cái thiết bị có trong các bộ phim mà tôi đã nghĩ đến (một cảnh sát đã chụp lại ảnh sau khi quả bom được vô hiệu hóa, và bức ảnh được đăng lên tờ *New York Times* vào ngày hôm sau). Bom được cài đặt để phát nổ vào năm giờ chiều thứ Sáu, thời điểm mà siêu thị đông người hơn cả. Vào ngày hôm sau, trên NY1 (chúng tôi đã quay trở lại với kênh tin tức yêu thích của mẹ), một người thuộc đội xử lý bom cho biết, quả bom ấy có thể làm sập cả cái mái. Khi được hỏi bao nhiêu người có nguy cơ bị thiệt mạng nếu vụ nổ diễn ra, anh ta chỉ lắc đầu.

Vào tối thứ Năm, trong bữa tối của hai mẹ con, mẹ tôi nói, "Con đã làm được một việc tốt, Jamie. Một hành động *ổn áp*. Liz cũng thế, bất kể nguyên do thật khiến cô ta hành động là gì. Điều này làm mẹ nghĩ tới một điều mà Marty từng nói." Ý mẹ là ông Burkett, thực chất là giáo sư

Burkett, vẫn là giáo sư danh dự và vẫn tiếp tục cuộc đời.

“Ông ấy nói gì ạ?”

“Đôi khi Chúa sử dụng công cụ hỏng.’ Câu này là của một nhà văn mà ông từng giảng dạy.”

“Ông ấy lúc nào cũng hỏi con đang học gì ở trường”, tôi nói. “Ông lúc nào cũng lắc đầu, như thể ông nghĩ trường lớp của con chán đời lắm.”

Mẹ cười. “Đó là một người đàn ông đã *bội thực* vì chuyện học hành, mà vẫn rất sắc sảo và luôn chú tâm. Còn nhớ cái hôm ta ăn Giáng sinh với ông ấy không?”

“Có chứ ạ, sandwich gà tây kèm sốt nam việt quất, xuất sắc! Còn có sôcôla nóng nữa!”

“Ừ đấy, một buổi tối tốt lành. Sẽ đáng tiếc lắm nếu một ngày kia ông ấy qua đời. Ăn đi con, có món bánh táo tráng miệng nữa. Barbara làm đấy. Mà Jamie này?”

Tôi nhìn mẹ.

“Chúng ta có thể không nói về chuyện này nữa được không? Kiểu như... bỏ nó lại sau lưng đi?”

Tôi nghĩ mẹ không chỉ nói về Liz, hay thậm chí là Therriault; mẹ còn đang nói về khả năng

nhìn thấy người chết của tôi. Đó là điều mà giáo viên tin học có thể gọi là *một đề nghị cấp toàn cầu*, và đối với tôi thì không có vấn đề gì. Rất ổn là đằng khác, thật sự là thế. "Chắc chắn là được ạ."

Ngay khi ấy, ngồi ở góc phòng bếp sáng sủa và ăn pizza, tôi thật lòng nghĩ chúng tôi có thể bỏ những chuyện này lại đằng sau lưng. Nhưng mà tôi nhầm rồi. Tôi không gặp lại Liz Dutton trong hai năm sau đó, và rất ít khi nghĩ về cô ta, nhưng ngay tối hôm ấy, tôi đã nhìn thấy Ken Therriault.

Như tôi đã nói từ lúc đầu, đây là một câu chuyện kinh dị.

30

Tôi gần như đã ngủ say thì hai con mèo bắt đầu rít tướng lên và tôi giật mình tỉnh giấc. Chúng tôi ở trên tầng năm và đáng ra tôi sẽ không nghe thấy gì - cũng như không nghe thấy tiếng thùng rác đổ loảng xoảng theo sau đó - nếu như không mở hé cửa sổ để đón một chút khí trời vào nhà. Tôi đứng dậy đóng cửa và tê cứng người lại, tay vẫn đặt trên lớp kính trượt. Therriault đang đứng trên phố, trong quầng sáng tỏa ra từ một chiếc đèn đường, và tôi ngay lập tức nhận ra lũ mèo không hề rít lên vì cào cấu nhau. Bọn nó rít lên vì sợ hãi. Đứa bé được địu đã nhìn thấy hắn ta, và những con mèo cũng vậy. Hắn ta cố tình dọa bọn mèo. Hắn ta biết tôi sẽ đi tới cửa sổ, cũng như việc hắn biết Liz gọi tôi là nhà vô địch.

Trên gương mặt đã bị tàn phá một nửa của hắn là một nụ cười nhăn nhó.

Hắn vẫy tay ra hiệu.

Tôi đóng cửa sổ lại và nghĩ tới chuyện chui vào phòng mẹ, leo lên giường cùng mẹ, nhưng tôi đã quá lớn để làm thế rồi, và mẹ sẽ thắc mắc. Thế nên thay vì làm vậy, tôi kéo màn cửa sổ xuống. Tôi trở lại giường của mình và nằm đó, nhìn vào bóng đêm. Chưa bao giờ có điều gì như thế này từng xảy ra với tôi. Chưa một người chết nào lại bám theo tôi về nhà như một con chó hoang chết tiệt.

Đừng bận tâm, tôi nghĩ. *Trong vòng ba hoặc bốn ngày, hắn ta sẽ biến mất như cách tất cả bọn họ biến mất. Một tuần là tôi đã. Và đâu phải hắn ta có thể làm hại mày đâu.*

Nhưng tôi có dám chắc thế không? Nằm trong bóng đêm, tôi nhận ra mình không hề chắc. *Nhìn thấy người chết không có nghĩa là thấu rõ mọi thứ về người chết.*

Cuối cùng, tôi trở lại cửa sổ và liếc nhìn qua tấm màn, đoán chắc là hắn vẫn ở đó. Có lẽ, thậm chí hắn sẽ vẫy tay ra hiệu lần nữa. Giờ ra một

ngón tay... rồi gập cong nó lại. *Lại đây. Lại đây với tao, nhà vô địch.*

Không có ai ở bên dưới cái đèn đường. Hấn đã đi. Tôi quay trở lại giường, nhưng phải rất lâu sau tôi mới ngủ được.

31

Tôi nhìn thấy hắn lần nữa vào thứ Sáu, bên ngoài trường học. Có một vài phụ huynh đang chờ đón con - điều đó luôn diễn ra vào thứ Sáu, có lẽ vì họ sẽ đi đâu đó chơi vào cuối tuần - và họ không nhìn thấy Therriault, nhưng hắn là họ cảm nhận được hắn, vì họ đứng cách chỗ hắn đứng một khoảng rất xa. Không có ai đẩy xe cho đứa bé nào cả, nhưng nếu có một người nào như vậy, tôi tin là đứa bé sẽ nhìn về cái khoảng không nơi via hè ấy và khóc váng trời.

Tôi quay lại vào trường và nhìn về vài tấm áp phích căng bên ngoài tòa nhà, không biết phải làm gì. Tôi nghĩ là mình sẽ ra nói chuyện với hắn, để tìm hiểu xem hắn muốn gì, và tôi hạ quyết tâm làm vậy ngay lúc ấy, trong khi vẫn còn người này

người kia xung quanh. Tôi không nghĩ hẳn có thể làm hại tôi, nhưng tôi không *biết chắc*.

Trước tiên tôi phải vào phòng vệ sinh vì tự nhiên buồn giải quyết, nhưng khi đứng trước chỗ đi tiểu, tôi không thể xả ra dù chỉ một giọt. Thế là tôi ra ngoài, đeo ba lô bằng cách giữ tay ở quai đeo chứ không chỉ thả nó trên vai. Tôi chưa từng bị người chết nào chạm vào, chưa một lần, tôi không biết họ *có thể* chạm vào hay không, nhưng nếu Therriault cố chạm vào tôi - hoặc tóm lấy tôi - tôi định sẽ quật hẳn ta bằng một chồng sách vở.

Nhưng mà hẳn ta biến mất rồi.

Một tuần trôi qua, rồi hai tuần. Tôi nhẹ người, hẳn rằng đã qua cái hạn bốc hơi của hẳn.

Tôi tham gia tuyển trẻ của đội bơi trực thuộc Hội Thanh niên Cơ đốc, và vào một ngày thứ Bảy cuối tháng Năm, chúng tôi có buổi tập luyện cuối cùng cho một cuộc thi ở Brooklyn - cuộc thi sẽ diễn ra vào cuối tuần sau đó. Mẹ cho tôi mười đô la để ăn gì đấy sau khi tập, và dặn tôi - như mẹ vẫn luôn dặn - là phải nhớ khóa tủ đồ lại để không bị ai thó mất tiền hoặc đồng hồ (dù thế, tôi không hiểu sao lại có ai đó muốn trộm đi chiếc Timex xoàng xĩnh). Tôi hỏi mẹ có tới xem

thi đấu không. Mẹ ngược lên khỏi tập bản thảo đang đọc dở và bảo, “Mẹ trả lời lần thứ tư rồi đấy, Jamie, mẹ có đi. Mẹ sẽ tới xem cuộc thi. Mẹ ghi vào lịch rồi.”

Tôi mới hỏi đến lần thứ hai thôi (hoặc là lần ba), nhưng tôi không nói lại mẹ, chỉ hôn lên má mẹ và đi ra hành lang, tới chỗ thang máy. Khi cánh cửa mở ra, Therriault đang đứng trong đó, cười điệu cười nhe nhòn của hắn và chăm chăm nhìn tôi bằng một bên mắt còn nguyên cũng như một bên mắt đã vắng ra khỏi hốc. Có một tờ giấy được cài trên áo sơ mi của hắn. Lời trăn trối khi tự tử. Dòng chữ sẽ luôn ở trên tờ giấy và vết máu bắn trên đó sẽ luôn tươi nguyên.

“Mẹ mày bị ung thư, nhà vô địch ạ. Vì thuốc lá. Mẹ mày sẽ chết trong vòng sáu tháng nữa.”

Tôi đứng chết trân tại chỗ, há hốc mồm.

Cánh cửa thang máy trượt đóng lại. Tôi phát ra một âm thanh - rít lên, rên lên, tôi không biết nữa - và tôi phải dựa người vào tường để không ngã xuống.

Họ phải nói cho mày biết sự thật, tôi nghĩ. Mẹ mày sắp chết.

Nhưng khi đầu óc tinh táo hơn một chút, một suy nghĩ lạc quan hơn xuất hiện. Tôi tóm lấy nó như kẻ chết đuối túm lấy một bè gỗ trôi dạt. *Nhưng có lẽ họ chỉ phải nói sự thật nếu mà đặt câu hỏi cho họ. Nếu không, có lẽ họ có thể bịa ra bất cứ thứ của nợ nào họ muốn.*

Tôi không muốn đi tập bơi sau vụ đó nữa, nhưng nếu tôi không đi, huấn luyện viên có thể gọi cho mẹ để hỏi xem tôi ở đâu. Thế là mẹ sẽ muốn biết tôi đã đi đâu, và khi ấy tôi phải nói gì với mẹ? Rằng tôi sợ Thumper đang chờ tôi ở góc phố? Hoặc là ở sảnh chờ của tòa nhà Hội Thanh niên? Hoặc (vì lẽ nào đó, đây lại là viễn cảnh kinh khiếp nhất), hẩn ở trong phòng tắm, vô hình trước mắt những cậu thiếu niên trần truồng đang rửa sạch mùi clo?

Liệu tôi sẽ nói với mẹ là mẹ bị mắc căn bệnh *ung thư* khốn kiếp chẳng?

Thế là tôi đến buổi tập, và như bạn có thể đoán, tôi điên cuồng bơi. Huấn luyện viên bảo tôi giữ thẳng đầu, và tôi phải tự cấu nách mình để ngăn bản thân không trào nước mắt. Tôi đã phải cấu cật lực.

Khi tôi về nhà, mẹ vẫn chìm đắm trong tập bản thảo. Tôi chưa từng thấy mẹ hút thuốc kể từ

khi Liz bỏ đi, nhưng tôi biết mẹ thỉnh thoảng vẫn uống rượu khi tôi không ở gần - cùng với những tác giả và nhiều biên tập viên - thế nên tôi ngủ ngủ khi hôn mẹ, và chẳng nghĩ thấy gì ngoài một chút mùi nước hoa. Hoặ là mùi kem bôi mặt, vì hôm đó là thứ Bảy. Một thứ gì đó của phụ nữ, tóm lại là vậy.

“Con có bị cảm lạnh không thế, Jamie? Con lau người cẩn thận sau khi bơi đấy chứ?”

“Rồi ạ. Mẹ à, mẹ không còn hút thuốc nữa đâu, đúng không?”

“*Ra là vụ này.*” Mẹ đặt bản thảo xuống và vươn tay vươn chân. “Không còn nữa. Mẹ chưa hút một điếu nào kể từ khi Liz bỏ đi.”

Kể từ khi mẹ đuổi cô ấy đi, tôi nghĩ.

“Gần đây mẹ có tới bác sĩ không? Để kiểm tra định kỳ ấy?”

Mẹ nhìn tôi nghi hoặc. “Có vấn đề gì thế? Con đang nhú hết mào lại kìa.”

“À thì”, tôi nói, “mẹ là người thân duy nhất của con. Nếu có chuyện gì đó xảy ra với mẹ, con đâu thể tới sống với bác Harry đâu, phải không nào?”

Mẹ làm một biểu cảm hài hước sau câu nói đó, rồi bật cười và ôm lấy tôi. “Mẹ khỏe mà, nhóc

con. Vừa kiểm tra định kỳ hằng năm cách đây hai tháng, nói cho con biết vậy. Kết quả xuất sắc.”

Và trông mẹ ổn thật. Tươi tắn, hồng hào, như người ta vẫn nói. Không bị sụt cân lộ liễu tới mức nhận ra được bằng mắt thường, cũng không bị ho tới long cả óc. Mặc dù bệnh ung thư không nhất định chỉ diễn ra ở họng hay phổi của người ta, tôi biết vậy.

“Vâng... thế thì tốt. Mừng là vậy.”

“Mẹ cũng mừng. Giờ thì pha cho mẹ con một cốc cà phê đi và để mẹ đọc nốt bản thảo này nhé.”

“Nó có hay không?”

“Sự thật là, hay đấy.”

“Hay hơn những tập truyện Roanoke của ông Thomas không?”

“Hay hơn nhiều, nhưng tính thương mại thì không bằng, trời ạ.”

“Con uống một cốc cà phê được không ạ?”

Mẹ thở dài. “Nửa cốc thôi. Bây giờ thì để mẹ đọc đã.”

32

Khi đang làm bài kiểm tra toán cuối cùng của mình vào năm ấy, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy Kenneth Therriault đứng trên sân bóng rổ. Hắn lại làm cái màn cười nhe nhón và ngoắc ngoắc tay. Tôi nhìn trở lại bài kiểm tra, rồi lại ngược lên. Vẫn ở đó, và gần hơn. Hắn quay đầu để tôi có thể nhìn rõ vết toác màu tím đen, cộng với những cái xương nhọn đang lia chia xung quanh. Tôi lại nhìn xuống tờ giấy kiểm tra, và đến lần thứ ba tôi ngược lên, thì hắn đã đi mất. Nhưng tôi biết hắn sẽ quay lại. Hắn không giống như những người khác. Hắn *không hề* giống những người khác.

Đến khi thầy Laghari bảo chúng tôi nộp bài, tôi vẫn chưa giải xong năm câu cuối cùng. Tôi bị

điểm D trừ, và có một lời phê ở đầu bài kiểm tra: *Thật đáng thất vọng, Jamie. Em phải cố gắng hơn. Tôi đã nói gì trong mọi tiết học, ít nhất một lần?* Điều mà thầy ấy nói là nếu bạn bị tụt lại trong môn toán, bạn sẽ không bao giờ bắt kịp lại được.

Toán không quá đặc biệt ở khía cạnh đó, dù cho thầy Laghari có thể nghĩ như vậy. Điều này đúng đối với hầu hết mọi môn học. Như để nhấn mạnh sự thật này, một lúc sau, cũng trong hôm ấy, tôi đã có một bài kiểm tra lịch sử be bét. Không phải vì Therriault đứng ngay chỗ bảng đen hay gì, mà là bởi tôi không thể dừng nghĩ tới chuyện hắn ta *có thể* đứng ngay chỗ bảng đen.

Tôi cảm giác hắn ta *muốn* tôi học hành bết bát. Bạn có thể cười trước suy nghĩ này, nhưng người ta vẫn bảo, nếu đó là sự thật thì không bị tính là hoang tưởng. Vài bài kiểm tra tệ hại không khiến tôi không qua được môn, chuyện đó sẽ không xảy ra vào thời điểm gần kết thúc năm học, và sau đấy tôi sẽ được nghỉ hè, nhưng còn năm tới thì sao, chuyện sẽ thế nào nếu hắn vẫn lượn lờ quanh đây?

Hơn nữa, điều gì sẽ xảy ra nếu hắn trở nên mạnh hơn? Tôi không muốn tin vào chuyện đó,

nhưng chỉ riêng sự thật rằng hấn vẫn ở đây đã cho thấy đó là điều khả thi. Nó có thể là sự thật.

Tâm sự cho một ai khác có thể khiến tình hình khá hơn, và mẹ là một lựa chọn hợp lý, mẹ sẽ tin tôi, nhưng tôi lại không muốn làm mẹ hoảng. Mẹ đã hoảng sợ đủ rồi, khi mẹ nghĩ rằng công ty có nguy cơ sụp đổ và mẹ không thể lo được cho tôi và anh trai mẹ. Việc tôi đã giúp mẹ thoát ra khỏi tình cảnh ấy có thể khiến mẹ tự trách bản thân cho tình cảnh tôi gặp phải hiện nay. Suy nghĩ theo hướng đó thật là vô lý, tôi nghĩ vậy, nhưng có thể lại hợp lý theo diễn giải của mẹ. Hơn nữa, mẹ muốn bỏ lại toàn bộ những chuyện này sau lưng - cái chuyện nhìn thấy người chết. Và đây mới là vấn đề: mẹ có thể làm gì chứ, ngay cả khi tôi *thực sự* kể lại cho mẹ? Có thể đổ tội cho Liz, vì ngay từ đầu, cô ta là người đã đẩy tôi tới gặp Therriault, nhưng chỉ thế mà thôi.

Tôi nghĩ nhanh tới việc nói chuyện với cô Peterson, tư vấn viên của trường, nhưng cô ấy có thể cho rằng tôi bị ảo giác, có lẽ là bị suy nhược thần kinh. Cô ấy sẽ báo cho mẹ. Tôi thậm chí nghĩ tới việc kể cho Liz, nhưng Liz thì có thể làm gì? Rút súng của cô ta ra và bắn hấn à? Chúc may mắn nhé, vì hấn vốn đã chết rồi. Bên cạnh

đó, tôi đã xong việc với Liz, hoặc chỉ là tôi nghĩ vậy. Tôi chỉ có một mình, và đó là một tình cảnh cô độc, đáng sợ.

Mẹ tôi tới xem cuộc thi bơi, và tôi bơi như một đứa dở hơi trong mọi hạng mục. Trên đường về nhà, mẹ ôm tôi và nói rằng ai cũng có những ngày bị mất phong độ cả, và tôi sẽ thể hiện tốt hơn vào lần tiếp theo. Khi ấy, tôi suýt nữa đã buột mồm nói ra tất cả, và kết thúc bằng nỗi sợ của tôi - giờ thì tôi thấy cũng khá chính đáng - rằng Kenneth Therriault đang cố hủy hoại đời tôi, vì tôi đã phá hỏng kế hoạch cho nổ quả bom cuối cùng, màn trình diễn hoành tráng nhất của hắn. Nếu chúng tôi không ngồi trên taxi, có lẽ tôi đã kể hết cả. Nhưng vì đang ở trên một chiếc taxi, tôi chỉ ngả đầu lên vai mẹ, như điều tôi từng làm khi còn nhỏ và nghĩ rằng con gà tây được vẽ bằng bàn tay năm ngón của mình là bức tranh tuyệt vời nhất chỉ sau *Mona Lisa*. Nói cho bạn biết, điều tệ nhất của sự trưởng thành là nó khiến bạn cảm hợm.

33

Khi tôi rời khỏi căn hộ chung cư của mình vào ngày cuối cùng của năm học, Therriault lại một lần nữa xuất hiện ở thang máy. Cười nhe nhón và cong ngón tay. Hắn hẳn đã nghĩ tôi sẽ khúm núm như lần đầu tôi thấy hắn ở đây, nhưng tôi không như vậy nữa. Được rồi, tôi sợ, nhưng không còn sợ *như trước*, vì tôi đã dần quen với hắn, cái kiểu bạn quen dần với một cục u hay một vết bớt trên khuôn mặt mình, ngay cả khi nó xấu phát hờn. Lần này, tôi tức giận hơn là sợ hãi, vì hắn ta không chịu để cho tôi yên thân.

Thay vì lùi lại, tôi dẫn bước lên trước, vươn cánh tay ra để ngăn cửa thang máy đóng lại. Tôi không định vào trong với hắn - Chúa ơi, không

nhé! - nhưng tôi sẽ không để cửa đóng lại trước khi thu về vài câu trả lời.

“Mẹ tao có thật sự bị ung thư không?”

Một lần nữa, mặt hắn vặn xoắn như thể tôi làm đau hắn, và lại một lần nữa, tôi hy vọng mình đã làm hắn đau thật.

“Mẹ tao có thật sự bị ung thư không?”

“Tao không biết.” Cái cách hắn ta chòng chọc nhìn tôi... bạn biết câu nói ấy chứ, rằng ánh mắt có thể làm chết người?

“Thế thì sao mày lại nói thế?”

“Vì tao ghét mày”, Therriault nói, nhe răng ra.

“Tại sao mày vẫn ở đây? Làm sao mày có thể?”

“Tao không biết.”

“Xéo đi.”

Hắn không nói gì.

“Xéo đi.”

“Tao sẽ không đi. Tao không bao giờ đi.”

Câu nói này làm tôi sợ đống người, và cánh tay tôi trượt trở lại thân người, như thể nó vừa đeo tạ.

“Gấp lại mày sau, nhà vô địch.”

Cánh cửa trượt đóng lại, nhưng buồng thang máy không di chuyển vì không có ai ở bên trong để nhấn nút. Khi tôi bấm cái nút bên ngoài, cánh cửa mở ra để lộ buồng thang máy trống không, nhưng tôi vẫn chọn đi thang bộ.

Mày sẽ quen với hấn thôi, tôi nghĩ. Mà đã quen với cái lỗ trên đầu hấn và mày sẽ quen với hấn. Hấn đâu thể làm hại mày đâu.

Nhưng theo một cách nào đó, hấn đã làm hại tôi rồi: điểm D trừ ở bài kiểm tra toán và làm tan tành cuộc thi bơi của tôi - đó mới chỉ là hai ví dụ. Tôi bị mất ngủ (mẹ đã phải bình luận về quầng thâm bên dưới mắt của tôi); và những tiếng động bình thường, ngay cả tiếng một cuốn sách bị rơi trong phòng học, cũng khiến tôi nhảy dựng lên. Tôi cứ nghĩ đến việc mở tủ đồ ra để lấy một cái áo, và hấn ta sẽ ở trong đó, ông kẹ của riêng tôi. Hoặc là ở bên dưới giường, và lỗ hấn tóm lấy cổ tay tôi hoặc cái chân lủng lẳng của tôi trong khi tôi đang ngủ thì sao? Tôi không nghĩ hấn có thể tóm, nhưng tôi cũng đâu có chắc được, nhất là trong trường hợp hấn mạnh lên.

Lỡ tôi thức giấc và thấy hấn đang nằm trên giường cùng tôi thì sao? Thậm chí là hấn có thể tóm lấy của quý của tôi nữa?

Đó là một suy nghĩ mà một khi đã nghĩ rồi thì không thể *không nghĩ* được nữa.

Và còn một chuyện khác, một chuyện thậm chí còn tệ hơn. Lỡ như hấn ta vẫn ám tôi - đây là chuyện đang xảy ra, được chưa - khi tôi hai mươi tuổi thì sao? Hoặc là khi tôi lên bốn chục tuổi? Chuyện sẽ ra sao nếu hấn vẫn ở đây khi tôi chết lúc tám mươi chín tuổi? Hấn sẽ chờ để đón tôi tới kiếp sau - nơi mà hấn sẽ tiếp tục ám tôi ngay cả khi tôi đã chết?

Nếu đây là điều mà ta nhận được sau khi làm việc tốt, vào một đêm, tôi nghĩ tới việc này, nhìn ra ngoài cửa sổ và nhìn Thumper đứng trên phố, dưới cái đèn đường của hấn, thì mình không bao giờ muốn làm một việc tốt nào nữa.

34

Vào cuối tháng Sáu, mẹ con tôi tới gặp bác Harry, là chuyến thăm diễn ra mỗi tháng một lần. Bác không còn nói nhiều nữa và hiếm khi bác tới phòng sinh hoạt chung. Dù bác vẫn chưa tới năm mươi tuổi, tóc bác đã chuyển bạc trắng như tuyết.

Mẹ bảo, “Jamie mang cho anh món bánh rugelach của tiệm Zabar’s này, Harry. Anh muốn ăn một chút không?”

Tôi giơ lên cái túi từ chỗ mình đang đứng, ở lối vào phòng (tôi không thực sự muốn đi vào tận bên trong), mỉm cười và cảm thấy mình hơi giống người mẫu trong chương trình *Hãy chọn giá đúng*.

Bác Harry đáp, *tó*.

“Nghĩa là ‘có’ phải không?” Mẹ hỏi.

Bác Harry bảo *ông*, và xua xua hai bàn tay về phía tôi. Bạn không cần phải là siêu nhân đọc tâm trí để biết được điều đó có nghĩa là, đêch cần cái bánh nào hết.

“Anh muốn ra ngoài không? Trời đẹp lắm.”

Tôi không chắc là trong những ngày gần đây, bác Harry còn hiểu *ra ngoài* là gì nữa không.

“Để em giúp anh dậy”, mẹ nói và cầm tay bác lên.

“Không!” Bác Harry lên tiếng. Chẳng *ông*, chẳng *tó*, chẳng *tóc*, không. Rõ ràng như tiếng chuông kêu. Mắt bác mở to và bắt đầu ngập nước. Sau đó, vẫn bằng giọng trong như chuông, bác hỏi, “Ai đó?”

“Là Jamie. Anh biết Jamie mà, Harry.”

Nhưng bác ấy không biết tôi, không còn biết nữa, và bác cũng không nhìn tôi. Bác đang nhìn qua vai tôi. Tôi không cần quay lại để xem có thứ gì ở đó, nhưng dù sao thì tôi vẫn làm vậy.

“Thứ mà lão ta mắc mang tính di truyền”, Therriault nói, “ảnh hưởng tới các thế hệ nam giới. Mà sẽ giống lão, nhà vô địch ạ. Mà sẽ giống như lão trước khi mà kịp nhận ra.”

“Jamie?”, mẹ hỏi. “Con ổn chứ?”

“Ổn ạ”, tôi nói, nhìn về phía Therriault. “Con ổn mà.”

Nhưng tôi không ổn, và nụ cười nhếch nhếch của Therriault thể hiện rằng hắn rất hiểu.

“Cút đi!” Bác Harry nói. “Cút đi, cút đi, cút đi!”

Thế là chúng tôi cút.

Cả ba người bọn này.

35

Tôi vừa định kể cho mẹ tôi mọi chuyện - tôi cần phải trút hết ra, ngay cả khi nó có thể khiến mẹ sợ và buồn - thì mọi thứ chợt như người ta hay bảo: hành sự tại thiên. Chuyện xảy ra vào tháng Bảy năm 2013, khoảng ba tuần trước chuyến thăm bác Harry hằng tháng của mẹ con tôi.

Sáng sớm hôm ấy, mẹ tôi nhận được một cuộc gọi trong khi đang chuẩn bị tới văn phòng. Tôi khi ấy đang ngồi ở bàn ăn, vừa nhanh nhanh chóng chóng ăn Cheerios, vừa để ý nghe ngóng. Mẹ bước ra khỏi phòng ngủ, kéo khóa chân váy. "Marty Burkett gặp phải một tai nạn nhỏ tối qua. Bị trượt ngã hay sao đó - mẹ nghĩ là khi đi toilet - và bị chấn thương hông. Ông bảo là ông ổn, và

chắc thế thật, nhưng cũng có thể là ông chỉ đang ra vẻ ta đây.”

“Vâng”, tôi đáp vậy, chủ yếu vì mọi sự sẽ luôn an toàn hơn khi thuận theo lời mẹ, mỗi khi mẹ đang vội vã cuống cuồng và cố gắng làm khoảng ba việc khác nhau cùng một lúc. Nhưng cá nhân tôi nghĩ ông Burkett đã hơi bị già để còn ra vẻ ta đây, dù rằng cũng khá thú vị khi tưởng tượng ông đóng chính trong một bộ phim kiểu như *Kẻ hủy diệt: Những năm tháng nghỉ hưu*³⁸. Lắc lắc cây gậy của ông và tuyên bố, “Ta sẽ trở lại.” Tôi cầm cái bát của mình lên và bắt đầu húp súp.

“Jamie, mẹ đã bảo con bao lần là đừng có làm vậy rồi?”

Tôi không thể nhớ mẹ từng dặn tôi vụ này bao giờ chưa, vì có một số yêu cầu từ những bậc phụ huynh, đặc biệt là những yêu cầu liên quan tới phép tắc trên bàn ăn, thường hay bị tôi bỏ qua. “Nếu không thì con phải làm thế nào để ăn hết chứ?”

Mẹ thở dài. “Thôi bỏ qua đi. Mẹ đã chuẩn bị món bò lò cho bữa tối, nhưng chúng ta có thể ăn burger, nếu như con dành ra được chút thời gian trong lịch trình xem ti vi và chơi game trên điện

³⁸ Nguyên văn: *Terminator: The retirement years.*

thoại hết sức bận bịu của mình, để mang món bánh bỏ lò tới cho Marty. Mẹ không đi được, kín lịch rồi. Chắc là con không sẵn lòng đâu nhỉ? Rồi sau đó, gọi báo cho mẹ tình hình của ông ấy?”

Ban đầu tôi không đáp lại. Tôi cảm giác như mình vừa bị búa gõ vào đầu. Một vài ý tưởng nảy sinh kiểu đó. Ngoài ra, tôi cảm thấy mình dần dần hết sức. Tại sao tôi lại chưa từng nghĩ tới ông Burkett nhỉ?

“Jamie? Jamie, hiện hồn lại nào.”

“Chắc chắn rồi ạ”, tôi đáp. “Con sẵn sàng mà.”

“Thật không?”

“Thật.”

“Con có ốm không? Có bị sốt không?”

“Ha ha”, tôi đáp. “Chẳng buồn cười gì hết.”

Mẹ vớ lấy ví tiền. “Mẹ sẽ đưa con tiền tax—”

“Không cần đâu mẹ, chỉ cần mẹ cho đồ ăn vào túi thôi. Con sẽ đi bộ.”

“Thật không?”, mẹ lại hỏi, trông rất ngạc nhiên. “Đi bộ tới tận Park?”

“Chắc chắn mà. Con có thể tập thể dục luôn.” Không đúng hoàn toàn. Điều tôi cần là thời gian, để đảm bảo rằng ý tưởng của tôi là một ý hay, và nếu như vậy, thì tôi phải kể chuyện như thế nào.

36

Đến thời điểm này, tôi sẽ gọi ông Burkett là giáo sư Burkett, vì ông đã giảng bài cho tôi vào hôm đó. Ông dạy cho tôi rất nhiều điều. Nhưng trước khi dạy, ông đã *lắng nghe*. Tôi từng nói là tôi phải kể chuyện cho một ai đó, nhưng tôi không biết rằng mình có thể nhẹ lòng tới vậy khi trút đi gánh nặng - cho đến khi tôi thực sự làm điều ấy.

Ông ra mở cửa, không chỉ tập tễnh trên một cây gậy - tôi từng nhìn thấy ông dùng nó - mà phải dùng tới hai cây gậy. Mặt ông sáng lên khi nhìn thấy tôi, thế nên tôi đoán là ông vui lắm khi có người đến chơi. Trẻ con vẫn hay coi mình là trung tâm của mọi sự mà (tôi chắc rằng bạn hiểu điều này, nếu như bản thân bạn từng là trẻ con,

ha ha), và sau này tôi mới nhận ra rằng, ông ấy hẳn đã cô đơn, rất cô đơn trong những năm tháng sau khi Mona chết. Ông có một người con gái ở bờ Tây, nhưng dẫu cho cô ta có tới thăm ông thì tôi cũng chưa từng nhìn thấy, hãy nhớ đến câu tuyên bố ngay phía trên về những đứa trẻ và việc chúng tự coi mình là trung tâm thế giới.

“Jamie! Cháu tới và mang theo cả quà!”

“Chi là một món bỏ lò thôi ạ”, tôi nói. “Cháu đoán là bánh kiêu Thụy Điển.”

“Có lẽ ý cháu là bánh *thịt cừu*. Ông nghĩ là ngon lắm đây. Cháu tốt bụng có thể cất vào hộp lạnh giúp ông được không? Ông bị vương mấy thứ...” Ông nhắc hai cây gậy lên khỏi sàn nhà, và trong một khoảnh khắc hoảng hốt, tôi đã nghĩ ông sẽ ngã sấp mặt xuống ngay trước mắt tôi, nhưng ông đã chống gậy lại vừa kịp lúc.

“Được chứ ạ”, tôi nói và đi vào bếp. Tôi cảm thấy thật thú vị khi ông gọi tủ lạnh là hộp lạnh và gọi các loại xe hơi là ô tô. Đúng là mẫu người truyền thống. Ồ, và ông còn gọi điện thoại để bàn là cây nắm truyền tin nữa chứ. Tôi thích cái từ này đến độ tôi cũng dùng theo. Bây giờ vẫn vậy.

Không khó để cất món bỏ lò của mẹ vào hộp lạnh, vì ông ấy gần như chẳng có gì trong đó cả.

Ông bước nặng nề sau tôi và hỏi dạo này tôi thế nào. Tôi đóng cửa hộp lạnh, quay về phía ông và nói, “Không ổn lắm ạ.”

Ông nhướn cao cặp lông mày lia chìa. “Không ổn ư? Sao vậy?”

“Chuyện khá dài ạ”, tôi nói. “Có lẽ ông sẽ nghĩ là cháu bị điên, nhưng cháu phải kể chuyện với ai đó, và cháu nghĩ ông là người được chọn.”

“Có phải là về mấy cái nhẫn của Mona không?”

Tôi há hốc mồm.

Giáo sư Burkett mỉm cười. “Ông chưa từng tin là mẹ cháu tình cờ tìm được nhẫn trong tủ đồ. Quá ngẫu nhiên rồi. *Quá mức* ngẫu nhiên. Ông thoáng nghĩ là cô ấy tự đặt nhẫn vào tủ, nhưng mọi hành động của con người đều được dựa trên động cơ và cơ hội, trong khi mẹ cháu không có cả hai thứ. Với cả, chiều hôm ấy ông quá buồn để nghĩ sâu hơn về việc này.”

“Vì ông vừa mất vợ.”

“Đúng thế.” Ông nhắc gậy lên, đủ để gót bàn tay của ông chạm vào ngực, nơi trú ngụ của trái tim. Hành động ấy khiến tôi buồn thay cho ông. “Vậy đã có chuyện gì, Jamie? Ông nghĩ đến lúc này thì mọi sự cũng đã thành nước chảy mây trôi,

nhưng với tư cách là người dành ra cả đời đọc truyện trinh thám, ông vẫn muốn biết lời giải của những nghi vấn.”

“Vợ ông đã cho cháu biết”, tôi nói.

Ông chăm chăm nhìn tôi, trong căn bếp.

“Cháu nhìn thấy người chết”, tôi nói.

Suốt một khoảng lặng dài, ông không đáp lại gì và khiến tôi sợ hãi. Rồi ông bảo, “Ông nghĩ là mình cần một thứ gì đó có cafein. Ông nghĩ hai chúng ta đều cần. Rồi cháu có thể kể cho ông mọi thứ trong đầu cháu. Ông nóng lòng được nghe.”

37

G iáo sư Burkett truyền thống tới nỗi ông không có túi trà lọc, chỉ có trà không đóng gói, cất hết trong một cái hộp kim loại. Trong khi tôi chờ ấm nước sôi, ông chỉ cho tôi chỗ lấy thứ mà ông gọi là “bóng lọc trà” và hướng dẫn tôi cho bao nhiêu trà vào quả bóng đó thì vừa. Pha trà là một quy trình hay ho. Tôi luôn thích cà phê hơn, nhưng đôi khi một ấm trà mới là chuẩn. Nó khiến mọi sự trở nên *ngghiêm túc*, vì một lẽ nào đó.

Giáo sư Burkett bảo tôi rằng, trà phải được ngâm năm phút trong nước mới đun sôi - không nhiều hơn, không ít hơn. Ông đặt giờ, chỉ cho tôi chỗ lấy tách và bước lộp cộp vào phòng khách. Tôi nghe thấy tiếng thở phào nhẹ nhõm khi ông

ngồi xuống cái ghế yêu thích của mình. Và có một tiếng động nghe như tiếng xì hơi. Nghe không giống tiếng trumpet, giống tiếng kèn oboe hơn.

Tôi rót hai tách trà, để lên khay cùng với một bát đường và một hộp sữa loại nửa sữa nửa kem (lấy ra từ hộp lạnh, mà cuối cùng thì cả hai chúng tôi đều không dùng sữa, có lẽ đây là một điều tốt vì nó đã quá hạn được một tháng). Giáo sư Burkett cầm lên tách trà đen không pha thêm gì và chép môi ở ngay ngậm đầu tiên. “Xuất sắc, Jamie. Hoàn hảo ngay từ lần thử đầu tay.”

“Cháu cảm ơn ạ.” Tôi phóng khoáng thêm đường vào tách của mình. Mẹ sẽ hét lên nếu tôi đổ tới ba thìa đường đầy ắp, nhưng giáo sư Burkett thì chẳng bao giờ nói gì.

“Giờ thì kể cho ông câu chuyện của cháu đi. Ông chẳng có gì ngoài thời gian.”

“Ông có tin cháu không? Về mấy cái nhẫn ấy?”

“À”, ông nói, “ông tin vào điều cháu tin. Và ông *biết rõ* những chiếc nhẫn đã được tìm thấy, và đang được cất trong hộp bảo mật của ông ở ngân hàng. Cho ông biết đi, Jamie, giả như ông hỏi mẹ cháu, liệu cô ấy có xác thực câu chuyện của cháu không?”

“Có ạ, nhưng cháu mong ông đừng làm thế. Cháu quyết định kể chuyện cho ông vì cháu không muốn nói với mẹ. Nghe chuyện mẹ sẽ phiền lòng.”

Ông nhấp trà, tay cầm tách run nhẹ, rồi đặt trà xuống và nhìn vào tôi. Hoặc có thể là nhìn *thấu* tôi. Tôi vẫn có thể nhìn thấy đôi mắt xanh lam sáng rõ và chăm chú của ông, dù nó ở bên dưới một cặp lông mày lia chia khắp hướng. “Thế thì kể cho ông nghe đi. Thuyết phục ông đi.”

Sau khi đã dượt lại câu chuyện của mình trong chuyến đi bộ tới đây, tôi có thể kể khá mạch lạc. Tôi bắt đầu với Robert Harrison - bạn biết đấy, người đàn ông ở Công viên Trung tâm - rồi chuyển sang việc nhìn thấy bà Burkett, và sau đó là tất cả những chuyện còn lại. Mất khá nhiều thời gian. Khi tôi kết thúc, tách trà của tôi chỉ còn phảng phất một chút hơi ấm (có khi còn chẳng ấm tới vậy), nhưng tôi vẫn uống một ngụm lớn, vì khô họng.

Giáo sư Burkett bắn khoản rồi lên tiếng, “Cháu tới phòng ngủ của ông được không, Jamie, và mang cho ông cái iPad ra đây? Nó ở trên bàn đầu giường.”

Phòng ông ấy có cái mùi hơi giống phòng của bác Harry ở viện chăm sóc, cộng thêm một mùi hương nồng nồng mà tôi đoán là dầu xoa cho cái hông đau. Tôi cầm lấy cái iPad và quay trở lại. Ông không có iPhone, chỉ sử dụng cây nắm truyền tin được treo trên tường phòng bếp, như cảnh trong một bộ phim cổ, nhưng ông ấy rất mê cái máy tính bảng. Ông mở máy ra khi tôi đưa nó cho ông (màn hình khởi động là bức hình chụp một cặp đôi trẻ mặc đồ cưới, tôi đoán đó là ông và bà Burkett), rồi ông bắt đầu chọc lên màn hình.

“Ông định tra về Therriault à?”

Ông lắc đầu, không ngẩng lên. “Người đàn ông ở Công viên Trung tâm. Cháu nói mình đang học cấp một khi nhìn thấy ông ta nhỉ?”

“Vâng.”

“Vậy thì đó phải là năm 2003... có thể là 2004... à, đây rồi.” Ông đọc, khom lưng xuống cái máy tính bảng và thi thoảng lại cào cào chỗ tóc che mắt (ông có nhiều tóc lểm). Cuối cùng, ông ngẩng lên và bảo, “Cháu nhìn thấy ông ta nằm chết ở đó và cũng thấy ông ta đứng cạnh chính mình. Mẹ cháu cũng có thể xác nhận điều đó à?”

“Mẹ biết là cháu không nói dối, vì cháu biết người đàn ông ấy đang mặc áo gi, trong khi phần thân trên của ông ta đã bị phủ lại. Nhưng cháu không thật sự muốn—”

“Hiểu rồi, hoàn toàn hiểu. Giờ ta xét tới cuốn sách cuối cùng của Regis Thomas. Nó chưa được viết—”

“Vâng, ngoại trừ vài chương đầu tiên. Cháu nghĩ vậy.”

“Nhưng mẹ cháu có thể nhật nhật đủ chi tiết để tự viết nốt phần còn lại của cuốn sách, sử dụng cháu làm người trung gian?”

Tôi chưa từng nghĩ mình là một người trung gian, nhưng theo cách nào đó thì ông ấy nói đúng. “Cháu nghĩ thế. Giống như trong *Ám ảnh kinh hoàng*³⁹.” Và để đáp lại biểu cảm bối rối của ông, tôi tiếp tục: “Đó là tên một bộ phim. Ông Burkett... *giáo sư*... ông có nghĩ là cháu bị điên không?” Tôi gần như chẳng quan tâm nữa, vì cảm giác nhẹ lòng khi trút được hết mọi thứ ra quá đổi tuyệt vời.

“Không”, ông đáp, nhưng một điều gì đó - có lẽ là trạng thái nhẹ nhõm của tôi - khiến ông phải

³⁹ Nguyên văn: *The Conjuring*.

giơ lên một ngón tay cảnh báo. “Nhưng điều này không có nghĩa là ông tin cháu, ít nhất là chưa tin chừng nào chưa nhận được sự xác thực từ mẹ cháu, và ông đã đồng ý là sẽ không đi hỏi cô ấy. Nhưng ông có thể nói thế này: ông không hoàn toàn *không tin*. Chủ yếu là vì mấy chiếc nhẫn, nhưng cũng vì cuốn sách cuối cùng của Thomas thật sự tồn tại. Dù rằng ông chưa đọc.” Ông bày ra một biểu cảm khó tả với câu nói sau chót. “Cháu nói bạn của mẹ - bạn cũ - cũng có thể xác thực phần cuối, phần đặc sắc nhất trong câu chuyện của cháu.”

“Vâng ạ, nhưng—”

Ông giơ một tay lên, như điều ông đã làm cả nghìn lần trước những sinh viên nhốn nháo trong lớp học. “Cháu cũng không muốn ông nói chuyện với cô ta, và ông cơ bản hiểu lý do. Ông chỉ mới gặp cô ta một lần, và ông không quan tâm tới cô ta. Cô ta thực sự mang ma túy vào nhà cháu à?”

“Cháu không tận mắt nhìn thấy, nhưng nếu mẹ cháu nói là cô ta đã làm vậy, thì đó là sự thật.”

Ông đặt máy tính bảng sang một bên và vượt vượt cây gậy trợ thủ của mình, nó có một đầu

nắm màu trắng. “Thế thì thật tốt khi Tia đã thoát khỏi cô ta. Còn tay Therriault này, kẻ mà cháu nói đang ám cháu. Hẳn ta có đang ở đây không?”

“Không ạ.” Nhưng tôi vẫn nhìn quanh để chắc chắn.

“Dĩ nhiên là cháu muốn thoát khỏi hẳn ta.”

“Vâng, nhưng cháu không biết phải làm thế nào.”

Ông nhấp trà, cầm cái tách nghiền ngẫm, rồi đặt tách xuống và lại chăm chú nhìn tôi bằng đôi mắt xanh lam. Ông đã già, nhưng đôi mắt thì không. “Một vấn đề thú vị, đặc biệt là đối với một quý ông già cõi đã bắt gặp đủ loại sinh vật siêu nhiên trong sự nghiệp đọc sách của mình. Những cuốn sách gothic đầy rẫy những sinh vật như thế, quái vật của Frankenstein và bá tước Dracula chỉ là hai nhân vật xuất hiện thường xuyên nhất trong phim ảnh. Còn nhiều lắm, trong văn học và truyện dân gian châu Âu. Hãy giả sử, ít nhất là trong lúc này, rằng tay Therriault không chỉ là sản phẩm tưởng tượng của cháu. Hãy giả sử là hẳn thực sự tồn tại.”

Tôi phải kìm lại để không phản đối, rằng hẳn ta tồn tại *thật*. *Giáo sư* đã biết tôi tin vào điều gì, chính ông đã nói rồi.

“Hãy tiến thêm một bước nữa. Dựa trên những gì cháu kể cho ông về những lần khác mà cháu thấy người chết - bao gồm cả vợ ông - thì tất cả bọn họ đều biến mất sau vài ngày. Đi tới...” Ông xua tay. “... tới bất cứ đâu. Nhưng tay Therriault này thì không. Hắn vẫn ở đây. Thực tế là, cháu còn nghĩ hắn ta có thể trở nên mạnh hơn.”

“Cháu khá chắc là như vậy.”

“Nếu thế, có lẽ hắn ta không còn là Kenneth Therriault nữa. Có lẽ những gì còn lại của Therriault sau khi chết đã bị ma quỷ chiếm đoạt - đó mới là từ đúng, chứ không phải chiếm hữu.” Hắn ông đã nhìn thấy biểu cảm của tôi, thế nên ông nhanh chóng bổ sung, “Chúng ta chỉ đang giả sử thôi, Jamie. Ông sẽ nói thẳng, ông nghĩ rằng khả năng lớn là cháu đang bị ảnh hưởng bởi chứng rối loạn thần kinh khu trú, nên cháu sẽ nhìn thấy ảo giác.”

“Nói theo cách khác là bị điên.” Đến lúc ấy, tôi vẫn cảm thấy mừng vì đã kể chuyện cho ông, nhưng kết luận của ông lại tệ hại tới cùng cực, dù rằng tôi cũng phần nào dự đoán được điều đó.

Ông xua tay. “Bậy nào. Ông không hề nghĩ thế. Rõ ràng cháu vẫn đang vận hành trong thế giới thực, bình thường như từ trước tới nay. Và

ông phải thừa nhận là câu chuyện của cháu có rất nhiều yếu tố khó có thể giải thích một cách lý trí tuyệt đối. Ông không nghi ngờ việc cháu đã cùng Tia và người bạn cũ của cô ấy tới ngôi nhà của ông Thomas đã qua đời. Ông cũng không nghi ngờ việc thám tử Dutton đã đưa cháu tới nơi làm việc của Therriault cũng như căn hộ chung cư của hắn ta. Nếu như cô ta ở đây - ông đang nói tới Ellery Queen, một trong những bậc thầy suy luận yêu thích của ông - cô ấy hẳn sẽ tin vào năng lực nói chuyện với những linh hồn của cháu. Điều này dẫn ta quay lại với nơi ở của ông Thomas. Ở đây, hẳn rằng thám tử Dutton đã phải trông thấy gì đó có thể thuyết phục cô ta."

"Cháu không hiểu", tôi nói.

"Không cần bận tâm." Ông đờ người ra trước. "Tất cả những gì ông đang nói chỉ là, dù cho ông nghiêng về những điều lý trí, những điều đã được thấu hiểu, cũng như kinh nghiệm bản thân - ông chưa từng thấy ma và cũng chưa từng thấy nháng lên một khoảnh khắc tiên tri nào - thì ông vẫn phải thừa nhận là, trong câu chuyện của cháu, có những chi tiết mà ông không thể gạt bỏ. Vậy ta hãy cứ cho rằng, tay Therriault này, hoặc bất kỳ thứ gì ác hiểm đã

chiếm lấy phần còn lại của Therriault, đang thật sự tồn tại. Câu hỏi giờ trở thành: liệu cháu có thể thoát khỏi hắn ta hay không?”

Giờ thì đến lượt tôi đổ về trước, nghĩ tới cuốn sách mà ông từng tặng tôi, kể về những truyện cổ tích nhưng thực chất là những câu chuyện kinh dị và rất ít truyện có kết thúc có hậu. Những cô chị kể cắt đi ngón chân, cô công chúa ném con ếch vào tường - *bep!* - thay vì hôn chú ta, cô bé quàng khăn đỏ thực ra đã *kích động* sói hung ác ăn thịt bà ngoại, để cô bé có thể thừa hưởng gia tài của bà.

“Cháu *có thể* không ư? Ông đã đọc đủ loại sách vờ, hẳn phải có cách nào đó trong ít nhất một cuốn sách chứ! Hoặc là...” Một ý tưởng nảy lên trong tôi. “Phép trừ tà! Cái đó thì sao ạ?”

“Có lẽ là vô dụng thôi”, giáo sư Burkett nói. “Ông nghĩ là so với một thầy trừ tà, thì một thầy tu sẽ phù hợp hơn để đưa cháu tới gặp bác sĩ tâm thần dành cho trẻ em. Nếu như tay Therriault của cháu tồn tại, Jamie à, thì cháu chắc sẽ bị kẹt cứng với hắn ta.”

Tôi chòng chọc nhìn ông, mất hết tinh thần.

“Nhưng có lẽ như vậy cũng ổn cả thôi.”

“Ồn cả? Làm sao mà ồn được kia chứ?”

Ông nhấc cái tách của mình lên, nhấp một ngụm, rồi đặt xuống.

“Cháu đã bao giờ nghe kể về nghi lễ Chüd chưa?”

38

Gìò thì tôi hai mươi hai tuổi - thực ra là gần hai mươi ba - và đã sống ở vùng đất mang tên "sau này". Tôi có thể bỏ phiếu, tôi có thể lái xe, tôi có thể mua rượu và thuốc lá (tôi định sẽ sớm bỏ thứ này). Tôi hiểu rằng mình vẫn rất trẻ, và chắc chắn khi nhìn lại, tôi sẽ ngỡ ngàng (hy vọng là không phát ghê) trước sự ngây ngô và non nớt của mình trước kia. Thực tình, hai mươi hai tuổi cách rất xa mười ba tuổi. Giờ tôi đã biết nhiều điều hơn, nhưng tôi tin tưởng ít hơn. Giáo sư Burkett sẽ không thể ếm phép thuật của ông lên thẳng tôi ngày nay như điều ông từng làm trước kia nữa. Không phải là tôi đang phàn nàn đâu! Kenneth Therriault - tôi không chắc khi ấy hẳn ta thực sự là thứ gì, nên

ta cứ gọi thế đi - từng cố làm tôi phát điên. Phép thuật của giáo sư đã cứu lấy sự tinh táo của tôi. Có lẽ là còn cứu lấy cái mạng tôi nữa.

Sau này, khi tôi tra cứu đề tài cho một bài nghiên cứu môn nhân loại học ở trường (dĩ nhiên là Đại học New York), tôi khám phá ra rằng, một nửa những điều ông ấy nói với tôi vào ngày hôm đó là sự thật. Nửa còn lại là một đồng nhảm nhí. Dẫu vậy, tôi phải vinh danh ông vì màn sáng tác ấy (điểm tuyệt đối, cây viết lãng mạn người Anh tên Philippa Stephens của mẹ có lẽ sẽ nói vậy). Hãy nghĩ về so sánh sau và tìm ra điểm trở trêu: bác Harry của tôi thậm chí chưa tròn năm chục tuổi mà đã lẩm cẩm, trong khi Martin Burkett, hơn tám mươi tuổi, vẫn có thể sáng tác mà không cần chuẩn bị trước... chỉ để đáp ứng một cậu bé phiền muộn không mời mà đến, mang theo món bánh bỏ lò và một câu chuyện quái đản.

Nghi lễ Chüd, giáo sư nói, là điều được tiến hành bởi một nhóm tín đồ Phật giáo ở Tây Tạng và Nepal. (Sự thật.)

Họ tiến hành nghi lễ để cảm nhận được sự hư không hoàn mỹ, sự thanh thản và thuần khiết thần thánh. (Sự thật.)

Nó cũng được coi là hữu ích trong việc chống lại ma quỷ, dù là ma quỷ trong tâm trí hay giống loài ma quỷ siêu nhiên xâm nhập từ bên ngoài. (Chưa rõ thực hư.)

“Như vậy là hoàn hảo với cháu, Jamie ạ, vì nó giải quyết được mọi trường hợp.”

“Ý ông là nó vẫn hiệu quả ngay cả khi Therriault không thật sự ở đây và cháu chỉ là một thằng khùng.”

Ánh mắt ông nhìn tôi trộn lẫn sự quở trách và sự thiếu kiên nhẫn, có lẽ ông đã thành thực ánh nhìn này trong suốt sự nghiệp dạy dỗ của mình. “Ngừng nói chuyện và cố lắng nghe đi, nếu cháu không phiền.”

“Xin lỗi ạ.” Tôi đã uống tới tách trà thứ hai và thấy người căng như dây đàn.

Sau khi đã chuẩn bị hết những thứ cơ bản, giáo sư Burkett giơ đang tiến tới giai đoạn hóa giả thành thật... mà tôi cũng không phân định được sự khác biệt. Ông nói rằng Chüd thực tình rất hữu ích khi một đất nước Phật giáo phải đối đầu với yeti, hay còn được gọi là người tuyết.

“Những thứ đó có thật không?”, tôi hỏi.

“Cũng như tay Therriault của cháu, ông không thể chắc chắn được. Nhưng - cũng giống

như cháu và tay Therriault của cháu - ông có thể nói rằng người Tây Tạng tin người tuyết có thật.”

Giáo sư tiếp tục kể, một người xui xẻo gặp phải yeti sẽ bị nó ám tới hết đời. Trừ khi nghi lễ Chüd được tiến hành.

Nếu đọc tới đây, bạn hẳn sẽ nhận ra là, nếu nói xàm là một môn thi tại Thế Vận hội, toàn bộ giám khảo sẽ chấm cho giáo sư Burkett đây điểm mười tuyệt đối, nhưng tôi chỉ mới mười ba tuổi và đang ở trong thế khó. Thế là tôi nuốt trọn từng lời của ông. Nếu một phần nào đó trong tôi hơi hơi đoán ra giáo sư Burkett đang định làm gì - tôi không nhớ được nữa - thì tôi cũng mặc kệ. Bạn phải nhớ là khi ấy tôi tuyệt vọng tới mức nào. Việc có thể bị Kenneth Therriault, tức Thumper, theo đuôi suốt phần đời còn lại - bị hắn ta ám, theo cách nói của giáo sư - là điều kinh khủng nhất tôi có thể tưởng tượng ra được.

“Nó được tiến hành thế nào?”, tôi hỏi.

“Ồ, cháu sẽ thích cho mà xem. Nó giống như một câu chuyện cổ tích không bị lược bỏ trong cuốn sách mà ông đã tặng cháu. Theo các câu chuyện được kể lại, cháu và con quỷ phải bị trói vào nhau bằng cách cắn lưỡi của đối phương.”

Ông nói điều trên với một vẻ thích thú, và tôi nghĩ, *Thích ấyl há? Tại sao cháu lại thích kia chứ?*

“Một khi mối liên kết được hình thành, cháu và con quỷ sẽ bước vào cuộc chiến tinh thần. Điều này sẽ diễn ra theo một cách thần giao cách cảm, ông cho là vậy, vì sẽ khó mà nói chuyện khi mà hai bên đang òm... à... cắn lưỡi nhau. Kẻ nào rút lui trước sẽ đánh mất tất thảy sức mạnh vào tay người thắng cuộc.”

Tôi chăm chăm nhìn ông, há hốc. Tôi đã được dạy là phải biết lịch sự, nhất là khi ở gần khách hàng và người quen của mẹ, nhưng tôi đang thấy chuyện quá là gớm đẽ cân nhắc tới sự lễ độ xã giao. “Nếu ông nghĩ là cháu sẽ - cái gì kia? - hôn kiểu Pháp gã đó, thì ông có vấn đề về đầu óc rồi! Một điều nữa, hắnl ta *chết rồi*, ông không hiểu à?”

“Có hiểu, Jamie, ông tin là ông hiểu.”

“Bên cạnh đó, làm sao mà cháu bảo hắnl làm thế được? Cháu sẽ nói gì, tiến lại đây coi, Ken cung, và chìa cái lưỡi của mày ra cho tao à?”

“Cháu xong chưa?”, giáo sư Burkett hỏi nhẹ nhàng, một lần nữa khiến tôi thấy mình giống như đứa học trò mít đặc nhất trong lớp. “Ông nghĩ đoạn cắn lưỡi chỉ mang tính biểu tượng thôi.

Theo cái cách mà ổ bánh mì và những cốc rượu nhỏ được coi là hình ảnh tượng trưng cho bữa tối cuối cùng của Chúa và các tông đồ.”

Tôi không hiểu, vì không phải là một người chăm chỉ tới nhà thờ, thế nên tôi im miệng.

“Nghe ông này, Jamie. Nghe thật kỹ vào.”

Tôi lắng nghe như thể cuộc đời tôi phụ thuộc vào điều đó. Vì tôi nghĩ sự thực đúng là vậy.

39

Khi tôi chuẩn bị rời đi (nếp lịch sự đã trở lại và tôi không quên nói cảm ơn ông), giáo sư hỏi tôi là, vợ ông còn nói gì nữa không. Bên cạnh việc chỉ ra mấy chiếc nhẫn ở đâu.

Khi bạn mười ba tuổi, tôi nghĩ là bạn đã quên gần hết những điều từng xảy ra hồi bạn sáu tuổi - ý tôi là, hơn nửa cuộc đời bạn đã trôi qua rồi! - nhưng tôi vẫn nhớ ngày hôm ấy. Tôi có thể kể cho ông biết bà Burkett đã thắng thắn chê bai gà tây xanh lục của tôi ra sao, nhưng tôi nhận ra ông sẽ không hứng thú gì vụ đó. Ông muốn biết là bà có nói gì về ông hay không, chứ không phải là bà đã nói gì với tôi.

“Ông đang ôm mẹ cháu, và bà ấy nói ông sẽ đốt cháy tóc mẹ bằng điều thuốc của ông mất. Và

ông làm cháy tóc mẹ thật. Cháu đoán là bây giờ ông bỏ thuốc rồi nhỉ?”

“Ông cho phép mình hút ba điếu một ngày. Ông nghĩ là mình có thể hút thêm, tuổi xuân của ông cũng đâu thể bị cắt giảm nữa, nhưng có vẻ như tất cả những gì ông cần chỉ là ba điếu thuốc. Bà ấy còn nói gì nữa không?”

“Ừm, nói là ông sẽ ăn trưa với một phụ nữ nào đó trong vòng một đến hai tháng sau. Tên bà ấy hình như là Debble hay Diana gì đó—”

“Dolores? Có phải là Dolores Magowan không?” Ông đang nhìn tôi theo một cách khác hẳn, và tự nhiên tôi ước gì chúng tôi đã bắt đầu cuộc trò chuyện theo cách này. Nó sẽ giúp tôi trở nên đáng tin hơn nhiều.

“Có lẽ là vậy ạ.”

Ông lắc đầu. “Mona luôn luôn nghĩ ông để ý tới bà ta, Chúa mới biết vì sao lại thế.”

“Bà ấy nói gì đó về chuyện bôi thứ thuốc có mùi cừu vào tay—”

“Lanolin”, ông nói. “Để làm dịu mấy khớp xương bị sưng. Ông chết mất.”

“Còn một chuyện khác nữa ạ. Về việc ông luôn quên xỏ thắt lưng qua cái đĩa quần ở phía

sau. Cháu nghĩ là bà ấy đã bảo, ‘Giờ thì ai sẽ nhắc ông chuyện đó?’”

“Chúa ơi”, ông khe khẽ thốt lên. “Ôi Chúa ơi. Jamie.”

“À, và bà ấy hôn ông nữa. Lên trên má.”

Đó chỉ là một nụ hôn nhẹ nhàng, và diễn ra cách đây mấy năm rồi, nhưng đó là cú chốt quyết định. Vì ông ấy cũng muốn tin, tôi cho là thế. Nếu như không hề tin gì cả, ông sẽ vẫn tin bà ấy. Tin vào nụ hôn đó. Rằng bà đã từng ở đây.

Tôi rời đi khi đã nắm được lợi thế.

40

Trên đường về nhà, tôi để mắt trông chừng Therriault - việc đó giờ đã trở thành bản năng của tôi - nhưng không trông thấy hắn ta. Tuyệt đấy, nhưng tôi không còn dám hy vọng hắn ta sẽ một đi không trở lại. Hắn dai như đĩa đỏi vậy, và hắn sẽ còn trở lại. Tôi chỉ mong là mình sẽ sẵn sàng đối mặt khi hắn tái xuất.

Tối hôm đó, tôi nhận được một email từ giáo sư Burkett. Ông đã tra cứu một chút và thu về những kết quả thú vị, thư viết. Ông nghĩ là cháu cũng sẽ quan tâm. Có ba tệp đính kèm, là ba bài bình luận về tập truyện cuối cùng của Regis Thomas. Giáo sư đã highlight những dòng mà ông thấy thú vị,

để tôi tự đưa ra kết luận của mình. Tôi làm theo đúng như vậy.

Từ mục bình luận sách của *Sunday Times*: “Tác phẩm cuối cùng của Regis Thomas vẫn là sự kết hợp hỗn độn thường thấy của ông, với sex và cuộc phiêu lưu vùng đầm lầy, nhưng giọng văn đã sắc sảo hơn mọi khi; thi thoảng, độc giả có thể nhận thấy những khoảnh khắc văn học đúng nghĩa lóe lên.”

Từ *Guardian*: “Dẫu cho những bí mật kéo dài tại Roanoke không còn là điều gì quá bất ngờ với độc giả của bộ truyện này (những người hẳn đã đoán trước được chuyện phải diễn ra như thế), cách kể chuyện của Thomas đã sống động hơn so với những gì mà ta kỳ vọng sau các tập truyện trước, khi lối trình bày phô trương xen lẫn với những chi tiết tình dục nóng bỏng mà đôi lúc lại nực cười.”

Từ *Miami Herald*: “Hội thoại sinh động, nhịp điệu truyện mạnh mẽ, và rất cuộc, mối quan hệ đồng tính nữ giữa Laura Goodhugh và Purity Betancourt cũng đem lại cảm giác chân thực và cảm động, chứ không chỉ là một câu chuyện đùa hay một ảo tượng mang tính nhục dục. Đây là một màn tổng kết chất lượng.”

Tôi không thể đưa cho mẹ xem những bình luận trên - sẽ khơi lên quá nhiều câu hỏi - nhưng tôi khá chắc rằng bản thân mẹ đã đọc hết rồi, và tôi nghĩ mẹ cũng đã vui vẻ sau khi đọc được, giống như tôi vậy. Mẹ không những đã lo liệu trót lọt vụ này, mà còn giúp cải thiện ấn tượng chẳng mấy hay ho về Regis Thomas.

Sau lần đầu tiên chạm trán Kenneth Therriault, rất nhiều tuần và rất nhiều tháng tiếp đó tôi đã phải lên giường trong tình trạng buồn bực và sợ hãi. Nhưng tối hôm ấy lại không phải một trong những đêm như vậy.

41

Tôi không chắc tôi đã nhìn thấy hắn ta bao nhiêu lần vào mùa hè năm ấy, nghe vậy là bạn hiểu phần nào rồi. Nếu bạn vẫn chưa hiểu, thì tôi sẽ nói một cách đơn giản: tôi đã quen với hắn ta. Tôi chưa từng tin vào điều ấy, vào cái ngày tôi quay người lại và thấy hắn đứng cạnh chiếc xe của Liz Dutton, đủ gần để chạm vào tôi. Tôi chưa từng tin vào điều ấy, vào cái ngày mà buồng thang máy mở ra và hắn đang ở bên trong, tuyên bố rằng mẹ tôi mắc ung thư và cười nhe nhòn như thể đó là tin tức vui nhất trên đời. Nhưng cái gì quen quá cũng hóa nhòn, người ta vẫn bảo vậy, và trong trường hợp này thì câu tục ngữ ấy chính xác.

Không cần bàn luận thêm, tôi mừng vì hấn không bao giờ lộ mặt trong tủ đồ của tôi, cũng không bao giờ nằm bên dưới cái giường của tôi (chuyện có thể còn tệ hơn nữa, vì khi còn nhỏ, tôi tin chắc rằng có quái vật đang châu chực để tóm lấy cánh tay hoặc cẳng chân lủng lẳng). Mùa hè đó, tôi đọc *Dracula* - được rồi, không đọc bản gốc, tôi đọc cuốn sách hình tuyệt cú mà mình mua được ở Forbidden Planet - và trong đó, Van Helsing nói rằng, một con ma cà rồng không thể vào nhà trừ khi bạn mời nó vào. Nếu điều này áp dụng cho ma cà rồng, thì đối với suy nghĩ của thằng tôi mười ba tuổi, nó cũng có thể đúng với các sinh vật siêu nhiên khác. Giống như cái sinh vật ngụ trong Therriault, giúp hấn không bị biến mất chỉ sau vài ngày như mọi người chết khác. Tôi kiểm tra Wikipedia để xem liệu ông Stoker có bịa chuyện ra không, nhưng không hề. Chi tiết này xuất hiện trong rất nhiều truyền thuyết về ma cà rồng. Bây giờ (tức sau này!), tôi nhận thấy đây là một vấn đề mang tính biểu tượng. Nếu như sở hữu ý chí tự do, ta phải mời ác quỷ bước vào.

Còn một việc khác. Hấn ta gần như không còn cong cong cái ngón tay đó về phía tôi. Trong phần

lớn mùa hè, hẳn chỉ đứng ở đằng xa, giữ khoảng cách và nhìn chòng chọc. Lần duy nhất tôi *thật sự* nhìn thấy hẳn vậy tôi lại khá là buồn cười. Đó là trong trường hợp bạn có thể thấy cái gã khốn không-chết đó cũng có điểm đáng buồn cười.

Mẹ mua vé để hai mẹ con tới xem trận đấu giữa đội Mets và đội Tigers, diễn ra vào Chủ nhật cuối cùng của tháng Tám. Mets thua đậm, nhưng tôi không quan tâm, vì mẹ đã đặt được hai chỗ ngồi rất xịn nhờ những người bạn từ nhà xuất bản (trái với quan điểm thông thường, những người đại diện của các tác giả *vẫn* có bạn). Hai chỗ ngồi nằm ở phía gôn ba, chỉ cách sân đấu có hai hàng ghế. Lúc ấy là hiệp đấu thứ bảy, khi đội Mets vẫn giữ được tỷ số sát sao, thì tôi nhìn thấy Therriault. Tôi đang ngó quanh để tìm người bán xúc xích, và khi quay trở lại, ông bạn Thumper của tôi đã đứng gần vị trí huấn luyện viên ở gôn ba. Vẫn cái quần khaki đó. Vẫn cái áo sơ mi dính máu bê bết phía bên trái và bắn cả lên tờ giấy ghi những lời cuối lúc tự tử. Cái đầu bị nổ toác ra như thể có ai đó đã cho bùm một quả bom anh đào⁴⁰ ở trong. Cười nhe nhớn. Và vâng, cong cong ngón tay.

⁴⁰ Quả bom anh đào (cherry bomb) có hình cầu, gần giống quả anh đào về kích thước và hình dạng. Bom anh đào có đường kính từ 1,9 đến 3,8 centimet.

Cầu thủ sân trong của Tigers ném bóng, và ngay sau khi tôi nhìn thấy Therriault, người chặn ngắn ném cho người giữ gôn ba một cú sai địa chỉ kinh khủng. Đám đông hú lên giễu cợt như thường thấy - *chơi hay quá thằng gà mờ, bà ngoại tao còn có thể ném tốt hơn thế* - nhưng tôi thì chỉ ngồi yên với hai tay nắm chặt, đến nỗi móng tay cắm vào lòng bàn tay. Cầu thủ chặn ngắn không nhìn thấy Therriault (anh ta chắc sẽ vừa gào lên vừa chạy ra sân ngoài nếu nhìn thấy hẳn), nhưng anh ta đã *cảm thấy* hẳn. Tôi biết là anh ta cảm nhận được.

Lại một điều khác nữa: huấn luyện viên ở gôn ba định đi ra nhặt lại quả bóng, nhưng ông ta chợt lùi lại và để quả bóng lăn vào khu vực của cầu thủ dự bị. Tiến ra bắt lấy bóng có thể khiến ông ấy đến sát ngay cạnh thứ mà chỉ duy nhất tôi nhìn được. Liệu có phải ông ta thấy ớn lạnh không, như trong một bộ phim ma ấy? Tôi không nghĩ vậy. Tôi chỉ nghĩ là, trong một hoặc hai giây, ông ta thấy thế giới quanh mình rung lên. Rung như một sợi dây đàn ghita. Tôi có lý do để nghĩ như thế.

Mẹ hỏi, “Ồn chứ, Jamie? Con không bị cảm nắng chứ hả?”

“Con không sao”, tôi nói, và dù có nắm chặt tay hay không, tôi vẫn cơ bản là ổn. “Mẹ có nhìn thấy người bán xúc xích không?”

Mẹ nghề cổ nhìn quanh và vẫy tay với người bán đồ ăn đứng gần nhất. Thế là tôi có cơ hội chìa ngón tay thối về phía Kenneth Therriault. Điều cười nhe nhòn của hắn chuyển thành một cái hằm hè phô hết bộ răng. Rồi hắn đi tới băng ghế dự bị của đội khách, và những cầu thủ không ở trên sân đấu bỗng nhiên xê dịch người để dành không gian cho hắn, trong khi không hiểu tại sao bản thân họ lại làm vậy.

Tôi ngồi trở lại, nở một nụ cười. Tôi không nghĩ rằng mình đã chế ngự được hắn - không dùng cây thánh giá hay nước thánh, mà dùng ngón tay giữa - nhưng dù sao thì suy nghĩ ấy cũng loáng thoáng hiện lên trong đầu.

Mọi người bắt đầu ra về từ đầu hiệp chín, sau khi đội Tigers ghi được bảy điểm và tỷ số đã trở nên quá chênh lệch. Mẹ hỏi tôi có muốn ở lại để chạy giao lưu với linh vật của đội Mets không, nhưng tôi lắc đầu. Màn giao lưu này chỉ dành cho lũ trẻ lít nhít. Tôi từng tham gia một lần, từ trước khi Liz xuất hiện, từ trước khi gã khốn James

Mackenzie cướp đi tiền của chúng tôi thông qua kế hoạch Ponzi, thậm chí trước cả cái ngày Mona Burkett bảo với tôi rằng gà tây thì không có màu xanh. Hồi đó tôi vẫn còn là một tên nhóc và tôi có thể thỏa thích làm mọi sự trên đời.

Chuyện ấy dường như đã cách đây rất rất lâu rồi.

42

Bạn có thể đang thắc mắc điều mà khi ấy, tôi chưa từng tự hỏi mình: *Tại sao lại là mình? Tại sao lại là Jamie Conklin?* Tôi rất cuộc cũng đã đặt ra câu hỏi này, nhưng không biết đáp án. Tôi chỉ có thể phỏng đoán. Tôi nghĩ lý do là vì tôi khác thường, và thứ đó - cái thứ bên trong lớp vỏ Therriault - ghét tôi vì sự khác biệt này, và nó muốn làm hại tôi, thậm chí là hủy diệt tôi nếu như nó có thể. Tôi nghĩ bạn cứ bảo tôi là thằng điên nếu bạn muốn, tôi đã *xúc phạm* nó, theo một cách nào đó. Và có lẽ còn vì một điều khác nữa. Tôi nghĩ có lẽ - chỉ có lẽ thôi - nghi thức Chüd vốn đã bắt đầu rồi.

Tôi nghĩ một khi thứ ấy bắt đầu quấy tôi điên đảo, nó sẽ không thể dừng lại.

Như đã nói, tôi chỉ đang phỏng đoán. Lý do của nó có thể là một điều gì đó hoàn toàn khác, một điều mà tôi không thể biết được, cũng như việc tôi không hề biết gì về nó. Và lý do ấy cũng có thể góm ghiếc y như nó vậy. Tôi nói rồi, đây là một câu chuyện kinh dị.

43

Tôi vẫn sợ Therriault, nhưng tôi không còn nghĩ mình sẽ chạy té khói nếu có cơ hội tiến hành nghi thức của giáo sư Burkett. Tôi chỉ cần chuẩn bị sẵn sàng. Nói cách khác là phải để Therriault tiến lại gần, chứ không phải là đứng ở bên kia đường, hoặc đứng ở gôn ba sân bóng chày Citi Field.

Cơ hội xuất hiện vào một ngày thứ Bảy của tháng Mười. Tôi đang chuẩn bị tới công viên Grover để chơi bóng bầu dục phiên bản nhẹ nhàng với mấy đứa cùng trường. Mẹ đã viết một tờ giấy nhớ cho tôi, nhấn là mẹ phải thức khuya để đọc tác phẩm mới nhất của Philippa Stephens, nên sẽ ngủ nướng thêm một chút. Tôi cần phải ăn sáng một cách yên ắng, và không được uống

nhều hơn nửa cốc cà phê. Tôi cần chơi ngoan với bạn bè và không được về nhà với cái tay gãy hoặc một cái đầu bị choáng do va đập. Tôi phải về nhà trước hai giờ là muộn nhất. Mẹ để cho tôi tiền ăn trưa, và tôi cất cẩn thận vào ví của mình. Có một dòng tái bút: *Liệu mẹ có tốn thời gian không, nếu như mẹ đề nghị con ăn một chút rau, dù chỉ là kẹp thêm một lá xà lách vào hamburger?*

Chắc là thế đó, mẹ, chắc là thế đó, tôi nghĩ vậy trong lúc lấy một bát Cheerios ra ăn (một cách yên ắng).

Khi rời khỏi căn hộ, tôi không nghĩ tới Therriault. Hẳn ngày càng ít dành ra thời gian ở đây, và tôi sử dụng không gian rảnh rang mới mẻ này để nghĩ về những chuyện khác, chủ yếu là về những cô gái. Cụ thể, tôi đang mơ tưởng về Valeria Gomez trong lúc đi bộ dọc hành lang, tiến ra thang máy. Liệu Therriault có quyết định tiến đến gần vào hôm đó, vì hẳn kiểu như có một cái cửa sổ nhìn vào não tôi và nhận ra hẳn đang cách rất xa những suy nghĩ của tôi không? Một kiểu thần giao cách cảm hơi rẻ tiền ấy? Tôi cũng không biết được.

Tôi nhấn nút thang máy, tự hỏi không biết Valeria có tới xem chúng tôi chơi bóng không. Khả

năng cao là nàng sẽ tới, vì anh trai Pablo của nàng cũng tham gia. Tôi bận mộng mơ nghĩ là mình sẽ bắt được cú chuyền, vượt qua tất cả những người chặn đường, rồi tăng tốc tiến vào khu vực ghi điểm, tay giơ cao quả bóng, nhưng tôi vẫn lùi lại khi cửa thang máy mở ra - một hành động đã trở thành bản năng. Buồng thang máy không người. Tôi nhấn nút đi xuống sảnh. Thang đi xuống và cửa mở ra. Có một đoạn hành lang ngắn, và một cánh cửa khóa trong, nó sẽ dẫn tới tiền sảnh nhỏ. Cánh cửa dẫn ra bên ngoài không bị khóa, để bưu tá có thể vào trong và cho thư từ vào những cái hòm. Nếu Therriault ở ngoài đó, nơi tiền sảnh, tôi sẽ không thể làm việc mà tôi đã làm. Nhưng hắn không ở tiền sảnh. Hắn đang ở bên trong, cuối hành lang, cười nhả nhổ hết mức.

Hắn ta định nói gì đó, có lẽ lại là một câu tiên tri nhằm nhí, và nếu tôi đang nghĩ về hắn chứ không phải Valeria, tôi có lẽ sẽ cứng người tại chỗ hoặc là giật lùi trở lại buồng thang máy, đập mạnh hết sức vào cái nút đóng cửa. Nhưng tôi đang điên tiết với thằng chả vì dám cắt ngang giấc mộng của mình, thế nên tất cả những gì tôi nghĩ đến là những điều mà giáo sư Burkett đã nói với tôi, vào cái ngày tôi mang món bánh bỏ lò tới cho ông.

“Việc cắn lưỡi trong Chũd chỉ là một nghi thức trước khi chạm trán kẻ thù”, ông nói. “Có rất nhiều nghi thức. Người Maori nhảy múa và hét lên lấy tinh thần khi đứng trước đối thủ. Những phi công kamikaze nâng ly với nhau và với cả những bức hình chụp các mục tiêu của họ, uống thứ rượu mà họ tin là sakê ma thuật. Ở Ai Cập cổ đại, những người tham chiến cụng trán nhau trước khi lấy ra dao, giáo và cung tên. Những võ sĩ sumo thì vỗ lên vai đối phương. Tất cả những điều này đều ám chỉ một điều: *Ta sẽ chạm trán người trong trận chiến, và một trong hai chúng ta sẽ khuất phục kẻ còn lại.* Nói cách khác, Jamie, đừng bận tâm tới việc thè lưỡi của cháu ra. Chỉ cần tóm lấy con quý và dùng hết sức bình sinh giữ chặt nó.”

Thay vì tê cứng người hay co rúm lại, tôi lao về phía trước, không suy nghĩ gì, dang rộng hai tay, như thể tôi sắp ôm vào lòng một người bạn lâu ngày không gặp. Tôi hét lên, nhưng có lẽ điều đó chỉ diễn ra trong tâm trí, bởi không có cư dân nào ở tầng trệt ngó ra xem náo loạn. Điệu cười nhe nhớn của Therriault - cái thứ luôn luôn làm lộ ra cục máu kẹt giữa răng và má của hắn - biến mất, và tôi nhìn thấy một điều tuyệt vời đến đáng

ngạc nhiên: hắn ta sợ tôi. Hắn lui lại chỗ cánh cửa dẫn ra tiền sảnh, nhưng cửa không mở được từ hướng này và hắn bị mắc kẹt. Tôi tóm lấy hắn.

Tôi không thể miêu tả được sự việc diễn ra như thế nào. Tôi cũng không nghĩ một cây viết tài ba hơn tôi có thể, nhưng dù sao thì tôi cũng sẽ cố hết sức. Còn nhớ tôi từng nói về cảm giác thế giới rung bần bật, giống như cách một dây đàn ghita rung lên không? Đó là điều đã xảy ra ở bên ngoài Therriault, khắp xung quanh hắn. Tôi có thể nhận thấy nó làm răng tôi va đập và mắt tôi chớp giật. Nhưng vẫn còn một thứ khác, ở *bên trong* Therriault. Thứ đó đang tận dụng hắn ta như một vật chứa, giữ cho hắn không đi tới nơi mà những người chết phải đi tới, khi kết nối giữa họ với thế giới của chúng ta tan rã.

Nó là một thứ rất kinh khủng, và nó đang gào thét bảo tôi buông nó ra. Hoặc là buông Therriault ra. Có lẽ cũng không có khác biệt gì. Nó đang nổi khùng lên với tôi, và sợ hãi, nhưng chủ yếu là nó ngạc nhiên. Bị tóm lấy là điều cuối cùng nó nghĩ sẽ xảy ra.

Nó vật lộn chống trả và có lẽ đã thoát được nếu Therriault không bị dính cứng vào cánh cửa, tôi chắc chắn thế. Tôi là một thằng nhóc gầy

nhặng, Therriault cao hơn tôi phải hơn chục phân và nặng hơn tôi ít nhất nửa tạ nếu hắn còn sống, nhưng mà hắn ngòm rồi. Cái thứ bên trong hắn vẫn sống, và tôi khá chắc là thứ đó đã chui vào khi tôi ép Therriault phải trả lời những câu hỏi của tôi, ở bên ngoài cửa hàng tạp hóa nhỏ.

Sự rung lắc trở nên trầm trọng hơn. Từ sàn nhà dội lên. Từ trần nhà dội xuống. Những bóng đèn trên đầu đang giật đùng đùng và tạo ra những cái bóng uốn éo. Những bức tường trông như đang trườn về một hướng, rồi lại lết ngược về hướng còn lại.

“Thả tao ra”, Therriault nói, ngay cả giọng hắn cũng rung lên. Nó giống như là âm thanh khi bạn đặt giấy nấn lên một cái lược mà thôi vậy. Hắn giơ hai tay sang hai bên, rồi khép lại và ập xuống lưng tôi. Tôi lập tức khó thở. “Buông tao ra rồi tao sẽ thả mày ra.”

“Không”, tôi nói, và giữ hắn chặt hơn. Đây rồi, tôi nghĩ. Đây là *Chiud*. *Mình đang tử chiến với một con quỷ, ở ngay sảnh của tòa nhà chung cư New York nơi mình sống.*

“Tao sẽ bóp nghẹt hết dưỡng khí của mày”, nó nói.

“Mày không thể đâu”, tôi đáp, hy vọng là mình đúng. Tôi vẫn thở được, nhưng là những đợt hít thở ngắn, gấp gáp. Tôi bắt đầu nghĩ là mình có thể *nhìn vào trong* Therriault. Đó có thể là một ảo ảnh sinh ra từ sự rung lắc, cũng như từ cảm giác rằng thế giới sắp nổ tung, như thể hành tinh này là một ly rượu vang dễ vỡ, nhưng tôi không nghĩ vậy. Tôi không nhìn vào ruột gan phèo phổi của hắn, mà tôi nhìn thấy một nguồn sáng. Nó vừa sáng lại vừa tối. Nó là một thứ gì đó nằm ngoài thế giới này. Một thứ kinh khủng.

Bọn tôi đã đứng đó tóm lấy nhau trong bao lâu? Có thể là năm giờ đồng hồ hoặc cũng có thể chỉ là chín mươi giây. Năm giờ đồng hồ là bất khả thi, bạn có thể nói thế, vì ai đó có thể xuất hiện, nhưng tôi nghĩ... tôi gần như *biết chắc*... là chúng tôi đã vượt ra ngoài thời gian. Có một điều tôi có thể chắc chắn, đó là cánh cửa thang máy không đóng lại, điều đáng lẽ phải xảy ra sau khoảng năm giây tính từ khi hành khách bước ra ngoài. Tôi có thể nhìn thấy hình phản chiếu của thang máy qua vai của Therriault, và cánh cửa vẫn mở nguyên trong suốt khoảng thời gian đó.

Cuối cùng, nó nói, “Buông tao ra và tao sẽ không bao giờ quay lại nữa.”

Đó là một đề nghị siêu hay ho, tôi cá là bạn hiểu, và tôi có lẽ đã làm theo nếu giáo sư không chuẩn bị trước cho tôi về cả điều này.

Nó sẽ cố mặc cả, ông nói. Đừng để nó làm vậy. Và sau đó, ông nói cho tôi biết phải làm gì, có lẽ ông nghĩ rằng thứ duy nhất mà tôi phải giáp mặt chỉ là tình trạng loạn thần kinh, chứng phức cảm hoặc một vấn đề tâm lý khi gió gì đó.

“Chưa đủ đâu”, tôi nói, và tiếp tục giữ chặt.

Tôi có thể nhìn sâu hơn nữa vào Therriault, và nhận ra hẳn thực sự là một bóng ma lờ mờ. Có lẽ mọi người chết đều thế, chỉ là tôi thấy họ dưới dạng rắn. Hẳn càng trở nên không thực, cái thứ nửa sáng nửa tối kia - ánh sáng chết chóc kia - càng sáng hơn. Tôi không hề biết đó là thứ gì. Tôi chỉ biết là mình đã bắt được nó, và có một câu nói cổ xưa thế này, *kẻ đã tóm được đuôi hổ lại không dám buông ra*.

Cái thứ ở bên trong Therriault còn kinh khiếp hơn mọi con hổ trên đời.

“Mày muốn gì?”, nó hỗn hển. Không còn hơi sức nữa. Tôi chắc chắn có thể cảm nhận được hơi thở của nó trên má và cổ tôi nếu như hơi thở ấy có tồn tại, nhưng mọi thứ đã yếu đi. Có lẽ là nó đã thâm thâm hơn tôi.

“Ngừng ám tao là chưa đủ.” Tôi hít sâu và nói ra điều mà giáo sư Burkett đã dặn tôi nói, nếu như tôi có thể tiến hành báo oán trong nghi thức Chüd. Và dù cho thế giới đang rung chuyển xung quanh tôi, dù cho cái thứ này đang kẹp chặt tôi đến chết, câu nói được thốt ra vẫn khiến tôi thỏa mãn. Cực kỳ thỏa mãn. Niềm thỏa mãn của *một chiến binh*.

“Giờ đây, tao sẽ ám *mày*.”

“Không!” Cái kẹp của nó chặt cứng lại.

Tôi đang siết chặt Therriault, dù cho giờ đây Therriault chỉ còn là một hình ảnh ba chiều siêu nhiên.

“Có đấy.” Giáo sư Burkett dặn tôi nói thêm một điều nữa nếu tôi có cơ hội. Sau này, tôi phát hiện ra đó là tiêu đề của một truyện ma nổi tiếng, thế nên rất hợp với tình huống. “Ồ, tao sẽ huýt gió và *mày* sẽ đến bên tao, bạn ạ⁴¹.”

“Không!” Nó lờng lên. Ánh sáng dồn dập khó chịu kia làm tôi buồn nôn, nhưng tôi vẫn trụ vững.

“Có đấy. Tao sẽ ám *mày* hết mức, tùy theo ý muốn của tao, vào bất cứ lúc nào tao thích, và nếu

⁴¹ Nhắc đến truyện *Oh, whistle, and I'll come to you, my lad* của tác giả M. R. James.

mày không đồng ý thì tao sẽ siết chặt cho tới khi mày tiêu đời.”

“Tao không thể chết! Nhưng mày thì có!”

Điều ấy hết sức đúng, nhưng vào khoảnh khắc ấy, tôi chưa bao giờ thấy mình mạnh mẽ hơn thế. Hơn nữa, trong suốt quá trình này, Therriault cứ phai mờ dần, trong khi hắc là mỏ neo của ánh sáng chết chóc kia trong thế giới của chúng ta.

Tôi không nói gì. Chỉ siết chặt. Và Therriault siết chặt tôi. Chuyện cứ tiếp diễn như thế. Tôi cảm thấy lạnh, bàn tay và bàn chân đang mất đi cảm giác, nhưng tôi vẫn giữ vững. Ý tôi là, tôi sẽ giữ thế mãi mãi nếu như buộc phải làm vậy. Tôi sợ cái thứ ở bên trong Therriault, nhưng nó bị sập bẫy rồi. Dĩ nhiên là tôi cũng đã bị sập bẫy, đó là bản chất của nghi thức. Nếu tôi buông ra, nó sẽ thắng.

Cuối cùng, nó nói, “Tao đồng ý với điều kiện của mày.”

Tôi thả lỏng gọng kìm hơn, nhưng chỉ một chút. “Mày có nói dối không?” Một câu hỏi ngu ngốc, bạn có thể nói vậy, nhưng mà lại không ngu ngốc chút nào.

“Tao không thể nói dối.” Nghe có vẻ hờn dỗi. “Mày biết mà.”

“Nói lại lần nữa đi. Nói là mày đồng ý.”

“Tao đồng ý với điều kiện của mày.”

“Mày biết là tao có thể ám mày chứ?”

“Tao biết, nhưng tao không sợ mày.”

Cũng dám nói đấy, nhưng tôi đã phát hiện ra Therriault có thể đưa ra vô số tuyên bố sai sự thật nếu như hắn - nó - muốn. Những câu tuyên bố không phải câu trả lời cho những câu hỏi. Và bất cứ kẻ nào phải *tuyên bố* rằng mình không sợ hãi thì đều là nói dối hết. Tôi không cần phải đợi đến sau này để biết được điều đó, tôi đã biết ngay từ khi mười ba tuổi.

“Mày có sợ tao không?”

Tôi lại nhìn thấy biểu cảm méo mó, co rút đó trên gương mặt của Therriault, như là hắn ta vừa phải nếm một thứ hết sức chua và khó nuốt. Đó hẳn cũng là cảm giác của thằng chó khốn khổ đấy khi phải nói ra sự thật.

“Có. Mày không giống như những kẻ khác. Mày *nhìn thấy*.”

“Có cái gì?”

“*Có, tao có sợ mày!*”

Êm tai nha!

Tôi buông hẳn ra. “Cút khỏi đây, bất kể mày là cái thứ gì, và xéo đi đâu cũng được. Chỉ cần nhớ là nếu như tao gọi mày, thì *mày phải đến.*”

Hắn xoay tí mù, cho tôi nhìn vào cái lỗ toang hoác phía bên trái đầu hẳn lần cuối cùng. Hẳn tóm lấy tay nắm cửa. Tay hẳn vừa xuyên qua tay nắm, vừa *không* xuyên qua tay nắm. Trong cùng một lúc. Tôi biết là nghe thật điên, thật mâu thuẫn, nhưng chuyện là vậy. Tôi đã nhìn thấy. Tay nắm bị xoay và cánh cửa mở ra. Cùng lúc ấy, bóng đèn trên trần bị nổ và những mảnh thủy tinh rơi xuống leng keng. Có khoảng hơn một chục hòm thư ở chỗ tiền sảnh, và một nửa số đó bị bật tung ra. Therriault quẳng lại phía tôi ánh nhìn thù hận sau cuối qua cái vai be bét máu, và rồi hẳn biến mất, để cửa chính mở toang. Tôi nhìn thấy hẳn đi xuống mấy bậc thang, chúi đầu lao đi thì đúng hơn là chạy đi. Có một anh chàng đạp xe lướt nhanh qua, có lẽ là một người đưa thư. Anh này mất thăng bằng, ngã lăn ra phố và chửi thề.

Tôi biết người chết có thể tác động đến người sống, đó không phải chuyện gì gây ngạc nhiên. Tôi đã nhìn thấy rồi, nhưng những tác động ấy vẫn luôn chỉ là những điều *vật vãn*. Giáo sư Burkett cảm nhận được cái hôn của vợ. Liz cảm

thấy Regis Thomas thổi vào mặt mình. Nhưng những gì tôi vừa chứng kiến - bóng đèn nổ, tay nắm cửa rung lắc và bị xoay mở, người đưa thư bị ngã khỏi xe đạp - thì thuộc về một cấp độ hoàn toàn khác.

Thứ mà tôi gọi là ánh sáng chết chóc suýt nữa đã mất đi vật chủ của mình trong lúc tôi giữ chặt gọng kìm, nhưng khi tôi buông ra, nó không chỉ chiếm lại Therriault, nó còn trở nên mạnh hơn. Sức mạnh ấy hẳn là đến từ tôi, nhưng tôi không hề thấy mình yếu đi chút nào (không như Lucy Westenra tội nghiệp, khi bá tước Dracula coi cô ấy như bữa trưa của riêng mình). Thực tế là, tôi thấy mình khỏe khoắn hơn bao giờ hết, sáng khoái và đầy sinh lực.

Nó mạnh hơn, thế thì sao? Tôi đã trở thành chủ nhân của nó, biến nó thành thẳng hầu của mình.

Kể từ cái ngày hôm đó, khi Liz đến đón tôi ở trường và kéo tôi săn lùng Therriault, đây là lần đầu tiên tôi thấy mình vui đời trở lại. Giống như một người mắc bệnh nặng rốt cuộc cũng dần hồi phục.

Tôi trở về nhà lúc hai giờ mười lăm phút, hơi muộn một chút nhưng chưa muộn đến nỗi con-đã-đi-đâu-mẹ-lo-quá. Tôi bị xước một vết dài trên tay và quần thì bị rách ở đầu gối, khi một anh cấp ba va vào và khiến tôi bị ngã ra trò, nhưng tôi vẫn thấy cực kỳ khỏe. Valeria không đến, nhưng hai người bạn gái của nàng thì có. Một cô bạn kể rằng Valeria mẩn tôi và cô bạn còn lại thì khuyên tôi nên nói chuyện với nàng, có lẽ nên ngồi ăn trưa với nàng nữa.

Chúa ơi, những tiềm năng!

Tôi bước vào tòa nhà và thấy ai đó - có lẽ là ông Provenza, người quản lý - đã đóng lại những hòm thư từng bị mở tung ra khi Therriault biến

đi. Hoặc, để nói chính xác hơn, khi nó ù té chạy. Ông Provenza cũng đã dọn dẹp hết những mảnh thủy tinh vỡ, và dán một tờ giấy lên trên thang máy, ghi là TAM THỜI BỊ HỎNG. Điều đó khiến tôi nhớ đến cái ngày mẹ và tôi đi từ trường về, tôi giữ chặt gà tây màu xanh, và phát hiện ra cái thang máy ở Cung điện Đại lộ Park bị hỏng. "*Tiên sư cái thang máy*", mẹ đã nói thế. Rồi, "*Nhóc, coi như không nghe thấy gì nhé.*"

Những ngày xưa cũ.

Tôi đi cầu thang bộ, bước vào nhà và thấy mẹ đã kéo chiếc ghế chuyên dụng để làm việc của mình ra cửa sổ ở phòng khách, và mẹ ngồi đó, vừa đọc sách vừa uống cà phê. "Mẹ đang định gọi con", mẹ nói, rồi hướng mắt nhìn xuống, "Ôi trời ơi, cái đó là quần mới mua đấy!"

"Con xin lỗi", tôi nói. "Chắc là phải nhờ mẹ vá lại."

"Mẹ đây có rất nhiều tài, nhưng trong đó không có khâu vá. Mẹ sẽ mang quần tới cho bà Abelson ở tiệm giặt là Dandy. Trưa nay con ăn gì?"

"Burger ạ. Kẹp cả xà lách và cà chua."

"Thật không đấy?"

“Con đâu thể nói dối”, tôi nói, và đương nhiên là câu này khiến tôi nghĩ tới Therriault, nên tôi khẽ rùng mình.

“Đưa tay đây mẹ xem nào. Đến gần một tí, để mẹ nhìn cho rõ.” Tôi bước tới, chìa ra dấu vết chinh chiến. “Không cần dán băng, mẹ nghĩ thế, nhưng con cần phải bôi một chút Neosporin lên.”

“Con xem ESPN sau khi bôi thuốc được chứ?”

“Được thôi, nếu như nhà có điện. Con nghĩ vì sao mà mẹ lại phải ra cửa sổ ngồi chứ không làm việc ở bàn hả?”

“Ồ vậy ạ, hỏi sao thang máy lại không dùng được.”

“Năng lực suy luận của con khiến mẹ ngỡ ngàng, Holmes ạ.” Đây là một trong những câu đùa văn chương của mẹ tôi. Mẹ có hàng chục câu thể này. Có thể là hàng trăm câu. “Chỉ có tòa nhà của mình là bị. Ông Provenza nói một thứ gì đó đã làm nổ hết cầu dao. Kiểu như bị quá tải điện. Ông bảo là chưa từng gặp phải vụ này bao giờ. Ông sẽ cố sửa cho xong trước tối nay, nhưng mẹ nghĩ là chúng ta sẽ phải lôi nển và đèn pin ra dùng khi trời tối.

Therriault, tôi nghĩ, nhưng dĩ nhiên là không phải thế. Chuyện này là do cái ánh sáng chết chóc

hiện đang sống trong Therriault. Nó làm vỡ đèn, làm bật mở những hòm thư, và chiêm giòn luôn những cái cầu dao khi rời đi.

Tôi vào phòng tắm để lấy Neosporin. Khá là tối, thế nên tôi bật công tắc đèn. Thói quen khó bỏ, phải không nào? Tôi ngồi lên xô pha để bôi cái chất nhờn dính kháng sinh lên vết xước của mình, nhìn vào màn hình ti vi lạng tờ và tự hỏi một tòa chung cư cỡ này thì có bao nhiêu cái cầu dao, và phải cần nguồn điện lớn thế nào để “nướng chín” tất cả.

Tôi có thể huýt gió một cái để gọi thứ đó tới. Nếu tôi làm vậy thật, liệu nó có đến đây với anh bạn Jamie Conklin không? Thật là một quyền năng lớn đối với một đứa trẻ phải ba năm nữa mới có thể sở hữu bằng lái xe.

“Mẹ này?”

“Sao thế?”

“Mẹ có nghĩ con đã đủ lớn để có bạn gái chưa?”

“Chưa đâu, con yêu.” Mẹ đáp, không ngược lên khỏi tập bản thảo.

“Khi nào con mới đủ lớn?”

“Hai mươi lăm tuổi, thế có được không?”

Mẹ bắt đầu cười và tôi cùng cười với mẹ. Tôi nghĩ, có lẽ khi tôi hai mươi lăm tuổi hoặc tầm tầm đó, tôi sẽ triệu hồi Therriault và bắt hắn mang tới cho tôi một cốc nước. Nhưng nghĩ kỹ thì, mọi thứ mà nó mang tới đều có thể là thuốc độc. Có lẽ, để cho vui thôi, tôi sẽ bắt nó dùng cái đầu Therriault để trồng cây chuối, xoạc chân, hoặc là bước đi trên trần nhà. Hoặc là tôi có thể thả nó đi. Bảo nó là “xéo đi xéo đi, người anh em”. Dĩ nhiên là tôi không cần phải đợi tới khi mình hai mươi lăm tuổi, tôi có thể làm vậy bất kỳ lúc nào. Chỉ là tôi không muốn. Cứ để nó làm tù nhân của tôi một thời gian. Thứ ánh sáng khủng khiếp, gớm ghiếc ấy sẽ bị tiêu biến, chỉ còn to hơn con đom đóm bị nhốt trong lọ một xíu. Để xem nó tận hưởng cảm giác ấy thế nào.

Đến mười giờ thì có điện lại, và thế giới vẫn cứ là ổn thỏa.

45

Vào Chủ nhật, mẹ gọi ý là hai mẹ con có thể tới thăm giáo sư Burkett để xem đạo này ông thế nào, tiện thể lấy lại cái khay bánh. “Ngoài ra, chúng ta có thể mang cho ông vài chiếc bánh sừng bò của tiệm Haber.”

Tôi bảo mẹ là ý tưởng nghe hay đấy ạ, thế nên mẹ gọi điện cho ông và ông liền nói là ông rất mong được gặp hai mẹ con. Chúng tôi liền tới tiệm bánh và vẫy taxi. Mẹ tôi khước từ việc sử dụng Uber. Mẹ bảo là nó không có New York. *Taxi* mới là New York.

Tôi đoán là khả năng hồi phục kỳ diệu vẫn hiện hữu dù cho bạn già đi, vì giáo sư Burkett chỉ còn phải dùng một cây gậy và đã di chuyển khá

ồn. Khó lòng tham gia cuộc thi chạy marathon của thành phố New York được nữa (đấy là nếu như ông từng tham gia), nhưng ông đã ôm mẹ một cái ở cửa ra vào và tôi không phải sợ ông sẽ cầm mặt xuống đất khi ông bắt tay tôi. Ông tặng tôi một cái nhìn sắc bén, tôi đáp lễ ông một cái gật đầu nhẹ nhẹ, và ông mỉm cười. Chúng tôi đều hiểu đối phương.

Mẹ xông xáo qua lại, bày biện bánh sừng bò, bơ và những lọ mứt tí hon ăn kèm. Chúng tôi ăn bánh trong phòng bếp, với những tia nắng giữa buổi sáng xiên chéo. Một bữa nhẹ ngon lành. Khi chúng tôi ăn xong, mẹ tôi chuyển phần còn lại của món bánh bỏ lò (cái bánh gần như còn nguyên, tôi đoán là người già không ăn nhiều lắm) vào một cái hộp Tupperware và rửa sạch cái khay đựng ban đầu. Mẹ để nó ráo nước và xin phép mượn phòng vệ sinh.

Ngay khi mẹ rời đi, giáo sư Burkett vươn người qua cái bàn. “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Hắn ta đứng gần tiền sảnh khi cháu ra khỏi thang máy vào hôm qua. Cháu không nghĩ gì, cứ thế lao tới trước và tóm lấy hắn.”

“Hắn ở đó ư? Tay Therriault đó? Cháu nhìn thấy hắn? *Cảm nhận* được hắn?” Vẫn chưa hoàn

toàn bị thuyết phục và vẫn nghĩ mọi thứ là do tôi tưởng tượng ra, bạn biết đấy. Tôi có thể đọc được điều đó trên mặt ông, và nói thật thì, ai mà trách ông được kia chứ?

“Vâng. Nhưng không còn là Therriault, không phải như thế nữa. Cái thứ bên trong, đó là một ánh sáng, nó cố thoát đi nhưng cháu đã tóm lại. Nó đáng sợ lắm, nhưng cháu biết mình sẽ gặp nguy nếu buông ra. Cuối cùng, khi nó thấy Therriault tan biến dần, nó—”

“Tan biến dần? Ý cháu là sao?”

Có tiếng xả bồn cầu. Mẹ sẽ không quay lại chùng nào chưa rửa tay sạch sẽ, nhưng sẽ không lâu nữa.

“Cháu nói với nó điều ông đã dặn cháu, giáo sư ạ. Đó là nếu cháu huyết gió, nó phải chạy đến chỗ cháu. Đến lượt cháu ám nó. Nó đồng ý. Cháu ép nó phải nói rõ ra, và nó đã nói.”

Mẹ tôi quay lại trước khi ông ấy kịp hỏi thêm bất kỳ điều gì, nhưng tôi có thể thấy là trông ông rất bối rối và vẫn nghĩ rằng toàn bộ cuộc đối đầu chỉ là những điều diễn ra trong óc tưởng tượng của tôi. Tôi hiểu mà, nhưng tôi cũng khá bực - ý tôi là, ông đã biết bao chuyện, chi tiết về mấy cái

nhẫn và cả cuốn sách của ông Thomas - nhưng khi nghĩ lại, tôi cũng hiểu phần nào. Quan điểm là một chướng ngại lớn khó lòng vượt qua, và tôi nghĩ chướng ngại ấy còn trở nên lớn hơn đối với những người thông minh. Những người thông minh biết rất nhiều chuyện, và có lẽ điều đó khiến họ nghĩ rằng họ biết tất cả mọi thứ trên đời.

“Chúng ta phải đi thôi, Jamie”, mẹ nói. “Mẹ còn phải xử lý cho xong bản thảo.”

“Mẹ lúc nào cũng có một bản thảo nào đó phải xử lý”, tôi nói, thế là mẹ bật cười vì điều ấy đúng quá. Có những chồng bản thảo cần phải đọc được mẹ để ở công ty lẫn phòng làm việc ở nhà, và cả hai chồng bản thảo ấy lúc nào cũng cao ngất. “Trước khi chúng ta về, để mẹ kể cho giáo sư về chuyện ở chung cư ngày hôm qua.”

Mẹ quay sang giáo sư Burkett. “Chuyện lạ lắm, Marty. Mọi cầu dao ở tòa nhà đều bị nổ. Cùng một lúc! Ông Provenza - ông này là quản lý tòa nhà - nói rằng hẳn đã xảy ra tình trạng quá tải điện. Ông ta nói là chưa bao giờ chứng kiến sự cố nào như vậy.”

Giáo sư trông có vẻ hoảng hốt. “Chỉ tòa nhà của hai mẹ con thôi à?”

“Chỉ tòa đó thôi”, mẹ xác nhận. “Đi nào, Jamie. Rời khỏi đây và để Marty nghỉ ngơi nào.”

Quá trình đi ra gần như lặp lại y hệt quá trình đi vào. Giáo sư Burkett tặng tôi một cái nhìn sắc bén và tôi đáp lễ bằng một cái gật đầu nhè nhẹ.

Chúng tôi đều thấu hiểu đối phương.

46

Đêm ấy, tôi nhận được một email của ông, gửi đi từ iPad. Ông là người duy nhất tôi quen mà mở đầu thư bằng một lời chào và viết rõ ra từng chữ, chứ không viết theo kiểu *Khỏe ko* và *cười chết cmnl* hay *theo qđiểm của tôi*.

Jamie thân mến,

Sau khi mẹ con cháu rời đi lúc sáng nay, ông đã tra cứu một chút về quá trình tìm ra quả bom ở siêu thị Eastport - một việc mà đáng ra ông phải làm sớm hơn. Ông đã tìm thấy những chi tiết thú vị. Elizabeth Dutton không được nhắc tới nhiều trong bản tin nào hết. Hầu hết công trạng đều thuộc về đội xử lý bom (nhất là những chú chó, bởi người ta

khoái chó; ông tin rằng có khi ngài thị trưởng phải trao huy chương cho con chó). Cô ta chỉ được nhắc tới như sau, "một thám tử đã nhận được đầu mối từ một nguồn tin cũ." Ông thấy thật lạ khi cô ta không tham gia vào buổi họp báo diễn ra sau khi cảnh sát vô hiệu thành công quả bom, và cô ấy cũng không nhận được lời khen chính thức nào cả. Dù vậy, cô ta vẫn xoay xở để giữ lại được công việc của mình. Đó có lẽ là tất cả phần thưởng cô ta muốn rồi, và mọi cấp trên của cô đều thấy điều đó là xứng đáng.

Theo những gì ông tìm hiểu được về chuyện này, cộng với vụ mất điện kỳ lạ ở chung cư của cháu vào lúc cháu đôi đầu với Therriault, cộng với những chi tiết khác mà cháu đã khiến ông phải nhận ra, ông thấy mình không thể không tin những điều cháu đã kể.

Ông phải bổ sung một lời cảnh báo. Ông không quan tâm tới vẻ tự tin trên gương mặt cháu, khi cháu nói rằng đã đến lượt cháu ám nó, hay cháu có thể huýt gió và nó sẽ đến. Có lẽ nó sẽ làm vậy, NHƯNG ÔNG NHẤN MẠNH CHÁU ĐỪNG LÀM VẬY. Những người đi trên dây thỉnh thoảng vẫn ngã. Những người điều khiển sư tử vẫn có thể bị vồ bởi những con mèo mà họ tin rằng đã hoàn toàn bị thuần phục. Trong những hoàn cảnh nhất định, ngay cả con chó ngoan nhất trên đời vẫn có thể phản nghịch và cắn chủ nhân của mình.

Lời khuyên mà ông dành cho cháu, Jamie ạ, là hãy để mặc cái thứ này đi.

Lời chúc tốt lành nhất từ bạn của cháu,

Giáo sư Martin Burkett (Marty)

Tái bút: Ông tò mò muốn biết mọi chi tiết cụ thể trong trải nghiệm khác thường của cháu. Nếu cháu có thể tới gặp ông, ông sẽ lắng nghe chăm chú. Ông cho là cháu vẫn không muốn mẹ cháu phải bận tâm tới câu chuyện này, vì có vẻ là mọi sự đã đạt đến một cái kết thắng lợi.

Tôi viết thư trả lời ngay lập tức. Phản hồi của tôi ngắn hơn nhiều, nhưng tôi đảm bảo là mình đã soạn thư theo đúng cung cách của ông, chuẩn chỉnh như một lá thư gửi qua đường bưu điện.

Kính gửi giáo sư Burkett,

Cháu rất vui nếu có thể gặp ông, nhưng cháu không thể tới trước thứ Tư vì cháu phải tham quan Bảo tàng Mỹ thuật Trung tâm vào thứ Hai và thi đấu bóng chuyền nội bộ, nam đấu với nữ, vào thứ Ba. Nếu ông thấy ổn với ngày thứ Tư, cháu sẽ tới sau khi tan học, khoảng ba giờ ba mươi phút, nhưng cháu chỉ có thể đến trong khoảng một tiếng thôi. Cháu sẽ báo với mẹ là cháu muốn tới thăm ông, đúng sự thực mà.

Bạn của ông,

James Conklin

Giáo sư Burkett hẳn đã đặt iPad ở trong lòng (tôi có thể hình dung ra ông ngồi trong phòng khách, cùng với những bức ảnh cũ được đóng khung), vì ông trả lời ngay tức thì.

Thân gửi Jamie,

Thứ Tư là được. Ông sẽ đợi cháu lúc ba giờ ba mươi phút và sẽ chuẩn bị bánh quy nho khô. Cháu thích uống trà hay nước ngọt cùng với bánh?

Thân,

Marty Burkett

Tôi không còn cố phản hồi sao cho giống một lá thư truyền thống nữa, chỉ gõ *Cháu không phiền nếu được uống một tách cà phê đầu ạ*. Sau khi nghĩ thêm, tôi bổ sung, *Mẹ cho cháu uống*. Cũng không hẳn là nói dối, và ông ấy thật sự đã gửi lại cho tôi một cái emoji: một ngón tay cái. Tôi thấy ổng khá là cập nhật nha.

Tôi lại một lần nữa nói chuyện với giáo sư Burkett, thật vậy, nhưng không có đồ uống nào và cũng không có món ăn vặt nào cả. Ông không còn dùng mấy thứ ấy nữa, vì ông chết mất rồi.

47

Vào sáng thứ Ba, tôi nhận được một email khác từ ông. Mẹ tôi cũng nhận được email tương tự, và nhiều người khác cũng vậy.

Thân gửi bạn bè và những người tôi quen biết,

Tôi vừa nhận vài tin xấu. David Robertson - người bạn cũ, đồng nghiệp và nguyên trưởng khoa - vừa bị đột quỵ tại nhà hưu trí ở Siesta Key, Florida vào tối hôm qua, và hiện đang nằm ở bệnh viện Sarasota. Bác sĩ dự đoán ông sẽ không qua khỏi, thậm chí không hồi phục được ý thức, nhưng tôi đã quen biết Dave và người vợ Marie đáng mến của ông hơn bốn mươi năm, nên tôi buộc phải đi một chuyến, để động viên vợ ông và tham dự lễ tang, nếu điều đó xảy ra. Tôi sẽ sắp xếp lại các lịch hẹn sau khi trở về.

Tôi sẽ ở tại khách sạn Boutique của Bentley (tên ấn tượng quá!) ở Osprey trong thời gian này, và các bạn có thể đến đây tìm tôi, nhưng cách tốt nhất để giữ liên lạc với tôi vẫn là dùng email. Như hầu hết các bạn đã biết, tôi không mang bên mình điện thoại cá nhân. Tôi xin lỗi nếu có bất kỳ bất tiện nào.

Trân trọng,

Giáo sư (Danh dự) Martin F. Burkett

“Ông ấy truyền thống ghê”, tôi nói với mẹ trong khi chúng tôi ăn sáng: mẹ ăn bưởi và sữa chua, còn tôi ăn Cheerios.

Mẹ gật đầu. “Đúng vậy, và giờ chẳng còn mấy ai được như ông. Vội vã đến bên giường bệnh của một người bạn hấp hối...” Mẹ lắc đầu. “Thật đặc biệt. Đáng ngưỡng mộ. Và cả cái email đó nữa chứ!”

“Giáo sư Burkett không viết email”, tôi nói. “Ông viết những lá thư.”

“Đúng, nhưng ý mẹ không phải vậy. Thật sự đấy, con nghĩ một người ở tuổi ông ấy thì có bao nhiêu vị khách phải xếp lịch gặp hả?”

Ờ thì, có một người đấy, tôi nghĩ, nhưng không nói ra.

48

Tôi không biết người bạn cũ của giáo sư có qua đời không. Tôi chỉ biết giáo sư đã qua đời. Ông lên cơn đau tim trong lúc ở trên máy bay và chết trên ghế ngồi khi máy bay hạ cánh. Ông cũng có một người bạn cũ là luật sư - ông này là một trong những người đã nhận được email cuối cùng của giáo sư - và ông ta được gọi điện báo tin. Ông ấy đảm nhận nhiệm vụ chuyển thi thể về, nhưng mẹ tôi mới là người đứng ra lo liệu sau đó. Mẹ tạm dừng việc ở công ty để lo liệu đám tang. Tôi tự hào vì mẹ đã làm vậy. Mẹ khóc và buồn lắm, vì mẹ đã mất đi một người bạn. Tôi cũng buồn, vì tôi đã kết bạn với người bạn của mẹ. Khi Liz rời đi, ông là người bạn lớn tuổi duy nhất tôi có.

Dám tang diễn ra ở nhà thờ trường lão tại Đại lộ Park, cũng là nơi đã tổ chức lễ tang của Mona Burkett cách đây bảy năm. Mẹ tôi nổi giận vì cô con gái - cái người sống ở bờ Tây - không hề đến. Sau này, chỉ vì tò mò thôi, tôi mở lại email cuối cùng của giáo sư Burkett và nhận ra cô ấy không phải một trong những người nhận thư. Ba người phụ nữ duy nhất được gửi thư là mẹ tôi, bà Richards (một bà lão khá thân với ông, sống ở tầng bốn Cung điện Đại lộ Park) và Dolores Magowan, người phụ nữ đã bị bà Burkett hiểu nhầm, bà đoán rằng ông chồng góa vợ của mình sẽ sớm mời bà này đi ăn trưa.

Tôi để ý tìm giáo sư ở nhà thờ, nghĩ rằng nếu vợ ông đã dự lễ tang của bà, thì ông ấy có lẽ cũng sẽ tham gia. Ông không ở đây, nhưng lần này, chúng tôi còn dự lễ đến tận lúc ra nghĩa trang, và tôi thấy ông ngồi trên một bia mộ cách nhóm người tiễn biệt khoảng sáu tới mười mét, nhưng đủ gần để lắng nghe. Trong lúc người ta nói lời cầu nguyện, tôi giơ tay lên và kín đáo vẫy vẫy ông. Chỉ là xoay nhẹ mấy ngón tay thôi, nhưng ông đã nhìn thấy, và mỉm cười, rồi vẫy lại. Ông là một người chết bình thường, không phải một con quái vật như Kenneth Therriault, và tôi bắt đầu khóc.

Mẹ quàng một tay qua tôi.

49

Hôm đó là thứ Hai, nên tôi không thể tới Bảo tàng Mỹ thuật Trung tâm với lớp mình. Tôi nghỉ học để dự tang lễ, và khi chúng tôi về nhà, tôi bảo với mẹ là tôi muốn ra ngoài tản bộ. Tôi muốn suy nghĩ.

“Được thôi... nếu con ổn. Con có *ổn không*, Jamie?”

“Ổn ạ”, tôi nói, nở một nụ cười để chứng minh.

“Về nhà trước năm giờ nhé, để mẹ khỏi sốt ruột.”

“Vâng ạ.”

Phải đến khi tôi ra tới cửa thì mẹ mới hỏi tôi cái câu mà tôi đã chờ suốt. “Ông ấy có ở đó không?”

Tôi đã định nói dối, nghĩ rằng làm thế sẽ giúp mẹ bớt suy nghĩ, nhưng cũng có thể nói thật sẽ

khiến mẹ vui hơn chẳng. “Có ạ. Không ở nhà thờ, nhưng ông ấy đã đến nghĩa trang.”

“Thế... thế ông ấy trông ra sao?”

Tôi bảo mẹ là ông ấy ổn, sự thật đúng là thế. Họ luôn mặc bộ đồ khi họ qua đời, và trong trường hợp của giáo sư Burkett, ông mặc một bộ com lê màu nâu hơi rộng so với ông nhưng trông vẫn rất ổn áp, theo ý kiến của cá nhân tôi. Tôi thích cái cách ông mặc com lê khi ngồi trên máy bay, lại một ví dụ nữa của phong cách truyền thống. Và ông ấy không cầm gậy, có lẽ vì ông không cầm nó khi chết, hoặc vì ông đã đánh rơi nó khi cơn đau tim phát tác.

“Jamie? Bà mẹ già này có thể ôm con một cái trước khi con ra ngoài tản bộ không?”

Tôi ôm mẹ thật là lâu.

50

Tôi đi bộ tới Cung điện Đại lộ Park, đã lớn hơn và cao hơn nhiều so với hồi còn là một cậu bé con đi tới trường vào một ngày thu nọ, tay này cầm tay mẹ, còn tay kia là gà tây màu xanh. Lớn hơn, cao hơn, và có lẽ là thông minh hơn, nhưng vẫn là cùng một người. Chúng ta thay đổi, nhưng vẫn là chúng ta. Tôi không giải thích được. Đó là một bí ẩn.

Tôi không thể đi vào bên trong tòa chung cư, tôi không có chìa khóa, nhưng tôi cũng không cần phải có, vì giáo sư Burkett đang ngồi trên những bậc thang, trong bộ com lê đi đường màu nâu của mình. Tôi ngồi xuống cạnh ông. Một bà lão dắt một chú chó nhỏ xù lông đi qua. Con chó nhìn về phía giáo sư. Bà lão thì không.

"Xin chào, giáo sư."

"Xin chào, Jamie."

Đã năm ngày kể từ khi ông qua đời trên máy bay, và giọng nói của ông đang dần phai nhạt theo lẽ nó phải vậy. Như là ông đang đứng từ xa nói chuyện với tôi, cứ xa dần xa dần. Và dù cho ông vẫn toát ra sự tử tế vốn có, thì trông ông như thế, tôi không biết nữa, mất kết nối. Hầu như bọn họ đều vậy. Ngay cả bà Burkett cũng thế, dù bà nói nhiều hơn những người chết bình thường (một số người còn chẳng nói gì, trừ khi bạn đặt ra cho họ một câu hỏi). Bởi vì họ đang quan sát cuộc diễu hành, chứ không tham gia cuộc diễu hành? So sánh này có vẻ ổn, nhưng cũng không đúng lắm. Như thế là họ còn có những việc khác quan trọng hơn cần suy nghĩ, và lần đầu tiên, tôi nhận ra là giọng nói của chính tôi cũng đang trở nên phai nhạt, đối với ông. Hẳn rằng toàn bộ thế giới đang phai mờ dần.

"Ông ổn chứ ạ?"

"Ừ."

"Có đau không ạ? Con đau tim ấy?"

"Có, nhưng nó qua nhanh." Ông nhìn ra ngoài phố, không nhìn tôi. Như thể lưu giữ khung cảnh.

“Ông có cần cháu làm gì không?”

“Chỉ một việc thôi. Đừng bao giờ gọi Therriault. Bởi Therriault đã biến mất rồi. Điều sẽ xuất hiện là cái thứ đã chiếm lấy hắn. Trong văn học, ông cho rằng một thực thể như vậy được gọi là một kẻ chiếm xác.”

“Cháu sẽ không gọi đâu, cháu hứa. Giáo sư này, tại sao nó lại chiếm xác hắn ta nhỉ? Vì Therriault vốn là một kẻ ác ư? Có phải vì thế không?”

“Ông không biết, nhưng nhiều khả năng là vậy.”

“Ông có còn muốn biết điều gì đã xảy ra khi cháu tóm lấy hắn không?”, tôi nghĩ tới email của ông. “Các chi tiết cụ thể?”

“Không.” Câu trả lời làm tôi thất vọng, nhưng không khiến tôi ngạc nhiên. Những người chết không còn hứng thú với cuộc đời của người sống. “Chỉ cần nhớ những điều ông đã bảo cháu.”

“Cháu sẽ nhớ mà, đừng lo.”

Một thoáng cái giận lộ ra trong giọng nói của ông. “Ông không chắc đâu. Cháu vô cùng dũng cảm, nhưng cháu cũng vô cùng may mắn. Cháu không hiểu, vì cháu vẫn chỉ mới là một đứa trẻ, nhưng hãy nhớ lời ông. Cái thứ ấy đến từ bên

ngoài vũ trụ. Ngoài đó diễn ra những chuyện kinh hoàng mà không con người nào có thể ý thức được. Nếu đôi chác gì với nó, cháu có nguy cơ bị chết, phát điên, hoặc chính linh hồn cháu sẽ bị phá hủy.”

Tôi chưa từng nghe thấy ai dùng từ đôi chác - tôi đoán đó lại là một từ xưa cũ của giáo sư, như là gọi tử lạnh thành hộp lạnh, nhưng tôi cũng hiểu đại khái ý ông. Và nếu ông có ý định dọa tôi, thì ông đã thành công rồi đấy. Linh hồn bị phá hủy ư? Ôi Chúa tôi!

“Cháu không làm vậy đâu”, tôi nói. “Thật sự là sẽ không làm đâu.”

Ông không trả lời. Chỉ nhìn ra ngoài phố, đặt hai bàn tay lên đầu gối.

“Cháu sẽ nhớ ông, giáo sư ạ.”

“Được rồi.” Giọng ông cứ mờ đi mãi. Sớm thôi, tôi sẽ không thể nghe ông nói gì nữa, tôi sẽ chỉ có thể nhìn thấy môi ông chuyển động.

“Cháu có thể hỏi ông một câu được không?” Câu hỏi ngốc nghếch. Khi bạn hỏi, họ phải trả lời, dù rằng không phải lúc nào bạn cũng thích những gì mình nghe được.

“Được.”

Tôi nói cho ông câu hỏi của mình.

51

Khi tôi về nhà, mẹ đã chế biến cá hồi theo cách yêu thích của chúng tôi, bọc cá trong giấy ăn ẩm rồi hấp trong lò vi sóng. Bạn có thể nghĩ là nấu đơn giản vậy thì sao mà ngon được, nhưng sự thực là thế đấy.

“Vừa đúng lúc”, mẹ nói. “Có một túi salad Caesar. Con bày ra cho mẹ được không?”

“Được ạ.” Tôi lấy salad ra khỏi tủ lạnh - cái hộp lạnh - và mở túi.

“Đừng quên rửa sạch. Trên túi ghi là rau được rửa rồi, nhưng mẹ không bao giờ tin. Dùng cái rổ inox ấy.”

Tôi lấy rổ, cho xà lách vào và mở vòi nước. “Con đến tòa chung cư cũ của mình”, tôi kể. Tôi không nhìn mẹ mà tập trung vào nhiệm vụ.

“Mẹ cũng nghĩ là con sẽ đến đấy. Ông ấy có ở đó không?”

“Có ạ. Con hỏi ông vì sao con gái ông không bao giờ tới thăm ông, và thậm chí không tới dự đám tang.” Tôi đóng vòi nước. “Cô ấy đang sống ở viện tâm thần, mẹ ạ. Ông ấy nói cô ta sẽ phải ở đó suốt đời. Cô ta đã giết con mình, rồi còn cố tự sát.”

Mẹ tôi đang chuẩn bị cho cá hồi vào lò vi sóng, nhưng rồi mẹ lại đặt cá lên quầy bếp và ngồi sụp xuống ghế. “Ôi trời. Mona kể với mẹ là cô ấy làm trợ lý ở một phòng thí nghiệm sinh học, tại Caltech. Bà ấy *tự hào lắm*.”

“Giáo sư Burkett nói cô ấy bị mắc bệnh cata gì đó.”

“Catatonia⁴².”

“Vâng. Là nó.”

Mẹ tôi nhìn xuống cái món chuẩn bị là bữa tối của bọn tôi, phần thịt màu hồng của cá hồi ẩn hiện bên dưới lớp giấy phủ trên nó. Mẹ có vẻ đang chìm trong suy nghĩ. Sau đó, đường dọc giữa hai lông mày của mẹ giãn ra.

⁴² Catatonia, còn gọi là hội chứng căng trương lực, là một rối loạn tâm thần và ảnh hưởng đến khả năng vận động bình thường của một người. Một số người bị mắc catatonia có thể có hành vi bạo lực.

“Giờ thì chúng ta đã biết một điều mà có lẽ ta không nên biết. Chuyện đã qua và không thể làm lại được. Ai cũng có bí mật cả, Jamie ạ. Qua thời gian, con sẽ tự mình nhận ra điều đó.”

Nhờ có Liz và Kenneth Therriault, tôi vốn đã nhận ra điều này rồi, và tôi cũng đã tìm ra bí mật của mẹ nữa.

Đó là chuyện về sau này.

52

Kenneth Therriault biến mất khỏi các bản tin, bị thay thế bởi những con quái vật khác. Và vì hắn không còn ám tôi nữa, hắn cũng không còn thường trực trong tâm trí tôi. Khi mùa thu vắt sang mùa đông, tôi vẫn còn giữ thói quen lùi xa khỏi thang máy một chút lúc cửa mở ra, nhưng đến khi tôi bước sang tuổi mười bốn, cái thói ấy đã không còn nữa.

Tôi vẫn thỉnh thoảng nhìn thấy người chết (và có lẽ còn một số người mà tôi đã bỏ sót, vì họ trông giống y như người thường, trừ khi họ chết vì bị tai nạn, hoặc là bạn phải tiến tới sát họ thì mới nhận ra). Tôi sẽ kể cho bạn về một người này, dù người ấy không hề liên quan tới câu chuyện chính của tôi ở đây. Người này là một cậu bé,

không lớn hơn thằng nhóc tôi đây vào cái ngày tôi gặp bà Burkett. Cậu ta đứng trên vạch phân cách chạy giữa Đại lộ Park, mặc quần đùi đỏ và một cái áo phông hình Chiến tranh giữa các Vì sao. Cậu nhóc tái nhợt. Môi xanh lét. Và tôi nghĩ là cậu chàng đang cố khóc nức lên, dù không có giọt nước mắt nào cả. Vì cậu bé trông quen quen nên tôi bước qua mấy tòa nhà thương mại của Đại lộ Park, tới hỏi xem cậu ta gặp phải chuyện gì. Bạn biết đấy, ngoài chuyện bị chết ra.

“Em không biết đường về nhà!”

“Em có biết địa chỉ nhà mình là gì không?”

“Em sống ở số 490 Đại lộ Hai, chung cư 16B.”
Cậu bé đọc một lèo như ghi âm.

“Được rồi”, tôi nói. “Chỗ ấy khá gần đây. Đi nào, nhóc. Anh sẽ dẫn em đi.”

Tòa chung cư đó có tên là Kips Bay Court. Khi chúng tôi tới nơi, cậu bé chỉ ngồi xuống lề đường. Nó không khóc nữa, và bắt đầu có biểu cảm trôi dạt thụ động thường thấy ở tất cả bọn họ. Tôi không muốn để cậu bé lại đây, nhưng tôi không biết còn phải làm gì khác. Trước khi rời đi, tôi hỏi tên cậu bé và cậu bé đáp mình là Richard Scarlatti. Thế là tôi nhận ra mình đã thấy cậu

nhóc ở đâu. Ảnh của cậu bé được chiếu lên kênh NY1. Một vài thằng to xác đã dìm cậu bé xuống Hồ Thiên nga ở Công viên Trung tâm. Bọn nhóc kia đều khóc rống lên và bảo cả lũ chỉ giỡn chơi thôi. Có lẽ là thế thật. Có lẽ sau này tôi sẽ hiểu tất cả những chuyện ấy, nhưng sự thật là tôi không nghĩ vậy.

53

Đến thời điểm ấy, mọi sự diễn ra tốt đẹp đủ để tôi có thể đi học tại trường tư. Mẹ cho tôi xem tài liệu giới thiệu về trường Dalton và trường Friends, nhưng tôi quyết định học tiếp ở trường công và gia nhập Roosevelt, nơi có đội Mustangs. Ổn thỏa. Đó là những năm tháng êm đẹp đối với hai mẹ con tôi. Mẹ có được một khách hàng rất lớn, chuyên viết những câu chuyện về yêu tinh, tinh linh rừng và những nhà quý tộc phiêu lưu. Tôi cũng có một cô bạn gái, đại loại thế. Mary Lou Stein kiểu như là một chuyên gia về gothic và rất mê phim ảnh, dù cho cô ấy có một cái tên hơi bị “nàng hàng xóm”. Chúng tôi tới Angelika cỡ một lần mỗi tuần và ngồi tí tở ở băng ghế sau để đọc phụ đề.

Vào một ngày nọ, không lâu sau sinh nhật của tôi (tôi giờ đã chạm mốc mười lăm tuổi già cả đáng kính), mẹ nhắn tin hỏi liệu tôi có thể ghé qua văn phòng công ty sau khi tan học, thay vì về thẳng nhà không - không có việc gì lớn, mẹ nói, chỉ là có vài thông tin mà mẹ muốn báo trực tiếp cho tôi.

Khi tôi đến nơi, mẹ rót cho tôi một tách cà phê - khác lệ thường, nhưng đến lúc này thì không phải chuyện chưa từng xảy ra - và hỏi tôi có còn nhớ Jesus Hernandez không. Tôi bảo mẹ là tôi vẫn nhớ. Chú ấy là cộng sự của Liz trong vài năm, và mẹ đã đưa tôi theo vài lần khi mẹ và Liz đi ăn cùng với thám tử Hernandez và vợ. Chuyện cũng khá lâu rồi, nhưng khó mà quên được một thám tử cao gần hai mét có tên Jesus, ngay cả khi nó được phát âm là *Hay-soos*.

“Con thích kiểu tóc bện thùng của chú ấy”, tôi nói. “Trông ngẫu.”

“Chú ấy gọi cho mẹ để báo Liz mất việc rồi.” Tính đến thời điểm ấy thì mẹ và Liz đã đường ai nấy đi được một thời gian dài, nhưng trông mẹ vẫn buồn. “Cuối cùng người ta cũng bắt quả tang cô ấy vận chuyển ma túy. Một lượng heroin khá lớn, Jesus kể thế.”

Thông tin này làm tôi sốc nặng. Sau một khoảng thời gian, cô ta không còn tốt đẹp gì mấy với mẹ tôi nữa, và rõ như ban ngày là cô cũng chẳng hành xử tốt lành gì với tôi, nhưng vẫn thật tậ khi nhận tin. Tôi còn nhớ cô từng cù tôi đến mức tôi suýt tè ra quần, và tôi ngồi kẹp giữa cô và mẹ trên cái đi vắng, cùng nhau đưa ra những bình luận ngốc nghếch về mấy chương trình truyền hình, rồi cái lần cô đưa tôi tới sở thú Bronx và mua cho tôi một cái kẹo bông to hơn cả đầu tôi nữa. Ngoài ra, đừng quên cô ta đã cứu năm mươi hoặc thậm chí là cả trăm mạng người, những người có lẽ đã qua đời nếu như quả bom cuối cùng của Thumper phát nổ. Động cơ của cô có thể tốt mà cũng có thể xấu, nhưng dù thế nào thì cô cũng đã cứu người.

Tôi nhớ lại cái cụm từ mà mình đã nghe lỏm được trong cuộc cãi vã cuối cùng của họ. *Một lượng nghiêm trọng*, mẹ đã nói thế. “Cô ấy sẽ không phải đi tù đâu chứ ạ?”

Mẹ đáp, “À, giờ thì cô ấy tạm được tự do sau khi đưa tiền bảo lãnh, Jesus kể vậy, nhưng đến cuối cùng... mẹ nghĩ khả năng lớn là cô ấy sẽ phải ngồi tù, con yêu.”

“Ôi, cái đêch.” Tôi nghĩ tới cảnh Liz mặc bộ quần áo liền thân màu da cam, giống như người phụ nữ trong cái phim Netflix mà mẹ thỉnh thoảng vẫn xem.

Mẹ cầm lấy tay tôi. “Đúng đúng đúng.”

54

Sau đó khoảng hai hay ba tuần thì Liz bắt cóc tôi. Bạn có thể nói là cô ta cũng đã làm vậy vào lần đầu tiên, vụ của Therriault, nhưng lần ấy chỉ tính là “giữ người giao lưu” thôi. Lần này thì nghiêm túc đây. Cô ta không ép tôi phải vào trong xe theo cái kiểu đấm đá la hét loạn xạ, nhưng mà cô vẫn ép tôi phải vào. Như thế thì bị coi là bắt cóc rồi, theo tôi là vậy.

Tôi là thành viên đội tennis, và đang trên đường về nhà sau một loạt trận đấu tập (huấn luyện viên của bọn này gọi mấy màn tập luyện đó là “trận quyết đấu” vì vài lý do nhảm nhí). Tôi đeo ba lô và cầm túi đựng vợt tennis ở một tay. Tôi đang tiến tới điểm dừng xe buýt thì thấy

một phụ nữ đứng dựa vào một con Toyota cũ kỹ, đang nhìn vào điện thoại của cô ta. Tôi bước qua mà chẳng liếc nhìn tới lần thứ hai. Tôi không hề nghĩ rằng cái người gầy gò đó - mái tóc vàng rơm bay bay quanh cổ áo khoác duffle không kéo khóa, áo len xám to quá cỡ, đôi boots cao bồi sòn cũ ẩn bên dưới cái quần bò rộng thùng thình - lại là người bạn cũ của mẹ mình. Cô bạn cũ của mẹ tôi vẫn thích diện quần bó ống tối màu và những chiếc áo lụa khoét cổ sâu. Người bạn cũ của mẹ thường chải ngược hết tóc ra sau, buộc thành một túm đuôi ngựa. Bạn cũ của mẹ trông luôn khỏe khoắn.

“Này, nhà vô địch, thậm chí không thèm hỏi thăm người bạn cũ này một tiếng sao?”

Tôi dừng chân, quay người lại. Nhất thời tôi vẫn chưa thể nhận ra cô ta. Gương mặt xương xẩu và tái nhợt. Cô không trang điểm, để lộ lốm đốm những vết khuyết điểm trên trán. Cái đường cong mà tôi từng ngưỡng mộ - theo mắt nhìn của một cậu bé - đã không còn nữa. Cái áo len lủng thùng nằm bên dưới áo khoác chỉ mơ hồ nhắc về thứ từng là một bộ ngực căng tròn. Tôi đoán chừng cô phải sụt mất mười tám, thậm chí là hơn hai mươi cân, và trông già đi hai chục tuổi.

“Liz à?”

“Không phải ai khác.” Cô cười với tôi, rồi lại giấu nụ cười đi khi lấy gót bàn tay quệt quệt mũi. *Suy nhược cơ thể vì nghiện thuốc*, tôi nghĩ. *Cô ta bị suy nhược.*

“Cô khỏe không ạ?”

Có lẽ không phải câu hỏi thông minh nhất, nhưng là câu duy nhất tôi nghĩ ra được trong tình huống này. Và tôi chú ý giữ khoảng cách với cô ta một khoảng mà tôi cho là an toàn, để tôi có thể chạy khỏi cô nếu cô ta định làm gì đó kỳ quặc. Đó có vẻ là một khả năng, vì cô ta *trông* rất kỳ lạ. Không giống những diễn viên giả vờ mình là kẻ nghiện ma túy trên ti vi, mà giống những kẻ nghiện đúng nghĩa mà đôi khi bạn vẫn bắt gặp, gà gât trên những băng ghế ở công viên hoặc ngồi ở lối vào những tòa nhà bỏ hoang. Tôi đoán là New York đã khá khảm hơn trước kia nhiều, nhưng những con nghiện vẫn thường xuất hiện đó đây.

“Trông cô có khỏe không?” Rồi cô bật cười, nhưng không hề vui vẻ. “Đừng có trả lời câu đó. Nhưng này, ngày xưa ngày xưa cô cháu mình từng làm một việc tốt, phải không nào? Cô đáng được tán dương nhiều hơn so với những gì mà cô

thực sự nhận được, cái quý gì chứ, cô cháu mình đã cứu được bao mạng người.”

Tôi nghĩ tới tất thảy những chuyện mình đã phải trải qua vì cô ta. Chuyện đâu chỉ liên quan tới Therriault. Cô ta còn làm đời mẹ tôi rối tung lên nữa. Liz Dutton đã khiến cả hai chúng tôi phải trải qua một khoảng thời gian tồi tệ, và giờ thì cô ta lại xuất hiện. Một thứ xúi quẩy cứ thích hiện ra vào lúc chẳng ai ngờ đến. Tôi nổi khùng.

“Cô chẳng xứng nhận được *bất kỳ* lời khen thưởng nào hết. Cháu mới là người khiến hẳn nói ra. Và cháu đã phải trả giá vì chuyện đó. Cô sẽ không muốn biết đâu.”

Cô ta ngược đầu lên. “Rõ là cô đây muốn biết. Kể cho cô về cái giá cháu đã phải trả đi, nhà vô địch. Gặp vài ba cơn ác mộng về cái lỗ ở đầu hẳn hả? Nếu muốn mơ thấy ác mộng thì cứ nhìn vào ba xác người bị thiêu rụi trong một chiếc SUV tan tành, một cái xác vốn chỉ là một đứa nhóc. Thế cái giá mà cháu phải trả là gì nào?”

“Quên đi”, tôi nói, và lại bắt đầu bước đi.

Cô ta vươn ra, tóm lấy quai của chiếc túi đựng vợt tennis. “Không bỏ đi nhanh vậy đâu. Cô cần cháu lần nữa, nhà vô địch, thế nên lên xe đi.”

“Không đời nào. Bỏ túi của cháu ra.”

Cô ta không buông tay, thế nên tôi giăng ra. Cô ta chẳng có chút sức nào và khuyu gối xuống, thốt lên một tiếng nho nhỏ và buông lời cái quái túi.

Một người đàn ông đang đi qua chợt dừng lại, nhìn tôi cái kiểu người lớn nhìn trẻ con khi thấy đứa nhóc đó hành xử láo lếu. “Không được cư xử thế với phụ nữ chứ, nhóc con.”

“Cút đi”, Liz quát ông ta, đứng lên trở lại. “Tôi là cảnh sát.”

“Sao cũng được, sao cũng được”, người đàn ông đáp và tiếp tục đi. Ông ta chẳng quay lại nhìn nữa.

“Cô đâu còn là cảnh sát nữa đâu”, tôi nói, “Cháu cũng sẽ không đi đâu với cô cả. Cháu thậm chí còn không muốn nói chuyện với cô, nên để cháu yên đi.” Dù vậy, tôi vẫn thấy hơi có lỗi vì đã kéo mạnh đến độ làm cô ta phải khuyu gối xuống. Tôi vẫn nhớ cái cảnh cô từng quỳ gối trong căn hộ của hai mẹ con, nhưng đó là khi cô nghịch ô tô Matchbox cùng với tôi. Tôi cố tự nhủ đó là chuyện từng diễn ra ở một cuộc đời khác rồi, nhưng nỗ lực ấy không hiệu quả, vì đó đâu phải một cuộc đời khác. Đó là cuộc đời của tôi.

“Ồ, nhưng cháu sẽ đi. Nếu cháu không muốn cả thế giới này biết ai là người thật sự viết tập

truyện cuối cùng của Regis Thomas, ý là thế đấy. Cuốn sách bán chạy nhất đã cứu Tee thoát khỏi cảnh phá sản vừa kịp lúc? Cuốn sách bán chạy nhất *sau khi tác giả chết?*”

“Cô sẽ không làm vậy.” Tiếp đó, khi con sốc sinh ra bởi những lời của cô ta lắng lại một chút, tôi nói, “*Cô không thể* làm thế. Khi ấy, lời nói của cô sẽ phải chống lại những tuyên bố của mẹ. Lời nói của một kẻ vận chuyển ma túy. Mà còn là một kẻ nghiện nữa chứ, nhìn cô là thấy, vậy thì ai sẽ tin cô? Không ai cả!”

Cô ta vẫn để điện thoại trong cái túi quần sau. Bây giờ, cô rút điện thoại ra. “Tia không phải người duy nhất ghi âm vào ngày hôm đó đâu. Nghe đi này.”

Thứ tôi nghe được khiến bụng dạ tôi rớt bụm xuống. Đó là giọng của tôi - trẻ con hơn nhiều, nhưng là giọng của tôi - đang nói với mẹ rằng Purity sẽ tìm thấy chiếc chìa khóa mà cô ấy vẫn cố tìm, ở bên dưới gốc cây mục rữa nằm trên con đường dẫn tới hồ Roanoke.

Mẹ: “Làm sao cô ấy biết được là gốc cây nào?”

Một khoảng dừng.

Tôi: “Martin Betancourt đã vạch một dấu chữ thập lên nó.”

Mẹ: "Cô ấy sẽ làm gì với cái chìa?"

Một khoảng dừng.

Tôi: "Mang nó tới cho Hannah Royden. Họ cùng nhau đi tới đầm lầy và tìm cái hang."

Mẹ: "Hannah, cái người đã tạo ra Truy Hòa u? Món đồ suýt nữa đã khiến cô ta bị treo cổ với tội danh phù thủy?"

Một khoảng dừng.

Tôi: "Đúng thế. Và ông ấy nói George Threadgill sẽ lên theo đuôi họ. Và ông ấy nói rằng nhìn vào Hannah khiến George căng trướng cả lên. Thế là sao, mẹ?"

Mẹ: "Không cần bận t—"

Liz dừng đoạn ghi âm tại đây. "Cô còn nhiều nữa. Không phải tất cả, nhưng ít nhất cũng cả tiếng đồng hồ. Không nghi ngờ gì nữa, nhà vô địch ạ - rằng cháu đã kể lại cho mẹ cốt truyện của cuốn sách mà *chị ấy* viết. Và *cháu* sẽ trở thành một phần quan trọng của câu chuyện này. James Conklin, Cậu bé Trung gian."

Tôi nhìn cô ta chăm chăm, hai vai sụp xuống. "Sao cô không cho cháu nghe cái đó trước đây? Khi chúng ta đi tìm Therriault?"

Cô nhìn tôi như thể tôi bị ngu. Có lẽ vì tôi ngu thật. “Cô không cần làm vậy. Hồi đó cháu cơ bản vẫn là một đứa trẻ ngoan muốn làm việc tử tế. Giờ thì cháu mười lăm tuổi rồi, đủ lớn để gây sự phiền toái. Đó có thể là quyền chính đáng của cháu, vị thành niên mà, cô nghĩ thế, nhưng ta sẽ để dành màn thảo luận này cho một buổi khác. Ngay bây giờ, câu hỏi là thế này: cháu có vào xe và đi một chuyến với cô không, hay là cô sẽ đi tìm tay phóng viên cô quen ở tờ *Post* và đưa cho anh ta mẩu tin mật hấp dẫn này, về cái người đại diện đã làm giả tập truyện cuối cùng của khách hàng đã chết, với sự giúp sức của cậu con trai có tài ngoại cảm?”

“Đi một chuyến tới đâu?”

“Chuyến đi bí ẩn, nhà vô địch ạ. Vào xe và tìm hiểu nhé.”

Tôi không thấy có lựa chọn nào khác. “Được rồi, nhưng có một điều. Đừng có gọi cháu là nhà vô địch, như thể cháu là con ngựa cưng cô nuôi vậy.”

“Được mà, nhà vô địch.” Cô ta mỉm cười. “Đùa thôi, chỉ đùa thôi. Vào xe đi, Jamie.”

Tôi bước vào xe.

55

“**L**ần này cháu sẽ phải nói chuyện với người chết nào đây? Dù người đó là ai và người đó biết chuyện gì, cháu cũng không nghĩ cô thoát được cảnh ngồi tù đâu.”

“À, cô sẽ không vào tù đâu”, cô ta nói. “Cô đây không thích đồ ăn trong đó, chứ đừng nói tới mấy tay bạn tù.”

Chúng tôi vượt qua một tấm biển chỉ đường tới cầu Cuomo, nơi mà mọi cư dân New York vẫn gọi là Tappan Zee, hay chỉ đơn giản là Tap. Tôi không thích thế. “Chúng ta sẽ đi đâu?”

“Renfield.”

Renfield duy nhất mà tôi biết là gã tay sai ăn rùi của bá tước trong *Dracula*. “Chỗ đó ở đâu? Một nơi ở Tarrytown ạ?”

“Không. Một thị trấn nhỏ ở phía bắc New Paltz. Sẽ mất hai đến ba tiếng để tới đó, thế nên cứ ngồi yên mà tận hưởng hành trình đi.”

Tôi nhìn chòng chọc cô ta, không phải là cảnh giác nữa, mà tôi kiêu như phát kinh lên được. “Cô đang đùa cháu đấy à! Cháu phải ăn tối ở nhà!”

“Có vẻ tối nay Tia phải dùng bữa một mình rồi.” Cô ta rút ra một cái lọ nhỏ từ túi áo khoác duffle, bên trong đựng một thứ bột màu vàng nhạt, đây là kiểu lọ có gắn một cái thìa vàng nho nhỏ ngay ở nắp lọ. Cô ta xoay nắp bằng một tay, vỗ một chút bột lên mu bàn tay mà cô đang dùng để lái xe, rồi hít khịt vào mũi. Cô vặn lại nắp lọ - vẫn dùng một tay - và cất lọ trở lại túi. Những động tác khéo léo nhanh gọn chứng tỏ đã có một quá trình thực hành lâu dài.

Cô nhìn biểu cảm của tôi và cười. Một ánh sáng mới mẻ lộ ra trong mắt. “Chưa từng thấy ai làm chuyện này hả? Cháu được bao bọc làm sao, Jamie.”

Tôi đã nhìn thấy bọn nhóc hút cỏ, thậm chí tự mình thử, nhưng những thứ nặng hơn ấy hả? Không. Tôi từng được rử rê xài thuốc lắc trong một buổi nhảy nhót ở trường và đã từ chối.

Cô lại vuốt lòng bàn tay lên trên mũi, không phải động tác duyên dáng gì cho cam. “Cô đáng

ra sẽ mời cháu một ít, luôn đề cao việc chia sẻ mà, nhưng đây là hỗn hợp đặc biệt của riêng cô: cocain trộn với heroin theo tỷ lệ hai trên một, với một xíu fentanyl. Khả năng chịu thuốc của cô được tích lũy dần. Thứ này có thể làm cháu võ đầu.”

Có lẽ là cô chịu được thật, nhưng tôi có thể nhận ra khoảnh khắc thứ đó thúc vào người cô. Cô ngồi thẳng hơn và nói nhanh hơn, nhưng ít ra cô ta vẫn lái xe đi thẳng và đảm bảo giới hạn tốc độ.

“Đây là lỗi của mẹ cháu, cháu biết mà. Suốt bao nhiêu năm, tất cả những gì cô làm chỉ là chuyển thuốc từ điểm A, chủ yếu là từ Boat Basin ở Phố 79 hoặc sân bay Stuart, đến điểm B - có thể là bất cứ nơi nào thuộc năm khu dân cư. Mới đầu, nó chủ yếu chỉ là cocain, nhưng thời thế thay đổi vì sự xuất hiện của OxyContin. Thứ khi ấy khiến người ta nghiện rất nhanh, ý cô là, *bang*. Khi các bác sĩ không còn cung cấp thứ ấy nữa, các con nghiện sẽ tìm mua ở đầu đường xó chợ. Rồi giá tăng lên, và họ nhận ra mình có thể phê với liều cao tương tự thế nếu dùng heroin, mà lại còn rẻ hơn. Thế là họ chuyển sang món này. Người đàn ông mà chúng ta chuẩn bị gặp chuyên cung cấp thứ đó.”

“Người đàn ông đã chết.”

Cô ta nhúu mày. “Đừng ngắt lời cô, nhóc. Cháu muốn biết và cô đang kể cho cháu biết.”

Theo tôi nhớ, điều duy nhất mà tôi muốn biết là chúng tôi đang đi đâu, nhưng tôi không nói ra. Tôi đang cố tỏ ra không sợ hãi. Cũng hơi hơi hiệu quả, vì đây vẫn chỉ là Liz thôi mà, nhưng thực tình là không hiệu quả lắm, vì người này không còn giống với Liz mà tôi quen biết nữa.

“Đừng có phê cái món mà mày cung cấp, người ta vẫn hay nói thế, thần chú đấy, nhưng sau khi Tia đuổi cô đi, cô thỉnh thoảng cũng xài một chút. Chỉ để mình đừng chìm sâu vào u sầu thôi. Rồi cô bắt đầu tăng tần suất. Sau một thời gian, cháu khó có thể dùng từ thỉnh thoảng nữa. Cô xài thuốc thường xuyên.”

“Mẹ cháu đuổi cô đi vì cô mang ma túy vào nhà”, tôi nói. “Đó là lỗi của cô.” Có lẽ sẽ thông minh hơn nếu giữ yên lặng, nhưng tôi không nhận được. Việc cô ta cố đổ lỗi cho mẹ vì tình trạng của mình hiện nay khiến tôi lại cáu tiết. Mà dù thế nào thì cô ta cũng chẳng để tâm.

“Nhưng cô sẽ nói cho cháu một điều, nhà— Jamie. Cô chưa bao giờ dùng kim tiêm.” Cô ta kể với vẻ tự hào đầy ngang ngược. “Chưa một

lần. Bởi nếu chỉ hít, cháu còn đang cố giữ mình. Tiêm đồ vào, và cháu sẽ không bao giờ quay trở lại được nữa.”

“Cô chảy máu mũi kìa.” Chỉ là nhỏ một chút máu xuống nhân trung, ở giữa mũi và môi trên.

“Vậy sao? Cảm ơn.” Cô lại quệt máu bằng gót bàn tay, sau đó nhìn sang phía tôi một giây. “Cô lau hết chưa?”

“Ừm. Giờ thì nhìn đường đi ạ.”

“Đã rõ, thưa ngài Tài xế Ghế sau”, cô nói, và trong một khắc cô ta giống như Liz của ngày xưa. Điều đó không khiến tim tôi tan vỡ hay gì, nhưng trái tim vẫn bị bóp nghẹt một chút.

Chúng tôi lái xe băng đi. Đường phố vào buổi chiều trong tuần không quá đông đúc. Tôi nghĩ tới mẹ. Giờ này mẹ vẫn ở văn phòng, nhưng mẹ sẽ sớm về nhà. Ban đầu mẹ sẽ không lo lắng đâu. Nhưng rồi mẹ sẽ hơi hơi lo. Rồi mẹ sẽ lo rất nhiều.

“Cháu có thể gọi mẹ không? Cháu sẽ không nói là mình ở đâu, chỉ để báo là cháu ổn.”

“Được chứ. Cứ gọi đi.”

Tôi lấy điện thoại ra khỏi túi và rồi nó biến mất luôn. Cô ta tóm lấy cái máy bằng tốc độ của một con thằn lằn bắt bọ. Trước cả khi tôi kịp nhận

thấy chuyện gì đang xảy ra, cô ta đã mở cửa sổ phía mình và quăng cái máy ra đường.

“Sao cô lại làm thế?” Tôi gào lên. “Đó là điện thoại của cháu mà!”

“Cô mừng vì cháu nhắc cô nhớ đến cái điện thoại.” Chúng tôi đang đi theo một tấm biển dẫn ra đường liên bang 87, thuộc hệ thống Thruway. “Cô quên bég mất. Đâu phải tự dưng mà người ta dùng từ ‘phê’ cho cái thứ này đâu, cháu hiểu mà.” Cô ta bật cười.

Tôi đâm vào vai cô ta. Cái xe lao chệch đi, rồi bình thường trở lại. Một ai đó bấm còi inh ỏi. Liz liếc nhìn tôi, và cô ta không còn cười nữa. Biểu cảm của cô ta giờ có lẽ cũng giống những lúc cô nói cho bọn tội phạm biết chúng có quyền hạn gì. “Đánh cô thêm lần nữa xem, Jamie, và cô sẽ đánh lại đến mức cháu phải mưa ra đấy. Chúa mới biết được đó có phải là lần đầu tiên có một kẻ nôn ọe ra con xe ghê này hay không.”

“Cô định đánh nhau với cháu trong khi lái xe ư?”

Giờ thì nụ cười đã trở lại, môi cô ta tách ra chỉ đủ để lộ một chút răng. “Thử xem.”

Tôi không thử. Tôi không thử gì hết, kể cả (trong trường hợp bạn thắc mắc) hét gọi cái sinh

vật đang sống bên trong Therriault, dù cho theo lý thuyết thì nó đã nằm dưới quyền sai bảo của tôi - huýt gió và mây sẽ đến bên tao, anh bạn, còn nhớ chứ? Sự thật là - hẳn ta, hay nó - còn chưa từng hiện lên trong suy nghĩ của tôi. Tôi đã quên, cũng như việc Liz quên không thu điện thoại của tôi ngay từ đầu, và tôi thậm chí còn chẳng có một nhúm thuốc hít vào mũi để đỡ lỗi. Dù sao thì, chắc tôi cũng sẽ không làm vậy. Ai mà biết được liệu nó có thực sự đến hay không cơ chứ? Và nếu nó đến... ờ, tôi sợ Liz, nhưng tôi còn sợ ánh sáng chết chóc kia hơn. *Cái chết, những sự điên khùng, linh hồn bị phá hủy*, giáo sư đã nói thế.

“Nghĩ đi, nhóc. Nếu cháu gọi và bảo cháu ổn cả, chỉ là đi chơi một chuyến với cô bạn cũ Lizzy Dutton của mẹ, cháu nghĩ rằng chị ấy sẽ chỉ nói là ‘Được mà, Jamie, không sao hết, bảo cô ấy mua đồ ăn tối cho con nhé’ ư?”

Tôi không nói gì.

“Chị ấy sẽ gọi cảnh sát. Nhưng đó không phải vấn đề lớn nhất. Đáng ra cô phải tống điện thoại của cháu đi ngay lập tức, vì chị ấy có thể theo dấu.”

Tôi mở to mắt. “*Làm thế quái nào mà mẹ theo dấu được!*”

Liz gật đầu, lại cười, mắt hướng về con đường khi chúng tôi vượt qua một chiếc semi kéo theo hai thùng container. “Chị ấy cài một ứng dụng định vị vào chiếc điện thoại đầu tiên chị ấy cho cháu, hồi cháu mười tuổi. Cô là người chỉ cho chị ấy cách giấu cái ứng dụng đi, để cháu không phát hiện ra và làm loạn lên.”

“Cháu có điện thoại mới cách đây hai năm rồi”, tôi lầm bầm. Những giọt nước đang chầm chích khòe mắt tôi, tôi không biết vì sao nữa. Tôi thấy... tôi không biết cái từ đó. Chờ một phút, có lẽ tôi biết. *Giằng xé tâm can*. Đó là điều mà tôi đang cảm thấy, giằng xé tâm can.

“Cháu nghĩ là chị ấy sẽ không cài ứng dụng ấy vào cái điện thoại mới hả?” Liz ném vào tôi một điệu cười khắc nghiệt. “Cháu đùa đấy à? Cháu là người thân duy nhất của chị ấy, nhóc ạ, ông hoàng con của chị ấy. Mười năm nữa kể từ lúc này thì chị ấy sẽ vẫn theo dấu cháu thôi, khi cháu đã kết hôn và đi thay bím cho đứa con đầu lòng.”

“Đồ nói dối chết tiệt”, tôi nói, nhưng tôi chỉ lầm bầm trong lòng.

Cô ta hít thêm một chút cái hỗn hợp đặc biệt của mình khi chúng tôi ra khỏi thành phố, vẫn là

những động tác nhanh nhẹn thành thục, nhưng lần này cái xe *thật sự* chuệch choạc một chút, và chúng tôi lại bị ai đó bấm còi phàn nàn. Tôi nghĩ tới chuyện vài cảnh sát cố lái xe ép bọn tôi vào lề đường, và ban đầu tôi nghĩ thế cũng tốt, vì điều đó sẽ kết thúc cơn ác mộng này, nhưng cũng chưa chắc. Trong trạng thái bị kích thích hiện nay, Liz có lẽ sẽ cố chạy thoát khỏi cảnh sát, và làm cả tôi lẫn cô ta toi đời. Tôi nghĩ tới người đàn ông ở Công viên Trung tâm. Gương mặt và thân trên của ông ta được che bên dưới tấm áo khoác của một người nào đấy, để những người qua đường không thể nhìn thấy cảnh tượng kinh khủng, nhưng tôi thì vẫn phải chứng kiến.

Liz rạng rỡ trở lại. “Cháu sẽ là một thám tử số dzách đấy, Jamie. Với năng lực của mình, cháu sẽ trở thành siêu sao. Không kẻ giết người nào có thể thoát khỏi tay cháu, vì cháu có thể nói chuyện với những nạn nhân.”

Ý tưởng ấy thật ra đã một hai lần được tôi nghĩ đến. James Conklin, thám tử của người chết. Hoặc có lẽ là vì người chết. Tôi vẫn chưa xác định được danh xưng nào nghe hay hơn.

“Dù vậy, không phải ở Sở Cảnh sát New York”, cô ta tiếp tục. “Đệch mợ bọn khốn đấy. Mở

văn phòng tư đi. Cô có thể hình dung ra bảng tên của cháu treo trên cửa." Cô ta nhấc nhanh hai bàn tay khỏi vô lăng, như thể định hình cái bảng tên.

Lại bị bấm còi.

"Tập trung lái cái con xe khí gió này đi", tôi nói, cố không để lộ sự hoảng hốt. Có lẽ là không hiệu quả, vì tôi *thật sự* hoảng.

"Đừng lo cho cô, nhà vô địch. Những điều cô đã quên mất về lái xe còn nhiều hơn tất cả những gì cháu có thể học."

"Cô lại chảy máu mũi kìa", tôi nói.

Cô quệt máu bằng gót bàn tay, rồi chùi lên áo len. Nhìn là thấy không phải lần đầu tiên làm vậy. "Vách ngăn mũi tiêu rồi", cô ta nói. "Cô sẽ phải đi chữa. Một khi không dùng đồ nữa."

Sau đó, chúng tôi chẳng nói gì suốt một khoảng thời gian.

56

Sau khi chúng tôi tới Thruway, Liz thưởng cho mình thêm một nhóm hỗn hợp đặc biệt nữa. Đáng ra cô ta sẽ khiến tôi phát sợ, nhưng giờ thì bọn này vượt qua giai đoạn đó rồi.

“Cháu có muốn biết vì sao chúng ta lại tới đây không? Cô và cháu, Holmes và Watson lại cùng nhau tiến hành một cuộc phiêu lưu nữa?”

Tôi sẽ không dùng từ *phiêu lưu* cho việc này, nhưng tôi không nêu ý kiến.

“Nhìn mặt cháu là cô hiểu cháu chẳng muốn biết. Cũng được thôi. Chuyện dài lắm, không hay ho gì mấy, nhưng cô sẽ kể vắn tắt thế này. Không một đứa trẻ nào lại bảo, sau này, khi lớn lên, nó

muốn trở thành một kẻ vô tích sự, một trưởng khoa trường đại học, hay một tay côm bản. Hoặc là thành người đi nhặt rác ở quận Westchester, đó là việc mà anh rề cô đang làm dạo này.”

Cô bật cười, dù tôi không hiểu người thu gom rác thì có gì đáng cười.

“Sau đây là một chuyện *có thể* khiến cháu hứng thú. Cô từng vận chuyển rất nhiều ma túy từ điểm A tới điểm B và được trả công cho việc đó, nhưng chỗ hàng mà mẹ cháu tìm thấy trong túi áo khoác của cô hồi ấy thì lại là quà để cô tặng bạn. Thật mỉa mai nhỉ. Khi đó, mấy người Nội vụ đã để mắt tới cô. Họ chưa chắc chắn, nhưng sắp điều tra ra đến nơi rồi. Cô rất sợ là Tee sẽ làm lộ chuyện. Đây là lúc hợp lý để rút lui hoàn toàn, nhưng khi ấy, cô không thể làm vậy.” Cô ta ngừng lại, “Hoặc là cô không muốn rút. Nghĩ lại, khó mà biết thế nào mới đúng. Nhưng chuyện đó làm cô nghĩ tới một điều mà Chet Atkins từng nói. Cháu từng nghe tới Chet Atkins chưa?”

Tôi lắc đầu.

“Những người vĩ đại bị lãng quên nhanh làm sao. Nhớ google tên ông ấy khi quay về đây. Một tay ghita xuất chúng, ngang tầm Clapton và

Knopfler. Ông ta từng kể là bản thân mình rất kém khoản lên dây đàn. ‘Đến thời điểm tôi nhận ra mình là đồ vô tích sự ở khía cạnh này thì tôi đã quá giàu để có thể bỏ ngang.’ Cũng giống với sự nghiệp người vận chuyển của cô đây. Cho cháu biết một chuyện nữa nhé, vì chúng ta cũng chỉ đang giết thời gian trên tuyến đường New York Thruway cũ kỹ này mà thôi. Cháu nghĩ mẹ mình là người duy nhất khổ sở khi nền kinh tế chông gọng vào năm 2008 hả? Không đâu. Cô đây cũng có một danh mục đầu tư cổ phiếu - tí nị thôi, nhưng là đồ chính chủ - và rồi nó nổ cái bụp.”

Cô vượt qua một chiếc semi kéo hai thùng container nữa, cẩn thận bấm đèn xin đường trước khi rẽ sang bên rồi vòng trở lại. Nghĩ đến lượng ma túy mà cô ta đã tiêu thụ, tôi ngỡ ngàng luôn. Và cảm thấy biết ơn nữa. Tôi không muốn ở bên cô ta, nhưng hơn cả thế, tôi không muốn chết cùng cô ta.

“Nhưng vấn đề chính là chị Bess của cô. Chị ấy cưới một gã từng làm việc trong công ty đầu tư lớn. Có lẽ cháu cũng chưa từng nghe tên Bear Stearns đâu nhỉ, giống như chưa từng nghe danh Chet Atkins?”

Tôi không biết nên gặt đầu hay lắc đầu, nên chỉ ngồi yên một chỗ.

“Danny - anh rể cô, người hiện giờ là chuyên gia quản lý rác - mới chỉ là nhân viên cấp thấp nhất ở Bear vào lúc cưới Bess, nhưng anh ta có một con đường sáng sủa phía trước. Tương lai sáng chói đến nỗi anh phải đeo kính râm, nếu như bảo cô mượn hình ảnh trong một bài hát cũ. Họ mua một ngôi nhà ở làng Tuckahoe. Phải vay thế chấp lớn, nhưng tất cả mọi người - bao gồm cả cô, thật là có mắt không trông - đều đảm bảo với họ rằng giá trị của bất động sản chỉ có thể tăng lên thôi. Giống như thị trường chứng khoán vậy. Họ thuê một người nước ngoài tới nhà mình ở để trông con cho họ. Họ còn mua thẻ thành viên ở câu lạc bộ đồng quê nữa. Họ có chi tiêu quá tay không? Cái đệt, có. Bessie liệu có coi khinh bảy mươi nghìn đô la ít ỏi mà cô đây kiếm được trong một năm không? Chính thế luôn. Nhưng cháu có biết bố cô từng nói gì không?”

Làm sao mà cháu biết được? Tôi nghĩ.

“Ông ấy bảo là, nếu con cố chạy thoát khỏi cái bóng của mình, con sẽ bị ngã dập mặt. Danny và Bess đang bàn tới chuyện lấp một cái bể bơi thì mọi sự nhanh chóng sụp đổ. Bear Sterns chuyên

đầu tư vào chứng khoán thế chấp, và ngay tức khắc, những giấy tờ mà họ nắm giữ chỉ còn là giấy theo đúng nghĩa đen.”

Cô ta vẫn ca cẩm về chuyện này khi chúng tôi chạy vượt qua tấm biển ghi NEW PALTZ 59, POUGHKEEPSIE 70 và RENFIELD 78. Còn khoảng hơn một tiếng nữa chúng tôi tới điểm đích, và chỉ nghĩ vậy thôi đã khiến tôi rùng mình, *Điểm đến cuối cùng*⁴³ là một bộ phim kinh dị đẫm máu mà tôi đã xem cùng bạn. Chưa đến mức như *Lưỡi cưa*⁴⁴, nhưng vẫn khá là ác liệt.

“Bear Stearns ư? Đúng là một trò đùa. Tuần này, cổ phiếu của bọn họ đang được bán ra với giá hơn một trăm bảy mươi đô la một cổ, sang tuần tiếp theo, chúng được tấu tán với giá mười đồng. JP Morgan Chase thu nhật hết đồng này. Những công ty khác đều tìm cách thoát thân. Những gã ở trên đỉnh tháp đã vượt qua sóng gió ổn thỏa, lúc nào cũng thế. Những anh chàng và cô nàng nhỏ bé hơn thì chẳng suôn sẻ được vậy. Lên YouTube đi, Jamie, và cháu có thể tìm thấy clip chiếu cảnh người ta đi ra khỏi những tòa nhà văn phòng tráng lệ ở trung tâm thành phố, và toàn

⁴³ Nguyên văn: *Final destination*.

⁴⁴ Nguyên văn: *Saw*.

bộ sự nghiệp của họ chỉ nằm gọn trong mấy cái thùng các tông. Danny Miller là một trong những người ấy. Sáu tháng sau khi gia nhập câu lạc bộ đồng quê Green Hills, anh ta lái chiếc xe tải gom rác Greenwise. Mà anh ta đã thuộc nhóm người may mắn rồi đấy. Còn về căn nhà của họ, chìm dưới nước. Cháu có hiểu thế nghĩa là gì không?”

Đáng ngạc nhiên là tôi lại biết. “Khoản thế chấp họ nợ còn nhiều hơn giá trị ngôi nhà.”

“A cộng, nhà... Jamie. Học giỏi nhất lớp luôn. Nhưng đó là tài sản duy nhất họ sở hữu, chưa kể nó còn là một nơi để Bess, Danny và đứa cháu Francine của cô có thể ngả đầu mà không bị ướt mưa vào buổi đêm. Bess kể là có những người bạn của chị ấy còn phải ngủ trong nhà xe di động. Cháu nghĩ là ai đã hỗ trợ tiền để họ có thể tiếp tục sống trong ngôi nhà tổ chẳng bốn phòng ngủ đó hả?”

“Cháu đoán là cô.”

“Chính xác. Bess không còn coi khinh thu nhập bảy mươi nghìn bảng một năm của cô nữa, cô có thể khẳng định với cháu thế. Nhưng liệu cô có thể làm hết mọi việc chỉ nhờ vào tiền lương không, ngay cả khi tính hết những lúc làm thêm

giờ mà cô đã tranh thủ được? Không thể nào. Nhưng cô còn đi làm bán thời gian ở vài câu lạc bộ ở vị trí bảo vệ nữa. *Vẫn* không thể đủ. Dù vậy, cô đã gặp được người này người kia ở đó, tạo lập các mối quan hệ và được họ gợi ý vài cách kiếm tiền. Có những ngành kinh doanh miễn nhiệm trước suy thoái. Bên dịch vụ tang lễ luôn sống ổn. Những công ty chuyên đi mua lại tài sản và những bên bảo lãnh tại ngoại. Các cửa hàng rượu bia. Và buôn bán chất kích thích. Lý do là vì, bất kể đây là thời tốt đẹp hay thời tệ mạt, người ta vẫn muốn được phê. Được thôi, cô thích những thứ xinh xẻo. Không cảm thấy có lỗi về chuyện đó. Những món đồ xinh xẻo là nguồn an ủi của cô, và cô thấy mình xứng đáng có chúng. Cô đang giúp gia đình chị gái mình có được một mái nhà, sau bao nhiêu năm chị ta coi khinh cô vì chị ấy xinh hơn, thông minh hơn, đi học tại một trường đại học đúng nghĩa chứ không phải học ở một trường cộng đồng. Và dĩ nhiên, chị ấy là *gái thẳng*." Liz gần như gừ giọng ở câu nói cuối cùng.

"Điều gì đã xảy ra?" Tôi hỏi. "Vì sao cô lại mất việc?"

"Bên Nội vụ bất ngờ bắt cô đi kiểm tra nước tiểu, chẳng có chuẩn bị gì. Không phải là bọn đấy

chưa từng biết gì, chỉ là chưa thể tổng cô đi ngay lập tức, sau khi cô góp công trong vụ Therriault. Thế thì không đẹp mắt lắm. Thế là bọn nó chò thêm, cô thấy thế cũng thông minh, rồi bọn nó cho cô sập bẫy - ít ra thì bọn nó nghĩ thế, bọn nó cố ép cô đổi phe. Bắt cô chỉ điểm và làm những trò giống như cái phim *Serpico* của nợ. Nhưng có một câu nói khác đây, dù không phải bố cô dạy: những đứa chỉ điểm cuối cùng sẽ bị quăng xuống biển. Và bọn nó không biết là cô vẫn còn một lá bài tẩy.”

“Lá bài nào cơ?” Bạn có thể nghĩ tôi là một đứa ngu nếu muốn, nhưng đây là câu hỏi thực lòng.

“Cháu đấy, Jamie. Cháu là lá bài tẩy của cô. Và ngay từ vụ Therriault, cô đã biết sẽ có lúc mình phải dùng tới lá bài này.”

57

Chúng tôi lái xe qua khu trung tâm của Renfield, nơi này hẳn phải có rất đông sinh viên đại học, dựa theo sự xuất hiện của nhiều quán bar, hiệu sách và những quán đồ ăn nhanh chỉ trên một con phố chính. Sau đó, chúng tôi đi về hướng tây và bắt đầu hướng tới Catskills. Sau khoảng ba dặm, chúng tôi đi tới một khu vực chuyên để cắm trại, có thể nhìn ra sông Wallkill. Liz tắt xe vào lề đường, tắt máy. Chúng tôi là những người duy nhất ở đây. Cô ta lấy ra cái lọ nhỏ đựng hỗn hợp đặc biệt của mình, trông có vẻ như định mở nắp, rồi lại cất nó đi. Cái áo duffle của cô đang mở phanh ra và tôi nhìn thấy những vệt máu đã khô trên cái áo len. Tôi nghĩ lại lời cô ta, rằng cái vách ngăn mũi đã

tiêu rồi. Lượng bột mà cô ta hít vào đã và đang ăn mòn da thịt, hình dung đó còn kinh khủng hơn bất kỳ tập phim *Điểm đến cuối cùng* hay *Lưỡi cưa* nào, vì đó là chuyện thật.

“Đã đến lúc nói cho cháu biết vì sao cô lại mang cháu tới đây, nhóc. Cháu cần phải dự được điều gì có thể xảy ra, và cô kỳ vọng điều gì ở cháu. Cô không nghĩ khi chia tay chúng ta sẽ còn là bạn, nhưng có lẽ chúng ta có thể đường ai nấy đi một cách khá êm đẹp.”

Cháu ngờ là chuyện ấy sẽ không xảy ra, lại một suy nghĩ khác mà tôi không thốt ra.

“Nếu cháu muốn biết cái ngành ma túy này vận hành như thế nào, hãy xem *Đường dây tội phạm*. Bối cảnh ở Baltimore chứ không phải New York, nhưng mọi sự cũng không khác biệt mấy dù có thay đổi địa điểm. Nó có mô hình kim tự tháp, giống như mọi tổ chức lăm tiền khác. Những đứa choai choai bán thuốc nơi đầu đường xó chợ nằm ở đáy, và hầu hết bọn nó là trẻ con, nên khi bị tóm, bọn nó chỉ bị xử theo luật áp cho người vị thành niên. Hôm nay lên tòa án gia đình, ngày mai lại trở về góc phố. Rồi tiếp đấy là những kẻ giao dịch giàu kinh nghiệm hơn, đội này chuyên

phục vụ các câu lạc bộ - cô được tuyển vào ở đây - và những con mèo béo tiết kiệm tiền bằng cách mua số lượng lớn.”

Cô bật cười, và tôi cũng không hiểu chuyện này có gì đáng cười.

“Lên cao hơn chút nữa và ta sẽ đến với những người cung cấp, những người điều hành cấp thấp có nhiệm vụ đảm bảo mọi thứ vận hành trôi chảy, những kế toán viên, những luật sư, và sau đó là những gã chớp bu. Có phân lớp rõ ràng, cơ bản là vậy. Những người ở đáy tháp biết kẻ trực tiếp đứng trên mình là ai, nhưng họ chỉ biết đến vậy thôi. Những người ở khoảng giữa biết tất cả những cá nhân ở các tầng thấp hơn mình, nhưng lại chỉ biết người ở ngay trên đầu mình. Cô thì khác. Nằm ngoài kim tự tháp. Nằm ngoài, hừm, hệ thống cấp bậc.”

“Vì cô là người vận chuyển. Giống như trong cái phim có Jason Statham.”

“Gần như thế. Người vận chuyển đáng ra chỉ biết đúng hai người thôi, người mà họ nhận đồ ở điểm A và người mà họ chuyển đồ tới ở điểm B. Những người ở điểm B là những tay phân phối lâu năm, hội này chuyên thuốc xuống các cấp

thấp hơn trong kim tự tháp để tới điểm đến cuối cùng, những người sử dụng.”

Điểm đến cuối cùng. Cái từ này lại xuất hiện.

“Vì là cảnh sát - bản, nhưng vẫn là cảnh sát - nên cô tập trung để ý, hiểu không? Cô không hỏi nhiều điều, làm thế thì nguy hiểm, nhưng cô lắng nghe. Hơn nữa, cô có - từng có, sao cũng được - khả năng tiếp cận dữ liệu của Sở Cảnh sát New York và Lực lượng Phòng chống Ma túy. Không khó để theo vết kim tự tháp lên tới tận đỉnh. Có lẽ có khoảng hơn chục người, đang nhập khẩu ba loại ma túy chính vào địa phận New York và New England, nhưng kẻ mà cô có liên quan thì sống ở ngay Renfield này. Từng sống, cô nên nói vậy. Tên hắn là Donald Marsden, và khi hắn gửi đi thông tin thuế, hắn đã ghi *lập trình viên* là nghề cũ của mình, còn tình trạng nghề nghiệp hiện tại là *nghỉ hưu*. Kẻ này nghỉ hưu rồi, được thôi.”

Từng sống, cô nên nói vậy. Nghỉ hưu.

Lại giống Kenneth Therriault.

“Cậu nhóc đã hiểu qua tình hình rồi đấy”, Liz nói. “Tuyệt vời. Có phiền không nếu cô hút thuốc? Cô không nên hít thêm bột nữa chừng nào vụ này chưa xong. Sau đó cô sẽ thưởng cho

mình một lượng gấp đôi. Cho huyết áp chạm vạch đỏ luôn.”

Cô ta không đợi tôi đồng ý, cứ thế mà châm thuốc. Nhưng ít ra cô cũng hạ cửa sổ bên mình xuống để nhà khói ra ngoài. Bay ra gần hết, kiểu thế.

“Những cộng sự - *băng nhóm* - của Donnie Marsden gọi hắn là Donnie Bự, cũng có lý do cả. Hắn ta là một gã béo ị. Nặng phải độ hai trăm ký lô. Hắn ta tự chuốc họa vào thân thôi, và họa ụp xuống vào ngày hôm qua. Xuất huyết não. Não vỡ tung ra mà chẳng cần phải có khẩu súng nào.”

Cô ta hít một hơi thật sâu và thổi khói ra ngoài cửa sổ. Ánh sáng ban ngày vẫn rực rỡ nhưng những cái bóng bắt đầu dài ra rồi. Chẳng bao lâu nữa, ánh sáng sẽ tối dần đi.

“Một tuần trước khi gã bị đột quy, cô nhận được thông tin từ hai người quen cũ - những gã ở điểm B mà cô vẫn giữ giao hảo. Đó là Donnie đã nhận được một bưu kiện từ Trung Quốc. Một bưu kiện *không lồ*, bọn họ nói thế. Không phải bột, mà là thuốc viên. Đồ nhái OxyContin, một lượng lớn dành cho cá nhân Donnie Bự. Có lẽ là một kiểu phần thưởng. Dù sao thì cũng là suy

luận của cô thôi, vì thực ra *không tồn tại* đỉnh của kim tự tháp, Jamie ạ. Ngay cả ông chủ cũng vẫn có những ông chủ của riêng mình.”

Điều này làm tôi nghĩ đến một câu mà mẹ và bác Harry thỉnh thoảng vẫn nói. Họ học được câu ấy từ hồi còn nhỏ, tôi đoán vậy, và bác Harry vẫn nhớ nó dù cho mọi thứ quan trọng khác đã bay biến hết rồi. *Bọ chét to bị bọ chét nhỏ trên lưng mình cắn, trên lưng bọ chét nhỏ lại là bọ chét nhỏ hơn, và cứ thế cứ thế cứ thế mãi.* Tôi nghĩ mình cũng sẽ dạy con cái mình câu này. Đây là nếu như tôi có thể có con.

“Thuốc viên, Jamie! *Thuốc viên!*” Cô ta thốt lên bằng một giọng mê mẩn, hết sức ghê rợn. “Dễ dàng vận chuyển và bán đi cũng dễ hơn! *Không* lô có thể là hai hoặc ba nghìn, hoặc là *mười* nghìn. Và Rico - một gã ở điểm B - nói rằng chúng có giá bốn chục. Cháu có biết bốn chục, khi được bán lẻ ở các góc phố, thì là bao nhiêu không? Thôi bỏ đi, cô biết thừa là cháu không biết. Tám mươi một viên. Và không lo phải vã mồ hôi chạy trốn với heroin cất trong mấy cái túi nylon đựng rác, cô có thể đựng những thứ này chỉ trong một cái vali.”

Khói trườn ra ngoài qua hai bờ môi của cô ta, và cô nhìn nó trôi về lan can bảo vệ ven đường, có một tấm biển đề chữ TRÁNH XA RÌA ĐƯỜNG.

“Chúng ta sẽ đi lấy chỗ thuốc đó, Jamie. Cháu sẽ tìm hiểu xem hẳn ta cất thuốc ở đâu. Những gã cô quen đề nghị cô cho bọn họ tham gia, nếu như cô có manh mối gì về chỗ hàng, và dĩ nhiên là cô đã đồng ý, nhưng đây là thương vụ của riêng cô. Bên cạnh đó, có thể không có tới mười nghìn viên. Có thể chỉ là tám nghìn thôi. Hoặc là tám trăm.”

Cô ngược đầu lên, rồi lắc đầu. Như thể đang tranh luận với chính mình.

“Sẽ có khoảng vài nghìn viên. Ít nhất là vài nghìn viên, nhất định. Có thể nhiều hơn. Đây là phần thưởng dành cho Donnie vì đã hoàn thành tốt việc cung cấp cho nhóm khách hàng ở New York. Nhưng nếu cháu chia thuốc ra, số tiền sẽ không đáng kể nữa, mà cô đây thì không ngu. Gặp rắc rối với ma túy một tí, nhưng điều đó không biến cô thành một đứa ngu. Cháu có biết cô sẽ làm gì không, Jamie?”

Tôi lắc đầu.

“Chuyển tới bờ Tây. Mãi mãi biến mất khỏi cái vùng này của thế giới. Quần áo mới, tóc mới, một tôi mới. Cô sẽ kiếm ra ai đấy làm môi giới để giao dịch Oxy. Cô có thể không có được tám chục một viên, nhưng cô vẫn sẽ thu về rất nhiều, vì Oxy vẫn được coi như tiêu chuẩn, là vàng, và đồ Trung Quốc thì vẫn ngon lành như đồ xịn thôi. Sau đó cô sẽ khoác lên mình một danh phận mới đẹp đẽ, cho khớp với bộ tóc mới và quần áo mới. Cô sẽ đăng ký cai nghiện và sạch sẽ thoát khỏi ma túy. Tìm một công việc, có lẽ là một kiểu việc giúp cô bù đắp cho quá khứ. Dân Công giáo gọi thế là chuộc tội. Cháu thấy thế nào?”

Mơ tưởng hảo huyền, tôi nghĩ.

Suy nghĩ đó hẳn đã hiện trên mặt tôi, vì nụ cười vui vẻ của cô ta chợt đông cứng lại. “Cháu không nghĩ thế chứ gì? Được thôi. Cứ nhìn cô mà xem.”

“Cháu không muốn dỗi theo cô”, tôi nói.
 “Cháu muốn biến thật xa khỏi cô.”

Cô ta giơ một tay lên và tôi rúm lại vào ghế, nghĩ rằng cô ta định cho tôi một vủ, nhưng cô ta chỉ thờ dài và lại lấy tay quệt mũi. “Sao mà cô trách cháu vì nghĩ thế được? Ta cứ hiện thực

hóa điều đó đi. Chúng ta sẽ lái tới nhà hấn - căn cuối cùng trên đường Renfield, xung quanh hiu quạnh - và cháu sẽ hỏi hấn xem đồng thuốc ấy đang nằm ở đâu. Cô đoán là ở trong két riêng của hấn. Nếu đúng vậy thì cháu hỏi hấn cách mở két. Hấn ta sẽ phải nói cho cháu, vì người chết không thể nói dối.”

“Cháu không chắc chắn được”, tôi nói, câu nói dối này chứng tỏ tôi vẫn đang sống. “Đâu phải cháu từng đặt câu hỏi cho hàng trăm người chết đâu. Cháu gần như còn chẳng hề nói chuyện với họ. Tại sao cháu phải nói chuyện kia chứ? Họ chết rồi mà.”

“Nhưng Therriault đã nói cho cháu quả bom ở đâu, dù cho hấn không muốn nói.”

Tôi không thể cãi lại được, nhưng vẫn còn một khả năng nữa. “Nếu gã đó không ở nhà hấn thì sao? Nếu hấn ở bên xác mình thì sao? Hoặc là, cháu không biết nữa, lẽ đâu hấn đi thăm bố mẹ hấn ở Florida. Có thể là một khi chết rồi, bọn họ có thể dịch chuyển tức thời tới bất cứ đâu.”

Tôi đã nghĩ những điều ấy có thể khiến cô ta dao động, nhưng trông cô chẳng nản lòng chút nào. “Thomas đã ở nhà của ông ta mà, không phải sao?”

“Điều đó không có nghĩa là *tất cả* bọn họ đều vậy, Liz!”

“Cô khá chắc là Marsden cũng sẽ như thế.” Giọng cô ta rất chắc chắn. Cô ta không hiểu rằng những người chết rất khó đoán định. “Hành động thôi. Rồi cô sẽ đáp ứng nguyện ước tha thiết nhất của cháu. Cháu sẽ không bao giờ phải nhìn thấy cô nữa.”

Cô nói câu này bằng một điệu bộ buồn bã, như là tôi phải thấy xót thương cho cô vậy, nhưng không có chuyện đó nhé. Cảm giác duy nhất mà tôi có với cô ta là sợ hãi.

58

Con đường hướng lên cao dần theo một loạt khúc cua hình chữ S. Ban đầu, có một vài ngôi nhà và hộp thư ở bên đường, nhưng chúng ngày càng cách xa nhau hơn. Cây cối dần xuất hiện nhiều hơn, những chiếc bóng cây đan vào nhau, khiến ta cảm giác như giờ giấc đã khá muộn, nhưng thực tế thì không phải vậy.

“Cháu nghĩ trên đời có bao nhiêu?”, Liz hỏi.

“Hả?”

“Những người như cháu. Những người có thể nhìn thấy người chết.”

“Làm sao cháu biết được.”

“Cháu chưa bao giờ gặp ai khác à?”

“Chưa từng, nhưng chuyện khó mà diễn ra theo cách cô bảo. Bắt chuyện nhau theo kiểu, ‘Này, cậu có nhìn thấy người chết không?’”

“Cô cũng không nghĩ điều ấy khả thi. Mà rõ là cháu không kế thừa khả năng này từ mẹ mình rồi.” Cô ta cứ như đang nói về màu mắt tôi hay mái tóc xoăn của tôi vậy. “Còn bố cháu thì sao?”

“Cháu không biết ông ấy là ai. Hay từng là ai. Sao cũng được.” Nhắc tới bố khiến tôi bồn chồn, có lẽ vì mẹ tôi từ chối kể về ông.

“Cháu chưa bao giờ hỏi à?”

“Cháu từng hỏi chứ. Mẹ không trả lời.” Tôi xoay người trên ghế để nhìn vào cô ta. “Mẹ không bao giờ kể gì về chuyện đó... về ông ấy... cho cô à?”

“Cô đã hỏi và nhận được câu trả lời như cháu đã nhận được. Kín như bưng. Không giống kiểu của Tee chút nào.”

Giờ thì nhiều đoạn rẽ hơn, đường hẹp hơn. Dòng Wallkill đã ở xa bên dưới chúng tôi, lấp lánh trong ánh nắng chiều muộn. Hoặc có lẽ đã là đầu giờ tối. Tôi để đồng hồ của mình trên cái tủ đầu giường ở nhà, và đồng hồ trên táp lô thì báo tám giờ mười lăm phút, hết sức sai trái. Trong

lúc đó, chất lượng của con đường cũng kém dần đi, chiếc xe của Liz lục khục lăn trên những khúc vá đường lổn nhổn và huỳnh huých vượt qua những ổ gà.

“Có lẽ chị ấy say đến nỗi chẳng nhớ gì. Hoặc là chị ấy bị hiếp.” Không một suy nghĩ nào trong hai điều này từng thoáng qua tâm trí tôi, và tôi giật nảy lên. “Đừng sốc thế. Cô chỉ đang đoán thôi. Mà cháu đã đủ lớn để suy xét xem mẹ cháu đã phải trải qua những gì.”

Tôi không to tiếng cãi lại cô ta, nhưng cãi thầm trong đầu thì có. Thực tế là, tôi thấy cô ta nói năng hết sức dờ hơi tầm xàm. Liệu bạn có bao giờ đủ lớn để suy xét xem, phải chăng đời bạn là kết quả của một cuộc làm tình trên băng ghế ô tô của người lạ, mà người tham gia thì mê man, bất tỉnh nhân sự? Hoặc rằng mẹ của bạn bị kéo vào một con hẻm và bị hiếp? Tôi thật lòng không nghĩ bạn có thể đủ lớn cho những chuyện như vậy.

“Có lẽ tài năng này đến từ ông bà già thân yêu của cháu. Thật tiếc là cháu chẳng thể hỏi han ông ta.”

Tôi nghĩ tôi cũng chẳng hỏi han gì dù có tình cờ gặp được cái gã đó. Có lẽ tôi sẽ chỉ đấm vào mồm hắn một quả.

“Mặt khác, cũng có thể năng lực ấy đến từ thính không. Cô lớn lên ở một thị trấn nhỏ thuộc New Jersey, và có gia đình này cách nhà cô một con phố, gia đình Jones. Vợ, chồng, và năm đứa trẻ sống trong một cái nhà xe di động bé tí, xập xệ. Cặp vợ chồng ấy là đồ đầu đất và bốn đứa con họ cũng vậy. Nhưng đứa thứ năm là một thiên tài. Tự học ghita khi sáu tuổi, nhảy cóc hai lớp, mười hai tuổi đã học cấp ba. Điều đó đến từ đâu kia chứ? Cháu thử nói cô xem.”

“Có lẽ bà Jones đã quan hệ với tay buu tá”, tôi nói. Tôi học được câu này ở trường. Liz bật cười.

“Cháu vui tính quá thể, Jamie ạ. Cô ước gì mình vẫn có thể là bạn.”

“Thế thì cô đáng ra phải hành xử như một người bạn”, tôi đáp.

59

Đoạn đường nhựa đột ngột kết thúc, nhưng con đường đất sau đó hóa ra lại dễ đi hơn: đất được nén chặt, có rải dầu và bằng phẳng. Có một tấm biển lớn màu da cam ghi chữ ĐƯỜNG TƯ NHÂN, CẤM VÀO.

“Nếu có người khác ở đây thì sao?”, tôi hỏi.
“Kiểu như bảo vệ ấy?”

“Nếu có thì bọn đấy cũng phải canh gác cái xác. Nhưng cái xác đã được chuyển đi rồi, và cái gã được thuê để canh cổng cũng sẽ không ở đây nữa. Chẳng còn ai, ngoại trừ người làm vườn và quản gia. Nếu cháu đang tưởng tượng đến một cảnh phim hành động với những gã đàn ông mặc com lê đen, đeo kính râm và cầm súng bán tự

động bao quanh sếp lớn, thì quên đi nhé. Gã canh công là người duy nhất có vũ khí, và kể cả nếu Teddy vẫn ở đây thì hẳn ta biết cô.”

“Còn vợ của ông Marsden thì sao?”

“Không có vợ. Bà ta bỏ đi năm năm trước rồi.”
Liz búng ngón tay. “Cuốn theo chiều gió. Bụp.”

Chúng tôi men theo một khúc cua nữa. Quả núi rợp bóng cây, với những hàng linh sam vươn ra trước, che khuất một nửa bầu trời phía tây. Tia nắng mặt trời xuyên qua khe núi sẽ sớm biến mất. Trước mắt chúng tôi là một cánh cổng làm từ những cây cọc sắt. Đóng kín. Có hệ thống liên lạc nội bộ và bảng bấm số ở một bên cổng. Ở phía bên kia, đằng sau cổng, là một căn nhà nhỏ, có lẽ là nơi người gác cổng giết thời gian.

Liz dừng lại, tắt máy và thả chìa khóa vào túi. “Ngồi yên đây, Jamie. Chuyện sẽ xong xuôi trước khi cháu kịp để ý.”

Má cô ta hồng lên và đôi mắt cô sáng rõ. Một dòng máu nhỏ chảy xuống từ mũi cô ta và cô liền quệt đi. Cô bước ra ngoài và đi tới chỗ đặt bộ liên lạc, nhưng cửa sổ xe đang đóng nên tôi không nghe được cô ta nói gì. Rồi cô bước đến chỗ ở của người gác cổng, và lần này tôi có

thể nghe, vì cô cao giọng gọi: “Teddy? Anh có ở đó không? Liz bạn anh đây. Tôi muốn tới chia buồn, tỏ lòng thành kính, nhưng tôi cần biết là mình phải đi đâu!”

Không có ai trả lời và cũng không có ai đi ra. Liz quay trở lại phía bên kia của cánh cổng. Cô rút ra một mẫu giấy từ cái túi sau quần, nghiên cứu nó, rồi bấm vài nút vào cái bảng số. Cánh cổng chậm rãi lăn mở. Cô quay trở lại xe, mỉm cười. “Có vẻ chúng ta thâu nguyên cả nơi này rồi, Jamie.”

Cô lái xe đi vào. Con đường tiến vào bên trong được rải nhựa, mượt như mặt kính. Lại có một khúc quanh hình chữ S, và khi Liz đi qua, những ngọn đèn điện bật sáng hai bên đường. Sau này tôi biết được rằng, kiểu đèn như vậy được gọi là đèn dạng đuốc, *flambeaux*. Hoặc là người ta chỉ dùng từ này cho những ngọn đuốc trong phim *Frankenstein* thời xưa, khi dòng người lũ lượt kéo tới lâu đài.

“Đẹp ghê”, tôi nói.

“Ừ, nhưng để ý tìm cái thứ chết tiệt kia đi, Jamie!”

Ở phía bên kia của khúc quanh chữ S, ngôi nhà của Marsden hiện ra trong tầm mắt. Nó giống như một biệt thự Hollywood Hills mà bạn vẫn

thấy trong phim: to lớn và đưa ra trước. Mặt đối diện với chúng tôi toàn là kính. Tôi tưởng tượng ra cảnh Marsden nhâm nhi cà phê sáng và ngắm mặt trời mọc. Tôi cá là hẳn ta có thể phóng mắt tới tận Poughkeepsie, thậm chí là xa hơn nữa. Nhưng nghĩ lại... view nhìn ra Poughkeepsie ấy hả? Cũng không đáng lắm.

“Ngôi nhà được xây từ heroin.” Liz ác nghiệt nói. “Có đủ thứ màu mè phù phiếm, trong gara còn có Mercedes và Boxster nữa. Những thứ khiến cô đây mất việc.”

Tôi định nói là, *cô được quyền lựa chọn mà*, mẹ vẫn bảo tôi thế mỗi khi tôi gây ra lỗi gì đó, nhưng tôi rớt cuộc vẫn im miệng. Cô ta đang kích động như một quả bom của Thumper, và tôi không muốn làm cô ta phát nổ.

Còn một khúc quanh nữa là chúng tôi đến khoảng sân lát gạch trước ngôi nhà. Liz lái xe tới, và tôi nhìn thấy một người đàn ông ở phía trước nhà để xe rộng rãi - nơi để những chiếc xe sang trọng của Marsden (rõ là người ta không đưa Donnie Bự tới nhà xác trên con Boxster). Tôi định mở miệng nói, đó chắc là Teddy, người gác cổng - tay này gầy, vậy nên chắc chắn không phải Marsden rồi - nhưng rồi tôi thấy mồm gã ta đã biến mất.

“Chiếc Boxster ở trong đó à?” Tôi hỏi, hy vọng giọng nói của mình vẫn tương đối bình thường. Tôi chỉ về gara và người đàn ông đang đứng trước nó.

Cô ta nhìn. “Ừ, nhưng nếu cháu hy vọng được lên cái xe ấy đi một chuyến, hoặc là chỉ nhìn nó một cái thôi, thì cháu phải thất vọng vậy. Chúng ta phải tập trung vào việc.”

Cô ta không nhìn thấy gã. Chỉ tôi mới thấy. Với cái lỗ màu đỏ ở nơi đáng ra phải là mồm kia, hẳn gã ta không chết một cách tự nhiên.

Như tôi đã bảo, đây là một câu chuyện kinh dị.

60

Liz tắt máy và bước ra ngoài. Cô ta thấy tôi vẫn ngồi trên ghế, chân cắm chặt xuống sàn, bao quanh là một mớ vỏ bao đồ ăn vặt. Cô lay mạnh tôi. “Đi nào, Jamie. Đến lúc làm việc của cháu rồi. Sau đó cháu sẽ tự do.”

Tôi ra khỏi xe và theo cô ta bước tới cửa chính. Trên đường đi, tôi trộm liếc nhìn gã đàn ông đứng trước gara một lần nữa. Hẳn là gã biết tôi đang nhìn gã, vì hắn giơ một tay lên. Tôi kiểm tra để chắc rằng Liz đang không nhìn tôi, rồi mới giơ tay lên đáp trả.

Những bậc thang màu xám đậm dẫn tới một cánh cửa gỗ cao với búa gỗ có hình đầu sư tử. Liz

không để tâm, chỉ lấy ra một mẫu giấy từ túi và lại bấm vài nút vào bảng bấm số. Cái đèn màu đỏ trên bảng số chuyển sang màu xanh lục và một tiếng thịch vang lên khi cánh cửa được mở khóa.

Lẽ nào Marsden lại cho một kẻ vận chuyển cấp thấp biết được những mã số này? Tôi không nghĩ vậy, và tôi cũng không nghĩ kẻ nào đó báo cho cô ta thông tin về chỗ thuốc viên lại biết mã. Tôi thấy không ổn khi cô ta có mã, và đây là lần đầu tiên tôi nghĩ tới Therriault... hoặc cái thứ hiện đang sống trong phần còn lại của hắn ta. Tôi đã khuất phục thứ ấy trong nghi lễ Chüd, và có lẽ nó sẽ đến khi tôi gọi, tôi luôn cho là nó phải tôn trọng giao ước giữa chúng tôi. Nhưng giả định ấy vẫn chưa được chứng minh. Tôi chỉ có thể coi đó là biện pháp cuối cùng của mình, dù cho chuyện gì xảy ra, vì tôi rất sợ nó.

"Đi vào đi." Liz đã cắt mẫu giấy trở lại túi quần sau, và bàn tay từng cầm giấy giờ được đút vào túi áo duffle. Tôi lại liếc nhìn gã kia - Teddy, tôi cho là vậy - gã vẫn đang đứng bên nhà xe. Tôi nhìn vào cái lỗ máu me từng là mồm của gã và nghĩ tới vệt máu trên áo len của Liz. Có lẽ đó là máu khi cô ta quệt mũi.

Hoặc không.

“Cô bảo là đi vào đi.” Không phải một lời mời.

Tôi mở cửa. Không có sảnh, chỉ là một căn phòng chính, khổng lồ. Giữa phòng là một khu vực được làm thấp xuống, với nội thất là đi văng và những chiếc ghế đơn. Sau này, tôi phát hiện ra kiểu không gian ấy được gọi là “vùng lõm để trò chuyện⁴⁵”. Có những cái ghế trông có vẻ đắt tiền khác được đặt xung quanh (có lẽ để người ta có thể ngồi xem cuộc đối thoại đang diễn ra bên dưới), một quầy bar trông như được đặt trên các bánh xe, và còn có vài thứ được treo trên tường. Tôi dùng từ *vài thứ* vì tôi thấy nó không giống tranh vẽ, mà chỉ là mấy cái vẩy màu và vài nét quệt nguệch ngoạc, nhưng mấy vẩy màu này được đóng khung, nên tôi đoán trong mắt Marsden thì đó là tranh vẽ. Có một chiếc đèn tròn treo phía trên vùng lõm, trông nó phải nặng cỡ hai trăm cân là ít nhất, và tôi không muốn phải ngồi bên dưới nó. Phía bên kia vùng lõm, ở góc xa xa của căn phòng, là một chiếc cầu thang đôi hoành tráng. Chiếc cầu thang duy nhất hơi hơi giống thế mà tôi từng thấy trong đời thực, không tính phim ảnh hay ti vi, là chiếc cầu thang ở cửa hàng Apple trên Đại lộ Năm.

⁴⁵Nguyên văn: conversation pit.

“Cái ố này cũng ra gì đấy, phải không?”, Liz nói. Cô ta đóng cửa lại - THỊCH - và đập mạnh gót bàn tay mình vào chỗ công tắc đèn sau cửa. Nhiều ngọn đuốc sáng lên, cả cái đèn chùm cũng sáng. Đèn rất đẹp và tỏa ra ánh sáng cũng rất đẹp, nhưng tôi không có tâm trạng đâu mà chiêm ngưỡng. Tôi ngày càng chắc chắn hơn rằng Liz đã từng đến đây, và đã bắn Teddy trước khi cô ta tới tóm tôi đi.

Cô ta sẽ không phải bắn mình nếu cô ta không biết là mình đã nhìn thấy gã, tôi tự nhủ, và dù suy nghĩ này khá hợp lý, tôi biết là mình không thể tin vào logic để vượt qua vụ này. Cô ta đang phê, bốc lên tận mây xanh như một cánh diều, rung bần bật. Tôi lại nghĩ tới những quả bom của Therriault.

“Cô không hỏi cháu”, tôi nói.

“Hỏi cháu cái gì?”

“Là hấn ta có ở đây không.”

“Ờ thì, hấn có ở đây không?” Chẳng có chút quan tâm nào trong câu thắc mắc này của cô ta, chỉ để hỏi cho có lệ. Sao lại thế?

“Không có”, tôi nói.

Cô ta không có vẻ bồn chồn như lúc chúng tôi săn lùng Therriault. “Hãy kiểm tra tầng hai. Có lẽ

hắn ta ở trong phòng ngủ chính, ôn lại những kỷ niệm tốt đẹp mà hắn từng có với mấy con điếm ở đó. Nhiều à đã đến sau khi Madeline bỏ đi. Có lẽ trước đây cũng thế.”

“Cháu không muốn lên trên.”

“Sao lại không? Nơi này đâu có bị ám, Jamie.”

“Nó chính là một nơi bị ám, nếu hắn ta ở trên tầng.”

Cô ta nghĩ một chút, rồi bật cười. Bàn tay cô ta vẫn đút bên trong túi áo khoác. “Cô thấy cháu cũng có lý, nhưng ta đang tìm hắn mà, nên đi lên thôi. *Ándale, ándale.*⁴⁶”

Tôi chỉ tay về phía bên phải căn phòng lớn, có một hành lang dẫn ra khu vực khác. “Hắn ta có thể ở trong bếp.”

“Để tìm đồ ăn vặt à? Cô không nghĩ thế đâu. Cô nghĩ hắn ở tầng trên. Đi thôi.”

Tôi định tranh luận thêm, hoặc là thẳng thừng từ chối, nhưng cô ta có thể rút tay ra khỏi túi và tôi đã gần như đoán được bên trong túi là thứ gì rồi. Thế nên tôi bắt đầu leo lên phía cầu thang bên phải. Cầu thang có một lớp chắn bằng kính mờ màu xanh lá, trông mát mắt. Những bậc thang

⁴⁶ Tiếng Mexico, nghĩa là: mau lên.

được làm từ đá cũng màu xanh lục. Có tổng cộng bốn mươi bảy bậc thang, tôi đếm, và mỗi bậc thang có lẽ giá trị bằng một chiếc Kia.

Đi hết cầu thang, tôi thấy một cái gương được đóng khung mạ vàng treo trên tường. Cái gương này phải cao hơn hai mét. Bên phía đối diện là một cái gương giống y hệt. Tôi nhìn thấy mình hiện lên trong gương, và Liz ở sau tôi, nhìn qua vai tôi.

“Mũi cô kia”, tôi nói.

“Cô thấy rồi.” Giờ thì máu chảy ra từ cả hai lỗ mũi của cô ta. Cô lau mũi, rồi quệt tay vào cái áo len. “Vì stress đấy. Stress làm chảy máu mũi, vì mao mạch ở đó rất nhạy cảm. Một khi ta tìm được Marsden và hẳn ta cho cô cháu mình biết đồng thuốc ở đâu, cơn stress sẽ tiêu tan.”

Mũi cô có chảy máu khi cô bắn Teddy không? Tôi tự hỏi. Việc đó stress đến mức nào vậy, Liz?

Hành lang ở trên tầng thực ra là một ban công bán nguyệt, như là sàn trình diễn thời trang vậy, với tấm chắn cao tới eo. Ngó qua tấm chắn khiến bụng tôi nhộn nhạo. Nếu bạn ngã - hoặc bị đẩy ngã - bạn sẽ rơi thẳng xuống cái vùng lõm trò chuyện kia, nơi tấm thảm rực rỡ sắc màu không

giúp ích gì mấy trong việc đỡ cho bạn tránh va đập với cái sàn nhà đá bên dưới.

“Rẽ trái, Jamie.”

Thế có nghĩa là rời xa cái ban công, rất tốt. Chúng tôi đi dọc hành lang dài, tất cả các cánh cửa đều nằm phía bên trái, nên bất kỳ ai ở trong đó cũng có thể tận hưởng quang cảnh bên ngoài. Cánh cửa duy nhất đang mở nằm ở giữa hành lang. Đó là một thư viện có không gian tròn, mọi giá sách đều đầy ắp. Mẹ tôi sẽ say mê nơi này. Có những chiếc ghế đơn và xô pha ở trước khoảng tường duy nhất không có sách. Trên tường có một cái cửa sổ kính, dĩ nhiên, cũng cong ra ngoài theo hình bán nguyệt, trông ra không gian giờ đang chuyển màu tím hoàng hôn. Tôi có thể nhìn thấy những vùng đèn sáng chắc hẳn thuộc về thị trấn Renfield, và tôi gần như có thể đánh đổi mọi thứ để được ở đó.

Liz cũng không hỏi Marsden có ở trong thư viện không. Thậm chí không liếc nhìn tới một cái. Chúng tôi đi tới cuối hành lang, và cô ta dùng bàn tay không đút trong túi áo khoác để chỉ về cánh cửa cuối cùng. “Cô khá chắc là hẳn ta ở đây. Mở cửa đi.”

Tôi mở cửa, và đúng vậy, Donald Marsden ở đây, nằm ườn trên một cái giường lớn đến nỗi nó trông như giường ba, có khi là giường bốn, chứ không phải là giường đôi nữa. Bản thân hắn ta trông cũng gấp bốn người thường, Liz miêu tả đúng. Trong đôi mắt trẻ con của tôi, đồng thịt của hắn trông cứ như một ảo ảnh vậy. Một bộ com lê chất lượng có lẽ sẽ che bớt được chút ít mỡ trên người, nhưng hắn ta hiện không mặc com lê. Hắn chỉ đang mặc độc một cái quần đùi ngủ to tổ chàng, không gì khác. Trên bộ ngực kèn càng và đôi tay núc ních của hắn là nhiều vết cắt nông chém ngang chém dọc. Gương mặt tròn vo bị thâm tím và một bên mắt thì sưng đến không mở ra nổi. Có một thứ kỳ lạ bị kẹt trong mồm hắn mà sau này tôi biết được (nhờ một trang web mà bạn sẽ không muốn mẹ bạn biết đến) nó được gọi là bóng bịt miệng. Hai cổ tay hắn bị còng vào hai cái cột đầu giường. Liz hắn chỉ mang theo hai cái còng, vì hai cổ chân hắn thì bị trói vào cột chân giường bằng băng keo. Cô ta chắc phải dùng hết một cuộn băng cho mỗi bên.

“Hãy chiêm ngưỡng chủ nhân của căn nhà nào”, Liz nói.

Đôi mắt lạnh lặn của hắn chớp một cái. Bạn sẽ nói rằng đáng ra tôi phải nhận thấy vấn đề từ cái còng tay và chỗ băng keo. Tôi đáng ra phải biết, vì vài vết cắt vẫn còn đang rỉ máu. Nhưng tôi không biết. Tôi đang sốc và không biết gì hết. Cho đến khi nhìn thấy cái chớp mắt đó.

“Hắn ta còn sống!”

“Cô có thể sửa lại”, Liz nói. Cô ta rút ra khẩu súng từ trong túi áo khoác và bắn thẳng vào đầu người đàn ông.

61

Máu và não bắn tung tóe lên bức tường đằng sau hắn ta. Tôi hét lên và chạy khỏi căn phòng, phi xuống cầu thang, lao ra khỏi cửa, chạy qua Teddy và lao xuống con đồi. Tôi chạy thẳng tới Renfield. Tất cả những chuyện ấy trong một giây. Rồi Liz vòng hai tay cô ta quanh người tôi.

“Bình tĩnh lại, nhóc. Bình—”

Tôi thoi vào bụng cô ta và nghe thấy cô hự ra một tiếng đầy ngỡ ngàng. Tiếp đó, tôi bị xoay và cánh tay tôi bị vặn ngược ra sau. Đau thấu trời xanh và tôi lại hét lên. Đột nhiên, chân không còn giúp tôi đứng vững được nữa. Cô ta quệt mạnh một cái bên dưới và tôi gục xuống hai đầu gối, tôi

thét lên váng đầu khi cánh tay mình bị vặn ngược lên cao đến độ cổ tay tôi chạm vào xương bả vai.

“Câm mồm!” Giọng cô ta, to hơn tiếng gầm, vang vọng trong tai tôi. Đây là người phụ nữ từng chơi ô tô Matchbox với tôi, hai cô cháu cùng nhau quỳ chơi trên sàn nhà, trong khi mẹ tôi khuấy sốt spaghetti trong bếp, lắng nghe những bài nhạc cũ trên Pandora. “Ngừng làm loạn đi và cô sẽ thả cháu ra!”

Tôi nghe lời và cô ta buông ra. Giờ thì tôi khuyụ người trên hai bàn tay và hai đầu gối, nhìn chằm chằm xuống thảm trải sàn, run rẩy toàn thân.

“Đứng lên coi, Jamie.”

Tôi cố đứng lên, nhưng vẫn nhìn xuống cái thảm. Tôi không muốn phải nhìn vào gã đàn ông ục ịch đã mất nửa cái đầu.

“Hắn ta có ở đây không?”

Tôi nhìn xuống tấm thảm, không nói gì. Tóc che mắt tôi. Vai tôi giật giật.

“Hắn có ở đây không? Nhìn quanh đi!”

Tôi ngẩng đầu, nghe thấy cô kêu rắc rắc một cái. Thay vì nhìn thẳng vào Marsden - tôi vẫn nhìn thấy hắn, quá to xác để lọt ra ngoài tầm mắt -

tôi nhìn vào cái bàn cạnh giường. Có mấy lọ thuốc liễn đặt trên bàn. Ngoài ra còn có một cái sandwich cỡ bự và một chai nước suối.

“*Hắn có ở đây không?*” Cô ta táng một cú vào sau đầu tôi.

Tôi nhìn quanh phòng. Chẳng có ai ngoại trừ hai chúng tôi và cái xác của gã đàn ông. Giờ thì tôi đã nhìn thấy hai người bị bắn vào đầu. Therriault rất kinh khủng, nhưng ít nhất thì tôi cũng không phải nhìn hắn ta chết.

“Không có ai”, tôi nói.

“Sao lại không? Sao hắn lại không ở đây?” Giọng cô ta như phát cuồng. Khi ấy tôi không thể nghĩ gì nhiều, tôi đang sợ điếng người. Chỉ đến sau này, nghĩ lại năm phút dài vô tận trong căn phòng của Marsden, tôi mới nhận ra cô ta bỗng nghi hoặc tất thảy mọi chuyện. Bất chấp câu chuyện về Regis Thomas và cuốn sách cuối cùng, bất chấp quả bom ở siêu thị, cô ta vẫn sợ là thực ra tôi không thể nhìn thấy người chết, và cô ta vừa giết đi người duy nhất biết được chỗ thuốc được giấu ở đâu.

“Cháu không biết. Cháu chưa bao giờ ở gần một người vừa chết. Có lẽ... có lẽ phải mất một lúc. Cháu không biết, Liz.”

“Được rồi”, cô ta nói. “Ta sẽ chờ.”

“Không chờ ở đây, được không? Làm ơn đấy, Liz, không phải ở một nơi mà cháu phải nhìn vào hấn ta.”

“Thế thì ra hành lang. Nếu cô buông cháu ra, liệu cháu có cư xử đàng hoàng không?”

“Có mà.”

“Không cố chạy đi chứ?”

“Không.”

“Nên thế, cô không muốn phải bắn vào chân cháu. Chấm dứt sự nghiệp tennis của cháu mất. Ra ngoài đi.”

Tôi ra ngoài và cô ta cũng ra ngoài, để cô ta có thể chặn tôi lại phòng khi tôi cố thoát thân. Khi chúng tôi đã ở hành lang, cô ta lại bảo tôi nhìn xung quanh thử xem. Tôi làm theo. Marsden không ở đây và tôi báo lại với cô.

“Chết tiệt”. Tiếp đó: “Cháu nhìn thấy cái sandwich, phải không?”

Tôi gật đầu. Một cái sandwich và một chai nước cho một gã đàn ông bị trói chặt vào cái giường khung gỗ. Trói chặt tay chân.

“Hấn ta cuồng ăn”, Liz nói. “Cô từng ăn với hấn trong một nhà hàng. Gã này đáng ra phải

xúc bằng xẻng chứ không phải là xài đĩa với thìa. Đúng là đồ lợn.”

“Tại sao cô lại để bên cạnh một chiếc sandwich mà hẳn ta không thể ăn”

“Cô chỉ muốn hẳn nhìn thấy nó, lý do đấy. Chỉ nhìn thôi. Nhìn cả ngày, trong khi cô đi tới đón cháu và mang cháu quay lại đây. Tin cô đi, ăn một quả đạn vào đầu là điều hẳn đáng phải nhận. Cháu có biết hẳn đã giết bao nhiêu người bằng... thứ thuốc độc vui vẻ của mình không?”

Ai giúp hẳn kia chứ? Tôi nghĩ thế, nhưng đương nhiên là không nói ra.

“Mà dù sao thì, cháu nghĩ hẳn ta sẽ sống thêm bao lâu nữa? Hai năm? Hay là năm năm? Cô từng vào phòng tắm của hẳn rồi, Jamie. Thằng chả có một cái bồn cầu to gấp đôi bình thường!” Cô ta thốt ra một âm thanh nằm giữa tiếng cười và một cái khịt mũi ghê tởm. “Được rồi, ta ra ban công đi. Để xem hẳn ta có ở trong căn phòng chính không. Đi chậm thôi.”

Tôi không thể đi nhanh ngay cả khi muốn vậy, vì hai đùi tôi run lẩy bẩy và đầu gối tôi thì nhũn ra như thạch.

“Cháu có biết cô lấy mã mở cổng như thế nào không? Nhờ tay vận chuyên của Marsden. Thằng

này mê cocain khủng điên. Cô có thể ngủ với vợ nó nếu cô muốn, nó sẽ vui vẻ đưa ả cho cô nếu cô tiếp tục đưa đồ cho nó. Còn cô lấy được mã ngòi nhà tù Teddy.”

“Trước khi cô giết gã.”

“Cô còn có thể làm gì khác đây?” Nói cứ như thể tôi là đứa học dốt nhất lớp. “Thằng đấy có thể nhận dạng cô.”

Cháu cũng có thể, tôi nghĩ, và suy nghĩ này làm tôi nhớ đến cái thứ mà tôi có thể huýt gió để gọi tới. Tôi sẽ phải làm thế, nhưng tôi vẫn không muốn. Vì nó có thể không hiệu quả ư? Cũng đúng, nhưng không chỉ vậy. Xoa đèn thần và thần đèn xuất hiện, được thổi, mừng cho bạn. Xoa đèn thần và triệu hồi quỷ dữ - ánh sáng chết chóc - thì chỉ Chúa mới biết được điều gì có thể xảy ra, chứ tôi thì không biết.

Chúng tôi đi tới ban công, tấm chắn thấp, độ cao lớn. Tôi ngó ra ngoài.

“Hắn ta có ở bên dưới không?”

“Không.”

Khẩu súng thúc vào lưng dưới của tôi. “Cháu có nói dối không đấy?”

“Không!”

Cô ta thở dài, đầy khó chịu. “Chuyện đáng ra không diễn biến thế này.”

“Cháu không biết chuyện đáng ra phải diễn biến thế nào, Liz. Tất cả những gì cháu biết là hẳn ta có thể ở bên ngoài, nói chuyện với T—” Tôi dừng lại.

Cô ta tóm lấy vai tôi và xoay tôi lại. Máu đã chảy lên khắp môi trên của cô ta - con stress hẳn đang lên cao lắm - nhưng cô ta đang mỉm cười. “Cháu nhìn thấy Teddy à?”

Tôi cup mắt xuống. Thế là đủ cho một câu trả lời.

“Con chó con ranh mãnh này.” Cô ta thật sự bật cười. “Chúng ta sẽ ra ngoài và ngó một cái xem, nếu như Marsden không có trong nhà, nhưng mà giò thì cứ đợi một chút đã. Ta có thể đợi. Con điếm mới nhất của hẳn đang đi thăm người thân ở Jamaica, hoặc Barbados, hoặc là nơi nào đó có mấy cây cọ, và tuần này hẳn sẽ không có ai tới thăm, gần đây hẳn chỉ lo chuyện kinh doanh qua điện thoại. Hẳn ta chỉ nằm dài ra đó khi cô bước vào, đang xem cái chương trình xử án *John Law* trên ti vi. Trời ạ, cô ước ít

nhất hần ta cũng tròng bộ đồ ngủ vào người, cháu có hiểu không?”

Tôi chẳng nói gì.

“Hần bảo cô là chẳng có thuốc viên gì hết, nhưng nhìn mặt là cô nhận ra hần nói dối, thế nên cô trói hần và cắt hần một tí. Nghĩ là làm thế có thể khiến hần mềm lưỡi ra, và cháu có biết hần làm gì không? Hần *cười* vào mặt cô. Hần bảo được rồi, có, có Oxy đấy, nhiều lắm, nhưng hần sẽ không bao giờ nói cho cô biết thuốc nằm ở đâu. ‘Sao tao phải nói?’, hần bảo thế. ‘Đằng nào mà mày chẳng giết tao.’ Đó chính là khoảnh khắc vỡ lẽ. Không thể tin được là cô lại không nghĩ tới chuyện này từ trước. *Muy stupido*⁴⁷.” Cô ta lấy cái tay cầm súng đập vào một bên đầu mình.

“Là cháu”, tôi nói. “Cháu là cái lẽ mà cô vỡ ra.”

“Chuẩn xác. Thế là cô để hần ta nằm lại với cái sandwich và một chai nước, cho hần thèm thườn, và cô đi tới New York tóm lấy cháu, rồi chúng ta lái xe trở lại, không có ai khác đến, và giờ thì ta ở đây, *thế thì hần ta đang ở cái chỗ chết mẹ nào hả?*”

“Ở kia”, tôi nói.

⁴⁷ Tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là: quá ngu ngốc.

“Cái gì? Ở đâu?”

Tôi chỉ tay. Cô ta quay lại và đương nhiên là chẳng thấy gì cả, nhưng tôi có thể nhìn thay cho cả hai. Donald Marsden, còn được gọi là Donnie Bự, đang đứng ở lối vào cái thư viện vòng cung của mình. Hắn chỉ mặc cái quần đùi ngủ và phần nửa trên của đầu hắn đã gần như bị thổi bay, hai vai hắn đầm đìa máu, nhưng hắn đang chòng chọc nhìn tôi bằng con mắt không bị Liz đâm tới không thể mở ra nổi, trong con điên tiết tuyệt vọng của cô ta.

Tôi giơ một bàn tay lên với hắn, để thăm dò. Hắn giơ một tay lên đáp lại.

62

“Hỏi hấn đi!” Cô ta thúc vào vai tôi và thò vào mặt tôi. Cả hai việc đều chẳng dễ chịu chút nào, nhưng vụ thò vào mặt thì tệ hơn.

“Bỏ cháu ra và cháu sẽ hỏi.”

Tôi chậm chậm bước tới Marsden. Liz theo sát đằng sau. Tôi có thể cảm nhận thấy cô ta, *lù lù* sau lưng.

Tôi dừng lại khi khoảng cách là một mét rưỡi.
“Thuốc ở đâu?”

Hấn ta trả lời không chút lưỡng lự, nói chuyện như mọi người chết khác - chỉ có Therriault là ngoại lệ thôi - như thể chuyện đó không mấy quan trọng. Và sao phải quan trọng kia chứ? Hấn

ta có cần thuốc nữa đâu, không cần ở nơi hấn đang ở hiện tại và cũng không cần ở nơi mà hấn sẽ đến. Đây là giả như hấn sẽ đến đâu đó.

“Có một chút ở cái bàn cạnh giường, nhưng phần lớn nằm trong tủ thuốc. Topomax, Marinol, Inderal, Pepcid, Flomax...” Phải thêm sáu bảy cái tên nữa. Liệt kê tự động một tràng như danh sách đồ cần mua khi đi chợ.

“Hấn ta nói—”

“Yên lặng đi”, tôi bảo. Trong thời khắc này tôi là người nắm quyền chủ động, dù tôi biết điều đó sẽ không kéo dài lâu. Liệu tôi có nắm quyền chủ động không, khi tôi gọi cái thứ đang sống trong Therriault? Tôi không biết được. “Cháu đặt nhầm câu hỏi rồi.”

Tôi quay lại, nhìn cô ta.

“Cháu có thể đặt ra câu hỏi đúng, nhưng trước tiên cô phải hứa là cô sẽ thả cháu đi, một khi cô có được thứ mà mình muốn.”

“Dĩ nhiên rồi, Jamie”, cô ta nói, và tôi biết là cô ta nói dối. Tôi không chắc *làm thế nào* mà mình biết được, không có lý do logic nào cả, nhưng đây không chỉ là trực giác thuần túy. Tôi nghĩ điều này liên quan tới cái cách cô ta liếc mắt rời khỏi ánh nhìn của tôi, trong khi nói tên tôi.

Đến thời điểm ấy, tôi biết là mình sẽ phải huýt gió.

Donald Marsden vẫn đang đứng cạnh cánh cửa dẫn vào thư viện. Tôi thoáng thắc mắc không biết hắn có thật sự đọc những cuốn sách ở bên trong không, hay chỉ dùng sách làm đồ trưng bày. “Cô ấy không cần đồng thuốc chữa bệnh của ông, cô ấy muốn chỗ Oxy. Nó ở đâu?”

Điều xảy ra tiếp theo cũng đã từng xảy ra một lần trước đây rồi. Khi tôi hỏi Therriault là hắn đặt quả bom cuối cùng ở đâu. Những từ mà Marsden thốt ra không còn ăn khớp với chuyên động miệng của hắn nữa, kiểu như hắn đang vật lộn trước mệnh lệnh buộc phải trả lời. “Tao không muốn nói cho mày.”

Y hết những gì Therriault từng nói.

“Jamie! Hắn—”

“Yên lặng đi, cháu bảo rồi mà! Để cháu thử!” Sau đó, tôi hỏi hắn: “Chỗ Oxy ở đâu?”

Khi bị ép buộc, Therriault trông rất đau đớn, và tôi nghĩ - không biết chắc mà chỉ nghĩ - đó là lúc ánh sáng chết chóc xâm nhập. Marsden trông không có vẻ bị đau đớn thể chất, nhưng một thứ gì đó thuộc về cảm xúc đang diễn ra, dù cho hắn đã

chết. Hắn đưa hai tay lên ôm mặt, giống như một đứa trẻ vừa gây tội, và nói, “Phòng hoảng loạn.”

“Ý ông là sao? Phòng hoảng loạn là cái gì?”

“Đó là nơi tao đến phòng khi có kẻ đột nhập.” Cảm xúc đã biến mất, cũng nhanh như khi nó xuất hiện. Marsden đã quay trở lại trạng thái nói năng đều đều như lúc nói danh sách thuốc. “Tao có kẻ thù mà. Cô à là một trong số đó. Chỉ là tao không biết.”

“Hỏi hắn là nó ở đâu!” Liz quát.

Tôi tin chắc là đã biết căn phòng ở đâu, nhưng dù sao thì tôi vẫn hỏi. Hắn ta chỉ về thư viện.

“Đó là căn phòng bí mật”, tôi nói, nhưng vì đó không phải là một câu hỏi, hắn không có phản ứng gì. “Đó là căn phòng bí mật à?”

“Đúng.”

“Chỉ cho tôi đi.”

Hắn ta đi vào thư viện, căn phòng giờ đã mờ mờ tối. Những người chết thực ra không phải ma, nhưng khi hắn ta bước vào không gian lò mờ này, quả thực là hắn trông rất giống ma. Liz phải sờ quanh để tìm công tắc bật lên cái đèn phía trên đầu, và nhiều ngọn đèn dạng đuốc khác cũng

sáng lên. Điều đó cho tôi thấy cô ta chưa từng dành thời gian ở nơi này, dù cho cô ta cũng là một người hay đọc sách. Rốt cuộc cô ta đã tới căn nhà này bao nhiêu lần? Chắc là một hoặc hai lần, cũng có thể là chưa bao giờ. Có lẽ cô ta chỉ mới biết tới chỗ này qua hình chụp và qua những câu hỏi hết sức thận trọng mà cô ta đặt ra cho những kẻ từng tới đây.

Marsden chỉ về một giá sách. Vì Liz không thể nhìn thấy hắn ta, tôi bắt chước hành động của hắn và nói, "Cái đó."

Cô ta bước tới và kéo. Tôi đáng ra có thể bỏ chạy ngay khi ấy, nhưng mà cô ta đang buộc tôi phải đi theo. Cô ta đang phê thuốc và phấn khích cực độ, nhưng ít ra cô ta vẫn còn sót lại một chút trực giác của cảnh sát. Cô giật mạnh vài ngăn sách bằng bàn tay rảnh rỗi, nhưng không có gì xảy ra cả. Cô ta chửi thề rồi quay về phía tôi.

Để đón đầu một pha vặn ngược tay khác, tôi liền hỏi Marsden câu hỏi thật hiển nhiên: "Có cái gì đặc biệt nào để mở nó ra không?"

"Có."

"Hắn ta nói gì, Jamie? Con mẹ nó, hắn nói gì?"

Ngoài việc dữ như quý, cô ta còn đang làm tôi phát điên vì mớ câu hỏi. Cô ta quên không

quệt mũi và giờ thì máu tươi chảy tràn khắp môi trên của cô, khiến cô giống như con ma cà rồng của Bram Stoker. Theo cảm nhận của tôi thì cô ta cũng phần nào là một con ma cà rồng.

"Để cháu thử nào, Liz." Rồi tôi nói với Marsden: "Cái đó ở đâu?"

"Ngăn trên cùng, phía bên phải", Marsden trả lời.

Tôi bảo lại với Liz. Cô ta nhón chân, dò dẫm thêm một chút, rồi tìm thấy một nút bấm. Lần này, khi cô ta kéo ra, giá sách xoay theo bản lề ẩn, để lộ một cánh cửa thép, lại có thêm một cái bảng bấm số và lại có một cái đèn đỏ hiện phía trên những con số. Liz không phải bảo tôi cần hỏi gì tiếp theo.

"Mã là gì?"

Một lần nữa, hấn lại giờ hai tay lên che mắt, một cách hành xử trẻ con thằm nói *nếu tao không thấy mày thì mày cũng không thể thấy tao được*. Nó là một hành động buồn bã, nhưng tôi không thể mềm lòng được, và không chỉ vì hấn ta là một tay trùm ma túy và những món hàng của hấn đã giết hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người, cũng như

khiến hàng nghìn người khác bị nghiền ngập. Bản thân tôi cũng đã có quá nhiều vấn đề rồi.

“Mã... là... gì?” Nói từng chữ một, cũng như điều tôi đã làm với Therriault. Khác biệt, nhưng cùng lúc đó vẫn giống hệt.

Hắn ta trả lời tôi. Hắn phải thế.

“73612”, tôi nói.

Cô ta bấm những con số, vẫn cầm lấy tay tôi. Tôi chợt mong chờ một tiếng thịch và một tiếng rít vang lên, giống như cách những phòng đệm mở ra trong một bộ phim khoa học giả tưởng, nhưng thứ duy nhất xảy ra là cái đèn đỏ chuyển sang màu xanh lục. Không có tay nắm, thế nên Liz đẩy cửa và nó mở ra. Căn phòng bên trong tối đen như đất của một con mèo mun.

“Hỏi hắn ta xem công tắc đèn ở đâu.”

Tôi hỏi, và Marsden bảo, “Không có đèn.” Hắn lại thả tay xuống rồi. Giọng nói của hắn chưa gì đã bắt đầu nhỏ dần. Lúc ấy, tôi đoán hắn biến đi nhanh vậy có lẽ là do hắn bị sát hại chứ không phải chết một cách tự nhiên hay gặp tai nạn. Sau này, tôi lại nghĩ khác. Tôi nghĩ là hắn muốn đi trước khi chúng tôi tìm ra thứ bên trong căn phòng.

“Cứ thử bước vào trong xem”, tôi nói.

Cô ta bước thử một bước thăm dò vào bóng đêm, không hề bỏ tay tôi ra, và những bóng đèn huỳnh quang phía trên bùng sáng. Căn phòng chẳng có mấy thứ. Ở góc xa là một cái hộp lạnh (tôi nhớ lại giọng nói của giáo sư Burkett), một cái bếp hâm nóng loại nhỏ, và một cái lò vi sóng. Ở hai bên trái và phải là những cái kệ chất đầy đồ ăn đóng hộp rẻ tiền, những thứ như thịt hộp Spam, bò hầm Dinty Moore và cá mòi King Oscar. Còn có những cái túi cũng đựng đồ ăn (về sau tôi biết được quân đội gọi đó là MRE⁴⁸, lương khô ăn tại chỗ), sáu lốc nước suối và bia. Có một cây nấm truyền tin được đặt trên một cái kệ dưới thấp. Ở giữa phòng là một cái bàn gỗ đơn giản. Trên mặt bàn là một cái máy tính xách tay, một máy in, một tập tài liệu dày, và một túi đồ cạo râu đang kéo khóa.

“Chỗ Oxy ở đâu?”

Tôi hỏi. “Hắn bảo là thuốc ở trong cái túi đồ vệ sinh cá nhân.”

Cô ta tóm lấy cái túi đựng đồ cạo râu, kéo khóa và dốc ngược nó xuống. Mấy lọ thuốc rơi

⁴⁸ MRE là viết tắt của Meals Ready To Eat.

xuống, cùng với hai hay ba vỉ thuốc được cuộn trong giấy bọc đồ ăn. Trông không có vẻ gì là tìm ra kho báu. Cô ta hét lên, “Cái thứ *của nợ* này là gì đây?”

Tôi gần như không để vào tai những gì cô ta nói. Tôi đang lật giở tập tài liệu bên cạnh cái máy tính, không có lý do nào cả, mà chỉ vì nó đang được đặt ở đó thôi, và tôi bị sốc. Ban đầu, tôi thậm chí chẳng nhận ra mình đang nhìn thấy những gì, nhưng rõ là tôi cũng hiểu ra. Và tôi biết tại sao Marsden lại không muốn chúng tôi đi vào đây, và vì sao hẳn ta lại thấy nhục nhã dù cho hẳn đã tiêu tủng. Chẳng hề liên quan tới ma túy. Tôi tự hỏi liệu người phụ nữ mình đang nhìn vào có từng phải đeo chính quả bóng bịt miệng kia không. Nếu thật vậy thì đúng là gieo nhân nào gặt quả nấy.

“Liz”, tôi nói. Môi tôi tê đi, như là tôi vừa bị tiêm một mũi Novacain ở phòng khám nha khoa.

“Đây là tất cả à?”, cô ta hét lên. “Đừng có mà bảo cô đây là tất cả!” Cô ta vặn mở một lọ thuốc và dốc hết mọi thứ ra. Có khoảng hơn hai chục viên thuốc. “Cái này thậm chí không phải Oxy, là *Darvon*⁴⁹ giẻ rách!”

⁴⁹ Tên một loại thuốc giảm đau.

Cô ta buông tôi ra và ngay lúc ấy tôi có thể chạy đi, nhưng tôi còn chẳng hề nghĩ tới chuyện đó. Thậm chí ý định huýt gió gọi Therriault tới cũng đã không còn nữa. “Liz”, tôi lại gọi.

Cô ta không để ý. Cô ta đang mở các lọ thuốc, hết lọ này tới lọ khác. Các loại thuốc khác nhau, nhưng không lọ nào là có đầy thuốc cả. Cô ta đang chăm chăm nhìn vào mấy viên thuốc màu xanh da trời. “Là Roxie⁵⁰, cũng được, nhưng thậm chí chẳng tới được *chục viên!* Hỏi hấn ta chỗ còn lại ở đâu!”

“Liz, nhìn cái này đi.” Đó là tôi nói, nhưng âm thanh cứ như đến từ một nơi xa lắm.

“Cô bảo là hỏi hấn—” Cô ta quay người qua rồi dừng lại, nhìn vào thứ tôi đang nhìn.

Có một bức ảnh in trên giấy bóng, nằm trên cùng một chồng nhỏ các bức ảnh khác. Trong ảnh có ba người, hai người đàn ông và một phụ nữ. Marsden là một trong hai người đàn ông. Hấn ta thậm chí còn chẳng mặc quần đùi. Gã đàn ông còn lại cũng trần truồng. Họ đang làm chuyện này nọ với người phụ nữ đeo bóng bịt miệng. Tôi không muốn nói ra, chỉ có thể nói là Marsden

⁵⁰ Tên đầy đủ là Roxycodone, một trong những tên thương hiệu của Oxycodone (loại thuốc mà Liz đang tìm).

chơi lừa còn gã còn lại thì dùng đĩa xiên thịt có hai nhánh.

“Vãi”, cô ta lầm bầm. “Ôi, vãi.” Cô ta lật giờ thêm vài tấm ảnh khác. Không thể nói về chúng được. Cô đóng tập tài liệu lại. “Là cô ta.”

“Ai cơ?”

“Maddie. Vợ hắn. Vậy là sau cùng, chắc cô ta cũng chẳng bỏ đi được.”

Marsden vẫn ở bên ngoài, trong thư viện, nhưng không nhìn về phía chúng tôi. Phần gáy của hắn đã bị tàn phá, giống như nửa đầu bên trái của Therriault, nhưng tôi chẳng còn để ý mấy. Có những thứ còn tệ hơn vết thương từ súng đạn, đó là một điều nhỏ nhỏ tôi đã hiểu ra vào buổi tối hôm đó.

“Chúng hành hạ cô ấy tới chết”, tôi nói.

“Đúng vậy, và vui thú trong quá trình đó. Nhìn vào mấy điệu cười toang hoác này đi. Cháu vẫn còn xót thương vì cô đã giết hắn à?”

“Cô đâu có giết hắn vì những gì hắn đã làm với vợ mình”, tôi nói. “Lúc ấy cô đâu biết. Cô giết hắn vì chỗ ma túy.”

Cô ta nhún vai, kiểu như việc ấy chẳng quan trọng, và đối với cô thì có lẽ đúng thế thật. Cô ta

nhìn ra ngoài phòng hoang loạn, căn phòng mà hấn ta tới để xem những bức hình kinh khủng khiếp. “Hấn còn ở đây không?”

“Còn. Ở lối vào.”

“Ban đầu hấn nói không có viên thuốc nào hết, nhưng cô biết là hấn nói dối. Rồi hấn bảo là có nhiều. *Rất nhiều!*”

“Có lẽ hấn đã nói dối. Hấn có thể mà, vì hấn vẫn chưa chết.”

“Nhưng hấn đã nói với cháu là thuốc ở trong phòng hoang loạn! Lúc ấy thì hấn chết rồi!”

“Hấn không nói là có bao nhiêu.” Tôi hỏi Marsden, “Đây là tất cả những gì ông có à?”

“Tất cả đấy”, hấn nói. Giọng của hấn bắt đầu trôi xa.

“Ông nói với cô ấy là ông có rất nhiều!”

Hấn nhún đôi vai đầy máu. “Chừng nào cô à vẫn tin là tao có những gì cô à muốn, thì tao nghĩ cô à sẽ để cho tao sống.”

“Nhưng cô ta đã được rì tai là ông nhận về một bưu kiện rất lớn, của riêng mình—”

“Chém gió thôi”, hấn nói. “Cái ngành này rất tin đồn nhảm. Bọn nó nói ra đủ thứ nhảm nhí chỉ để cho sướng miệng.”

Liz lắc đầu khi tôi thuật lại cho cô những điều hấn nói, không tin vào tai mình. *Không muốn tin*, vì nếu cô tin, điều đó có nghĩa là những kế hoạch về cuộc sống bờ Tây của cô sẽ sụp đổ. Thế có nghĩa là cô đã bị lừa.

“Hấn ta đang giấu gì đó”, cô ta khẳng khẳng. “Bằng một cách nào đó. Ở một nơi nào đó. Hỏi lại hấn đi, xem chỗ thuốc còn lại ở đâu.”

Tôi định mở miệng để nói rằng, nếu như vẫn còn thuốc, hấn đã phải nói cho tôi biết. Nhưng rồi - có lẽ vì những bức hình kinh khủng kia đã tát cho phần tâm trí mộng mị trong tôi choàng tỉnh - tôi nảy ra một ý. Tôi cũng có thể làm vài trò lừa lọc, vì rõ ràng là cô ta đã sẵn sàng để bị lừa. Nếu thành công, tôi có thể thoát khỏi cô ta mà không phải huyết gió gọi quỷ.

Cô ta tóm lấy hai vai tôi, lắc mạnh. “Hỏi hấn đi, như cô bảo!”

Thế là tôi hỏi. “Chỗ thuốc còn lại ở đâu, ông Marsden?”

“Tao bảo mày rồi, đây là tất cả.” Giọng của hấn nhòa đi, nhòa đi. “Tao cho Maria một chút, nhưng giờ cô ấy đang ở Bahamas. Bimini.”

“Ồ, được rồi. Hộp lý hơn rồi đây.” Tôi chỉ tay về mấy cái kệ để đồ đóng hộp. “Nhìn thấy những hộp sốt spaghetti ở kệ trên cùng chứ?” Làm gì có chuyện cô ta không thấy, phải có ít nhất ba chục hộp. Donnie Bự hẳn là rất khoái hiệu Franco-American. “Hắn nói hắn giấu một lượng trong đó - không phải Oxy, là thứ khác.”

Cô ta đáng ra có thể kéo tôi theo, nhưng tôi nghĩ, nhiều khả năng là cô ta đang quá nóng vội, và tôi đã đúng. Cô ta chạy tới cái kệ để đồ đóng hộp. Tôi chờ cho tới khi cô ta kiễng chân và vươn người lên. Rồi tôi chạy như bay ra khỏi phòng hoảng loạn, băng qua thư viện. Tôi ước gì mình nhớ ra chuyện đóng cửa, nhưng tôi không đóng. Marsden đang đứng đó và hẳn ta trông “rắn” như người thật, nhưng tôi đã chạy xuyên qua hắn. Có một khắc ớn lạnh, và miệng tôi ngập một mùi dầu mỡ mà tôi nghĩ nó đến từ món pepperoni. Tiếp đó, tôi chạy nước rút tới cầu thang.

Tiếng lọ hộp rơi loảng xoảng vang lên sau lưng tôi. “Quay lại đây, Jamie! Quay lại đây!”

Cô ta đuổi theo tôi. Tôi có thể nghe thấy cô ta. Tôi đã chạy tới chỗ cầu thang, và tôi ngoái lại. Đó là một sai lầm. Tôi trượt ngã. Không còn lựa chọn nào khác, tôi chu môi ra để huýt gió,

nhưng tất cả những gì tôi làm được chỉ là thổi ra gió. Miệng và môi tôi quá khô. Thế là thay vì huýt gió, tôi gào lên.

"THERRIAULT!"

Tôi bắt đầu bò xuống cầu thang, lao đầu xuống, tóc xòa trước mắt, nhưng cô ta đã tóm được cổ chân tôi.

"THERRIAULT, CỨU TAO! KÉO CÔ TA RA KHỎI TAO!"

Bỗng nhiên, mọi thứ - không chỉ cái ban công, không chỉ những bậc cầu thang, mà toàn thể không gian phía trên căn phòng lớn và vùng lờm lờ chuyện - tràn ngập ánh sáng trắng. Tôi đang quay lại nhìn Liz khi chuyện đó xảy ra, và tôi nheo mắt trước ánh sáng chói lóa, không thể nhìn thấy gì. Nó tuôn ra từ cái gương cao cao kia, và còn nhiều hơn nữa đang đến từ cái gương ở phía đối diện.

Cái siết tay của Liz bị lỏng ra. Tôi vồ lấy bậc thang đá và giật người hết mức có thể. Tôi đi xuống bằng bụng của mình, giống như một đĩa nhóc chơi trò xe trượt trên tuyến đường gập ghềnh nhất thế giới. Đi xuống được khoảng một phần tư quãng đường thì tôi dừng lại. Đằng sau

tôi, Liz đang kêu thét. Tôi nhìn qua khe hở giữa tay và một bên thân người mình, ở tư thế hiện tại, mọi thứ tôi thấy đều lộn ngược. Cô ta đang đứng trước cái gương. Tôi không biết chính xác cô ta nhìn thấy cái gì, và thế cũng tốt, vì có lẽ tôi sẽ không bao giờ ngủ được nữa. Ánh sáng đó là đủ rồi - ánh sáng chói lóa không màu tóe ra từ tấm gương, tựa như lửa mặt trời.

Ánh sáng chết chóc.

Rồi tôi thấy - tôi *nghĩ là* tôi thấy - một bàn tay thò ra khỏi gương và tóm lấy cổ Liz. Nó kéo giật cô ta đập vào tấm kính và tôi nghe thấy một tiếng rắc. Cô ta tiếp tục gào thét.

Mọi ánh sáng biến mất.

Hoàng hôn vẫn chưa tắt hẳn, nên ngôi nhà không đến nỗi tối om, nhưng cũng sắp rồi. Căn phòng bên dưới tôi là một cái giếng bóng tối. Đằng sau tôi, ở đầu cầu thang cong cong, Liz đang kêu thét và gào rú. Tôi vịn vào tấm kính chắn để đứng thẳng trên hai chân, lập bập đi xuống tới phòng khách mà không bị ngã.

Sau lưng tôi, Liz đã ngừng gào thét và bắt đầu bật cười. Tôi quay lại và thấy cô ta chạy xuống cầu thang, chỉ là một bóng người tối đen đang

cười phá lên, như là Joker trong hoạt hình *Người Dơi* vậy. Cô ta đang di chuyển quá nhanh, không hề nhìn xem cô ta đang đi đâu. Cô đi vắt từ bên này sang bên kia, đập người vào tấm chắn, nhìn lại qua vai về phía cái gương - ánh sáng giờ đã nhạt dần rồi, như cách sợi dây tóc ở những bóng đèn kiểu cũ tối dần đi khi bạn tắt đèn.

"Liz, coi chừng!"

Tôi hét lên, dù cho điều duy nhất tôi muốn làm trên cõi đời này là trốn thoát khỏi cô ta. Lời cảnh báo chỉ thuần túy là bản năng, và nó cũng chẳng ích gì. Cô ta mất thăng bằng, ngã về phía trước, đập vào những bậc thang, lộn nhào, lại đập vào những bậc thang, lộn nhào lần nữa, rồi trượt một mạch xuống sàn nhà. Ở lần đầu bị đập người, cô ta vẫn cười, nhưng đến lần thứ hai thì ngừng lại. Cô ta giống như một cái radio và ai đó đã tắt đài cô. Cô ta nằm ở chân cầu thang, ngửa mặt lên trời, đầu ngẩng ngẩng, mũi bị bẻ sang một bên, một cánh tay của cô ngược ra sau lưng, vịn lên tận cổ, và hai mắt cô nhìn trừng trừng vào không gian tối sẫm.

"Liz?"

Không hồi đáp.

“Liz, cô ổn không?”

Thật là một câu hỏi ngu ngốc, và sao tôi phải quan tâm chứ? Câu hỏi này thì tôi trả lời được. Tôi muốn cô sống vì có một thứ gì đó ở sau tôi. Tôi không nghe thấy nó nhưng tôi biết nó đang ở đó.

Tôi quỳ xuống cạnh cô và đặt một tay lên khuôn miệng bê bết máu của cô. Lòng bàn tay tôi không cảm nhận được hơi thở. Mắt cô ta không chớp. Cô ta chết rồi. Tôi đứng dậy, quay người, và nhìn thấy chính xác thứ mà mình đã đoán trước: Liz đang đứng đó, trong cái áo khoác duffle không cài khóa và cái áo len dính máu. Cô ta không nhìn tôi. Cô ta đang nhìn qua vai tôi. Cô giơ một bàn tay lên và chỉ, và ngay trong khoảnh khắc kinh dị ấy, điều này khiến tôi nhớ đến chi tiết Bóng ma của Giáng sinh Chưa đến chỉ tay về mộ của Scrooge⁵¹.

Kenneth Therriault - ít nhất là những gì còn lại của hắn - đang đi xuống cầu thang.

⁵¹ Đây là một tình tiết trong truyện *A Christmas Carol* (tạm dịch: Giáng sinh yêu thương) của Charles Dickens.

63

Hắn ta giống như một khúc gỗ cháy vẫn còn lửa âm ỉ bên trong. Tôi không biết còn cách nào để diễn tả. Hắn ta đã chuyển đen, da hắn nứt ra khắp cả, và xuyên qua hàng chục khe nứt là ánh sáng chết chóc chói lóa kia. Nó tuôn ra từ mũi hắn, mắt hắn, thậm chí cả tai hắn. Khi hắn mở miệng, nó cũng tuôn ra từ đó nữa.

Hắn cười nhe nhón và giơ hai tay lên. “Hãy làm lại nghi thức lần nữa để xem lần này ai sẽ chiến thắng. Tao nghĩ là mày nợ tao vụ này, vì tao đã cứu mày khỏi à kia.”

Hắn nhanh chóng đi xuống cầu thang, hướng về phía tôi, sẵn sàng cho màn tái ngộ hoành tráng. Bản năng bảo tôi phải quay người mà chạy đi,

nhưng một điều gì đó ẩn sâu hơn lại bảo tôi đứng vững, bất chấp việc tôi muốn trốn thoát khỏi nỗi kinh hoàng sắp ập xuống này tới mức nào. Nếu tôi chạy, nó sẽ tóm lấy tôi từ đằng sau, siết đôi tay đã cháy thành than của nó quanh tôi, và thế là hết. Nó sẽ thắng, và tôi sẽ trở thành nô lệ của nó, buộc phải xuất hiện mỗi khi nó gọi. Nó sẽ chiếm lấy thẳng tôi sống, như cái cách nó đã chiếm lấy Therriault chết - và điều ấy có thể còn tệ hơn.

"Dừng lại", tôi nói, và lớp vỏ Therriault đen đúa dừng lại ở chân cầu thang. Đôi tay vươn ra đang cách tôi chưa tới ba mươi centimet.

"Cút đi. Tao xong việc với mày rồi. Mãi mãi."

"Mày sẽ không bao giờ xong việc với tao." Và tiếp đó, nó nói thêm một từ nữa, một từ khiến tôi nổi da gà và làm tóc gáy tôi dựng đứng. "*Nhà vô địch.*"

"Chờ xem", tôi nói. Cứng miệng thật, nhưng tôi không thể ngăn cho giọng mình đừng run lên.

Từ cánh tay vẫn đang vươn ra, đôi bàn tay đã hóa đen có những vết nứt đang tóe sáng, chỉ cách cổ tôi vài centimet. "Nếu mày thật sự muốn thoát khỏi tao mãi mãi, thì tóm lấy đi. Chúng ta sẽ thực hiện nghi thức một lần nữa, và sẽ công bằng hơn, vì lần này tao đã sẵn sàng đối đầu với mày."

Những lời ấy cảm dỗ tôi một cách kỳ cục, đừng hỏi tại sao, nhưng trong tôi, một thứ cao hơn cái tôi và sâu hơn bản năng đã chiến thắng. Bạn có thể một lần chiến thắng ác quỷ - nhờ chuẩn bị trước, nhờ lòng dũng cảm, nhờ việc chó ngáp phải ruồi, hoặc nhờ tất cả những yếu tố đó - nhưng không thể thắng tới lần thứ hai. Tôi không nghĩ một ai đó lại có thể đánh bại ác quỷ tới lần hai, ngoại trừ những vị thánh, và có lẽ là, ngay cả những vị thánh cũng không thể.

“Đi.” Đến lượt tôi chỉ tay, giống như hồn ma cuối cùng của Scrooge. Tôi chỉ tay về hướng cửa chính.

Thứ đó nhếch cái môi đã cháy đen của Therriault lên, nở một nụ cười khinh bỉ. “Mày không thể bắt tao đi, Jamie. Đến giờ vẫn chưa nhận ra à? Chúng ta bị buộc chặt vào nhau rồi. Mày không tính đến hậu quả. Nhưng giờ chúng ta phải giải quyết.”

Tôi lặp lại một từ duy nhất của mình. Đó là tất cả những gì tôi có thể ép ra từ cái cổ họng đột nhiên chỉ còn to cỡ một cây kim.

Cơ thể của Therriault dường như vươn thẳng lên để thu hẹp khoảng cách giữa hai chúng tôi, để nhảy bổ vào tôi và ép tôi vào cái siết kinh

hoàng của nó, nhưng nó không làm vậy. Có lẽ nó không thể.

Liz co người lại khi nó đi qua cô ta. Tôi nghĩ nó sẽ đi xuyên qua cửa - như là tôi đã đi xuyên qua Marsden - nhưng dù cho thứ ấy là gì đi nữa, nó cũng không phải một hồn ma. Bàn tay của nó cầm lấy tay nắm và vặn, da lại nứt ra nhiều hơn và ánh sáng lại tuôn ra nhiều hơn. Cánh cửa bật mở.

Nó quay lại, nói với tôi. "À, cứ huýt gió và tao lại tới bên mày, bạn nhé."

Rồi nó đi mất.

64

Hai chân tôi gần như chẳng còn chút sức lực nào và cầu thang thì ở rất gần, nhưng tôi không định ngồi xuống đó khi cái xác gầy gập của Liz Dutton vẫn còn nằm dài ở chân cầu thang. Tôi loạng choạng bước tới vùng lõm trò chuyện và sập xuống một cái ghế đơn. Tôi cúi đầu và thốn thức khóc. Đây là nước mắt vì kinh sợ và kích động, nhưng tôi nghĩ đó cũng là - dù tôi không thể quá chắc chắn - nước mắt hạnh phúc. Tôi vẫn sống. Tôi ở trong một căn nhà tối om, ở cuối một con đường tư nhân, với hai cái xác và hai "thứ" còn sót lại (Marsden đang đứng trên ban công và nhìn xuống tôi), nhưng tôi còn sống.

“Ba”, tôi nói. “Ba cái xác và ba thứ còn lại. Đừng quên Teddy.”

Tôi bắt đầu cười ra tiếng, nhưng rồi tôi nhớ Liz cũng cười gằn như y hệt thế này ngay trước khi cô ta chết, thế là tôi ngừng cười. Tôi cố nghĩ xem mình phải làm gì. Tôi quyết định việc đầu tiên là đóng cái cửa chính chết tiệt lại. Việc có hai oán linh (tôi học được từ đó, bạn đoán thử xem, về sau này) chòng chọc nhìn mình không hề dễ chịu, nhưng tôi đã quen với chuyện những người chết thấy tôi thấy họ. Điều tôi thật sự không chịu nổi là khả năng Therriault vẫn còn ở đâu đó ngoài kia, với ánh sáng chết chóc tuôn trào từ bộ da phân rã của hắn. Tôi đã bảo hắn rút đi, và hắn đã đi thật... nhưng lỡ hắn quay lại thì sao?

Tôi đi qua Liz và đóng cửa lại. Khi quay lại, tôi hỏi cô ta là tôi nên làm gì. Tôi không mong sẽ nhận được câu trả lời, thế mà lại được hồi đáp. “Gọi cho mẹ cháu đi.”

Tôi nghĩ tới cái máy để bàn trong phòng hoảng loạn, nhưng mà tôi sẽ không đi ngược lên mấy bậc thang này và chui vào cái phòng đó. Có được trả triệu đô cũng không đi.

“Cô có mang điện thoại không, Liz?”

“Có.” Giọng không chút hào hứng, hầu hết bọn họ đều vậy. Dù là không phải tất cả, bà Burkett vẫn đủ sức sống để nói ra vài câu chỉ trích về tính nghệ thuật của bức tranh gà tây tôi vẽ. Và Donnie Bự đã cố gắng giấu đi đồng văn hóa phẩm dâm dục trụy lạc của mình.

“Nó ở đâu?”

“Trong túi áo khoác của cô.”

Tôi đi tới thi thể cô ta, thò tay vào túi bên phải của cái áo duffle. Tôi chạm vào đuôi khẩu súng mà cô ta đã dùng để kết liễu cuộc đời Donald Marsden, thế là tôi rút vội tay ra như thể chạm phải cái gì gây bỏng. Tôi thử cho tay vào túi bên kia và lấy được cái điện thoại. Tôi bật nó lên.

“Mã là gì?”

“2665.”

Tôi nhập mã, bấm mã vùng của thành phố New York và ba số đầu tiên trong số điện thoại của mẹ, rồi tôi nghĩ lại và thực hiện một cuộc gọi khác.

“911 nghe, xin hỏi có chuyện gì khẩn cấp?”

“Cháu đang ở trong một ngôi nhà có hai người bị chết”, tôi nói. “Một người bị sát hại và một người bị ngã cầu thang.”

“Đùa đấy à, con trai?”

“Cháu ước sao chỉ là đùa. Người phụ nữ ngã cầu thang đã bắt cóc cháu và mang cháu tới đây.”

“Cháu đang ở đâu?” Giờ thì người phụ nữ ở đâu bên kia điện thoại đã có vẻ quan tâm.

“Nó nằm ở cuối một con đường tư nhân, bên ngoài Renfield, thưa bà. Cháu không biết là cách bao xa và liệu phố này có được đánh số không.” Rồi tôi nghĩ tới một chi tiết mà đáng ra tôi nên nói ngay mới phải. “Đó là nhà của Donald Marsden. Ông ta đã bị người phụ nữ giết. Cô ta là người bị ngã cầu thang. Tên cô ta là Liz Dutton. Elizabeth.”

Người nghe điện hỏi tôi có ổn không, rồi dặn tôi hãy ở yên tại chỗ, các sĩ quan đã lên đường. Tôi ngồi yên và gọi điện cho mẹ. Cuộc gọi này dài hơn rất nhiều, và không phải lúc nào cũng được rành mạch vì cả hai chúng tôi đều khóc nức lên. Tôi kể cho mẹ mọi chuyện, ngoại trừ chi tiết về ánh sáng chết chóc. Mẹ sẽ tin tôi, nhưng một trong hai người phải gặp ác mộng là đủ rồi. Tôi chỉ nói là Liz đã trượt chân trong khi đuổi theo tôi, thế là cô ta ngã và bị gãy cổ.

Trong khi hai mẹ con đang nói chuyện, Donald Marsden đi xuống cầu thang và đứng

bên cạnh bức tường. Một người bị chết với đỉnh đầu bị thổi bay, còn một người bị chết với cái đầu bị văng sang một phía. Một bộ đôi cũng ra gì đấy. Tôi đã bảo với bạn đây là một câu chuyện kinh dị, bạn đã được cảnh báo rồi, nhưng tôi vẫn có thể nhìn vào họ mà không quá ghê sợ, vì nỗi kinh hoàng đáng sợ nhất đã đi rồi. Trừ khi tôi muốn nó quay lại, thế đấy. Nếu tôi muốn, nó sẽ tới.

Tất cả những gì tôi phải làm chỉ là huýt gió.

Sau mười lăm phút dường như kéo dài rất lâu, tôi bắt đầu nghe thấy tiếng còi hụ từ đằng xa. Sau hai mươi lăm phút, những ánh sáng xanh lam và đỏ chiếu rọi các khung cửa sổ. Có ít nhất sáu hay bảy cảnh sát, đủ một đội. Ban đầu họ chỉ là những bóng đen đứng đầy cửa, che kín mọi tia sáng ban ngày còn sót lại, đấy là nếu như còn có tia sáng nào đó. Một người trong số họ lên tiếng hỏi, mấy cái công tắc đèn của nợ nằm ở đâu vậy. Một người khác trả lời, "Thấy đây rồi", nhưng sau đó chửi thề khi không có gì xảy ra.

"Có ai ở đây không?", một người khác cất tiếng. "Nếu có ai ở đây, hãy nói tên!"

Tôi đứng dậy và giơ hai tay lên, dù cho tôi không nghĩ là họ có thể nhìn thấy gì ngoài một

bóng người tối đen di chuyển. “Cháu ở đây! Cháu đang giơ hai tay lên! Mất điện rồi! Cháu là đứa trẻ đã gọi điện!”

Những cái đèn pin được bật lên, những nguồn sáng di chuyển xung quanh, sau đó tập trung vào tôi. Một cảnh sát tiến đến. Một người phụ nữ. Cô ta đi chếch khỏi Liz, chắc chắn là chẳng hiểu vì sao mình lại làm vậy. Mới đầu, cô ta đặt tay trên đuôi khẩu súng đang ở trong bao đeo chỗ thắt lưng, nhưng khi nhìn thấy tôi, cô ta thả tay ra. Khiến tôi nhẹ cả người.

Cô quỳ một chân xuống. “Chỉ có mình cháu ở đây thôi à, con trai?”

Tôi nhìn về Liz. Tôi nhìn về Marsden, đứng đủ xa khỏi người phụ nữ đã giết hẳn ta. Ngay cả Teddy cũng đã tới. Gã này đứng ở lối vào mà những cảnh sát đã tản đi, có lẽ gã bị hút tới đây vì sự ồn ã, hoặc chỉ là vì nổi hứng thôi. Ba Bù nhìn Không-chết.

“Vâng”, tôi nói. “Chỉ có mình cháu ở đây thôi ạ.”

65

Nữ cảnh sát vòng một tay qua hai vai tôi và dẫn tôi ra ngoài. Tôi bắt đầu run rẩy. Có lẽ cô ấy sẽ nghĩ tôi run vì khí trời ban tối, nhưng dĩ nhiên là không phải thế. Cô cởi áo khoác ra và choàng lên vai tôi, nhưng thế vẫn chưa đủ. Tôi thò tay vào hai bên tay áo dài quá cỡ và siết cái áo quanh mình. Áo khá nặng, vì những chiếc túi chứa đầy mấy món đồ của cảnh sát, nhưng tôi thấy ổn cả. Sức nặng này đem lại cảm giác dễ chịu.

Có ba chiếc xe tuần đố bên ngoài sân, hai chiếc đang kẹp con xe nhỏ của Liz vào giữa, và chiếc thứ ba thì ở ngay đằng sau. Khi chúng tôi ra ngoài đứng, một chiếc xe khác đã đi tới, đây là một chiếc SUV với dòng chữ CẢNH SÁT

TRƯỜNG RENFIELD ở thân xe. Tôi nghĩ hôm nay hẳn là một dịp đáng ăn mừng cho những tay say xỉn và hội đua xe ở dưới thị trấn, vì gần như toàn bộ lực lượng cảnh sát đã ở đây rồi.

Một cảnh sát nữa bước ra khỏi cửa và tiến đến chỗ nữ sĩ quan. “Chuyện gì đã xảy ra ở đây vậy, nhóc?”

Trước khi tôi kịp trả lời, nữ sĩ quan đã đặt một ngón tay lên môi tôi. Tôi không phiền, thực ra còn thấy khá mừng. “Không có thắc mắc nào cả, Dwight. Cậu bé này đang bị sốc. Cậu ấy cần chăm sóc y tế.”

Một người đàn ông vạm vỡ mặc sơ mi trắng, đeo huy hiệu ở cổ - cảnh sát trưởng, tôi đoán - đã bước xuống khỏi xe SUV và kịp nghe thấy câu cuối cùng. “Đưa cậu bé đi, Caroline. Để mắt tới cậu ta. Trong đó đã xác nhận tử vong chưa?”

“Có một thi thể ở chân cầu thang. Có vẻ là một phụ nữ. Tôi chưa thể xác nhận là cô ta đã qua đời, nhưng dựa theo tư thế đầu của cô ta—”

“Ôi, cô ấy chết rồi, đúng vậy đó”, tôi bảo họ, rồi bắt đầu khóc.

“Đi đi, Caro.” Cảnh sát trưởng nói. “Cũng đừng đi tới tận quận làm gì. Đưa cậu bé tới MedNow.

Không đặt câu hỏi nào hết chừng nào tôi chưa tới đó. Ngoài ra, chúng ta còn phải có một người lớn chịu trách nhiệm cho cậu bé. Hỏi tên cậu ta chưa?”

“Chưa ạ”, sĩ quan Caroline trả lời. “Nãy giờ loạn quá. Bên trong đó không có đèn.”

Cảnh sát trưởng gặp người xuống nhìn tôi, hai tay ông đặt trên đùi, khiến tôi thấy mình lại như mới lên năm. “Tên cháu là gì, con trai?”

Thế mà bảo là không thắc mắc gì hết, tôi tự nhủ. “Jamie Conklin, và mẹ cháu sắp đến rồi. Mẹ tên là Tia Conklin. Cháu đã gọi mẹ rồi.”

“Ừm.” Ông ta quay sang Dwight. “Tại sao lại không có đèn? Mọi ngôi nhà trên đường tôi đến đây đều có điện cả.”

“Không rõ ạ, thưa cảnh sát trưởng.”

Tôi lên tiếng, “Đèn điện tắt hết khi cô ta đang chạy xuống cầu thang, đuổi theo cháu. Cháu nghĩ đó là lý do cô ta ngã.”

Tôi có thể nhận thấy là ông ta muốn hỏi nhiều hơn nữa, nhưng ông chỉ bảo sĩ quan Caroline làm việc đi. Khi cô đi ra khỏi khoảng sân và bắt đầu lái tới con đường quanh co dẫn ra cổng vào, tôi chạm vào túi quần và sờ thấy điện thoại của

Liz, dù tôi không nhớ là mình đã cắt nó vào đây.
"Cháu có thể gọi lại cho mẹ và bảo mẹ là chúng ta sẽ tới gặp bác sĩ không?"

"Được chứ."

Khi bắt đầu gọi điện, tôi nhận ra là, nếu sĩ quan Caroline phát hiện được tôi đang dùng máy của Liz, thì tôi sẽ gặp rắc rối. Cô ta có thể hỏi vì sao tôi lại biết mã mở máy của người phụ nữ đã chết, và tôi sẽ không thể trả lời sao cho hợp lý được. Nhưng dù sao thì cô ấy cũng chẳng hỏi gì.

Mẹ bảo là mẹ đang đi Uber (sẽ mất một khoản kha khá đấy, nên thật là may vì công ty đang làm ăn có lãi), và họ đang di chuyển rất nhanh. Mẹ hỏi liệu tôi có thực sự ổn không. Tôi đáp là mình ổn thật sự, và sĩ quan Caroline đang đưa tôi tới MedNow ở Renfield, chỉ là để kiểm tra một chút thôi. Mẹ dặn tôi đừng trả lời câu hỏi nào cả cho tới khi mẹ đến, và tôi đáp là tôi sẽ không trả lời gì hết.

"Mẹ sẽ gọi cho Monty Grisham", mẹ nói.
"Ông ấy không chuyên mấy vụ pháp lý kiểu này, nhưng ông ấy sẽ biết ai đó."

"Mẹ ơi, con đâu cần luật sư." Sĩ quan Caroline liếc xéo một cái thật nhanh khi nghe tôi nói thế.
"Con chẳng làm gì cả."

“Nếu Liz sát hại ai đó trong khi con có mặt, con sẽ cần luật sư. Sẽ có một cuộc điều tra... hợp báo... mẹ không biết hết. Đây là lỗi của mẹ. Mẹ đã mang á khẩu đấy vào nhà mình.” Rồi mẹ bùng lên. “Con khốn Liz!”

“Mới đầu, cô ta cũng tốt mà.” Đó là sự thật, nhưng tự nhiên, tôi thấy cực kỳ, cực kỳ mệt. “Con sẽ gặp mẹ khi mẹ tới đây.”

Tôi kết thúc cuộc gọi và hỏi sĩ quan Caroline mất bao lâu nữa thì chúng tôi tới gặp bác sĩ. Cô ta đáp là mất hai mươi phút. Tôi nhìn qua vai mình, xuyên qua tấm lưới ngăn cách hàng ghế trước với hàng ghế sau, tự nhiên chắc chắn rằng Liz sẽ ngồi ở đó. Hoặc - tệ hơn rất nhiều - Therriault. Nhưng không có gì cả.

“Chỉ có cháu và cô thôi, Jamie”, sĩ quan Caroline nói. “Đừng lo.”

“Cháu không lo ạ”, tôi nói, nhưng có một việc mà tôi *thật sự* phải lo, và tạ ơn Chúa là tôi vẫn nhớ ra, nếu không thì mẹ và tôi có thể rơi vào một rắc rối không lồ. Tôi tựa đầu vào cửa sổ và hơi xoay người ra xa khỏi nữ cảnh sát. “Cháu sẽ ngủ một chút.”

“Cứ ngủ đi.” Giọng cô ấy có ý cười.

Tôi ngủ *thật*. Nhưng trước tiên, tôi mở điện thoại của Liz ra, lấy người mình che kín cái máy, và xóa đi cái tệp ghi âm mà Liz đã lưu lại, khi tôi thuật lại cốt truyện *Bí mật của Roanoke* cho mẹ. Nếu họ tịch thu cái máy và phát hiện ra máy không phải của tôi, tôi sẽ bịa ra một chuyện gì đó. Hoặc chỉ cần nói là tôi chẳng nhớ gì, thế thì an toàn hơn. Nhưng mà họ không thể nghe cái tệp ghi âm.

Không đời nào.

66

Cảnh sát trưởng và hai sĩ quan khác xuất hiện ở MedNow khoảng một tiếng đồng hồ sau khi tôi và sĩ quan Caroline đến nơi. Ngoài ra còn có một người đàn ông mặc com lê, giới thiệu mình là luật sư của quận. Một bác sĩ thăm khám cho tôi và nói về cơ bản là tôi ổn, huyết áp hơi cao, nhưng xét tới những gì tôi đã phải trải qua thì cũng không phải chuyện đáng ngạc nhiên. Ông này tin chắc rằng huyết áp sẽ trở lại bình thường trước khi trời sáng và xác định tôi là “một thiếu niên khỏe mạnh bình thường”. Tôi chỉ là một thiếu niên khỏe mạnh bình thường có thể nhìn thấy người chết thôi, nhưng tôi không lấy chuyện đó ra bàn.

Tôi, các sĩ quan và luật sư quận cùng đi vào phòng nghỉ dành cho nhân viên để chờ mẹ tôi đến, và ngay khi mẹ đến nơi, các câu hỏi bắt đầu được đặt ra. Tối hôm đó, chúng tôi ngủ tại nhà nghỉ Renfield Stardust, và sáng hôm sau lại có thêm nhiều câu hỏi nữa. Mẹ là người kể cho mọi người biết rằng, mẹ từng có quan hệ với Elizabeth Dutton, nhưng mọi sự kết thúc khi mẹ phát hiện ra Liz có liên quan tới việc giao dịch ma túy. Tôi thì kể cho họ biết Liz đã chặn tôi lại sau buổi tập tennis ra sao, và cô ta đã đưa tôi tới Renfield, nơi cô ta kỳ vọng sẽ lấy được một mẻ lớn Oxy từ nhà của ông Marsden. Ông ta cuối cùng cũng nói cho cô biết chỗ thuốc ở đâu, và cô giết ông ta, có thể vì cô ta không trúng được món độc đặc như kỳ vọng, hoặc vì những thứ khác mà cô ta tìm thấy trong căn phòng. Những bức ảnh.

“Có việc này cô không hiểu”, sĩ quan Caroline lên tiếng khi tôi trả lại cho cô cái áo khoác, thứ mà tôi vẫn mặc suốt. Mẹ nhìn cô bằng ánh mắt dè chừng, sẵn-sàng-bảo-vệ-con-nhỏ, nhưng sĩ quan Caroline không để ý. Cô ta đang nhìn tôi. “Cô ấy trói hẳn lại—”

“Cô ấy nói là cô ấy *không* ché hẳn. Đó là từ mà cô ấy dùng. Vì cô ấy từng là cảnh sát, cháu đoán thế.”

“Được rồi, cô ta không chế hấn. Và theo những gì cô ta nói cho cháu - cũng như những gì bọn cô đã tìm được trên tầng - thì cô ta đã dọa dẫm hấn một chút. Nhưng không đến nỗi quá ghê gớm.”

“Cô nói thẳng ra được không?” Mẹ nói. “Con trai tôi vừa trải qua một chuyện kinh khủng và nó mệt lắm rồi.”

Sĩ quan Caroline mặc kệ mẹ. Cô ấy đang nhìn tôi, và mắt cô ấy rất sáng. “Cô ta đáng ra có thể mạnh tay hơn, hành hạ hấn ta đến khi cô ta có được những gì mình muốn, nhưng thay vì thế, cô ta bỏ hấn lại, lái xe tới tận thành phố New York, bắt cóc cháu, và đưa cháu trở lại. Tại sao cô ta lại làm vậy?”

“Cháu không biết.”

“Cháu ngồi trên xe hai tiếng đồng hồ với cô ta, và cô ta không nói gì hết?”

“Tất cả những gì cô ấy nói chỉ là cô ấy vui khi được gặp cháu.” Tôi không thể nhớ nổi liệu cô ta có thực sự nói thế hay không nữa, vì vậy tôi cho rằng đây là một câu nói dối, nhưng nó không có vẻ gì là nói dối. Tôi nhớ lại những đêm mình ngồi trên đi văng, ngồi kẹp giữa hai người và xem *Vụ nổ lớn*, tất cả chúng tôi đều cười nghiêng ngả, và tôi bắt đầu khóc. Điều đó khiến chúng tôi chấm dứt màn hỏi chuyện.

Khi hai mẹ con tới nhà nghỉ, và khi cửa đã đóng và khóa lại, mẹ nói, “Nếu họ lại hỏi con nữa, cứ nói rằng có lẽ cô ta định đưa con đi cùng tới bờ Tây. Con có thể nói vậy không?”

“Vâng ạ”, tôi nói. Tự hỏi liệu suy nghĩ ấy có hiện lên đâu đó trong tâm trí Liz suốt cả quá trình không. Đó không phải một suy đoán tốt lành gì, nhưng vẫn tốt hơn điều tôi đã nghĩ (và vẫn nghĩ đến tận hôm nay): đó là cô ta định giết tôi.

Tôi không ngủ trong căn phòng có cửa thông sang phòng mẹ. Tôi ngủ trên đi văng trong phòng mẹ. Tôi mơ thấy mình bước đi trên một con đường đồng quê hiu quạnh, bên dưới vầng trăng lưỡi liềm. Đừng huýt gió, đừng huýt gió, tôi tự dặn mình, nhưng tôi vẫn huýt gió. Tôi huýt sáo bài “Let It Be” - cứ để mọi sự diễn ra. Tôi nhớ rất rõ chuyện đó. Tôi chỉ huýt được sáu hay tám nốt đầu thì nghe thấy tiếng bước chân sau lưng mình.

Tôi choàng dậy, lấy hai tay che kín miệng, như để chặn đứng một tiếng hét. Trong những năm sau đó, tôi đã thức dậy như vậy thêm vài lần, và điều tôi sợ hãi không phải một tiếng hét, chưa từng. Điều tôi sợ là mình sẽ thức dậy trong khi huýt gió, và thứ ánh sáng chết chóc kia sẽ xuất hiện.

Với hai cánh tay vươn ra, siết lấy tôi.

67

Có rất nhiều hạn chế khi ta là một đứa nhóc, hãy xem nhé. Bị mụn; nổi khốn khổ khi phải chọn lựa quần áo hợp lý khi đi học, sao cho không bị cười vào mặt; và sự khó hiểu của những cô gái - đó mới chỉ là ba trong số rất nhiều chướng ngại. Sau chuyến du hí tới nhà của Donald Marsden (nói thẳng ra là sau khi bị bắt cóc), tôi phát hiện ra rằng, thực ra làm trẻ con cũng có những điểm cộng.

Một trong số đó là không phải đi giữa hai hàng phóng viên và máy quay truyền hình ở buổi điều tra, vì tôi không phải trực tiếp đứng ra làm chứng. Thay vào đó, tôi cung cấp lời khai qua video, với một bên là luật sư Monty Grisham và mẹ tôi ngồi ở bên còn lại. Cánh báo chí biết tôi là ai, nhưng tên của tôi không bao giờ bị xuất hiện trên truyền

thông, vì tôi là một tồn tại thần kỳ, trẻ vị thành niên. Học sinh ở trường phát hiện ra (lũ nhóc ở trường gần như lúc nào cũng khám phá ra hết mọi chuyện), nhưng không ai phê phán gì tôi, mà thay vào đó, tôi được kính nể. Tôi không cần phải tìm hiểu cách nói chuyện với bọn con gái, vì họ tự đi đến tủ đồ của tôi và nói chuyện với tôi.

Điều tuyệt nhất là, không có vấn đề gì với điện thoại của tôi cả. Nó vốn là điện thoại của Liz. Mà dù sao thì nó cũng không còn tồn tại nữa. Mẹ đã ném nó vào lò đốt rác, *bon voyage*⁵², và dặn tôi cứ bảo là đã đánh mất nó nếu như có ai hỏi. Chẳng ai hỏi gì cả. Còn về việc vì sao Liz lại tới New York để bắt tôi đi, cảnh sát đã đi tới kết luận như mẹ đã gợi ý, nhưng do họ tự suy ra: Liz muốn mang theo một đứa trẻ khi tới bờ Tây, có lẽ vì việc một phụ nữ di chuyển cùng một đứa trẻ sẽ ít thu hút sự chú ý hơn. Không ai nghĩ tới khả năng tôi cố chạy trốn, hoặc ít nhất là hét lên cầu giúp đỡ khi chúng tôi dừng lại để bom xăng và ăn gì đó ở Pennsylvania, hoặc Indiana, hoặc Montana. Dĩ nhiên là tôi sẽ không làm vậy rồi. Tôi sẽ là một em bé bị bắt cóc hết sức vâng lòi, giống như Elizabeth Smart vậy. Vì tôi chỉ là một đứa trẻ.

Báo chí rầm rộ đưa tin trong khoảng một tuần, đặc biệt là mấy tờ chuyên đưa tin lá cải,

⁵² Tiếng Pháp: chúc bạn có một chuyến đi vui vẻ.

một phần vì Marsden là một tên trùm ma túy, nhưng chủ yếu là vì những bức ảnh được tìm thấy trong phòng hoang loạn của hắn ta. Và Liz được miêu tả như một người hùng, kỳ quái nhưng lại là sự thật. CỰU SĨ QUAN CHẾT SAU KHI HẠ GỤC TRÙM DÂM DỤC CÓ SỞ THÍCH NHỤC HÌNH, tờ *Daily News* giật tít. Chẳng hề đề cập đến chuyện cô ta đã mất việc sau khi bộ phận Nội vụ tiến hành điều tra và cô ta bị dương tính với ma túy. Nhưng sự thật rằng cô đã góp công tìm ra quả bom cuối cùng của Thumper, trước khi nó có thể giết chết một đám người đến siêu thị, đã được nhắc đến. Tờ *Post* hẳn đã cử một phóng viên tới nhà Marsden (“Bọn gián có mặt khắp nơi”, mẹ nói thế), hoặc là tờ này có sẵn ảnh chụp dinh thự ở Renfield, vì tít báo của họ là BÊN TRONG CĂN NHÀ KINH HOÀNG CỦA DONNIE BỰ. Mẹ tôi đã bật cười với tiêu đề này, nói rằng hiểu biết của tờ *Post* về cách dùng sở hữu cách là một đường thẳng song song với hiểu biết của họ về chính trị Mỹ.

“Không phải là Bự-sở hữu cách”, mẹ đáp khi tôi hỏi. “Bự-sở hữu cách-thêm một chữ S.”⁵³

Được rồi, mẹ ạ. Sao cũng được.

⁵³ Nguyên văn tít báo là “INSIDE DONNIE BIGS’ HOUSE OF HORRORS”.

68

Không lâu sau, những tin tức khác đây Căn nhà Kinh hoàng của Donnie Bự ra khỏi trang nhất của những tờ báo lá cải, và tiếng tăm của tôi ở trường cũng nhạt dần đi. Giống như những gì Liz đã nói về Chet Atkins, người ta lãng quên thật là nhanh. Tôi lại gặp khó khăn khi bắt chuyện với các cô gái, chứ không thể ăn sẵn, chờ các cô tới tủ để đồ tìm mình, mắt chuốt mascara mở to tròn và đôi môi bóng chu chu, hỏi tôi chuyện này chuyện nọ. Tôi chơi tennis và thử tham gia đóng kịch cho lớp. Cuối cùng, tôi chỉ nhận được một vai diễn có hai dòng thoại, nhưng tôi đã rất tận tâm. Tôi chơi video game với bạn bè. Tôi đưa Mary Lou Stein đi xem phim và hôn cô nàng. Nàng hôn lại tôi, thật xuất sắc.

Trên đây là một loạt cảnh phim ngắn, và những tờ lịch cũng cứ thế được lật. Đó là năm 2016, rồi 2017. Thỉnh thoảng, tôi mơ thấy mình bước đi trên con đường đồng quê và thức giấc với hai tay che kín miệng, tự hỏi *Mình có huyết gió không? Chúa ơi, mình có huyết gió không?* Nhưng những giấc mơ đó dần dần ít xuất hiện hơn. Thỉnh thoảng, tôi cũng nhìn thấy những người chết, nhưng không quá thường xuyên và họ cũng không đáng sợ. Có một lần, mẹ hỏi tôi có còn nhìn thấy họ không, và tôi đáp là mình hiếm khi nhìn thấy, vì biết rằng nói vậy sẽ khiến mẹ an lòng hơn. Tôi muốn vậy, vì mẹ cũng đã phải trải qua nhiều chuyện mệt mỏi, tôi hiểu.

“Có lẽ con đang dần thoát khỏi chuyện đó”, mẹ nói.

“Có lẽ đúng vậy ạ”, tôi đồng ý.

Đến năm 2018, người hùng Jamie Conklin của chúng ta đã cao hơn một mét tám, đã mọc được râu dê (mẹ tôi ghét vô cùng), được nhận vào trường Princeton, và đã gần như đủ tuổi để đi bầu cử. Tôi sẽ đủ tuổi khi cuộc bầu cử diễn ra vào tháng Mười một.

Tôi đang ở trong phòng, cày luyện sách vở để thi cuối kỳ, thì điện thoại rung lên. Là mẹ gọi, từ

hàng ghế sau của một chiếc Uber, mẹ đang trên đường tới Tenafly, nơi ở hiện tại của bác Harry.

“Lại là chứng viêm phổi”, mẹ nói. “Mẹ không nghĩ lần này bác ấy sẽ khá hơn, Jamie ạ. Họ gọi mẹ đến, và họ sẽ không làm vậy trừ khi tình hình rất nghiêm trọng.” Mẹ dừng lại, rồi nói: “Có thể qua đời.”

“Con sẽ tới đó nhanh nhất có thể.”

“Không cần phải thế đâu.” Ấn ý ở đây là, dù sao tôi cũng chưa từng thật sự quen biết bác, ít nhất là không phải lúc bác vẫn còn là một người đàn ông sáng láng, đang gây dựng cơ nghiệp cho cả bản thân và em gái, trong cái giới xuất bản nhiều thử thách ở New York. Mà đúng là một thế giới đầy chông gai. Bây giờ, khi tôi cũng làm việc tại văn phòng - chỉ vài tiếng một tuần thôi, chủ yếu là lo việc sắp xếp giấy tờ - tôi đã hiểu rõ sự thật này. Thật lòng, tôi chỉ có những ký ức mơ hồ về một người đàn ông sáng láng đáng ra phải tiếp tục sáng láng lâu hơn nữa, nhưng tôi không tới chỉ để gặp bác ấy.

“Con sẽ đi xe buýt.” Một lựa chọn nhẹ nhàng, chúng tôi vẫn luôn đi xe buýt tới New Jersey vào cái hồi Uber và Lyft vượt quá khả năng chi trả của mình.

“Còn bài kiểm tra của con... con phải ôn bài trước khi thi cuối kỳ...”

“Sách vở là thứ ma thuật độc nhất vô nhị có thể mang theo người. Con đọc được câu này ở đâu đó. Con sẽ mang sách theo. Gặp mẹ ở đấy nhé.”

“Chúng ta có thể phải ở qua đêm đấy”, mẹ nói. “Con có chắc không?”

Tôi bảo với mẹ là tôi chắc.

Tôi không biết rõ là mình đang ở đâu khi bác Harry chết. Có lẽ là ở New Jersey, có lẽ vẫn đang băng qua Hudson, hoặc là ở một nơi mà tôi thậm chí vẫn nhìn được sân vận động Yankee qua cái cửa sổ xe buýt thường xuyên dính phân chim. Tất cả những gì tôi biết là mẹ đang chờ tôi bên ngoài trung tâm chăm sóc - trung tâm chăm sóc cuối cùng của bác ấy. Mẹ ngồi trên một cái ghế băng, bên dưới tán cây tỏa bóng. Mắt mẹ ráo hoảnh, nhưng mẹ đang hút thuốc, và tôi đã không thấy mẹ làm vậy rất lâu rồi. Mẹ ôm tôi thật chặt và tôi cũng ôm lại mẹ như thế. Tôi có thể ngửi thấy mùi nước hoa của mẹ, mùi hương ngọt ngào xưa cũ của La Vie est Belle luôn đưa tôi trở về thời thơ ấu. Trở về làm một cậu bé nghĩ rằng, con gà tây xanh lá cây vẽ dựa trên bàn tay năm ngón là một kiệt tác. Tôi không cần phải hỏi gì.

“Chưa đến mười phút trước khi mẹ tới đây”, mẹ nói.

“Mẹ ổn không?”

“Ồn. Buồn, nhưng cũng nhẹ người vì chuyện cuối cùng cũng kết thúc. Bác ấy đã trụ được lâu hơn nhiều người cũng mắc chứng bệnh tương tự. Con biết không, mẹ đang ngồi nghĩ về trò ném bóng bắt bóng. Con có biết trò đó không?”

“Con nghĩ là có.”

“Những đứa con trai khác không muốn mẹ chơi vì mẹ là con gái, nhưng Harry nói là nếu họ không cho mẹ chơi, thì anh ấy cũng sẽ không chơi. Mà anh ấy thì được yêu quý lắm. Luôn luôn là người nổi bật nhất. Thế nên bọn họ bảo, mẹ là đứa con gái duy nhất được chơi.”

“Mẹ chơi giỏi không?”

“Mẹ con cực đỉnh”, mẹ cười. Sau đó mẹ dụi một bên mắt. Vẫn cứ là khóc. “Nghe này, mẹ cần nói chuyện với bà Ackerman - bà ấy điều hành chỗ này - và ký một vài giấy tờ. Rồi mẹ sẽ tới phòng của bác và xem xem mẹ có cần mang gì đi luôn không. Chắc cũng không có gì.”

Một cảm giác báo động nảy lên trong người tôi. “Bác ấy vẫn chưa...?”

“Không, con yêu. Họ có một nhà tang lễ ở đây. Ngày mai, mẹ sẽ sắp xếp và đưa bác về New York, rồi... con biết đấy, lo hậu sự.” Mẹ dừng lại. “Jamie này?”

Tôi nhìn mẹ.

“Con không... con không nhìn thấy bác đâu, phải không?”

Tôi cười. “Không đâu, má.”

Mẹ đỡ lấy cằm tôi. “Mẹ đã bảo con bao lần là đừng gọi mẹ như thế rồi? Những tên nhóc nào mới gọi máááá chứ?”

“Cừu con”, tôi đáp, sau đó bổ sung, “Vâng vâng vâng.”

Câu trả lời khiến mẹ bật cười. “Chờ mẹ nhé, con yêu. Sẽ không mất nhiều thời gian đâu.”

Mẹ đi vào bên trong và tôi nhìn về bác Harry, bác chỉ đứng cách tôi chưa tới ba mét. Bác vẫn luôn đứng ở đây, trên người là bộ đồ ngủ bác mặc khi qua đời.

“Hãy, bác Harry”, tôi nói.

Không có hồi đáp. Nhưng bác đang nhìn tôi.

“Bác vẫn bị Alzheimer à?”

“Không.”

“Thế giờ bác ổn rồi à?”

Bác nhìn tôi với một chút xíu hài hước. “Ta cho là vậy, nếu chết vẫn phù hợp với định nghĩa của con về ổn.”

“Mẹ sẽ nhớ bác đấy, bác Harry.”

Không đáp lại, và tôi cũng không mong chờ, vì đó không phải một câu hỏi. Dù tôi đúng là đang có một thắc mắc. Chắc là bác không biết câu trả lời, nhưng người ta vẫn nói là nếu mà không hỏi thì không thể nào biết được.

“Bác có biết bố cháu là ai không?”

“Có.”

“Ai? Là ai thế ạ?”

“Là ta”, bác Harry trả lời.

69

Chuyện sắp hết rồi (tôi nhớ, tôi từng nghĩ là ba mươi trang đã dài lắm rồi!), nhưng chưa hẳn thế, nên đừng bỏ cuộc vội trước khi đọc nốt chỗ này:

Ông bà của tôi - hóa ra là bộ đôi ông bà *duy nhất* của tôi - đã chết trên đường tới dự một bữa tiệc Giáng sinh. Một gã nốc quá đà rượu mừng Giáng sinh đã lao xe đi chệch suốt ba làn đường, trên một tuyến cao tốc bốn làn, và lao thẳng vào đầu xe của ông bà. Gã say rượu sống sót, như lẽ đời vẫn hay vậy. Bác tôi (hóa ra là bố tôi) đang ở New York thì biết tin, khi ấy ông đang tham gia *nhều* bữa tiệc Giáng sinh, bận rộn xã giao với các nhà xuất bản, các biên tập viên và các tác giả. Văn phòng của ông khi ấy vừa mới ra đời, và bác Harry (bố thân yêu!)

giống như một anh chàng sống trong rừng thẳm, nhặt nhạnh những cành cây nhỏ âm ỉ cháy để cố nhóm lên một ngọn lửa đúng nghĩa.

Ông trở về nhà ở Arcola - đó là một thị trấn nhỏ ở Illinois - để lo tang lễ. Sau khi xong việc, một buổi tiếp đón được tổ chức tại gia đình Conklin. Lester và Norma rất được yêu mến, nên nhiều người đã tới thăm hỏi. Một số người mang theo đồ ăn. Một số người thì mang rượu tới - nó đã trở thành cha đỡ đầu cho rất nhiều đứa trẻ. Tia Conklin, khi ấy mới tốt nghiệp đại học chưa lâu và đang đảm nhận công việc đầu đời tại một công ty kế toán, đã uống một lượng ra trò. Và anh trai cô cũng thế. Á à?

Sau khi tất cả mọi người trở về nhà, Harry tìm thấy cô ấy trong phòng của cô, mặc váy lót nằm trên giường, khóc nức nở. Harry nằm xuống cạnh cô, ôm cô vào lòng. Chỉ để an ủi thôi, bạn hiểu mà, nhưng kiểu an ủi này lại dẫn đến kiểu an ủi khác. Chỉ một lần đó thôi, nhưng một lần là đủ, và sáu tuần sau đó, Harry - người đã quay về New York - nhận được một cuộc gọi. Không lâu sau đấy, người mẹ đã mang bầu của tôi gia nhập công ty.

Liệu Văn phòng Đại diện Tác giả Conklin sẽ vẫn thành công trong lĩnh vực cạnh tranh gặt gao này mà không có mẹ, hay mớ cành và lá nho nhỏ của bố/bác tôi sẽ chỉ xèo đi trong làn khói trắng trước khi ông ấy kịp bổ sung những khúc củ to lớn hơn? Khó mà nói được. Khi mọi sự bắt đầu khởi sắc, tôi vẫn còn nằm trong cũi, tè vào bím Pampers và kêu gư gư. Nhưng tôi biết là mẹ rất thạo việc. Nếu không phải thế, văn phòng về sau đã bị sập rồi, khi thị trường tài chính lao dốc.

Để tôi nói cho bạn biết, có một đồng nhằm tương nhằm nhí về con cái của những cặp đôi loạn luân, đặc biệt là khi nói tới con của bố - con gái, và anh trai - em gái. Vâng, có thể có những vấn đề về sức khỏe, và vâng, tỷ lệ những vấn đề đó xảy ra sẽ cao hơn một chút trong trường hợp cận huyết, nhưng phần lớn những đứa trẻ ấy sẽ sinh ra với bộ não thiếu năng, chỉ có một mắt hoặc sở hữu đôi chân khoèo ư? Thông tin rác rưởi. Đúng là tôi tìm ra được rằng, một trong những tật nguyên phổ biến nhất ở các đứa trẻ sinh ra từ các mối quan hệ loạn luân là ngón tay hoặc ngón chân của chúng bị dính liền. Tôi bị sẹo ở ngón trỏ và ngón giữa bàn tay trái, sau một cuộc phẫu thuật để tách ngón tay

hồi tôi vẫn còn là trẻ sơ sinh. Lần đầu tiên tôi hỏi về những vết sẹo ấy - lúc ấy tôi chưa thể lớn hơn bốn hay năm tuổi - mẹ nói rằng các bác sĩ đã xử lý xong xuôi trước khi mẹ đưa tôi từ bệnh viện về nhà. “Để ợt đó mà”, mẹ nói.

Và dĩ nhiên, tôi còn được sinh ra với một thứ khác, thứ này có lẽ liên quan tới sự thật rằng, ngày xưa ngày xưa, khi chìm trong đau buồn và rượu, bố mẹ tôi đã thân mật hơn một chút so với mức bình thường giữa anh trai và em gái. Hoặc là việc nhìn thấy người chết chẳng hề dây dưa gì tới chuyện đó. Một cặp phụ huynh “tông đĩc” vẫn có thể sinh ra một thiên tài ca hát, những người mù chữ vẫn có thể hạ sinh một nhà văn vĩ đại. Đôi khi, tài năng xuất hiện từ thình không, có vẻ là như vậy.

Trừ khi, chờ một chút.

Toàn bộ câu chuyện này chỉ là giả tưởng.

Tôi không biết làm thế nào mà Tia và Harry lại trở thành bố mẹ của một cậu nhóc con khỏe khoắn tên James Lee Conklin, vì tôi chưa bao giờ hỏi cận kề bác Harry cả. Ông có thể nói cho tôi - người chết không thể nói dối, tôi nghĩ là chúng ta đã rất rõ rồi - nhưng mà tôi không muốn biết. Sau

khi ông nói hai tiếng đó - là ta - tôi đã quay người, bước vào trung tâm chăm sóc để tìm mẹ. Ông không đi theo, và tôi không bao giờ nhìn thấy ông nữa. Tôi nghĩ ông sẽ đến lễ tang của mình, hoặc xuất hiện ở buổi lễ tại nghĩa trang, nhưng ông không đến.

Trên đường trở về thành phố (ngồi trên xe buýt, như hồi xưa), mẹ hỏi tôi có vấn đề gì à. Tôi bảo là không có vấn đề gì cả, tôi chỉ đang cố quen với sự thật rằng bác Harry đã thực sự đi mất rồi. “Giống như lúc con bị mất một cái răng sữa vậy”, tôi nói. “Có một cái lỗ trong con và con cứ thấy thiếu thiếu.”

“Mẹ hiểu”, mẹ nói, ôm lấy tôi. “Mẹ cũng thấy thế. Nhưng mẹ không buồn. Mẹ không nghĩ là mẹ sẽ buồn, và đúng là mẹ không buồn. Vì bác ấy vốn đã ra đi từ rất lâu rồi.”

Được ôm thật là tốt. Tôi đã luôn yêu mẹ và tôi vẫn rất yêu mẹ, nhưng hôm đó, tôi đã nói dối mẹ, và không chỉ là nói dối theo kiểu cố tình không nhắc tới. Chuyện này không giống như *mất* một cái răng, tôi thấy nó giống như mọc thêm một cái răng, và không có chỗ cho cái răng này trong mồm của tôi.

Có những chi tiết nhất định khiến câu chuyện tôi vừa kể cho bạn có nhiều khả năng là sự thật. Lester và Norma Conklin đúng là đã bị giết chết bởi một tay lái xe say xỉn, trên đường họ tới dự một bữa tiệc Giáng sinh. Harry đúng là đã quay lại Illinois để lo tang lễ, tôi đã tìm thấy một bản tin trong tờ *Record Herald* của Arcola, cho biết ông là người đọc diếu văn. Tia Conklin đúng là đã bỏ việc để tới New York, trợ giúp anh mình ngay đầu năm sau đó, ở công ty đại diện tác giả mà người anh trai mới mở. Và James Lee Conklin đúng là đã chào đời khoảng chín tháng sau lễ tang, ở bệnh viện Lenox Hill.

Vậy thì, ừ ừ ừ và đúng đúng đúng, mọi sự có thể đúng như những gì tôi đã kể. Khá là logic đấy chứ. Nhưng câu chuyện cũng có thể diễn ra theo một hướng khác, và tôi thì rất không thích cái hướng này. Chẳng hạn như một phụ nữ trẻ đã bị hiếp dâm sau khi uống rượu đến bất tỉnh nhân sự, và kẻ hiếp dâm là gã anh trai say xỉn biến thái của cô ta. Lý do tôi không hỏi cũng đơn giản thôi: tôi không muốn biết. Liệu tôi có bản khoản về việc họ định phá thai hay không? Thịnh thoảng. Tôi có lo rằng, có khi, tôi không chỉ giống bác/bố mỗi hai cái lúm đồng tiền lộ ra khi cười, và tôi lo

những sợi tóc trắng sẽ bắt đầu xuất hiện trên mái đầu đen khi tôi chỉ mới hai mươi hai tuổi? Nói thẳng ra là, liệu tôi có lo rằng mình sẽ bắt đầu mất trí khi mới chỉ chạm mốc ba mươi, hoặc là ba mươi lăm, hoặc là bốn mươi tuổi? Có. Dĩ nhiên là tôi lo rồi. Theo như Internet, bố kiêm bác của tôi bị mắc Alzheimer khởi phát sớm và bệnh này có tính di truyền trong gia đình. Căn bệnh này nằm yên chờ thời trong gen PSEN1 và PSEN2, vì thế ta có thể thực hiện kiểm tra: cho mẫu nước bọt vào ống nghiệm và chờ lấy kết quả. Tôi nghĩ là mình sẽ đi kiểm tra.

Sau này.

Điều buồn cười là - khi xem lại những trang viết này, tôi thấy mình càng viết lại càng khá hơn. Không có ý nói tôi đã chạm tới trình độ của Faulkner hay Updike, tôi đang muốn nói là tôi đã tiến bộ hơn nhờ thực hành, và tôi nghĩ hầu hết mọi chuyện trên đời này đều diễn ra như vậy. Tôi chỉ cần hy vọng rằng tôi sẽ mạnh mẽ và giỏi giang hơn theo những khía cạnh khác nữa, khi tôi gặp lại cái thứ đã chiếm lấy Therriault. Vì tôi sẽ gặp lại nó. Tôi không còn nhìn thấy bóng dáng nó kể từ tối hôm ấy trong căn nhà của Marsden, khi cái thứ mà Liz trông thấy trong gương khiến

cô ta phát điên, nhưng nó vẫn đang đợi. Tôi cảm nhận được. Chính xác là tôi biết chắc, dù cho tôi không biết nó là gì.

Chuyện ấy không quan trọng. Tôi sẽ không sống mà băn khoăn về việc liệu tôi có bị mất trí khi chạm mốc trung niên hay không, và tôi cũng sẽ không sống với ám ảnh về thứ đó treo trên đầu mình. Nó đã khiến đời tôi u ám quá lâu rồi. Tôi là đứa con của một cặp anh em, sự thật này trở nên tầm thường tới đáng cười, khi so sánh với lớp vỏ đen đúa của Therriault, và thứ ánh sáng chết chóc tuôn ra từ những khe nứt trên da thịt của lớp vỏ đó.

Tôi đã đọc thêm rất nhiều trong những năm tiếp theo, kể từ khi thứ ấy đề nghị tôi tái đấu, một lần nữa tiến hành nghi thức Chüd, và tôi cũng đã biết thêm không ít câu chuyện mê tín quái dị và những truyền thuyết kỳ lạ - những thứ sẽ không bao giờ xuất hiện trong các tập sách Roanoke của Regis Thomas hay *Dracula* của Stoker - và dù cho có rất nhiều điều liên quan tới việc ác quỷ chiếm đoạt cơ thể người sống, tôi chưa từng đọc được sinh vật nào có khả năng chiếm lấy người chết. Thứ gần giống nhất mà tôi tìm ra là câu chuyện về những oán linh, mà thực tình là cũng không

hề giống. Vì thế, tôi không hề biết điều mình phải đối mặt là thứ gì. Tất cả những gì tôi biết là tôi phải đương đầu với nó. Tôi sẽ huyết giác gọi, nó sẽ đến, chúng tôi sẽ siết chặt nhau thay vì làm cái trò cắn lưỡi theo nghi thức, và rồi... vậy đấy. Tiếp đó, ta sẽ xem xét sau, phải không?

Vâng, chúng ta sẽ. Chúng ta sẽ xem chuyện diễn biến ra sao.

Sau này.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 - Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

ĐT: 024 62631715; Website: nhaxuatbanthanhnien.vn.

Email: nxbthanhnien1954@gmail.com

Chi nhánh: 145 Pasteur, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 39106962 - 39106963

Sau này

Stephen King

1980 Novel (Hạnh Dung) dịch



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

LÊ THANH HÀ

Biên tập	Nguyễn Tiến Thăng
Vẽ bìa	Mộc Trà
Trình bày	Minh Ngọc
Sửa bản in	Hạnh Dung

In 2000 bản, khổ 13x20.5 cm tại Công ty Cổ phần In và Thương Mại Prima.
Địa chỉ: Số 35, ngõ 93 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Số xác nhận
ĐKXB: 3101-2021/CXBIPH/18-114/TN. Quyết định xuất bản số 1608/QĐ-
NXBTN cấp ngày 22-9-2021. Mã ISBN: 978-604-341-273-4. In xong và
nộp lưu chiểu Quý IV năm 2021.

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THÔNG 1980 BOOKS

Trụ sở chính tại Hà Nội:

20-H2, ngõ 6 Trần Kim Xuyên, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Tel: 0243.7880225 / Fax: 0243.7880225

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

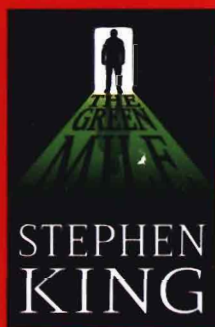
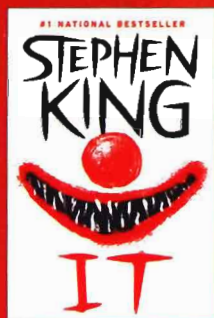
Số 42/35 đường Nguyễn Minh Hoàng, phường 12, Q. Tân Bình, Tp HCM

Tel: 0283.933.3216

Website/link đặt sách: www.1980books.com

Email: rights.1980books@gmail.com

Đón chờ những tác phẩm
sắp được xuất bản của
Stephen King



QUÉT MÃ ĐỂ KHÁM PHÁ SÁCH HAY



SAU NÀY

Về những điều chúng ta luôn chôn giấu và cái giá phải trả khi khai quật bí-mật-không-thể-nói-ra

Jamie Conklin, con trai độc nhất của một bà mẹ đơn thân, chỉ mong sống một cuộc đời bình thường. Thế nhưng, cậu lại không phải là một đứa trẻ bình thường.

Jamie có thể nhìn thấy thứ mà không ai thấy, cũng như biết được những điều đáng ra phải bị chôn giấu mãi mãi. Cái giá của năng lực này nằm ngoài những tưởng tượng điên rồ nhất của Jamie, và cậu chỉ phát hiện ra điều đó khi bị cuốn vào một cuộc rượt đuổi săn-lùng-người-chết, khi kẻ điên cuồng vẫn sẽ giết người dù hấn đã ở dưới mồ.

SAU NÀY

ISBN: 978-604-341-273-4



9 786043 412734 8 936066 692359

Giá: 189.000đ